



Bảng giá thiết bị điện

Electrical Products Pricebook 2025

Price in VND including VAT - Giá bằng VND đã bao gồm VAT

Master
Pricebook

Edition
2025

SIEMENS

Phần 1 Thiết bị phân phối nguồn đầu cuối	Part 1 Low-Voltage Final Distribution	6-23
Cầu dao tự động MCB	Miniature Circuit Breakers	
Cầu dao tự động MCB 5TJ	Miniature circuit breakers MCB 5TJ	8-10 NEW
Cầu dao tự động MCB 5SL6 - 5SL4 - 5SP4	Miniature circuit breakers MCB 5SL6 - 5SL4 - 5SP4	11
Cầu dao tự động MCB 5SY7 - 5SY8	Miniature circuit breakers MCB 5SY7 - 5SY8	12
Cầu dao tự động MCB cho mạng DC 5SY5 - 5SP5	Miniature circuit breakers MCB for DC 5SY5 - 5SP5	13
Phụ kiện điện cho cầu dao tự động MCB	Electrical accessories for Miniature circuit breakers	14
Thiết bị bảo vệ dòng rò	Residual Current Protective Devices	
Cầu dao chống dòng rò RCCB 5TJ7	RCCB 5TJ7	15
Cầu dao chống dòng rò RCBO 5SU9 và RCCB 5SV	RCBO 5SU9 and RCCB 5SV	16 NEW
Tủ điện phân phối nhỏ	Distribution board	
Tủ điện phân phối nhỏ SIMBOX	SIMBOX Distribution boards	17
Thiết bị bảo vệ quá điện áp	Overvoltage Protection Devices	
Thiết bị bảo vệ quá điện áp 5SD74	5SD74 Overvoltage Protection Devices	18
Thiết bị đóng cắt mạch	Switch Devices	
Thiết bị chuyển nguồn tự động 5TR4	Automatic Changeover and Current Limiter 5TR4	19 NEW
Khởi động từ dân dụng 5TT58	Insta contactors 5TT58	20
Bộ ngắt cách ly 5TE3	Switch Disconnecter 5TE3	21
Công tắc điều khiển từ xa 5TT41 - Cầu dao cách ly 5TL1	5TT41 remote control switches - 5TL1 On/Off switches	22
Công tắc định giờ 7LF	Time switches 7LF	23
Phần 2 Thiết bị phân phối nguồn	Part 2 Low-Voltage Power Distribution	24-83
Cầu dao tự động dạng khối MCCB	Molded Case Circuit Breakers	
Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VJ (Ics=75%Icu)	MCCB 3VJ (Ics=75%Icu)	26-30
Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VJ (Ics=100%Icu)	MCCB 3VJ (Ics=100%Icu)	31-35 NEW
Phụ kiện điện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VJ	Accessories for MCCB 3VJ	36-37
Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VM	3VM molded case circuit breakers	38-41
Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VM	3VM molded case circuit breakers accessories	42
Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA1	3VA1 molded case circuit breakers	43-44
Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA2	3VA2 molded case circuit breakers	45
Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA	3VA molded case circuit breakers accessories	46-49
Máy cắt không khí ACB	Air Circuit Breakers	
Máy cắt không khí ACB 3WJ	3WJ Air Circuit Breaker	51
Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WJ	3WJ Air Circuit Breaker Accessories	52-54
Máy cắt không khí ACB 3WT	3WT Air Circuit Breaker	55-56 NEW
Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WT	3WT Air Circuit Breaker Accessories	57-58
Máy cắt không khí ACB 3WA	3WA Air Circuit Breakers	59-62 NEW
Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WA	3WA Air Circuit Breaker Accessories	63-64
Thiết bị chuyển nguồn	On Load Changeover Switches	
Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay 3KJ	3KJ Manual transfer switching equipment (MTSE)	65
Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay (MTSE)	Manual transfer switching equipment (MTSE)	66
Bộ chuyển đổi nguồn từ xa (RTSE)	Remote transfer switching equipment (RTSE)	67
Bộ chuyển đổi nguồn tự động (ATSE)	Automatic transfer switching equipment (ATSE)	68
Bộ điều khiển chuyển đổi nguồn tự động ATC	Transfer control devices ATC	69
Cầu chì và thiết bị ngắt mạch	Fuse Systems and Switch Disconnectors	
Cầu chì ống 3NW	Cylindrical fuse 3NW	70-71
Ruột cầu chì loại LV HRC 3NA	Fuse links LV HRC 3NA	72
Đế cầu chì loại 3NP	3NP Fuse switch disconnecter	73
Thiết bị ngắt mạch có chì 3KF	3KF Switch disconnecter with Fuses	74
Thiết bị ngắt mạch 3KD	3KD switch disconnectors	75
Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát điện năng	Measuring Devices and Power Monitoring Solutions	
Tụ bù	Capacitor	76
Đồng hồ điện đa năng SMART 7KT	SMART 3KT Power Meter	77 NEW
Đồng hồ điện đa năng loại gắn mặt tủ SENTRON 7KT/7KM	Front mounting Multimeter SENTRON 7KT/7KM	78 NEW
Đồng hồ điện đa năng loại gắn trên DIN rail	Standard mounting rail Multimeter	79
Thiết bị giám sát điện năng loại đa kênh	Multi-channel measuring system	80 NEW
Thiết bị giám sát nhiệt độ loại đa kênh	Multi-channel Thermal Monitoring	81 NEW
Biến dòng đo lường 4NC	4NC Current transformers for measuring purposes	82
Powermanager - Phần mềm giám sát điện năng	Powermanager - Power monitoring software	83 NEW

Mục lục	Table of contents	Trang/Page
Phần 3 Thiết bị điều khiển công nghiệp	Part 3 Industrial Controls	84-117
Thiết bị khởi động động cơ	Load Feeders and Motor Starters	
Bảng lựa chọn khởi động trực tiếp	Selection table for DOL	86-89
Bảng lựa chọn khởi động sao/tam giác	Selection tables for star-delta starter	90-91
Cầu dao tự động bảo vệ động cơ	Motor Starter Protectors	
Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3MV8	3MV8 Motor Starter Protectors	92
Phụ kiện cho Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3MV8	Accessories for 3MV8 motor starter protectors	93
Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2	3RV2 Motor Starter Protectors	94-96
Phụ kiện cho Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2	Accessories for 3RV2 motor starter protectors	97
Khởi động từ cho động cơ	Power contactors	
Khởi động từ cho động cơ 3MT7	Contactors 3MT7	98
Phụ kiện rơ-le khởi động từ 3MT7 và 3MH7	Accessories contactor for 3MT7 and 3MH7	99
Khởi động từ cho động cơ 3RT2/2 và 3TF	Contactors 3RT2/1 and 3TF for motor	100-101
Phụ kiện rơ-le khởi động từ 3RT2/2 và 3TF	Accessories contactor for 3RT2/1 and 3TF	102-103
Rơ-le nhiệt	Overload relay	
Rơ-le nhiệt 3MU7	Overload relay 3MU7	104
Rơ-le nhiệt 3RU2/3RU5	Overload relay 3RU2/3RU5	105-106
Rơ-le nhiệt điện tử 3RB	Electronic Overload Relays 3RB	107-108
Phụ kiện rơ-le nhiệt 3RU2/3RB5 và 3RB	Accessories Overload Relay for 3RU2/3RB5 and 3RB	109
Rơ-le khởi động từ	Contactors relay	
Rơ-le khởi động từ 3MH7	Contactors relay 3MH7	110
Rơ-le khởi động từ 3RH2, 3TH và 3TG	Contactors relay 3RH2, 3TH and 3TG	111
Khởi động từ đóng cắt tụ bù	Capacitor Duty contactors	
Khởi động từ đóng cắt tụ bù 3MT7	3MT7 capacitor contactors	112
Khởi động từ cho ứng dụng đặc biệt	Contactors for Special application	
Khởi động từ cho dòng điện lớn 3RT14	3RT14 large contactors for high currents	113
Khởi động từ 3RT23/13 4 cực	3RT23/14 contactors 4-poles	114
Khởi động từ bán dẫn	Solid-State Switching Devices	115
Khởi động từ cho ứng dụng đặc biệt	DP Contactors	116
Khởi động mềm SIRIUS 3RW	SIRIUS 3RW soft starters	
Tổng quan về danh mục khởi động mềm SIRIUS 3RW	SIRIUS 3RW Soft starters Overview	118-119
Khởi động mềm cơ bản 3RW30/3RW40	Basic Performance soft starters 3RW30/3RW40	120-121
Khởi động mềm cơ bản 3RW50	Basic Performance soft starters 3RW50	122
Khởi động mềm phổ thông 3RW52	General Performance soft starters 3RW52	123-124
Khởi động mềm cao cấp 3RW55	High Performance soft starters 3RW55	125
Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo	Commanding and Signaling Devices	
Công tắc, nút nhấn, đèn báo dòng 3SB6	3SB6 lights, push buttons and switches	126-127
Công tắc, nút nhấn, đèn báo dòng 3SU1	3SU1 lights, push buttons and switches	128-129
Nút nhấn, đèn báo dòng 3SU1 gắn hộp	Pushbuttons and indicator lights in the enclosure	130
Đèn tăng báo hiệu 8WD42	7PQ0 Coupling relays	131
Rơ-le trung gian	Coupling relays	
Rơ-le trung gian 7PQ0	7PQ0 Coupling relays	132 NEW
Rơ-le trung gian dòng LZS	LZS coupling relays	133
Rơ-le trung gian LZS RT	LZS RT coupling relays	134
Rơ-le trung gian dòng 3RQ	3RQ coupling relays	135
Thiết bị giám sát và điều khiển	Monitoring and Control Devices	
SIMOCODE pro	SIMOCODE pro	136-139
SIMOCODE M-CP	SIMOCODE M-CP	140-141 NEW
Rơ-le giám sát 7UG0	7UG0 Monitoring Relays	142-143 NEW
Rơ-le giám sát SIRIUS 3UG55, 3UG46	3UG55, 3UG46 Monitoring Relays	144-146
Rơ-le bảo vệ nhiệt động cơ 3RN2	3RN2 Thermistor Motor Protection Relays	147
Rơ-le thời gian 3RP2	3RP2 Timer Relays	148-149 NEW
Rơ-le thời gian 7PV0	7PV0 Timer Relays	150
Rơ-le thời gian 7PV15	7PV15 Timer Relays	151
Công tắc vị trí và an toàn	Position and Safety Switches	
Công tắc vị trí 3SE5	3SE5 Mechanical Position Switches	152-154
Công tắc vị trí và an toàn	Position and Safety Switches	
Rơ-le an toàn 3SK	3SK Safety Relays	155-156

Electrical Product Portfolio

Thiết bị phân phối hạ thế

SINOVA



ACB 3WJ
800-4000A
50/55kA



MCCB 3VJ
0-630A
10-55kA



MCB 5TJ
0-63A
4.5/6/10kA



RCCB 5TJ7
0-63A



ACB 3WT8
630-4000A
55/66/85kA



ACB 3WA
630-6300A
42-150kA



MCCB 3VM
0-630A
16-55kA

SENTRON



MCCB 3VA1
16-1000A
25-110kA



MCCB 3VA2
16-1250A
55-150kA



MCB 5SL
0.3-63A
6/10kA



MCCB 5SY7/8
0.3-63A
15/25kA



MCB 5SP
80-125A
10kA



RCCB 5SV3/4/5
16-80A
RCCB 5SM3
100-125A



RCBO 5SU1/9, 5SV1/9
2-63A
4.5/6/10kA

Thiết bị chống sét và dao cách ly



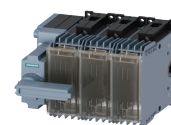
Chống sét SPD 5SD
Type 1, 2, 1+2, 3, PV



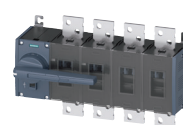
Cầu chì 3NW
2-100A



Dao cách ly có cầu chì
3NP, 100-630A



Dao cách ly có cầu chì
3KF, 32-800A

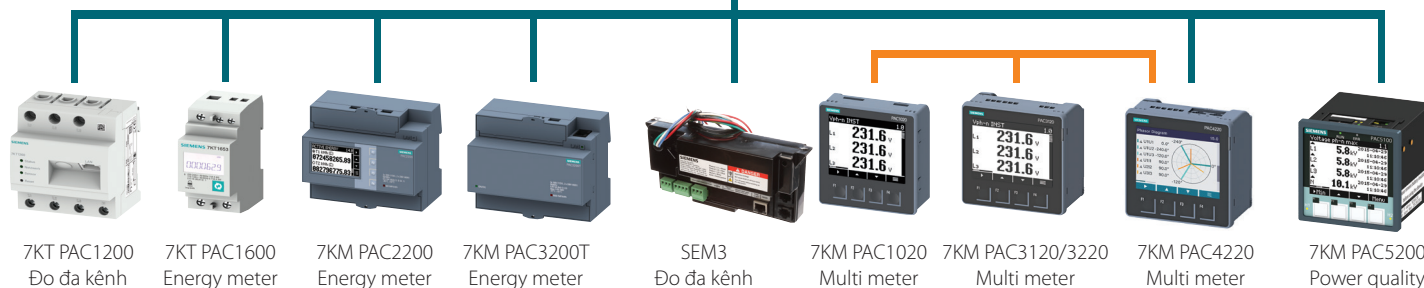


Dao cách ly
3KD tới 1600A

Hệ thống giám sát năng lượng (PMS)



SENTRON
Power manager



7KT PAC1200
Đo đa kênh

7KT PAC1600
Energy meter

7KM PAC2200
Energy meter

7KM PAC3200T
Energy meter

SEM3
Đo đa kênh

7KM PAC1020
Multi meter

7KM PAC3120/3220
Multi meter

7KM PAC4220
Multi meter

7KM PAC5200
Power quality

Đồng hồ SINOVA SMART 7KT

Multi-function Meter



7KT0311
Class 0.5
LCD, Modbus



7KT0310
Class 1
LCD, Modbus



7KT0308
Class 1
LED, Modbus



7KT0307
Class 1
LED, Modbus



7KT0110
Class 1 (U, I)
LED



7KT0120
Class 1 (U, I, f)
LED



7KT0210
Class 1
LCD, Modbus

Discrete panel Meter

Thiết bị điện dân dụng



Công tắc tơ dân dụng 5TT58



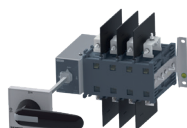
Bộ chuyển nguồn tự động 5TR4



Bộ cách ly 5TE 25-125A

Thiết bị và bộ điều khiển chuyển nguồn

Chuyển nguồn bằng tay (MTSE)



SINOVA 3KJ



3KC0, 16-1600A



3KC0, 200-1600A

Chuyển nguồn từ xa (RTSE)



3KC3, 40-160A



3KC4, 250-3200A

Bộ điều khiển chuyển nguồn



ATC3100



ATC6300

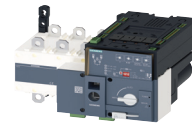


ATC6500

Chuyển nguồn tự động (ATSE)



3KC6, 40-160A



3KC8, 250-3200A

Thiết bị điều khiển trong công nghiệp

SINOVA



MSP 3MV8 tới 52A



Công tắc tơ cho động cơ 3MT7, tới 400A



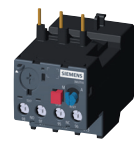
Rơ le công tắc tơ 3MH7, 4/8 poles



Công tắc tơ cho tụ bù 3MT7, tới 100kVAR



DP Contactor 42.J/45.J 1-3 cực, tới 40A cho tải AC-8a (HVAC)



Rơ le nhiệt 3MU7 tới 500A

SIRIUS



MSP 3RV2 tới 100A



Công tắc tơ cho động cơ 3RT2/1, tới 500A



Rơ le công tắc tơ 3RH2, 4/8 poles



Công tắc tơ cho tụ bù 3RT26, tới 100kVAR



Công tắc tơ lớn 3RT14 cho tải AC-1, tới 2650A



Rơ le nhiệt 3RU2/5 tới 500A

Khởi động mềm



Ứng dụng cơ bản 3RW30/40 1.5-45kW



Ứng dụng cơ bản 3RW50 75-315kW



Ứng dụng trung cấp 3RW52 5.5-315/560kW



Ứng dụng cao cấp 3RW55 5.5-710/1200kW

Thiết bị tín hiệu và rơ le an toàn



Đèn báo, nút ấn, khóa chuyển mạch... 3SU1/3SB6 công tắc vị trí 3SE5



Rơ le an toàn 3SK1/3SK2



Rơ le giám sát
- Dòng điện 3RR21/22, 3UG46
- Điện áp 3UG45/46
- Mức 3UG45, tốc độ 3UG46
- Nhiệt độ 3RN1, 3RS1/3



Rơ le giám sát 7UG0



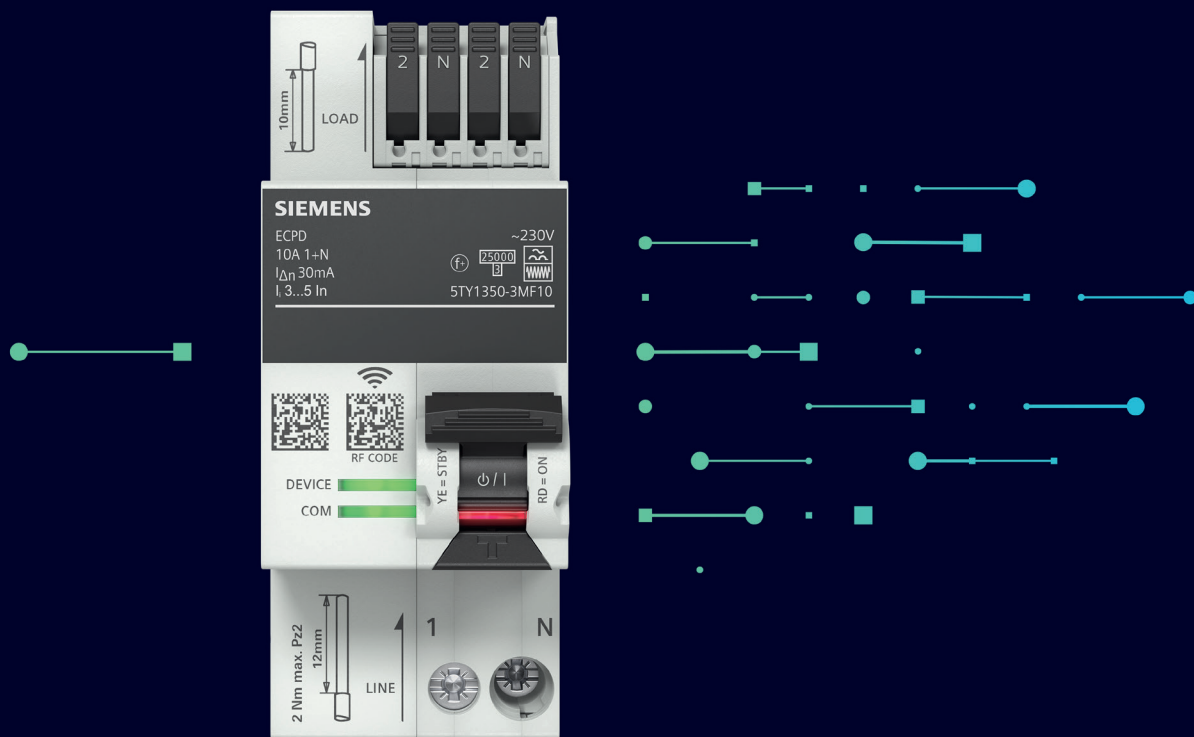
Thiết bị điều khiển và bảo vệ động cơ SIMOCODE

Giám sát và điều khiển động cơ



Final Distribution

Phần 1: Thiết bị phân phối điện đầu cuối



SENTRON ECPD

Experience a new dimension
in circuit protection technology

The SENTRON ECPD (electronic circuit protection device) is one of the first of its kind in the world with electronic switching. Its impressive features include ultra-fast switching, flexible parameterization, and a wide range of functions. The smart circuit protection device simplifies your electrical planning, helps you save resources, and optimally supports power distribution system operation.

www.siemens.com/ECPD

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

1P, 2P, 3P, 4P MCBs control and protect circuits against overload and short-circuit faults
Breaking capacity Icn/Icu 4.5kA
Tripping characteristic C
For residential or commercial building and Industry
Standard **IEC 60898-1** or **IEC 60947-2**

Miniature circuit breakers MCB 5TJ3 Cầu dao tự động MCB 5TJ3

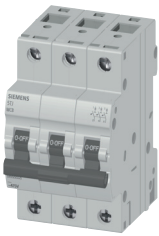
Cầu dao MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng đóng cắt mạch điện, bảo vệ quá tải và ngắn mạch
Dòng cắt 4.5kA 5TJ3
Đường đặc tuyến loại C
Dùng trong lưới điện dân dụng, tòa nhà và công nghiệp
Tiêu chuẩn **IEC 60898-1** hoặc **IEC 60947-2**



MCB 5TJ 1P



MCB 5TJ 2P



MCB 5TJ 3P



MCB 5TJ 4P

MCB 5TJ3 - 1P, 2P, 3P, 4P - 4.5kA, đặc tuyến C, tiêu chuẩn IEC 60898-1

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	1P 240/415V AC		2P 415V AC	
6A	5TJ3106-7	99,000	5TJ3206-7	286,000
10A	5TJ3110-7	99,000	5TJ3210-7	286,000
16A	5TJ3116-7	99,000	5TJ3216-7	286,000
20A	5TJ3120-7	99,000	5TJ3220-7	286,000
25A	5TJ3125-7	99,000	5TJ3225-7	286,000
32A	5TJ3132-7	99,000	5TJ3232-7	286,000
40A	5TJ3140-7	147,000	5TJ3240-7	286,000
50A	5TJ3150-7	237,000	5TJ3250-7	477,000
63A	5TJ3163-7	237,000	5TJ3263-7	477,000
	3P 415V AC		4P 415V AC	
6A	5TJ3306-7	510,000	5TJ3406-7	721,000
10A	5TJ3310-7	510,000	5TJ3410-7	721,000
16A	5TJ3316-7	510,000	5TJ3416-7	721,000
20A	5TJ3320-7	510,000	5TJ3420-7	721,000
25A	5TJ3325-7	510,000	5TJ3425-7	721,000
32A	5TJ3332-7	510,000	5TJ3432-7	721,000
40A	5TJ3340-7	510,000	5TJ3440-7	721,000
50A	5TJ3350-7	763,000	5TJ3450-7	1,076,000
63A	5TJ3363-7	763,000	5TJ3463-7	1,076,000

MCB 5TJ3 - 1P, 2P, 3P, 4P - 4.5kA, đặc tuyến C, tiêu chuẩn IEC 60947-2

NEW

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	1P 240/415V AC		2P 415V AC	
6A	5TJ3106-4	578,000	5TJ3206-4	1,631,000
10A	5TJ3110-4	578,000	5TJ3210-4	1,631,000
16A	5TJ3116-4	578,000	5TJ3216-4	1,631,000
20A	5TJ3120-4	578,000	5TJ3220-4	1,631,000
25A	5TJ3125-4	578,000	5TJ3225-4	1,631,000
32A	5TJ3132-4	578,000	5TJ3232-4	1,631,000
40A	5TJ3140-4	868,000	5TJ3240-4	2,448,000
50A	5TJ3150-4	1,223,000	5TJ3250-4	3,415,000
63A	5TJ3163-4	1,223,000	5TJ3263-4	3,415,000
	3P 415V AC		4P 415V AC	
6A	5TJ3306-4	2,323,000	5TJ3406-4	3,261,000
10A	5TJ3310-4	2,323,000	5TJ3410-4	3,261,000
16A	5TJ3316-4	2,323,000	5TJ3416-4	3,261,000
20A	5TJ3320-4	2,323,000	5TJ3420-4	3,261,000
25A	5TJ3325-4	2,323,000	5TJ3425-4	3,261,000
32A	5TJ3332-4	2,323,000	5TJ3432-4	3,261,000
40A	5TJ3340-4	3,465,000	5TJ3440-4	4,880,000
50A	5TJ3350-4	4,880,000	5TJ3450-4	6,828,000
63A	5TJ3363-4	4,880,000	5TJ3463-4	6,828,000

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

1P, 2P, 3P, 4P MCBs control and protect circuits against overload and short-circuit faults
Breaking capacity Icn 6kA 5TJ6, 10kA 5TJ4
Tripping characteristic B, C
For residential or commercial building
Standard **IEC 60898-1**

Miniature circuit breakers MCB 5TJ6 - 5TJ4 Cầu dao tự động MCB 5TJ6 - 5TJ4

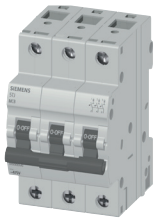
Cầu dao MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng đóng cắt mạch điện, bảo vệ quá tải và ngắn mạch
Dòng cắt 6kA 5TJ6, 10kA 5TJ4
Đường cong loại B, C
Dùng trong lưới điện dân dụng & tòa nhà
Tiêu chuẩn **IEC 60898-1**



MCB 5TJ 1P



MCB 5TJ 2P



MCB 5TJ 3P



MCB 5TJ 4P

Miniature Circuit Breaker - Cầu dao tự động MCB 5TJ6 - 1P, 2P, 3P, 4P - 6kA, đặc tuyến C

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1P 240/415V AC			2P 415V AC	
6A	5TJ6106-7	196,000	5TJ6206-7	544,000
10A	5TJ6110-7	196,000	5TJ6210-7	544,000
16A	5TJ6116-7	196,000	5TJ6216-7	544,000
20A	5TJ6120-7	196,000	5TJ6220-7	544,000
25A	5TJ6125-7	196,000	5TJ6225-7	544,000
32A	5TJ6132-7	196,000	5TJ6232-7	544,000
40A	5TJ6140-7	239,000	5TJ6240-7	652,000
50A	5TJ6150-7	288,000	5TJ6250-7	911,000
63A	5TJ6163-7	288,000	5TJ6263-7	911,000
3P 415V AC			4P 415V AC	
6A	5TJ6306-7	887,000	5TJ6406-7	1,375,000
10A	5TJ6310-7	887,000	5TJ6410-7	1,375,000
16A	5TJ6316-7	887,000	5TJ6416-7	1,375,000
20A	5TJ6320-7	887,000	5TJ6420-7	1,375,000
25A	5TJ6325-7	887,000	5TJ6425-7	1,375,000
32A	5TJ6332-7	887,000	5TJ6432-7	1,375,000
40A	5TJ6340-7	1,006,000	5TJ6440-7	1,905,000
50A	5TJ6350-7	1,278,000	5TJ6450-7	1,905,000
63A	5TJ6363-7	1,278,000	5TJ6463-7	1,905,000

Miniature Circuit Breaker - Cầu dao tự động MCB 5TJ4 - 1P, 2P, 3P, 4P - 10kA, đặc tuyến C

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1P 240/415V AC			2P 415V AC	
6A	5TJ4106-7	440,000	5TJ4206-7	1,395,000
10A	5TJ4110-7	440,000	5TJ4210-7	1,395,000
16A	5TJ4116-7	440,000	5TJ4216-7	1,395,000
20A	5TJ4120-7	440,000	5TJ4220-7	1,395,000
25A	5TJ4125-7	440,000	5TJ4225-7	1,395,000
32A	5TJ4132-7	531,000	5TJ4232-7	1,478,000
40A	5TJ4140-7	531,000	5TJ4240-7	1,674,000
50A	5TJ4150-7	751,000	5TJ4250-7	2,471,000
63A	5TJ4163-7	751,000	5TJ4263-7	2,471,000
3P 415V AC			4P 415V AC	
6A	5TJ4306-7	2,106,000	5TJ4406-7	3,183,000
10A	5TJ4310-7	2,106,000	5TJ4410-7	3,183,000
16A	5TJ4316-7	2,106,000	5TJ4416-7	3,183,000
20A	5TJ4320-7	2,106,000	5TJ4420-7	3,183,000
25A	5TJ4325-7	2,106,000	5TJ4425-7	3,178,000
32A	5TJ4332-7	2,106,000	5TJ4432-7	3,580,000
40A	5TJ4340-7	2,471,000	5TJ4440-7	4,035,000
50A	5TJ4350-7	3,478,000	5TJ4450-7	5,371,000
63A	5TJ4363-7	3,478,000	5TJ4463-7	5,371,000

Với các đường đặc tuyến khác, vui lòng liên hệ Siemens

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

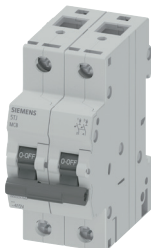
1P, 2P, 3P, 4P MCBs control and protect circuits against overload and short-circuit faults
Breaking capacity Icu 6kA 5TJ6, 10kA 5TJ4
Tripping characteristic C
For residential or commercial building and Industry
Standard **IEC 60947-2 & IEC 60898-1**

Miniature circuit breakers MCB 5TJ6 - 5TJ4 Cầu dao tự động MCB 5TJ6 - 5TJ4

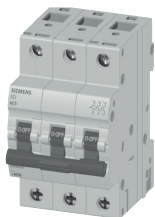
Cầu dao MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng đóng cắt mạch điện, bảo vệ quá tải và ngắn mạch
Dòng cắt 6kA 5TJ6, 10kA 5TJ4
Đường cong loại C
Dùng trong lưới điện dân dụng, tòa nhà và công nghiệp
Tiêu chuẩn **IEC 60947-2 & IEC 60898-1**



MCB 5TJ 1P



MCB 5TJ 2P



MCB 5TJ 3P



MCB 5TJ 4P

Miniature Circuit Breaker - Cầu dao tự động MCB 5TJ6 - 1P, 2P, 3P, 4P - 6kA, đặc tuyến C

NEW

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1P 240/415V AC			2P 415V AC	
6A	5TJ6106-4	449,000	5TJ6206-4	1,410,000
10A	5TJ6110-4	449,000	5TJ6210-4	1,410,000
16A	5TJ6116-4	449,000	5TJ6216-4	1,410,000
20A	5TJ6120-4	449,000	5TJ6220-4	1,410,000
25A	5TJ6125-4	449,000	5TJ6225-4	1,410,000
32A	5TJ6132-4	449,000	5TJ6232-4	1,410,000
40A	5TJ6140-4	750,000	5TJ6240-4	2,125,000
50A	5TJ6150-4	1,058,000	5TJ6250-4	2,952,000
63A	5TJ6163-4	1,058,000	5TJ6263-4	2,952,000
3P 415V AC			4P 415V AC	
6A	5TJ6306-4	2,008,000	5TJ6406-4	2,814,000
10A	5TJ6310-4	2,008,000	5TJ6410-4	2,814,000
16A	5TJ6316-4	2,008,000	5TJ6416-4	2,814,000
20A	5TJ6320-4	2,008,000	5TJ6420-4	2,814,000
25A	5TJ6325-4	2,008,000	5TJ6425-4	2,814,000
32A	5TJ6332-4	2,008,000	5TJ6432-4	2,814,000
40A	5TJ6340-4	3,010,000	5TJ6440-4	4,211,000
50A	5TJ6350-4	4,211,000	5TJ6450-4	5,901,000
63A	5TJ6363-4	4,211,000	5TJ6463-4	5,901,000

Miniature Circuit Breaker - Cầu dao tự động MCB 5TJ4 - 1P, 2P, 3P, 4P - 10kA, đặc tuyến C

NEW

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1P 240/415V AC			2P 415V AC	
6A	5TJ4106-4	798,000	5TJ4206-4	2,263,000
10A	5TJ4110-4	798,000	5TJ4210-4	2,263,000
16A	5TJ4116-4	798,000	5TJ4216-4	2,263,000
20A	5TJ4120-4	798,000	5TJ4220-4	2,263,000
25A	5TJ4125-4	798,000	5TJ4225-4	2,263,000
32A	5TJ4132-4	798,000	5TJ4232-4	2,263,000
40A	5TJ4140-4	1,210,000	5TJ4240-4	3,415,000
50A	5TJ4150-4	1,698,000	5TJ4250-4	4,730,000
63A	5TJ4163-4	1,698,000	5TJ4263-4	4,730,000
3P 415V AC			4P 415V AC	
6A	5TJ4306-4	3,214,000	5TJ4406-4	4,553,000
10A	5TJ4310-4	3,214,000	5TJ4410-4	4,553,000
16A	5TJ4316-4	3,214,000	5TJ4416-4	4,553,000
20A	5TJ4320-4	3,214,000	5TJ4420-4	4,553,000
25A	5TJ4325-4	3,214,000	5TJ4425-4	4,553,000
32A	5TJ4332-4	3,214,000	5TJ4432-4	4,553,000
40A	5TJ4340-4	4,833,000	5TJ4440-4	6,753,000
50A	5TJ4350-4	6,753,000	5TJ4450-4	9,508,000
63A	5TJ4363-4	6,753,000	5TJ4463-4	9,508,000

Với các đường đặc tuyến khác, vui lòng liên hệ Siemens

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

1P, 2P, 3P, 4P MCBs control and protect circuits against overload and short-circuit faults
Breaking capacity Icn 6kA 5SL6, 10kA 5SL4
Tripping characteristic B, C (5SL6) and B, C, D (5SL4/5SP4)
For residential or commercial building or Industry
Standard IEC / EN 60898-1

Miniature circuit breakers MCB 5SL6 - 5SL4 - 5SP4 Cầu dao tự động MCB 5SL6 - 5SL4 - 5SP4

Cầu dao MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng đóng cắt mạch điện, bảo vệ quá tải và ngắn mạch
Dòng cắt Icn 6kA 5SL6 và 10kA 5SL4/5SP4
Đường cong loại B, C (5SL6) và B, C, D (5SL4/5SP4)
Dùng trong lưới điện dân dụng & tòa nhà & công nghiệp
Tiêu chuẩn IEC / EN 60898-1



MCB 5SL 1P



MCB 5SL 2P



MCB 5SL 3P



MCB 5SL 4P



MCB 5SY 1P



MCB 5SY 2P

Cầu dao tự động MCB 5SL6 - 1P, 2P, 3P, 4P - 6kA - đặc tuyến C

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	1P 230/400V AC		2P 400V AC	
6A	5SL6106-7CC	274,000	5SL6206-7CC	755,000
10A	5SL6110-7CC	274,000	5SL6210-7CC	755,000
16A	5SL6116-7CC	274,000	5SL6216-7CC	755,000
20A	5SL6120-7CC	274,000	5SL6220-7CC	755,000
25A	5SL6125-7CC	274,000	5SL6225-7CC	755,000
32A	5SL6132-7CC	327,000	5SL6232-7CC	828,000
40A	5SL6140-7CC	328,000	5SL6240-7CC	898,000
50A	5SL6150-7CC	466,000	5SL6250-7CC	1,341,000
63A	5SL6163-7CC	466,000	5SL6263-7CC	1,341,000
	3P 400V AC		4P 400V AC	
6A	5SL6306-7CC	1,144,000	5SL6406-7CC	1,700,000
10A	5SL6310-7CC	1,144,000	5SL6410-7CC	1,700,000
16A	5SL6316-7CC	1,144,000	5SL6416-7CC	1,700,000
20A	5SL6320-7CC	1,144,000	5SL6420-7CC	1,700,000
25A	5SL6325-7CC	1,144,000	5SL6425-7CC	1,776,000
32A	5SL6332-7CC	1,144,000	5SL6432-7CC	1,942,000
40A	5SL6340-7CC	1,341,000	5SL6440-7CC	2,194,000
50A	5SL6350-7CC	1,886,000	5SL6450-7CC	2,912,000
63A	5SL6363-7CC	1,886,000	5SL6463-7CC	2,912,000

Cầu dao tự động MCB 5SL4/5SP4 - 1P, 2P, 3P, 4P - 10kA - đặc tuyến C

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	1P 230/400V AC		2P 400V AC	
6A	5SL4106-7CC	433,000	5SL4206-7CC	1,434,000
10A	5SL4110-7CC	433,000	5SL4210-7CC	1,434,000
16A	5SL4116-7CC	433,000	5SL4216-7CC	1,434,000
20A	5SL4120-7CC	433,000	5SL4220-7CC	1,434,000
25A	5SL4125-7CC	433,000	5SL4225-7CC	1,627,000
32A	5SL4132-7CC	444,000	5SL4232-7CC	1,627,000
40A	5SL4140-7CC	522,000	5SL4240-7CC	1,790,000
50A	5SL4150-7CC	670,000	5SL4250-7CC	2,427,000
63A	5SL4163-7CC	726,000	5SL4263-7CC	2,427,000
80A	5SP4180-7	(*)	5SP4280-7	(*)
100A	5SP4191-7	(*)	5SP4291-7	(*)
125A	5SP4192-7	(*)	5SP4292-7	(*)
	3P 400V AC		4P 400V AC	
6A	5SL4306-7CC	2,222,000	5SL4406-7CC	3,072,000
10A	5SL4310-7CC	2,222,000	5SL4410-7CC	3,072,000
16A	5SL4316-7CC	2,222,000	5SL4416-7CC	3,072,000
20A	5SL4320-7CC	2,222,000	5SL4420-7CC	3,171,000
25A	5SL4325-7CC	2,435,000	5SL4425-7CC	3,459,000
32A	5SL4332-7CC	2,435,000	5SL4432-7CC	3,459,000
40A	5SL4340-7CC	2,715,000	5SL4440-7CC	4,051,000
50A	5SL4350-7CC	3,720,000	5SL4450-7CC	4,957,000
63A	5SL4363-7CC	3,720,000	5SL4463-7CC	4,957,000
80A	5SP4380-7	(*)	5SP4480-7	(*)
100A	5SP4391-7	(*)	5SP4491-7	(*)
125A	5SP4392-7	(*)	5SP4492-7	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

1P, 2P, 3P, 4P MCBs control and protect circuits against overload and short-circuit faults
Breaking capacity Icn 15kA 5SY7, 25kA 5SY8
Tripping characteristic B, C, D (5SY7) and C, D (5SY8)
For residential or industrial applications
Standards IEC / EN 60898-1, IEC / EN 60947-2

Miniature circuit breakers MCB 5SY7 - 5SY8 Cầu dao tự động MCB 5SY7 - 5SY8

Cầu dao MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng đóng cắt mạch điện, bảo vệ quá tải và ngắn mạch
Dòng cắt cao Icn 15kA 5SY7 và 25kA 5SY8
Đường cong loại B, C, D (5SY7) và C, D (5SY8)
Dùng trong lưới điện dân dụng & công nghiệp
Tiêu chuẩn IEC / EN 60898-1, IEC / EN 60947-2



MCB 5SY 1P



MCB 5SY 2P



MCB 5SY 3P



MCB 5SY 4P

Cầu dao tự động MCB 5SY7 - 1P, 2P, 3P, 4P - 15kA - đặc tuyến C

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1P 230/400V AC			2P 400V AC	
6A	5SY7106-7CC	786,000	5SY7206-7CC	2,136,000
8A	5SY7108-7CC	786,000	5SY7208-7CC	2,136,000
10A	5SY7110-7CC	786,000	5SY7210-7CC	2,136,000
16A	5SY7116-7CC	786,000	5SY7216-7CC	2,136,000
20A	5SY7120-7CC	814,000	5SY7220-7CC	2,136,000
25A	5SY7125-7CC	814,000	5SY7225-7CC	2,136,000
32A	5SY7132-7CC	882,000	5SY7232-7CC	2,284,000
40A	5SY7140-7CC	1,010,000	5SY7240-7CC	2,494,000
50A	5SY7150-7CC	1,300,000	5SY7250-7CC	2,994,000
63A	5SY7163-7CC	1,419,000	5SY7263-7CC	3,408,000
3P 400V AC			4P 400V AC	
6A	5SY7306-7CC	2,802,000	5SY7406-7CC	4,163,000
8A	5SY7308-7CC	2,802,000	5SY7408-7CC	4,163,000
10A	5SY7310-7CC	2,802,000	5SY7410-7CC	4,163,000
16A	5SY7316-7CC	2,802,000	5SY7416-7CC	4,163,000
20A	5SY7320-7CC	2,802,000	5SY7420-7CC	4,197,000
25A	5SY7325-7CC	3,095,000	5SY7425-7CC	4,197,000
32A	5SY7332-7CC	3,095,000	5SY7432-7CC	4,550,000
40A	5SY7340-7CC	3,520,000	5SY7440-7CC	5,100,000
50A	5SY7350-7CC	4,620,000	5SY7450-7CC	6,262,000
63A	5SY7363-7CC	4,856,000	5SY7463-7CC	6,716,000

Cầu dao tự động MCB 5SY8 - 1P, 2P, 3P, 4P - 25kA - đặc tuyến C

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1P 230/400V AC			2P 400V AC	
6A	5SY8106-7	1,249,000	5SY8206-7	3,468,000
8A	5SY8108-7	1,249,000	5SY8208-7	3,468,000
10A	5SY8110-7	1,231,000	5SY8210-7	3,339,000
16A	5SY8116-7	1,231,000	5SY8216-7	3,339,000
20A	5SY8120-7	1,276,000	5SY8220-7	3,339,000
25A	5SY8125-7	1,276,000	5SY8225-7	3,339,000
32A	5SY8132-7	1,381,000	5SY8232-7	3,571,000
40A	5SY8140-7	1,580,000	5SY8240-7	4,340,000
50A	5SY8150-7	2,034,000	5SY8250-7	5,192,000
63A	5SY8163-7	2,217,000	5SY8263-7	6,023,000
3P 400V AC			4P 400V AC	
6A	5SY8306-7	4,968,000	5SY8406-7	6,873,000
8A	5SY8308-7	4,968,000	5SY8408-7	6,873,000
10A	5SY8310-7	4,382,000	5SY8410-7	6,508,000
16A	5SY8316-7	4,382,000	5SY8416-7	6,508,000
20A	5SY8320-7	4,382,000	5SY8420-7	6,561,000
25A	5SY8325-7	4,839,000	5SY8425-7	6,561,000
32A	5SY8332-7	4,968,000	5SY8432-7	7,111,000
40A	5SY8340-7	6,206,000	5SY8440-7	8,640,000
50A	5SY8350-7	7,482,000	5SY8450-7	10,444,000
63A	5SY8363-7	8,640,000	5SY8463-7	12,147,000

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

1P, 2P, 3P, 4P MCBs control and protect
DC circuits against overload and short-circuit faults
Breaking capacity Icu 10kA
Tripping characteristic C
For residential or industrial applications
Standards IEC / EN 60947-2

Miniature circuit breakers MCB for DC 5SY5, 5SP5 Cầu dao tự động MCB cho mạng DC 5SY5, 5SP5

Cầu dao MCB 1P, 2P, 3P, 4P dùng đóng cắt mạch điện,
bảo vệ quá tải và ngắn mạch chuyên dụng cho mạng điện DC
Dòng cắt 10kA
Đường cong loại C
Dùng trong lưới điện dân dụng & công nghiệp
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2

Cầu dao tự động MCB DC 5SY5 1P, 2P, 4P 10kA | 5SP5 1P, 2P 10kA

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	MCB 5SY5 - 1P 220VDC			MCB 5SY5 - 2P 440VDC		
0.3 A	5SY5114-7CC	1,465,000	5SY5214-7CC	4,099,000	5SY5414-7CC	8,216,000
0.5 A	5SY5105-7CC	1,465,000	5SY5205-7CC	4,099,000	5SY5405-7CC	8,216,000
1 A	5SY5101-7CC	1,465,000	5SY5201-7CC	4,099,000	5SY5401-7CC	8,216,000
1.6 A	5SY5115-7CC	1,465,000	5SY5215-7CC	4,099,000	5SY5415-7CC	8,216,000
2 A	5SY5102-7CC	1,644,000	5SY5202-7CC	3,204,000	5SY5402-7CC	8,216,000
3 A	5SY5103-7CC	1,644,000	5SY5203-7CC	3,204,000	5SY5403-7CC	8,216,000
4 A	5SY5104-7CC	1,644,000	5SY5204-7CC	3,058,000	5SY5404-7CC	8,216,000
6A	5SY5106-7CC	1,644,000	5SY5206-7CC	3,005,000	5SY5406-7CC	8,216,000
8A	5SY5108-7CC	1,465,000	5SY5208-7CC	4,099,000	5SY5408-7CC	8,216,000
10A	5SY5110-7CC	1,307,000	5SY5210-7CC	2,786,000	5SY5410-7CC	6,873,000
13A	5SY5113-7CC	1,224,000	5SY5213-7CC	3,437,000	5SY5413-7CC	6,873,000
16A	5SY5116-7CC	1,307,000	5SY5216-7CC	2,943,000	5SY5416-7CC	6,873,000
20A	5SY5120-7CC	1,307,000	5SY5220-7CC	2,943,000	5SY5420-7CC	6,873,000
25A	5SY5125-7CC	1,375,000	5SY5225-7CC	3,024,000	5SY5425-7CC	6,873,000
32A	5SY5132-7CC	1,375,000	5SY5232-7CC	3,024,000	5SY5432-7CC	8,216,000
40A	5SY5140-7CC	1,375,000	5SY5240-7CC	3,776,000	5SY5440-7CC	10,245,000
50A	5SY5150-7CC	1,649,000	5SY5250-7CC	4,559,000	5SY5450-7CC	12,292,000
63A	5SY5163-7CC	1,980,000	5SY5263-7CC	5,302,000	5SY5463-7CC	14,365,000
	MCB 5SP5 - 1P 220VDC			MCB 5SP5 - 2P 440VDC		
80A	5SP5180-7CC	(*)	5SP5280-7CC	(*)	-	-
100A	5SP5191-7CC	(*)	5SP5291-7CC	(*)	-	-
125A	5SP5192-7CC	(*)	5SP5292-7CC	(*)	-	-



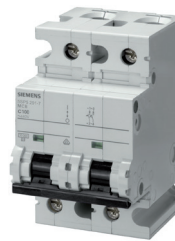
MCB 5SY 1P



MCB 5SY 2P



MCB 5SP 1P



MCB 5SP 2P



MCB 5SY 4P

Miniature Circuit Breakers Cầu dao tự động MCB

Electrical accessories for MCB 5SL, 5SY, 5SP4
such as Auxiliary switches, Fault signal contacts,
Shunt trip, Undervoltage releases, RC units...

Electrical accessories for Miniature circuit breakers Phụ kiện điện cho cầu dao tự động MCB

Phụ kiện điện như tiếp điểm phụ, tiếp điểm báo lỗi, cuộn cắt,
cuộn cắt thấp áp, bảo vệ dòng rò...cho MCB 5SL, 5SY, 5SP4



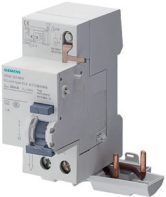
5ST3010-0CC



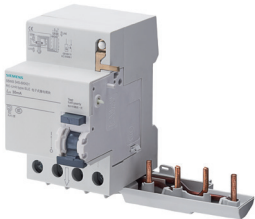
5ST3020-0CC



5ST3030



5SM9323-0



5SM9343-0

Electrical auxiliaries for MCB 5SL, 5SY, 5SP4 - Phụ kiện điện cho MCB 5SL, 5SY, 5SP4

Type Chủng loại	Contact Tiếp điểm	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switches (AS) Tiếp điểm phụ	1NO+1NC		5ST3010-0CC	825,000
	2NO		5ST3011-0CC	825,000
	2NC		5ST3012-0CC	825,000
Fault signal contacts (FC) Tiếp điểm báo lỗi	1NO+1NC		5ST3020-0CC	971,000
	2NO		5ST3021-0CC	971,000
	2NC		5ST3022-0CC	971,000
Auxiliary switches and fault signal contacts (AS+FC) Tiếp điểm trạng thái và báo lỗi	1 CO (AS) + 1 CO (FC)		5ST3062	3,428,000
Shunt trip (ST) (for 5SY, 5SP, 5SL4 only) Phụ kiện cắt MCB (chỉ dùng cho 5SP, 5SY, 5SL4)		110 ... 415 V AC	5ST3030	3,372,000
		24 ... 48 V AC/DC	5ST3031	3,372,000
		12 V AC/DC	5ST3031-0XX01	3,720,000
Undervoltage releases (UR) (for 5SY, 5SP, 5SL4 only) Phụ kiện cắt thấp áp MCB (chỉ dùng cho 5SP, 5SY, 5SL4)		230 V AC	5ST3040	6,729,000
		110 V DC	5ST3041	6,729,000
		24 V DC	5ST3042	6,729,000
Remote controlled mechanism Phụ kiện điều khiển MCB từ xa		12 ... 30 V AC, 12 ... 48 V DC	5ST3053	14,802,000
		177 ... 270 V AC	5ST3054	18,979,000
5SM6 arc fault detection devices (AFDD) Thiết bị chống cháy trên đường nguồn	Use with - Dùng với MCB 5SL60 2-pole	Rated current Ie Up to 16 A	5SM6011-2	(*)
		Up to 40 A	5SM6014-2	(*)
	5SY, 5SL4 (1P+N devices only)	Up to 16 A	5SM6021-2	(*)
		Up to 40 A	5SM6024-2	(*)

RC unit type AC for MCB 5SL4 and 5SY - Phụ kiện bảo vệ dòng rò loại AC cho MCB 5SL4 và 5SY

Poles Số cực	Sensitivity Độ nhạy	Rating (A) Dòng điện	For 5SL4 - Cho 5SL4		For 5SY - Cho 5SY	
			Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2	10mA	0.3 ... 16			5SM9121-0KK	1,529,000
		0.3 ... 40	5SM9323-0	1,391,000	5SM9322-0KK	1,481,000
		0.3 ... 63	5SM9326-0	2,361,000	5SM9325-0KK	2,514,000
	100mA	0.3 ... 25			5SM9420-0KK	1,529,000
		0.3 ... 40			5SM9422-0KK	1,529,000
		0.3 ... 63	5SM9426-0	2,437,000	5SM9425-0KK	2,595,000
	300mA	0.3 ... 40	5SM9623-0	1,391,000	5SM9622-0KK	1,481,000
		0.3 ... 63			5SM9625-0KK	2,514,000
3	30mA	0.3 ... 40	5SM9333-0	1,528,000	5SM9332-0KK	1,627,000
		0.3 ... 63	5SM9336-0	2,598,000	5SM9335-0KK	2,766,000
	300mA	0.3 ... 40	5SM9633-0	1,528,000		
4	30mA	0.3 ... 40	5SM9343-0	1,599,000	5SM9342-0KK	1,700,000
		0.3 ... 63	5SM9346-0	2,721,000	5SM9345-0KK	2,896,000
	100mA	0.3 ... 40			5SM9442-0KK	1,756,000
		0.3 ... 63	5SM9446-0	2,799,000	5SM9445-0KK	2,979,000
	300mA	0.3 ... 40	5SM9643-0	1,599,000	5SM9642-0KK	1,700,000
		0.3 ... 63			5SM9645-0KK	2,896,000

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Residual Current Protective Devices Thiết bị bảo vệ dòng rò

RCCB 5TJ7 Cầu dao chống dòng rò RCCB 5TJ7

Residual Current Circuit Breaker RCCB 5TJ7

Protect circuit againsts residual current. Need to coordinate with MCB.
Standard IEC 61008-1, IEC 61008-2-1

Cầu dao chống dòng rò RCCB 5TJ7

Bảo vệ chống dòng rò. Cần phối hợp với MCB.
Tiêu chuẩn IEC 61008-1, IEC 61008-2-1



RCCB 5TJ7 2P



RCCB 5TJ7 4P

RCCB 5TJ7 2P, 4P type AC - Cầu dao chống dòng rò RCCB 5TJ7 2P, 4P loại AC					
Sensitivity Độ nhạy	Rating (A) Dòng điện (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
			2P 240V AC	4P 415V AC	
30mA	25A	5TJ7312-0	1,023,000	5TJ7342-0	1,516,000
	40A	5TJ7314-0	1,087,000	5TJ7344-0	1,623,000
	63A	5TJ7316-0	1,126,000	5TJ7346-0	2,149,000
100mA	16A	5TJ7411-0	2,904,000	5TJ7441-0	4,261,000
	25A	5TJ7412-0	2,946,000	5TJ7442-0	4,261,000
	32A	5TJ7413-0	3,139,000	5TJ7443-0	4,261,000
	40A	5TJ7414-0	3,139,000	5TJ7444-0	4,261,000
300mA	63A	5TJ7416-0	3,139,000	5TJ7446-0	4,532,000
	16A	5TJ7611-0	2,341,000	5TJ7641-0	2,404,000
	25A	5TJ7612-0	2,341,000	5TJ7642-0	2,514,000
	32A	5TJ7613-0	2,501,000	5TJ7643-0	2,583,000
	40A	5TJ7614-0	2,563,000	5TJ7644-0	2,583,000
	63A	5TJ7616-0	2,578,000	5TJ7646-0	2,583,000

Residual Current Protective Devices Thiết bị bảo vệ dòng rò

Residual Current Breaker with Over-Current RCBO 5SU9

Protect circuit againsts overload, short-circuit and residual current
Standards IEC 61009-1, IEC 61009-2-2

Residual Current Circuit Breaker RCCB 5SV

Protect circuit againsts residual current. Need to coordinate with MCB.
Standard IEC 61008-1

RCBO 5SU9 and RCCB 5SV

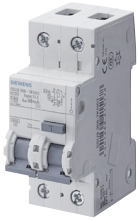
Cầu dao chống dòng rò RCBO 5SU9 và RCCB 5SV

Cầu dao tự động tích hợp chống dòng rò RCBO 5SU9

Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống dòng rò
Tiêu chuẩn IEC 61009-1, IEC 61009-2-2

Cầu dao chống dòng rò RCCB 5SV

Bảo vệ chống dòng rò. Cần phối hợp với MCB.
Tiêu chuẩn IEC 61008-1



RCBO 5SU9



5SV4111-0



5SV5311-0



5SV4347-0



5SV5342-0

RCBO 5SU9 1P+N 30mA, type AC, C curve - RCBO 5SU9 1P+N 30mA loại AC đường cong C

Rating - Dòng điện	I _{cn} = 6kA		I _{cn} = 10kA	
	Reference-Mã hàng	Unit price - Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price - Đơn giá
6A	5SU9356-1KK06	1,877,000	5SU9354-7KK06	2,536,000
10A	5SU9356-1KK10	1,877,000	5SU9354-7KK10	2,536,000
16A	5SU9356-1KK16	1,877,000	5SU9354-7KK16	2,536,000
20A	5SU9356-1KK20	1,877,000	5SU9354-7KK20	2,536,000
25A	5SU9356-1KK25	2,172,000	5SU9354-7KK25	2,536,000
32A	5SU9356-1KK32	2,172,000	5SU9354-7KK32	2,536,000
40A	5SU9356-1KK40	2,172,000	5SU9354-7KK40	3,066,000
50A	5SU9356-1KK50	2,926,000	5SU9354-7KK50	5,066,000
63A	5SU9356-1KK63	2,926,000	5SU9354-7KK63	5,066,000

RCCB 5SV 1P+N, type AC - Cầu dao chống dòng rò RCCB 5SV 1P+N, loại AC

Rating - Dòng điện	I _{Δn} = 10mA		I _{Δn} = 30mA	
	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá
16A	5SV4111-0	3,557,000	5SV5311-0	2,912,000
25A			5SV5312-0	2,907,000
40A			5SV5314-0	2,968,000
63A			5SV5316-0	3,938,000
80A			5SV4317-0	9,411,000
	I _{Δn} = 100mA		I _{Δn} = 300mA	
	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá
25A	5SV5412-0	2,985,000	5SV5612-0	2,662,000
40A	5SV5414-0	3,401,000	5SV5614-0	2,651,000
63A	5SV5416-0	5,100,000	5SV5616-0	4,427,000
80A	5SV4417-0	10,881,000	5SV4617-0	10,107,000

RCCB 5SV 3P+N, type AC, N connection right - Cầu dao chống dòng rò RCCB 5SV 3P+N, loại AC, cực N nằm bên phải

Rating - Dòng điện	I _{Δn} = 30mA		I _{Δn} = 100mA	
	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá
25A	5SV5342-0	2,946,000	5SV4442-0	4,584,000
40A	5SV5344-0	3,108,000	5SV5444-0	4,025,000
63A	5SV5346-0	5,268,000	5SV5446-0	6,472,000
80A	5SV4347-0	10,205,000	5SV4447-0	13,846,000
100A NEW	5SV4348-0	37,251,000	5SV4448-0	27,938,000
125A NEW	5SV4345-0	42,658,000	5SV4445-0	32,146,000
	I _{Δn} = 300mA		I _{Δn} = 500mA	
	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price-Đơn giá
25A	5SV5642-0	3,728,000	5SV4742-0	4,606,000
40A	5SV5644-0	3,630,000	5SV4744-0	4,892,000
63A	5SV5646-0	5,518,000	5SV4746-0	5,583,000
80A	5SV4647-0	11,428,000	5SV4747-0	11,546,000
100A NEW	5SV4648-0	23,043,000	5SV4748-0	22,864,000
125A NEW	5SV4645-0	24,875,000	5SV4745-0	24,395,000

Small distribution boards Tủ điện phân phối nhỏ

Flush-mounting and hollow-wall distribution boards
Rated current up to 63 A

Alpha SIMBOX XL IP30, Alpha SIMBOX WP IP63
Standard IEC 61439-1/-3

Alpha SIMBOX XL, Alpha SIMBOX WP distribution boards Tủ điện SIMBOX XL, Alpha SIMBOX WP

Gắn nổi hoặc âm tường
Dòng định mức lên đến 63A

Alpha SIMBOX XL IP30, Alpha SIMBOX WP IP63
Tiêu chuẩn IEC 61439-1/-3



8GB5024-1KM



8GB5012-0KM



8GB5001-5KM01



8GB5016-5KM



8GB1371-0



8GB1374-3

SIMBOX XL distribution boards up to 63A IP30 - Tủ điện dân dụng SIMBOX XL lên tới 63A IP30

Flush-mounting distribution boards -White - Tủ lắp âm tường - IP30 - Màu trắng

No of modules (18mm) Số mô đun (18mm)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1x12	8GB5012-1KM	(*)
2x12	8GB5024-1KM	(*)
3x12	8GB5036-1KM	(*)
4x12	8GB5048-1KM	(*)

Surface-mounting distribution boards, IP30, white door - Tủ lắp nổi, IP30, cửa màu trắng

No of modules (18mm) Số mô đun (18mm)	Tủ chưa có cửa		Cửa nhựa	
	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1x12	8GB5012-0KM	(*)	8GB5001-5KM01	(*)
2x12	8GB5024-0KM	(*)	8GB5002-5KM01	(*)
3x12	8GB5036-0KM	(*)	8GB5003-5KM01	(*)
4x12	8GB5048-0KM	(*)	8GB5004-5KM01	(*)

Accessories for flush mounted enclosure - Phụ kiện cho tủ điện âm tường

Terminal strips with plug-in terminals Cầu đấu kiểu plug-in	N/PE	8GB5016-5KM	(*)
	N/N	8GB5017-5KM	(*)
	N	8GB5020-5KM	(*)
	PE	8GB5021-5KM	(*)
Terminal strips with screw terminals Cầu đấu kiểu vặn vít	N/PE	8GB5008-5KM	(*)
	N/N	8GB5015-5KM	(*)
	N	8GB5010-5KM	(*)
	PE	8GB5011-5KM	(*)
RCCB terminals Đầu nối cho RCCB		8GB5005-5KM	(*)
Mounting aid for flush mounting Phụ kiện để gắn tủ lên tường		8GB5013-5KM	(*)

SIMBOX WP, IP63, gray transparent door - Tủ điện nổi SIMBOX WP, IP63, cửa xám trong suốt

No of modules (18mm) Số mô đun (18mm)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1x4	8GB1371-0	(*)
1x8	8GB1371-1	(*)
1x12	8GB1371-2	(*)
1x18	8GB1371-3	(*)
2x12	8GB1372-2	(*)
2x18	8GB1372-3	(*)
3x18	8GB1373-3	(*)
4x18	8GB1374-3	(*)

Accessories for wall mount enclosure - Phụ kiện cho tủ điện nổi

Function Chức năng	For enclosure Cho tủ loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Covers Óp che đầu nối vào tủ	12 modules	8GB2051-0	(*)
	18 modules	8GB2051-1	(*)
	8 modules	8GB2052-0	(*)
N/PE terminal strips Cầu đấu	12 modules	8GB2052-1	(*)
	18 modules	8GB2052-2	(*)
Safety cylinder locks Khóa an toàn cho tủ điện	8 modules	8GB2055-0	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Overvoltage Protection Devices Thiết bị bảo vệ quá điện áp

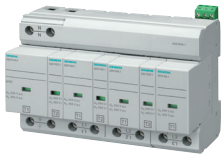
5SD74 Overvoltage Protection Devices protect equipments from damage caused by lightning currents, overvoltage and power surges. Type 1 lightning arresters protect from direct or indirect lightning strike. Type 2 surge arresters protect from indirect transient overvoltages. Type 1 + Type 2 are compact designs comprising type 1 and type 2. Standards IEC/EN 61643-11

5SD74 Overvoltage Protection Devices Thiết bị bảo vệ quá điện áp 5SD74

Thiết bị chống sét 5SD74 có chức năng bảo vệ quá áp cho các thiết bị khỏi những hư hại do dòng sét hoặc các xung áp gây ra. Chống sét loại 1 dùng trong chống sét trực tiếp hoặc gián tiếp. Chống sét loại 2 dùng trong chống sét gián tiếp (chống sét lan truyền). Chống sét loại 1+2 thiết kế nhỏ gọn, kết hợp tính năng của loại 1 và loại 2. Tiêu chuẩn IEC/EN 61643-11



5SD7412-1RC



5SD7444-1



5SD7464-0RC



5SD7483-6RC

Surge Arrester Type 1, pluggable protective modules - Chống sét loại 1, module bảo vệ có thể tháo lắp

For system Cho mạng điện	Uc Điện áp	Poles Số cực	Iimp (kA) (10/350μs)	In (kA) (8/20μs)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
TN-S and TT	350	2	25	25	5SD7412-1RC	12,197,000
		4	25/75	25/75	5SD7414-1RC	20,628,000

Surge Arrester Type 1+Type2, pluggable protective modules - Chống sét loại 1+2, module bảo vệ có thể tháo lắp

For system Cho mạng điện	Uc Điện áp	Poles Số cực	Iimp (kA) (10/350μs)	In (kA) (8/20μs)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
TN-S and TT	350	2	25	25	5SD7442-1	34,638,000
TN-C	350	3	25	25	5SD7443-1	45,975,000
TN-S and TT	350	4	25	25	5SD7444-1	58,970,000

Surge Arrester Type2, pluggable protective modules - Chống sét loại 2, module bảo vệ có thể tháo lắp

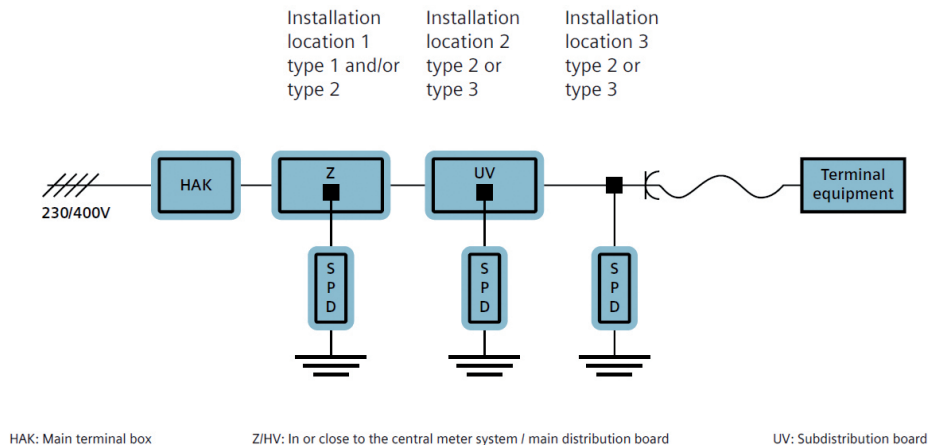
For system Cho mạng điện	Uc Điện áp	Poles Số cực	Iimp (kA) (10/350μs)	In (kA) (8/20μs)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
TN, TT	350	1	20	40	5SD7461-0RC	2,519,000
TN-S and TT	350	4	20	40	5SD7464-0RC	8,303,000

Surge Arrester Type2 for PV, pluggable protective modules -

Chống sét loại 2 cho ứng dụng năng lượng mặt trời PV, module bảo vệ có thể tháo lắp

For system Cho mạng điện	Ucpv Điện áp	Poles Số cực	Iimp (kA) (10/350μs)	In (kA) (8/20μs)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2+V	1170V d.c	3		40	5SD7483-6RC	6,272,000

Installation locations for surge protection devices (SPDs)



Installation location 1 must be as close as possible to the supply point for the electrical system, so that the downstream installations are protected. The SPDs at installation locations 2 and 3 shall not be used without SPDs at installation location 1, and they must be coordinated with these SPDs (i.e. SPDs all from the same manufacturer).

Automatic Changeover & Current Limiter Bộ chuyển nguồn tự động

1P+N, 240VAC Automatic Changeover
For residential or commercial building
Module width: 4
Standard 60947-6-1

Automatic Changeover & Current Limiter Bộ chuyển nguồn tự động 5TR4

Bộ chuyển nguồn tự động 1P+N, 240 VAC
Dùng trong lưới điện dân dụng & tòa nhà
Chiều rộng: 4 mô-đun
Tiêu chuẩn 60947-6-1



ACCL 5TR4

Automatic Changeover & Current Limiter - Bộ chuyển nguồn tự động 5TR4

NEW

Main's rating (A) Dòng định mức nguồn chính (A)	Backup rating(A) Dòng định mức nguồn dự phòng(A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
30A	2A	5TR4465-0RC02	(*)
30A	2.5A	5TR4465-0RC03	(*)
30A	4A	5TR4465-0RC04	(*)
30A	5A	5TR4465-0RC05	(*)
30A	6A	5TR4465-0RC06	(*)
30A	8A	5TR4465-0RC08	(*)
30A	10A	5TR4465-0RC10	(*)
30A	15A	5TR4465-0RC15	(*)
30A	20A	5TR4465-0RC20	(*)
30A	25A	5TR4465-0RC25	(*)
30A	30A	5TR4465-0RC30	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Switching Devices

Thiết bị đóng cắt mạch

Insta contactors 5TT58 are used to control electrical circuit up to 63A
Noiseless switching. Especially suitable for switching of large capacity household loads such as water heaters, key card, smarthome.
Standards EN 60947-4-1; EN 60947-5-1; EN 61095

Insta contactors 5TT58

Khởi động từ dân dụng 5TT58

Khởi động từ dân dụng 5TT58 dùng để điều khiển đóng cắt mạch điện lên tới 63A.
Đóng cắt không có tiếng ồn, đặc biệt phù hợp để đóng cắt các tải có công suất lớn trong gia đình như máy nước nóng, tắt mở điện bằng thẻ, smarthome.
Tiêu chuẩn EN 60947-4-1; EN 60947-5-1; EN 61095



5TT5800-0



5TT5830-0



5TT5833-0



5TT5831-0

Insta contactors 5TT58 2P 20A 230V - Khởi động từ 5TT58 2P 20A 230V

Contacts Tiếp điểm	Uc Điện áp điều khiển	Rating Ie Dòng định mức	Width Chiều rộng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2NO	230 VAC	25A	1 TE	5TT5810-0	1,504,000
		32A	1 TE	5TT5860-0	2,732,000
		40A	2 TE	5TT5870-0	2,990,000
	24 VAC	20A	1 TE	5TT5800-2	3,095,000
	230 VAC	20A	1 TE	5TT5802-0	2,323,000
2NC	24 VAC	20A	1 TE	5TT5802-2	3,209,000
	230 VAC	20A	1 TE	5TT5801-0	2,295,000
1NO+1NC	24 VAC	20A	1 TE	5TT5801-2	3,153,000

Insta contactors 5TT58 4P 400V - Khởi động từ 5TT58 4P 400V

Contacts Tiếp điểm	Uc Điện áp điều khiển	Rating Ie Dòng định mức	Width Chiều rộng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
4NO	230 VAC	25A	2 TE	5TT5830-0	2,323,000
		40A	3 TE	5TT5840-0	6,132,000
		63A	3 TE	5TT5850-0	7,784,000
	115 VAC	25A	2 TE	5TT5830-1	3,128,000
	24 VAC	25A	2 TE	5TT5830-2	2,671,000
		40A	3 TE	5TT5840-2	6,099,000
4NC	230 VAC	63A	3 TE	5TT5850-2	7,784,000
		25A	2 TE	5TT5833-0	2,985,000
		40A	3 TE	5TT5843-0	5,207,000
	24 VAC	63A	3 TE	5TT5853-0	9,526,000
		25A	2 TE	5TT5833-2	3,258,000
		40A	3 TE	5TT5843-2	5,207,000
2NO+2NC	230 VAC	63A	3 TE	5TT5853-2	8,388,000
		25A	2 TE	5TT5832-0	2,985,000
		40A	3 TE	5TT5842-0	6,099,000
	24 VAC	63A	3 TE	5TT5852-0	9,526,000
		25A	2 TE	5TT5832-2	3,258,000
		40A	3 TE	5TT5842-2	7,849,000
3NO+1NC	230 VAC	63A	3 TE	5TT5852-2	9,661,000
		25A	2 TE	5TT5831-0	2,985,000
		40A	3 TE	5TT5841-0	6,099,000
	115VAC	63A	3 TE	5TT5851-0	9,526,000
		25A	2 TE	5TT5831-1	3,860,000
		24 VAC	25A	5TT5831-2	3,258,000
	24 VAC	40A	3 TE	5TT5841-2	6,099,000
		63A	3 TE	5TT5851-2	9,661,000

Ghi chú: Với các điện áp điều khiển khác, vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn

Switch Disconnecter Bộ ngắt cách ly

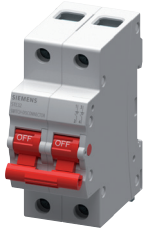
1P, 2P, 3P, 4P Switch Disconnecter
For residential or commercial building
Standard IEC 60947-3

Switch Disconnecter 5TE3 Bộ ngắt cách ly 5TE3

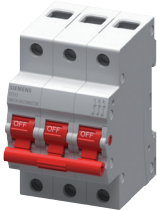
Bộ ngắt cách ly 1P, 2P, 3P, 4P
Dùng trong lưới điện dân dụng & tòa nhà
Tiêu chuẩn IEC 60947-3



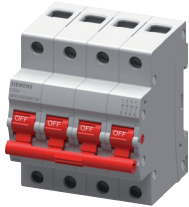
5TE3 1P



5TE3 2P



5TE3 3P



5TE3 4P

Switch Disconnecter - Bộ ngắt cách ly 5TE3 - 1P, 2P, 3P, 4P

Rating (A) Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
		1P 240V AC	2P 415V AC	
25A	5TE3125-0RC	(*)	5TE3225-0RC	(*)
40A	5TE3140-0RC	(*)	5TE3240-0RC	(*)
63A	5TE3163-0RC	(*)	5TE3263-0RC	(*)
80A	5TE3180-0RC	(*)	5TE3280-0RC	(*)
100A	5TE3191-0RC	(*)	5TE3291-0RC	(*)
125A	5TE3192-0RC	(*)	5TE3292-0RC	(*)
		3P 415V AC	4P 415V AC	
25A	5TE3325-0RC	(*)	5TE3425-0RC	(*)
40A	5TE3340-0RC	(*)	5TE3440-0RC	(*)
63A	5TE3363-0RC	(*)	5TE3463-0RC	(*)
80A	5TE3380-0RC	(*)	5TE3480-0RC	(*)
100A	5TE3391-0RC	(*)	5TE3491-0RC	(*)
125A	5TE3392-0RC	(*)	5TE3492-0RC	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Switching Devices

Thiết bị đóng cắt mạch

5TT41 remote control switches use pulse signal to control „on-off“ electrical circuit remotely.
Manual operation and Switching position indication available
5TL1 On/Off switches is used to isolate electrical circuit from 1 to 4 phase
Standards IEC/EN 60947-3

5TT41 remote control switches - 5TL1 On/Off switches

Công tắc điều khiển từ xa 5TT41 - Cầu dao cách ly 5TL1

Công tắc điều khiển từ xa 5TT41 sử dụng tín hiệu xung để đóng cắt mạch điện từ xa.
Có nút thao tác bằng tay và chỉ thị trạng thái
Thiết bị ngắt cách ly 5TL1 dùng để ngắt mạch điện từ 1 đến 4 pha
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-3



5TT4101-0



5TT4104-0



5TT4900



5TL1232-0



5TL1432-0

5TT41 remote control switches - Công tắc điều khiển từ xa 5TT41 1P, 2P, 4P 250/400V, 16A (*)

Rating Ie (A) Dòng định mức	Contacts Tiếp điểm	Uc Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
16A	1NO	230 VAC	5TT4101-0	2,230,000
		24 VDC	5TT4111-2	2,275,000
	1NO+1NC	230 VAC	5TT4105-0	2,539,000
		24 VDC	5TT4115-2	2,666,000
	2NO	230 VAC	5TT4102-0	2,578,000
		24 VDC	5TT4112-2	2,621,000
	3NO	230 VAC	5TT4103-0	3,128,000
		24 VAC	5TT4103-2	3,128,000
	4NO	230 VAC	5TT4104-0	4,034,000
		24 VDC	5TT4114-2	4,099,000

(*) Sản phẩm với dòng điện và điện áp khác xin vui lòng liên hệ Siemens

5TT41 remote control switches accessories - Phụ kiện cho công tắc điều khiển từ xa 5TT41

Type Loại	Contacts Tiếp điểm	Rating Ie Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switches Tiếp điểm phụ	1CO	5A	5TT4900	3,021,000

5TL1 On/Off switches - Cầu dao cách ly 5TL1 230V/400V

1P			2P	
Rating - Dòng định mức (A)	Reference-Mã hàng	Unit price - Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price - Đơn giá
32A	5TL1132-0	1,240,000	5TL1232-0	1,919,000
40A	5TL1140-0	1,240,000	5TL1240-0	2,096,000
63A	5TL1163-0	1,240,000	5TL1263-0	2,699,000
80A	5TL1180-0	2,177,000	5TL1280-0	4,197,000
100A	5TL1191-0	2,805,000	5TL1291-0	5,221,000
125A	5TL1192-0	3,408,000	5TL1292-0	6,631,000
3P			4P	
Rating - Dòng định mức (A)	Reference-Mã hàng	Unit price - Đơn giá	Reference-Mã hàng	Unit price - Đơn giá
32A	5TL1332-0	2,623,000	5TL1432-0	3,403,000
40A	5TL1340-0	2,719,000	5TL1440-0	3,557,000
63A	5TL1363-0	3,058,000	5TL1463-0	3,984,000
80A	5TL1380-0	5,925,000	5TL1480-0	7,274,000
100A	5TL1391-0	7,922,000	5TL1491-0	10,326,000
125A	5TL1392-0	9,386,000	5TL1492-0	12,320,000

Switching Devices

Thiết bị đóng cắt mạch

Time switches 7LF has mechanical and digital technology variants
Single channel or multi channels. Weekly or daily program.

Time switches 7LF

Công tắc định giờ 7LF

Công tắc định giờ 7LF sử dụng công nghệ cơ hoặc điện tử, đơn kênh hoặc đa kênh, có thể thiết lập định giờ theo ngày hoặc theo tuần.



7LF4501-5



7LF4512-0

7LF Time switches - Công tắc thời gian 7LF 230VAC

7LF4 Digital Time switches - Công tắc thời gian loại điện tử 7LF4

Type Loại	Contacts/Channel Tiếp điểm/kênh	Mounting width	Programs Chương trình	Power reserve Lưu trữ pin	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Weekly (24h/7days)	1CO / 1 channel	1 MW	28	3 years	7LF4501-5	6,640,000
		2 MW	28	3 years	7LF4511-0	8,437,000
	2CO / 2 channel	2 MW	28	3 years	7LF4512-0	10,233,000



7LF5300-1



7LF5300-6

7LF5 Mechanical Time switches - Công tắc thời gian loại cơ 7LF5

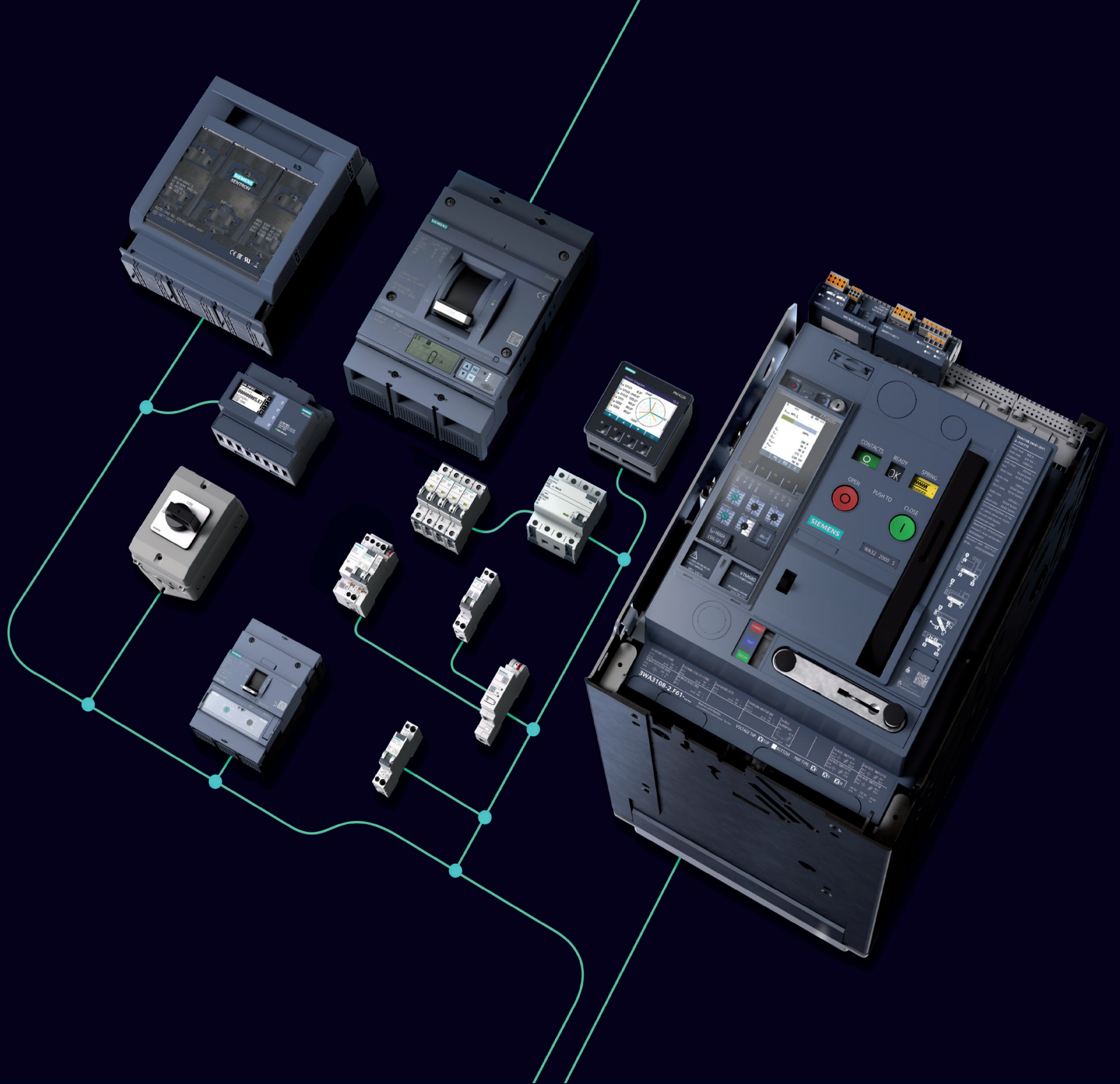
Type Loại	Contacts Tiếp điểm	Power reserve Lưu trữ pin	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Daily (24h)	1NO	No	7LF5300-1	4,631,000
		100 hours	7LF5301-1	9,049,000
	1CO	No	7LF5300-5	4,971,000
		6 years	7LF5301-6	9,579,000
Weekly (24h/7days)	1CO	No	7LF5300-6	6,499,000
		100 hours	7LF5301-7	10,558,000



7LF6310

7LF6 timers for buildings - Công tắc thời gian cho mạch cầu thang 7LF6

Type Loại	Contacts Tiếp điểm	Programs Chương trình	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Mạch cầu thang đơn	1NO		7LF6310	2,907,000
Mạch nhiều cầu thang	1NO	7	7LF6311	3,683,000



Power Distribution

Phần 2: Thiết bị phân phối nguồn



3VJ Molded Case Circuit Breakers

The Power of Simplicity

3VJ Molded Case Circuit Breakers with Thermal Magnetic Trip units offer the perfect solution whether in industrial applications, buildings, infrastructure or utilities.

The 3VJ MCCBs are the efficient choice for cost effective power distribution. It ensures reliable protection of personnel and plants with simple functional features that maximize benefits for users, in all segments.

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=75%Icu

Thermal magnetic protection

Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=75%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2



MCCB 3VJ 1P



MCCB 3VJ 2P

MCCB 3VJ, 1/2-pole, up to 250A, **FTFM** - MCCB 3VJ, 1/2 cực, đến 250A, đặc tuyến bảo vệ cố định

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=18kA		1P		2P	
3VJ10	16A	3VJ1096-1DA12-0AA0	1,340,000	3VJ1096-1DA22-0AA0	1,874,000
	20A	3VJ1002-1DA12-0AA0	1,340,000	3VJ1002-1DA22-0AA0	1,874,000
	25A	3VJ1092-1DA12-0AA0	1,340,000	3VJ1092-1DA22-0AA0	1,874,000
	32A	3VJ1003-1DA12-0AA0	1,315,000	3VJ1003-1DA22-0AA0	2,248,000
	40A	3VJ1004-1DA12-0AA0	1,315,000	3VJ1004-1DA22-0AA0	2,248,000
	50A	3VJ1005-1DA12-0AA0	1,315,000	3VJ1005-1DA22-0AA0	2,248,000
	63A	3VJ1006-1DA12-0AA0	1,408,000	3VJ1006-1DA22-0AA0	2,248,000
	80A	3VJ1008-1DA12-0AA0	1,408,000	3VJ1008-1DA22-0AA0	2,248,000
	100A	3VJ1010-1DA12-0AA0	1,408,000	3VJ1010-1DA22-0AA0	2,248,000
	125A	3VJ1012-1DA12-0AA0	1,555,000	3VJ1012-1DA22-0AA0	2,987,000
3VJ12	160A			3VJ1216-1DA22-0AA0	3,130,000
	200A			3VJ1220-1DA22-0AA0	3,397,000
	250A			3VJ1225-1DA22-0AA0	3,812,000
Icu=25A		1P		2P	
3VJ10	16A	3VJ1096-3DA12-0AA0	1,577,000	3VJ1096-3DA22-0AA0	2,193,000
	20A	3VJ1002-3DA12-0AA0	1,577,000	3VJ1002-3DA22-0AA0	2,193,000
	25A	3VJ1092-3DA12-0AA0	1,577,000	3VJ1092-3DA22-0AA0	2,193,000
	32A	3VJ1003-3DA12-0AA0	1,648,000	3VJ1003-3DA22-0AA0	2,193,000
	40A	3VJ1004-3DA12-0AA0	1,648,000	3VJ1004-3DA22-0AA0	2,193,000
	50A	3VJ1005-3DA12-0AA0	1,648,000	3VJ1005-3DA22-0AA0	2,193,000
	63A	3VJ1006-3DA12-0AA0	1,760,000	3VJ1006-3DA22-0AA0	2,193,000
	80A	3VJ1008-3DA12-0AA0	1,760,000	3VJ1008-3DA22-0AA0	2,193,000
	100A	3VJ1010-3DA12-0AA0	1,760,000	3VJ1010-3DA22-0AA0	2,193,000
	125A	3VJ1012-3DA12-0AA0	1,958,000	3VJ1012-3DA22-0AA0	3,526,000
3VJ12	160A			3VJ1216-3DA22-0AA0	3,449,000
	200A			3VJ1220-3DA22-0AA0	4,296,000
	250A			3VJ1225-3DA22-0AA0	4,827,000

MCCB 3VJ, 2-pole, up to 250A, **FTFM** - MCCB 3VJ, 2 cực, đến 250A, đặc tuyến bảo vệ cố định

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2P		Icu=36kA		Icu=55kA	
3VJ11	16A	3VJ1196-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1196-7DA22-0AA0	2,814,000
	20A	3VJ1102-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1102-7DA22-0AA0	2,814,000
	25A	3VJ1192-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1192-7DA22-0AA0	2,814,000
	32A	3VJ1103-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1103-7DA22-0AA0	2,814,000
	40A	3VJ1104-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1104-7DA22-0AA0	2,814,000
	50A	3VJ1105-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1105-7DA22-0AA0	2,814,000
	63A	3VJ1106-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1106-7DA22-0AA0	2,814,000
	80A	3VJ1108-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1108-7DA22-0AA0	2,814,000
	100A	3VJ1110-5DA22-0AA0	2,556,000	3VJ1110-7DA22-0AA0	2,814,000
	125A	3VJ1112-5DA22-0AA0	4,109,000	3VJ1112-7DA22-0AA0	4,505,000
3VJ12	160A	3VJ1216-5DA22-0AA0	3,751,000	3VJ1216-7DA22-0AA0	4,114,000
	200A	3VJ1220-5DA22-0AA0	4,670,000	3VJ1220-7DA22-0AA0	5,143,000
	250A	3VJ1225-5DA22-0AA0	5,225,000	3VJ1225-7DA22-0AA0	5,759,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=75%Icu

Thermal magnetic protection

Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=75%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2



3VJ1x 3P



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, 3/4-pole, **FTFM** - MCCB 3VJ, đến 630A, 3/4 cực, đặc tuyến bảo vệ cố định

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=18kA		3P		4P	
3VJ10	16A	3VJ1096-1DA32-0AA0	2,781,000	3VJ1096-1EA42-0AA0	3,949,000
	20A	3VJ1002-1DA32-0AA0	2,781,000	3VJ1002-1EA42-0AA0	3,948,000
	25A	3VJ1092-1DA32-0AA0	2,781,000	3VJ1092-1EA42-0AA0	3,948,000
	32A	3VJ1003-1DA32-0AA0	2,781,000	3VJ1003-1EA42-0AA0	4,079,000
	40A	3VJ1004-1DA32-0AA0	2,781,000	3VJ1004-1EA42-0AA0	4,079,000
	50A	3VJ1005-1DA32-0AA0	2,781,000	3VJ1005-1EA42-0AA0	4,079,000
	63A	3VJ1006-1DA32-0AA0	3,053,000	3VJ1006-1EA42-0AA0	4,079,000
	80A	3VJ1008-1DA32-0AA0	3,053,000	3VJ1008-1EA42-0AA0	4,079,000
	100A	3VJ1010-1DA32-0AA0	3,053,000	3VJ1010-1EA42-0AA0	4,079,000
	125A	3VJ1012-1DA32-0AA0	5,099,000	3VJ1012-1EA42-0AA0	6,450,000
3VJ12	160A	3VJ1216-1DA32-0AA0	6,171,000	3VJ1216-1EA42-0AA0	8,439,000
	200A	3VJ1220-1DA32-0AA0	7,241,000	3VJ1220-1EA42-0AA0	9,308,000
	250A	3VJ1225-1DA32-0AA0	8,129,000	3VJ1225-1EA42-0AA0	10,404,000
Icu=25kA		3P		4P	
3VJ10	16A	3VJ1096-3DA32-0AA0	2,325,000	3VJ1096-3EA42-0AA0	4,098,000
	20A	3VJ1002-3DA32-0AA0	2,325,000	3VJ1002-3EA42-0AA0	4,098,000
	25A	3VJ1092-3DA32-0AA0	2,325,000	3VJ1092-3EA42-0AA0	4,098,000
	32A	3VJ1003-3DA32-0AA0	2,325,000	3VJ1003-3EA42-0AA0	3,826,000
	40A	3VJ1004-3DA32-0AA0	2,325,000	3VJ1004-3EA42-0AA0	3,826,000
	50A	3VJ1005-3DA32-0AA0	2,325,000	3VJ1005-3EA42-0AA0	3,826,000
	63A	3VJ1006-3DA32-0AA0	2,453,000	3VJ1006-3EA42-0AA0	3,826,000
	80A	3VJ1008-3DA32-0AA0	2,453,000	3VJ1008-3EA42-0AA0	3,826,000
	100A	3VJ1010-3DA32-0AA0	2,453,000	3VJ1010-3EA42-0AA0	3,826,000
	125A	3VJ1012-3DA32-0AA0	5,154,000	3VJ1012-3EA42-0AA0	6,468,000
3VJ12	160A	3VJ1216-3DA32-0AA0	6,672,000	3VJ1216-3EA42-0AA0	8,311,000
	200A	3VJ1220-3DA32-0AA0	8,036,000	3VJ1220-3EA42-0AA0	9,832,000
	250A	3VJ1225-3DA32-0AA0	8,111,000	3VJ1225-3EA42-0AA0	9,860,000
3VJ12	320A	3VJ1332-3DA32-0AA0	10,093,000	3VJ1332-3EA42-0AA0	13,127,000
	400A	3VJ1340-3DA32-0AA0	10,093,000	3VJ1340-3EA42-0AA0	13,127,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=75%Icu

Thermal magnetic protection
Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=75%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2



3VJ1x 3P



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, FTFM - MCCB 3VJ, đến 630A, đặc tuyến bảo vệ cố định

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=36kA		3P		4P	
3VJ11	16A	3VJ1196-5DA32-0AA0	3,625,000	3VJ1196-5EA42-0AA0	4,977,000
	20A	3VJ1102-5DA32-0AA0	3,625,000	3VJ1102-5EA42-0AA0	4,977,000
	25A	3VJ1192-5DA32-0AA0	3,625,000	3VJ1192-5EA42-0AA0	4,977,000
	32A	3VJ1103-5DA32-0AA0	3,625,000	3VJ1103-5EA42-0AA0	4,977,000
	40A	3VJ1104-5DA32-0AA0	3,625,000	3VJ1104-5EA42-0AA0	4,977,000
	50A	3VJ1105-5DA32-0AA0	3,625,000	3VJ1105-5EA42-0AA0	4,977,000
	63A	3VJ1106-5DA32-0AA0	3,661,000	3VJ1106-5EA42-0AA0	6,111,000
	80A	3VJ1108-5DA32-0AA0	3,661,000	3VJ1108-5EA42-0AA0	6,111,000
	100A	3VJ1110-5DA32-0AA0	3,661,000	3VJ1110-5EA42-0AA0	6,111,000
	125A	3VJ1112-5DA32-0AA0	5,418,000	3VJ1112-5EA42-0AA0	7,321,000
3VJ12	160A	3VJ1216-5DA32-0AA0	6,617,000	3VJ1216-5EA42-0AA0	9,104,000
	200A	3VJ1220-5DA32-0AA0	8,030,000	3VJ1220-5EA42-0AA0	11,197,000
	250A	3VJ1225-5DA32-0AA0	8,080,000	3VJ1225-5EA42-0AA0	11,157,000
3VJ13	320A	3VJ1332-5DA32-0AA0	10,272,000	3VJ1332-5EA42-0AA0	11,385,000
	400A	3VJ1340-5DA32-0AA0	10,272,000	3VJ1340-5EA42-0AA0	11,854,000
3VJ14	500A	3VJ1450-5DA32-0AA0	14,487,000	3VJ1450-5EA42-0AA0	22,105,000
	630A	3VJ1463-5DA32-0AA0	15,433,000	3VJ1463-5EA42-0AA0	22,130,000
Icu=55kA		3P		4P	
3VJ11	16A	3VJ1196-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1196-7EA42-0AA0	5,240,000
	20A	3VJ1102-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1102-7EA42-0AA0	5,240,000
	25A	3VJ1192-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1192-7EA42-0AA0	5,240,000
	32A	3VJ1103-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1103-7EA42-0AA0	5,240,000
	40A	3VJ1104-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1104-7EA42-0AA0	5,240,000
	50A	3VJ1105-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1105-7EA42-0AA0	5,240,000
	63A	3VJ1106-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1106-7EA42-0AA0	5,240,000
	80A	3VJ1108-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1108-7EA42-0AA0	5,240,000
	100A	3VJ1110-7DA32-0AA0	4,156,000	3VJ1110-7EA42-0AA0	7,511,000
	125A	3VJ1112-7DA32-0AA0	5,110,000	3VJ1112-7EA42-0AA0	9,282,000
3VJ12	160A	3VJ1216-7DA32-0AA0	6,092,000	3VJ1216-7EA42-0AA0	11,449,000
	200A	3VJ1220-7DA32-0AA0	7,451,000	3VJ1220-7EA42-0AA0	11,539,000
	250A	3VJ1225-7DA32-0AA0	8,371,000	3VJ1225-7EA42-0AA0	11,878,000
3VJ13	320A	3VJ1332-7DA32-0AA0	13,305,000	3VJ1332-7EA42-0AA0	16,918,000
	400A	3VJ1340-7DA32-0AA0	13,673,000	3VJ1340-7EA42-0AA0	17,138,000
3VJ14	500A	3VJ1450-7DA32-0AA0	15,706,000	3VJ1450-7EA42-0AA0	22,506,000
	630A	3VJ1463-7DA32-0AA0	17,059,000	3VJ1463-7EA42-0AA0	22,339,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=75%Icu

Thermal magnetic protection

Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=75%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2



3VJ1x 3P



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, **ATFM** - MCCB 3VJ, đến 630A, đặc tuyến bảo vệ quá tải chỉnh định được từ (0.8...1)xIn

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=18kA		3P		4P	
3VJ10	16A	3VJ1096-1DB32-0AA0	3,205,000	3VJ1096-1EB42-0AA0	3,757,000
	20A	3VJ1002-1DB32-0AA0	3,205,000	3VJ1002-1EB42-0AA0	3,757,000
	25A	3VJ1092-1DB32-0AA0	3,205,000	3VJ1092-1EB42-0AA0	4,747,000
	32A	3VJ1003-1DB32-0AA0	3,205,000	3VJ1003-1EB42-0AA0	4,747,000
	40A	3VJ1004-1DB32-0AA0	3,205,000	3VJ1004-1EB42-0AA0	4,747,000
	50A	3VJ1005-1DB32-0AA0	3,205,000	3VJ1005-1EB42-0AA0	4,747,000
	63A	3VJ1006-1DB32-0AA0	3,309,000	3VJ1006-1EB42-0AA0	4,747,000
	80A	3VJ1008-1DB32-0AA0	3,309,000	3VJ1008-1EB42-0AA0	4,747,000
	100A	3VJ1010-1DB32-0AA0	3,309,000	3VJ1010-1EB42-0AA0	4,747,000
	125A	3VJ1012-1DB32-0AA0	5,385,000	3VJ1012-1EB42-0AA0	6,474,000
3VJ12	160A	3VJ1216-1DB32-0AA0	6,378,000	3VJ1216-1EB42-0AA0	8,193,000
	200A	3VJ1220-1DB32-0AA0	7,660,000	3VJ1220-1EB42-0AA0	9,048,000
	250A	3VJ1225-1DB32-0AA0	8,619,000	3VJ1225-1EB42-0AA0	10,142,000
Icu=25kA		3P		4P	
3VJ10	16A	3VJ1096-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1096-3EB42-0AA0	4,167,000
	20A	3VJ1002-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1002-3EB42-0AA0	4,167,000
	25A	3VJ1092-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1092-3EB42-0AA0	4,723,000
	32A	3VJ1003-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1003-3EB42-0AA0	4,747,000
	40A	3VJ1004-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1004-3EB42-0AA0	4,747,000
	50A	3VJ1005-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1005-3EB42-0AA0	4,747,000
	63A	3VJ1006-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1006-3EB42-0AA0	4,747,000
	80A	3VJ1008-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1008-3EB42-0AA0	4,747,000
	100A	3VJ1010-3DB32-0AA0	3,542,000	3VJ1010-3EB42-0AA0	4,747,000
	125A	3VJ1012-3DB32-0AA0	4,464,000	3VJ1012-3EB42-0AA0	7,588,000
3VJ12	160A	3VJ1216-3DB32-0AA0	6,622,000	3VJ1216-3EB42-0AA0	7,935,000
	200A	3VJ1220-3DB32-0AA0	8,074,000	3VJ1220-3EB42-0AA0	9,508,000
	250A	3VJ1225-3DB32-0AA0	8,333,000	3VJ1225-3EB42-0AA0	10,665,000
3VJ13	320A	3VJ1332-3DB32-0AA0	12,439,000	3VJ1332-3EB42-0AA0	14,025,000
	400A	3VJ1340-3DB32-0AA0	12,439,000	3VJ1340-3EB42-0AA0	14,590,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=75%Icu

Thermal magnetic protection
Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=75%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2



3VJ1x 3P



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, **ATFM** - MCCB 3VJ, đến 630A, đặc tuyến bảo vệ quá tải chỉnh định được từ (0.8...1)xIn

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=36kA		3P		4P	
3VJ11	16A	3VJ1196-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1196-5EB42-0AA0	5,033,000
	20A	3VJ1102-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1102-5EB42-0AA0	5,033,000
	25A	3VJ1192-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1192-5EB42-0AA0	5,033,000
	32A	3VJ1103-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1103-5EB42-0AA0	5,033,000
	40A	3VJ1104-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1104-5EB42-0AA0	5,033,000
	50A	3VJ1105-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1105-5EB42-0AA0	5,033,000
	63A	3VJ1106-5DB32-0AA0	3,905,000	3VJ1106-5EB42-0AA0	5,643,000
	80A	3VJ1108-5DB32-0AA0	4,026,000	3VJ1108-5EB42-0AA0	5,643,000
	100A	3VJ1110-5DB32-0AA0	4,026,000	3VJ1110-5EB42-0AA0	5,902,000
	125A	3VJ1112-5DB32-0AA0	5,049,000	3VJ1112-5EB42-0AA0	7,788,000
3VJ12	160A	3VJ1216-5DB32-0AA0	6,611,000	3VJ1216-5EB42-0AA0	9,086,000
	200A	3VJ1220-5DB32-0AA0	7,629,000	3VJ1220-5EB42-0AA0	11,334,000
	250A	3VJ1225-5DB32-0AA0	8,580,000	3VJ1225-5EB42-0AA0	12,076,000
3VJ13	320A	3VJ1332-5DB32-0AA0	13,028,000	3VJ1332-5EB42-0AA0	15,846,000
	400A	3VJ1340-5DB32-0AA0	13,968,000	3VJ1340-5EB42-0AA0	17,078,000
3VJ14	500A	3VJ1450-5DB32-0AA0	16,570,000	3VJ1450-5EB42-0AA0	23,166,000
	630A	3VJ1463-5DB32-0AA0	18,601,000	3VJ1463-5EB42-0AA0	24,530,000
Icu=55kA		3P		4P	
3VJ11	16A	3VJ1196-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1196-7EB42-0AA0	5,553,000
	20A	3VJ1102-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1102-7EB42-0AA0	5,553,000
	25A	3VJ1192-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1192-7EB42-0AA0	5,553,000
	32A	3VJ1103-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1103-7EB42-0AA0	5,553,000
	40A	3VJ1104-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1104-7EB42-0AA0	5,553,000
	50A	3VJ1105-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1105-7EB42-0AA0	5,553,000
	63A	3VJ1106-7DB32-0AA0	4,358,000	3VJ1106-7EB42-0AA0	5,603,000
	80A	3VJ1108-7DB32-0AA0	4,360,000	3VJ1108-7EB42-0AA0	5,781,000
	100A	3VJ1110-7DB32-0AA0	4,360,000	3VJ1110-7EB42-0AA0	6,626,000
	125A	3VJ1112-7DB32-0AA0	6,870,000	3VJ1112-7EB42-0AA0	8,853,000
3VJ12	160A	3VJ1216-7DB32-0AA0	6,971,000	3VJ1216-7EB42-0AA0	10,157,000
	200A	3VJ1220-7DB32-0AA0	8,714,000	3VJ1220-7EB42-0AA0	11,506,000
	250A	3VJ1225-7DB32-0AA0	9,764,000	3VJ1225-7EB42-0AA0	12,749,000
3VJ13	320A	3VJ1332-7DB32-0AA0	14,937,000	3VJ1332-7EB42-0AA0	18,484,000
	400A	3VJ1340-7DB32-0AA0	15,143,000	3VJ1340-7EB42-0AA0	18,673,000
3VJ14	500A	3VJ1450-7DB32-0AA0	19,549,000	3VJ1450-7EB42-0AA0	24,855,000
	630A	3VJ1463-7DB32-0AA0	20,927,000	3VJ1463-7EB42-0AA0	26,884,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=100%Icu

Thermal magnetic protection

Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=100%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2

Ics=100%Icu



MCCB 3VJ 1P



MCCB 3VJ 2P

MCCB 3VJ, 1/2-pole, up to 125A, **FTFM** - MCCB 3VJ, 1/2 cực, đến 125A, đặc tuyến bảo vệ cố định

NEW

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=10kA		1P		2P	
3VJ10	16A	3VJ1096-0DA12-0AA0	1,104,000	3VJ1096-0DA22-0AA0	1,544,000
	20A	3VJ1002-0DA12-0AA0	1,104,000	3VJ1002-0DA22-0AA0	1,544,000
	25A	3VJ1092-0DA12-0AA0	1,104,000	3VJ1092-0DA22-0AA0	1,544,000
	32A	3VJ1003-0DA12-0AA0	1,249,000	3VJ1003-0DA22-0AA0	1,544,000
	40A	3VJ1004-0DA12-0AA0	1,249,000	3VJ1004-0DA22-0AA0	2,057,000
	50A	3VJ1005-0DA12-0AA0	1,249,000	3VJ1005-0DA22-0AA0	2,057,000
	63A	3VJ1006-0DA12-0AA0	1,337,000	3VJ1006-0DA22-0AA0	2,057,000
	80A	3VJ1008-0DA12-0AA0	1,337,000	3VJ1008-0DA22-0AA0	2,057,000
	100A	3VJ1010-0DA12-0AA0	1,337,000	3VJ1010-0DA22-0AA0	2,057,000
	125A	3VJ1012-0DA12-0AA0	1,478,000	3VJ1012-0DA22-0AA0	3,278,000
Icu=18A		1P		2P	
3VJ10	16A	3VJ1096-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1096-2DA22-0AA0	2,327,000
	20A	3VJ1002-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1002-2DA22-0AA0	2,327,000
	25A	3VJ1092-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1092-2DA22-0AA0	2,327,000
	32A	3VJ1003-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1003-2DA22-0AA0	2,327,000
	40A	3VJ1004-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1004-2DA22-0AA0	2,327,000
	50A	3VJ1005-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1005-2DA22-0AA0	2,327,000
	63A	3VJ1006-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1006-2DA22-0AA0	2,327,000
	80A	3VJ1008-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1008-2DA22-0AA0	2,327,000
	100A	3VJ1010-2DA12-0AA0	1,681,000	3VJ1010-2DA22-0AA0	2,327,000
	125A	3VJ1012-2DA12-0AA0	2,721,000	3VJ1012-2DA22-0AA0	3,768,000

MCCB 3VJ, 2-pole, up to 250A, **FTFM** - MCCB 3VJ, 2 cực, đến 250A, đặc tuyến bảo vệ cố định

NEW

Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2P		Icu=18kA		Icu=55kA	
3VJ12	160A	3VJ1216-2DA22-0AA0	3,641,000	3VJ1216-8DA22-0AA0	4,756,000
	200A	3VJ1220-2DA22-0AA0	4,541,000	3VJ1220-8DA22-0AA0	5,944,000
	250A	3VJ1225-2DA22-0AA0	5,110,000	3VJ1225-8DA22-0AA0	6,664,000
2P		Icu=25kA		Icu=36kA	
3VJ11	16A	3VJ1196-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1196-6DA22-0AA0	2,985,000
	20A	3VJ1102-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1102-6DA22-0AA0	2,985,000
	25A	3VJ1192-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1192-6DA22-0AA0	2,985,000
	32A	3VJ1103-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1103-6DA22-0AA0	2,985,000
	40A	3VJ1104-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1104-6DA22-0AA0	2,985,000
	50A	3VJ1105-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1105-6DA22-0AA0	2,985,000
	63A	3VJ1106-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1106-6DA22-0AA0	2,985,000
	80A	3VJ1108-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1108-6DA22-0AA0	2,985,000
	100A	3VJ1110-4DA22-0AA0	2,728,000	3VJ1110-6DA22-0AA0	2,985,000
	125A	3VJ1112-4DA22-0AA0	4,384,000	3VJ1112-6DA22-0AA0	4,785,000
3VJ12	160A	3VJ1216-4DA22-0AA0	3,982,000	3VJ1216-6DA22-0AA0	4,338,000
	200A	3VJ1220-4DA22-0AA0	4,970,000	3VJ1220-6DA22-0AA0	5,401,000
	250A	3VJ1225-4DA22-0AA0	5,577,000	3VJ1225-6DA22-0AA0	6,045,000

Ghi chú: Tấm che mặt trước cho MCCBs 3VJ10 10kA không được cung cấp như phụ kiện tiêu chuẩn. Chỉ tấm chắn pha được cung cấp
Noted: front barriers are not supplied with 3VJ10 10kA MCCBs as standard (3VJ10.-0...). Only phase barriers are supplied as standard

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=100%Icu

Thermal magnetic protection
Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.
MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=100%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2

Ics=100%Icu



3VJ1x 3P



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, FTFM - MCCB 3VJ, đến 630A, đặc tuyến bảo vệ cố định NEW					
Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=10kA		3P		4P	
3VJ10	16A	3VJ1096-0DA32-0AA0	2,173,000	3VJ1096-0EA42-0AA0	2,882,000
	20A	3VJ1002-0DA32-0AA0	2,173,000	3VJ1002-0EA42-0AA0	2,882,000
	25A	3VJ1092-0DA32-0AA0	2,173,000	3VJ1092-0EA42-0AA0	2,882,000
	32A	3VJ1003-0DA32-0AA0	2,173,000	3VJ1003-0EA42-0AA0	2,882,000
	40A	3VJ1004-0DA32-0AA0	2,173,000	3VJ1004-0EA42-0AA0	2,882,000
	50A	3VJ1005-0DA32-0AA0	2,173,000	3VJ1005-0EA42-0AA0	2,882,000
	63A	3VJ1006-0DA32-0AA0	2,321,000	3VJ1006-0EA42-0AA0	2,882,000
	80A	3VJ1008-0DA32-0AA0	2,321,000	3VJ1008-0EA42-0AA0	2,882,000
	100A	3VJ1010-0DA32-0AA0	2,321,000	3VJ1010-0EA42-0AA0	2,882,000
	125A	3VJ1012-0DA32-0AA0	3,270,000	3VJ1012-0EA42-0AA0	3,661,000
Icu=18kA		3P		4P	
3VJ10	16A	3VJ1096-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1096-2EA42-0AA0	4,373,000
	20A	3VJ1002-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1002-2EA42-0AA0	4,373,000
	25A	3VJ1092-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1092-2EA42-0AA0	4,373,000
	32A	3VJ1003-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1003-2EA42-0AA0	4,373,000
	40A	3VJ1004-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1004-2EA42-0AA0	4,373,000
	50A	3VJ1005-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1005-2EA42-0AA0	4,373,000
	63A	3VJ1006-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1006-2EA42-0AA0	4,373,000
	80A	3VJ1008-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1008-2EA42-0AA0	4,373,000
	100A	3VJ1010-2DA32-0AA0	3,359,000	3VJ1010-2EA42-0AA0	4,373,000
	125A	3VJ1012-2DA32-0AA0	5,366,000	3VJ1012-2EA42-0AA0	6,983,000
3VJ12	160A	3VJ1216-2DA32-0AA0	6,389,000	3VJ1216-2EA42-0AA0	8,558,000
	200A	3VJ1220-2DA32-0AA0	7,508,000	3VJ1220-2EA42-0AA0	9,741,000
	250A	3VJ1225-2DA32-0AA0	8,399,000	3VJ1225-2EA42-0AA0	10,940,000
Icu=25kA		3P		4P	
3VJ11	16A	3VJ1196-4DA32-0AA0	4,030,000	3VJ1196-4EA42-0AA0	5,077,000
	20A	3VJ1102-4DA32-0AA0	4,030,000	3VJ1102-4EA42-0AA0	5,077,000
	25A	3VJ1192-4DA32-0AA0	4,030,000	3VJ1192-4EA42-0AA0	5,077,000
	32A	3VJ1103-4DA32-0AA0	4,030,000	3VJ1103-4EA42-0AA0	5,077,000
	40A	3VJ1104-4DA32-0AA0	4,030,000	3VJ1104-4EA42-0AA0	5,077,000
	50A	3VJ1105-4DA32-0AA0	4,030,000	3VJ1105-4EA42-0AA0	5,077,000
	63A	3VJ1106-4DA32-0AA0	4,371,000	3VJ1106-4EA42-0AA0	5,077,000
	80A	3VJ1108-4DA32-0AA0	4,371,000	3VJ1108-4EA42-0AA0	5,077,000
	100A	3VJ1110-4DA32-0AA0	4,371,000	3VJ1110-4EA42-0AA0	5,077,000
	125A	3VJ1112-4DA32-0AA0	6,496,000	3VJ1112-4EA42-0AA0	8,151,000
3VJ12	160A	3VJ1216-4DA32-0AA0	6,978,000	3VJ1216-4EA42-0AA0	8,531,000
	200A	3VJ1220-4DA32-0AA0	8,210,000	3VJ1220-4EA42-0AA0	10,203,000
	250A	3VJ1225-4DA32-0AA0	8,327,000	3VJ1225-4EA42-0AA0	10,357,000
	320A	3VJ1332-4DA32-0AA0	12,749,000	3VJ1332-4EA42-0AA0	16,597,000
	400A	3VJ1340-4DA32-0AA0	12,749,000	3VJ1340-4EA42-0AA0	16,597,000

Ghi chú: Tấm che mặt trước cho MCCBs 3VJ10 10kA không được cung cấp như phụ kiện tiêu chuẩn. Chỉ tấm chắn pha được cung cấp
Noted: front barriers are not supplied with 3VJ10 10kA MCCBs as standard (3VJ10..-0...). Only phase barriers are supplied as standard

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=100%Icu

Thermal magnetic protection
Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=100%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2

Ics=100%Icu



3VJ1x 3P



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, FTFM - MCCB 3VJ, đến 630A, đặc tuyến bảo vệ cố định NEW					
Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=36kA		3P		4P	
3VJ11	16A	3VJ1196-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1196-6EA42-0AA0	5,531,000
	20A	3VJ1102-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1102-6EA42-0AA0	5,531,000
	25A	3VJ1192-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1192-6EA42-0AA0	5,531,000
	32A	3VJ1103-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1103-6EA42-0AA0	5,531,000
	40A	3VJ1104-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1104-6EA42-0AA0	5,531,000
	50A	3VJ1105-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1105-6EA42-0AA0	5,531,000
	63A	3VJ1106-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1106-6EA42-0AA0	5,878,000
	80A	3VJ1108-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1108-6EA42-0AA0	5,878,000
	100A	3VJ1110-6DA32-0AA0	4,257,000	3VJ1110-6EA42-0AA0	5,878,000
	125A	3VJ1112-6DA32-0AA0	6,824,000	3VJ1112-6EA42-0AA0	8,842,000
3VJ12	160A	3VJ1216-6DA32-0AA0	6,831,000	3VJ1216-6EA42-0AA0	8,861,000
	200A	3VJ1220-6DA32-0AA0	8,116,000	3VJ1220-6EA42-0AA0	10,813,000
	250A	3VJ1225-6DA32-0AA0	8,650,000	3VJ1225-6EA42-0AA0	11,253,000
3VJ13	320A	3VJ1332-6DA32-0AA0	13,866,000	3VJ1332-6EA42-0AA0	17,991,000
	400A	3VJ1340-6DA32-0AA0	13,866,000	3VJ1340-6EA42-0AA0	17,991,000
3VJ14	500A	3VJ1450-6DA32-0AA0	18,456,000	3VJ1450-6EA42-0AA0	23,577,000
	630A	3VJ1463-6DA32-0AA0	19,542,000	3VJ1463-6EA42-0AA0	25,592,000
Icu=55kA		3P		4P	
3VJ12	160A	3VJ1216-8DA32-0AA0	6,791,000	3VJ1216-8EA42-0AA0	11,759,000
	200A	3VJ1220-8DA32-0AA0	8,474,000	3VJ1220-8EA42-0AA0	11,719,000
	250A	3VJ1225-8DA32-0AA0	9,524,000	3VJ1225-8EA42-0AA0	12,381,000
3VJ13	320A	3VJ1332-8DA32-0AA0	17,061,000	3VJ1332-8EA42-0AA0	21,868,000
	400A	3VJ1340-8DA32-0AA0	17,061,000	3VJ1340-8EA42-0AA0	21,868,000
3VJ14	500A	3VJ1450-8DA32-0AA0	22,334,000	3VJ1450-8EA42-0AA0	29,159,000
	630A	3VJ1463-8DA32-0AA0	24,349,000	3VJ1463-8EA42-0AA0	31,796,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=100%Icu

Thermal magnetic protection
Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=100%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2

Ics=100%Icu



3VJ1x 4P

MCCB 3VJ, up to 630A, ATFM - đến 630A, đặc tuyến bảo vệ quá tải chỉnh định được từ (0.8...1)xIn						NEW	
Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá		
Icu=10kA		3P		4P			
3VJ10	16A	3VJ1096-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1096-0EB42-0AA0	3,097,000		
	20A	3VJ1002-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1002-0EB42-0AA0	3,097,000		
	25A	3VJ1092-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1092-0EB42-0AA0	4,400,000		
	32A	3VJ1003-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1003-0EB42-0AA0	4,400,000		
	40A	3VJ1004-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1004-0EB42-0AA0	4,400,000		
	50A	3VJ1005-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1005-0EB42-0AA0	4,400,000		
	63A	3VJ1006-0DB32-0AA0	2,728,000	3VJ1006-0EB42-0AA0	4,400,000		
	80A	3VJ1008-0DB32-0AA0	2,756,000	3VJ1008-0EB42-0AA0	4,497,000		
	100A	3VJ1010-0DB32-0AA0	2,756,000	3VJ1010-0EB42-0AA0	4,497,000		
	125A	3VJ1012-0DB32-0AA0	3,691,000	3VJ1012-0EB42-0AA0	6,573,000		
Icu=18kA		3P		4P			
3VJ10	16A	3VJ1096-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1096-2EB42-0AA0	4,426,000		
	20A	3VJ1002-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1002-2EB42-0AA0	4,426,000		
	25A	3VJ1092-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1092-2EB42-0AA0	4,899,000		
	32A	3VJ1003-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1003-2EB42-0AA0	4,899,000		
	40A	3VJ1004-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1004-2EB42-0AA0	4,899,000		
	50A	3VJ1005-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1005-2EB42-0AA0	4,899,000		
	63A	3VJ1006-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1006-2EB42-0AA0	4,899,000		
	80A	3VJ1008-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1008-2EB42-0AA0	4,899,000		
	100A	3VJ1010-2DB32-0AA0	3,414,000	3VJ1010-2EB42-0AA0	4,899,000		
	125A	3VJ1012-2DB32-0AA0	5,473,000	3VJ1012-2EB42-0AA0	7,110,000		
3VJ12	160A	3VJ1216-2DB32-0AA0	6,483,000	3VJ1216-2EB42-0AA0	8,481,000		
	200A	3VJ1220-2DB32-0AA0	7,766,000	3VJ1220-2EB42-0AA0	9,152,000		
	250A	3VJ1225-2DB32-0AA0	8,716,000	3VJ1225-2EB42-0AA0	10,280,000		
Icu=25kA		3P		4P			
3VJ11	16A	3VJ1196-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1196-4EB42-0AA0	5,223,000		
	20A	3VJ1102-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1102-4EB42-0AA0	5,223,000		
	25A	3VJ1192-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1192-4EB42-0AA0	5,223,000		
	32A	3VJ1103-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1103-4EB42-0AA0	5,223,000		
	40A	3VJ1104-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1104-4EB42-0AA0	5,223,000		
	50A	3VJ1105-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1105-4EB42-0AA0	5,223,000		
	63A	3VJ1106-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1106-4EB42-0AA0	5,223,000		
	80A	3VJ1108-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1108-4EB42-0AA0	5,223,000		
	100A	3VJ1110-4DB32-0AA0	4,145,000	3VJ1110-4EB42-0AA0	5,223,000		
	125A	3VJ1112-4DB32-0AA0	6,611,000	3VJ1112-4EB42-0AA0	8,278,000		
3VJ12	160A	3VJ1216-4DB32-0AA0	6,774,000	3VJ1216-4EB42-0AA0	8,036,000		
	200A	3VJ1220-4DB32-0AA0	8,369,000	3VJ1220-4EB42-0AA0	9,612,000		
	250A	3VJ1225-4DB32-0AA0	8,542,000	3VJ1225-4EB42-0AA0	10,789,000		
	320A	3VJ1332-4DB32-0AA0	13,013,000	3VJ1332-4EB42-0AA0	17,061,000		
	400A	3VJ1340-4DB32-0AA0	13,013,000	3VJ1340-4EB42-0AA0	17,061,000		

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Ghi chú: Tấm che mặt trước cho MCCBs 3VJ10 10kA không được cung cấp như phụ kiện tiêu chuẩn. Chỉ tấm chắn pha được cung cấp
Noted: front barriers are not supplied with 3VJ10 10kA MCCBs as standard (3VJ10..-0...-). Only phase barriers are supplied as standard

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VJ has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VJ up to 630A, Icu from 10 to 55kA at 415V AC

Ics=100%Icu

Thermal magnetic protection

Standards IEC / EN 60947-2

Thermal magnetic trip unit MCCB 3VJ MCCB sử dụng bộ điều khiển từ nhiệt 3VJ

MCCB 3VJ có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VJ lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 10 đến 55kA tại 415V AC

Ics=100%Icu

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-2

Ics=100%Icu



3VJ1x 3P

MCCB 3VJ, up to 630A, ATFM - đến 630A, đặc tuyến bảo vệ quá tải chỉnh định được từ (0.8...1)xIn						NEW	
Type	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	
Icu=36kA		3P		4P			
3VJ11	16A	3VJ1196-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1196-6EB42-0AA0	5,660,000	
	20A	3VJ1102-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1102-6EB42-0AA0	5,660,000	
	25A	3VJ1192-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1192-6EB42-0AA0	5,660,000	
	32A	3VJ1103-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1103-6EB42-0AA0	5,660,000	
	40A	3VJ1104-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1104-6EB42-0AA0	5,660,000	
	50A	3VJ1105-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1105-6EB42-0AA0	5,660,000	
	63A	3VJ1106-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1106-6EB42-0AA0	5,660,000	
	80A	3VJ1108-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1108-6EB42-0AA0	5,660,000	
	100A	3VJ1110-6DB32-0AA0	4,349,000		3VJ1110-6EB42-0AA0	6,015,000	
	125A	3VJ1112-6DB32-0AA0	6,914,000		3VJ1112-6EB42-0AA0	9,024,000	
3VJ12	160A	3VJ1216-6DB32-0AA0	6,769,000		3VJ1216-6EB42-0AA0	9,345,000	
	200A	3VJ1220-6DB32-0AA0	7,865,000		3VJ1220-6EB42-0AA0	11,647,000	
	250A	3VJ1225-6DB32-0AA0	8,853,000		3VJ1225-6EB42-0AA0	12,216,000	
3VJ13	320A	3VJ1332-6DB32-0AA0	14,130,000		3VJ1332-6EB42-0AA0	18,612,000	
	400A	3VJ1340-6DB32-0AA0	14,130,000		3VJ1340-6EB42-0AA0	18,612,000	
3VJ14	500A	3VJ1450-6DB32-0AA0	18,766,000		3VJ1450-6EB42-0AA0	24,506,000	
	630A	3VJ1463-6DB32-0AA0	19,853,000		3VJ1463-6EB42-0AA0	25,900,000	
Icu=55kA		3P		4P			
3VJ12	160A	3VJ1216-8DB32-0AA0	(*)		3VJ1216-8EB42-0AA0	10,401,000	
	200A	3VJ1220-8DB32-0AA0	(*)		3VJ1220-8EB42-0AA0	11,675,000	
	250A	3VJ1225-8DB32-0AA0	(*)		3VJ1225-8EB42-0AA0	12,896,000	
3VJ13	320A	3VJ1332-8DB32-0AA0	17,373,000		3VJ1332-8EB42-0AA0	22,644,000	
	400A	3VJ1340-8DB32-0AA0	17,373,000		3VJ1340-8EB42-0AA0	22,644,000	
3VJ14	500A	3VJ1450-8DB32-0AA0	22,955,000		3VJ1450-8EB42-0AA0	29,623,000	
	630A	3VJ1463-8DB32-0AA0	24,970,000		3VJ1463-8EB42-0AA0	32,415,000	

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Internal Accessories Mounting Location	Type	3VJ10					3VJ11/3VJ12					3VJ13/3VJ14				
		2/3 poles		4 poles			2/3 poles		4 poles			2/3 poles		4 poles		
		Left	Right	Left 2 nd	Left 1 st	Right	Left	Right	Left	Right 1 st	Right 2 nd	Left	Right	Left	Right 1 st	Right 2 nd
Auxiliary switch	AUX	X		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Trip alarm switch	AL	X			X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Auxiliary and Trip alarm switch	AUX+AL	X			X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	
Undervoltage release	UV		X			X		X		X	X		X		X	X
Shunt trip	ST						X		X			X		X		

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

Accessories for MCCB 3VJ including 3VJ10, 3VJ11, 3VJ12, 3VJ13, 3VJ14
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VJ molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VJ

Phụ kiện cho MCCB 3VJ bao gồm 3VJ10, 3VJ11, 3VJ12, 3VJ13, 3VJ14
Dùng cho MCCB 2P, 3P, 4P

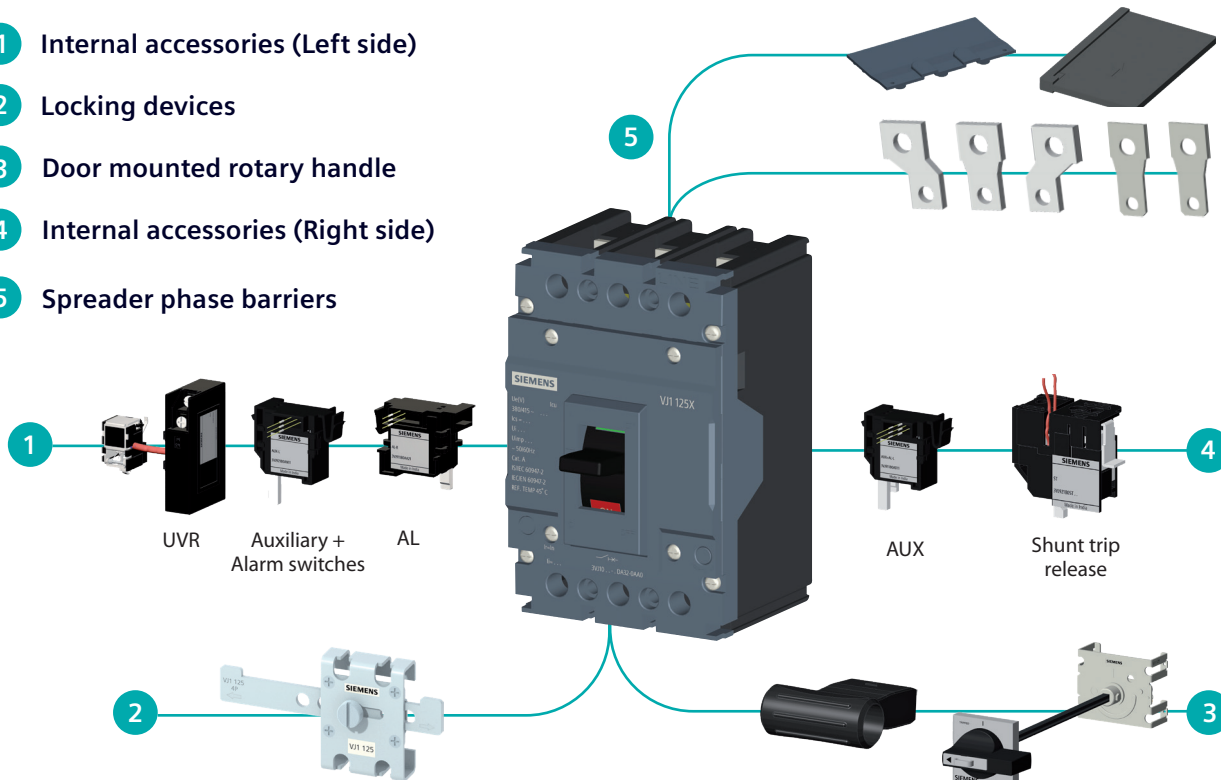
1 Internal accessories (Left side)

2 Locking devices

3 Door mounted rotary handle

4 Internal accessories (Right side)

5 Spreader phase barriers



Auxiliary switches and alarm switches - Tiếp điểm phụ báo trạng thái và báo sự cố - Dùng cho 3VJ 2P, 3P, 4P

Type Loại	Contact Tiếp điểm	Used for Dùng cho	Mounted Left- Gắn bên trái		Mounted Right- Gắn bên phải	
			Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switch AUX Tiếp điểm phụ báo trạng thái	1NO+1NC	3VJ10	3VJ9018-0AN11	873,000		
		3VJ11/12	3VJ9218-0AN11	873,000	3VJ9218-0AN21	873,000
		3VJ13/14	3VJ9417-0AN11	649,000	3VJ9417-0AN21	565,000
Trip alarm switch AL Tiếp điểm phụ báo sự cố	1NO+1NC	3VJ10	3VJ9018-0AA11	873,000		
		3VJ11	3VJ9118-0AA11	873,000	3VJ9118-0AA21	873,000
		3VJ12	3VJ9218-0AA11	831,000	3VJ9218-0AA21	831,000
		3VJ13/14	3VJ9417-0AA11	820,000	3VJ9417-0AA11	820,000
Auxiliary and alarm switch AUX+AL Tiếp điểm phụ báo trạng thái và sự cố	2NO+2NC	3VJ10	3VJ9018-0AD11	1,100,000		
		3VJ11	3VJ9118-0AD11	1,456,000	3VJ9118-0AD21	1,456,000
		3VJ12	3VJ9218-0AD11	1,384,000	3VJ9218-0AD21	1,384,000
		3VJ13/14	3VJ9417-0AD11	1,172,000	3VJ9417-0AD21	1,172,000

Undervoltage releases left and Shunt trip right - Cuộn thấp áp và cuộn cắt - Dùng cho 3VJ 2P, 3P, 4P

Type Loại	Voltage Điện áp	3VJ10		3VJ11/3VJ12		3VJ13/3VJ14	
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Undervoltage release UVR (Left) Cuộn thấp áp (bên trái)	24V DC			3VJ9218-0UV11	2,261,000		
	48V DC			3VJ9218-0UV12	5,946,000		
	220V AC			3VJ9218-0UV36	5,946,000	3VJ9417-0UV36	2,662,000
	415V AC			3VJ9218-0UV37	2,261,000	3VJ9417-0UV37	2,864,000
Shunt trip (right) ST ⁽¹⁾ Cuộn cắt (bên phải)	24V DC			3VJ9218-0ST11	1,716,000	3VJ9417-0ST21	1,835,000
	48V DC			3VJ9218-0ST12	1,716,000	3VJ9417-0ST22	2,195,000
	220V AC	3VJ9018-0ST36	1,555,000	3VJ9218-0ST36	1,716,000	3VJ9417-0ST36	1,835,000
	415V AC	3VJ9018-0ST37	1,555,000	3VJ9218-0ST37	1,716,000	3VJ9417-0ST37	1,835,000

Ghi chú: (1) Tiếp điểm tác động đưa vào bộ Shunt Trip là dạng xung (pulse), không được sử dụng với tín hiệu giữ liên tục (continuous)

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

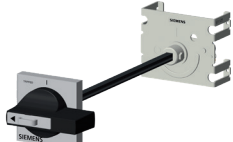
Accessories for MCCB 3VJ including 3VJ10, 3VJ11, 3VJ12, 3VJ13, 3VJ14
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VJ molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VJ

Phụ kiện cho MCCB 3VJ bao gồm 3VJ10, 3VJ11, 3VJ12, 3VJ13, 3VJ14
Dùng cho MCCB 2P, 3P, 4P

Extended Door Mounted Rotary Operator (including 8UC handle)¹ - Tay xoay nối dài

Type Loại	Color Màu	Used for Dùng cho	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Door mounted rotary operator Tay xoay nối dài gắn mặt tủ	Gray Xám	3VJ10	3VJ9018-0HD11	1,562,000
		3VJ11	3VJ9118-0HD11	1,562,000
		3VJ12	3VJ9218-0HD11	1,760,000
		3VJ13/3VJ14	3VJ9417-0HD11	2,541,000



Door mounted
rotary operator



Connection bar
extended for 3P

Straight Terminals² - Đầu cực nối dài

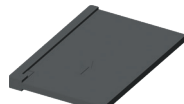
Connection bar extended Đầu cực nối dài cho MCCB	1P	3VJ10	3VJ9011-0EC00	369,000
---	----	-------	---------------	---------

Spreader Terminals³ - Đầu cực nối dài

Connection bar extended for 2P Đầu cực nối dài cho MCCB 2P	2P	3VJ10	3VJ9012-0ED00	669,000
		3VJ11	3VJ9112-0ED00	669,000
		3VJ12	3VJ9212-0ED00	737,000
Connection bar extended for 3P Đầu cực nối dài cho MCCB 3P (3 đầu cực)	3P	3VJ10	3VJ9013-0ED00	1,150,000
		3VJ11	3VJ9113-0ED00	1,150,000
		3VJ12	3VJ9213-0ED00	1,276,000
		3VJ13	3VJ9313-0ED00	2,046,000
		3VJ14	3VJ9413-0ED00	1,815,000
Connection bar extended for 4P Đầu cực nối dài cho MCCB 4P (4 đầu cực)	4P	3VJ10	3VJ9014-0ED00	1,496,000
		3VJ11	3VJ9114-0ED00	1,496,000
		3VJ12	3VJ9214-0ED00	1,661,000
		3VJ13	3VJ9314-0ED00	2,677,000
		3VJ14	3VJ9414-0ED00	2,360,000

Phase Barriers⁴ - Tấm chắn pha

Phase barriers (2pcs) Tấm chắn pha (2 tấm)		3VJ10	3VJ9018-OCA00	163,000
		3VJ11/3VJ12	3VJ9218-OCA00	169,000
		3VJ13/3VJ14	3VJ9417-OCA00	229,000



Phase barriers

Terminal Covers⁵ - Tấm che đầu cực

Termial Covers for Tấm che đầu cực cho MCCB	1P	3VJ10	3VJ9011-0CJ10	61,000
		2P/3P	3VJ9016-0CJ30	215,000
			3VJ9116-0CJ30	264,000
			3VJ9216-0CJ30	328,000
			3VJ9413-0CJ30	416,000
	4P	3VJ10	3VJ9014-0CJ40	284,000
		3VJ11	3VJ9114-0CJ40	352,000
		3VJ12	3VJ9214-0CJ40	438,000
		3VJ13/3VJ14	3VJ9414-0CJ40	506,000



Front Barriers

Toggle handle extension⁶ - Tay thao tác nối dài

Toggle handle extension - Tay thao tác nối dài		3VJ13/3VJ14	3VJ9417-0DH10	658,000
--	--	-------------	---------------	---------

Mechanical interlock - Liên động cơ khí

Mechanical interlock Liên động cơ khí	2P/3P	3VJ11	3VJ9116-0VM10	1,885,000
		3VJ12	3VJ9216-0VM10	2,000,000
	3P	3VJ13/3VJ14	3VJ9313-0VM10	2,261,000
	4P	3VJ11	3VJ9114-0VM10	1,885,000
		3VJ12	3VJ9214-0VM10	2,000,000
		3VJ13/3VJ14	3VJ9314-0VM10	2,261,000



Mechanical
interlock

Ghi chú/Noted:

1) 1 set contains rotary mechanism, coupler, shaft and 8UC handle. Rotary operators are not available for 1P 3VJ MCCBs.

2) Straight Terminals: 1 set = 2 pieces.

3) Spreader Terminal: 1 set = 3 pieces for 3-pole and 4 pieces in case of 4-pole.

4) 1 set contains 2 phase barriers.

5) 1 set contains 2 terminal covers (top & bottom).

6) Toggle handle extension is included in the standard packing of 3VJ13 and 3VJ14 (400A and 630A) MCCB

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VM has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VM 1P up to 160A, Icu 25 or 36kA at 240V AC

MCCB 3VM 2P up to 160A, Icu 25 or 36kA at 415V AC

Thermal magnetic protection, fixed overload protection

Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1

3VM molded case circuit breakers 1P, 2P Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VM 1 cực, 2 cực

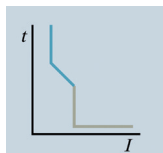
MCCB 3VM có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VM 1P lên đến 160A, dòng cắt ngắn mạch 25 hoặc 36kA tại 240 VAC

MCCB 3VM 2P lên đến 160A, dòng cắt ngắn mạch 25 hoặc 36kA tại 415V AC

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt, dòng định mức cố định

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1



MCCB 3VM 1P



MCCB 3VM 2P

3VM11, 1/2-pole, fixed, TM210 trip unit - MCCB 3VM 1/2 cực, gắn cố định, bộ điều khiển từ nhiệt TM210

With fixed overload protection Ir and fixed short-circuit protection Ii - Đặc tuyến quá tải và ngắn mạch cố định

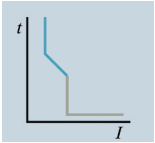
Loại	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=25kA		1P		2P	
3VM11	16A	3VM1196-3ED12-0AA0	2,169,000	3VM1196-3ED22-0AA0	3,283,000
	20A	3VM1120-3ED12-0AA0	2,169,000	3VM1120-3ED22-0AA0	3,283,000
	25A	3VM1125-3ED12-0AA0	2,169,000	3VM1125-3ED22-0AA0	3,283,000
	32A	3VM1132-3ED12-0AA0	2,169,000	3VM1132-3ED22-0AA0	3,283,000
	40A	3VM1140-3ED12-0AA0	2,169,000	3VM1140-3ED22-0AA0	3,283,000
	50A	3VM1150-3ED12-0AA0	2,169,000	3VM1150-3ED22-0AA0	3,283,000
	63A	3VM1163-3ED12-0AA0	2,320,000	3VM1163-3ED22-0AA0	3,283,000
	80A	3VM1180-3ED12-0AA0	2,320,000	3VM1180-3ED22-0AA0	3,403,000
	100A	3VM1110-3ED12-0AA0	2,320,000	3VM1110-3ED22-0AA0	3,905,000
	125A	3VM1112-3ED12-0AA0	3,520,000	3VM1112-3ED22-0AA0	6,320,000
	160A	3VM1116-3ED12-0AA0	4,076,000	3VM1116-3ED22-0AA0	7,344,000
Icu=36kA		1P		2P	
3VM11	16A	3VM1196-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1196-4ED22-0AA0	3,350,000
	20A	3VM1120-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1120-4ED22-0AA0	3,350,000
	25A	3VM1125-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1125-4ED22-0AA0	3,350,000
	32A	3VM1132-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1132-4ED22-0AA0	3,350,000
	40A	3VM1140-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1140-4ED22-0AA0	3,350,000
	50A	3VM1150-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1150-4ED22-0AA0	3,350,000
	63A	3VM1163-4ED12-0AA0	2,365,000	3VM1163-4ED22-0AA0	3,574,000
	80A	3VM1180-4ED12-0AA0	2,598,000	3VM1180-4ED22-0AA0	3,706,000
	100A	3VM1110-4ED12-0AA0	2,996,000	3VM1110-4ED22-0AA0	4,222,000
	125A	3VM1112-4ED12-0AA0	3,824,000	3VM1112-4ED22-0AA0	7,055,000
	160A	3VM1116-4ED12-0AA0	4,474,000	3VM1116-4ED22-0AA0	7,963,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VM has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VM 3/4P up to 630A, Icu from 16 to 55kA at 415V AC
Thermal magnetic protection, fixed overload protection
Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1

3VM molded case circuit breakers 3/4P Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VM 3/4 cực

MCCB 3VM có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.
MCCB 3VM 3/4P lên đến 630A, dòng cắt Icu từ 16 đến 55kA tại 415V AC
Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt, dòng định mức cố định
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1



3VM1 3P



3VM1 4P

3VM, up to 630A, fixed, TM210 trip unit - MCCB 3VM, đến 630A, gắn cố định, bộ điều khiển từ nhiệt TM210
With fixed overload protection Ir and fixed short-circuit protection Ii - Đặc tuyến quá tải và ngắn mạch cố định

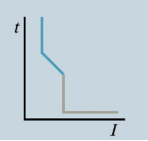
Loại	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=16kA		3P		4P	
3VM10	16A	3VM1096-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1096-2ED42-0AA0	4,895,000
	20A	3VM1020-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1020-2ED42-0AA0	4,895,000
	25A	3VM1025-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1025-2ED42-0AA0	4,895,000
	32A	3VM1032-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1032-2ED42-0AA0	4,895,000
	40A	3VM1040-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1040-2ED42-0AA0	4,895,000
	50A	3VM1050-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1050-2ED42-0AA0	4,895,000
	63A	3VM1063-2ED32-0AA0	3,784,000	3VM1063-2ED42-0AA0	4,895,000
	80A	3VM1080-2ED32-0AA0	4,130,000	3VM1080-2ED42-0AA0	5,406,000
	100A	3VM1010-2ED32-0AA0	4,541,000	3VM1010-2ED42-0AA0	6,262,000
Icu=25kA		3P		4P	
3VM10	16A	3VM1096-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1096-3ED42-0AA0	6,074,000
	20A	3VM1020-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1020-3ED42-0AA0	6,074,000
	25A	3VM1025-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1025-3ED42-0AA0	6,074,000
	32A	3VM1032-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1032-3ED42-0AA0	6,074,000
	40A	3VM1040-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1040-3ED42-0AA0	6,074,000
	50A	3VM1050-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1050-3ED42-0AA0	6,074,000
	63A	3VM1063-3ED32-0AA0	4,499,000	3VM1063-3ED42-0AA0	6,074,000
	80A	3VM1080-3ED32-0AA0	4,626,000	3VM1080-3ED42-0AA0	6,449,000
	100A	3VM1010-3ED32-0AA0	4,626,000	3VM1010-3ED42-0AA0	6,449,000
3VM11	125A	3VM1112-3ED32-0AA0	6,758,000	3VM1112-3GD42-0AA0	9,105,000
	160A	3VM1116-3ED32-0AA0	8,157,000	3VM1116-3GD42-0AA0	10,252,000
Icu=36kA		3P		4P	
3VM10	16A	3VM1096-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1096-4ED42-0AA0	6,461,000
	20A	3VM1020-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1020-4ED42-0AA0	6,461,000
	25A	3VM1025-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1025-4ED42-0AA0	6,461,000
	32A	3VM1032-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1032-4ED42-0AA0	6,461,000
	40A	3VM1040-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1040-4ED42-0AA0	6,461,000
	50A	3VM1050-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1050-4ED42-0AA0	6,461,000
	63A	3VM1063-4ED32-0AA0	4,738,000	3VM1063-4ED42-0AA0	6,461,000
	80A	3VM1080-4ED32-0AA0	4,867,000	3VM1080-4ED42-0AA0	6,859,000
	100A	3VM1010-4ED32-0AA0	4,867,000	3VM1010-4ED42-0AA0	6,859,000
3VM11	125A	3VM1112-4ED32-0AA0	7,341,000	3VM1112-4GD42-0AA0	9,557,000
	160A	3VM1116-4ED32-0AA0	8,783,000	3VM1116-4GD42-0AA0	11,125,000
3VM12	200A	3VM1220-4ED32-0AA0	10,752,000	3VM1220-4GD42-0AA0	13,986,000
	250A	3VM1225-4ED32-0AA0	12,048,000	3VM1225-4GD42-0AA0	15,686,000
3VM13	320A	3VM1332-4ED32-0AA0	19,717,000	3VM1332-4GD42-0AA0	22,294,000
	400A	3VM1340-4ED32-0AA0	19,717,000	3VM1340-4GD42-0AA0	22,294,000
3VM14	500A	3VM1450-4ED32-0AA0	27,618,000	3VM1450-4GD42-0AA0	32,606,000
	630A	3VM1463-4ED32-0AA0	27,618,000	3VM1463-4GD42-0AA0	32,606,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VM has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VM 3/4P up to 630A, Icu from 16 to 55kA at 415V AC
Thermal magnetic protection, fixed overload protection
Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1

3VM molded case circuit breakers 3/4P Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VM 3/4 cực

MCCB 3VM có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch
MCCB 3VM 3/4P đến 630A, dòng cắt ngắn mạch Icu từ 16 đến 55kA tại 415V AC
Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt, dòng định mức cố định
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1



3VM, up to 630A, fixed, TM210 trip unit - MCCB 3VM, đến 630A, gắn cố định, bộ điều khiển từ nhiệt TM210
With fixed overload protection Ir and fixed short-circuit protection Ii - Đặc tuyến quá tải và ngắn mạch cố định

Loại	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=55kA		3P		4P	
3VM11	125A	3VM1112-5ED32-0AA0	8,101,000	3VM1112-5GD42-0AA0	10,494,000
	160A	3VM1116-5ED32-0AA0	9,666,000	3VM1116-5GD42-0AA0	12,241,000
3VM12	200A	3VM1220-5ED32-0AA0	11,834,000	3VM1220-5GD42-0AA0	15,394,000
	250A	3VM1225-5ED32-0AA0	13,291,000	3VM1225-5GD42-0AA0	17,301,000
3VM13	320A	3VM1332-5ED32-0AA0	22,900,000	3VM1332-5GD42-0AA0	25,562,000
	400A	3VM1340-5ED32-0AA0	22,900,000	3VM1340-5GD42-0AA0	25,562,000
3VM14	500A	3VM1450-5ED32-0AA0	30,107,000	3VM1450-5GD42-0AA0	35,537,000
	630A	3VM1463-5ED32-0AA0	30,107,000	3VM1463-5GD42-0AA0	35,537,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VM has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VM 3P, 4P up to 630A, Icu from 25 to 55kA at 415V AC

Thermal magnetic protection, adjustable overload protection

Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1

3VM molded case circuit breakers 3P, 4P Ir adjustable Cầu dao tự động dạng khối 3VM 3 cực, 4 cực chỉnh định

MCCB 3VM có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VM 3P, 4P lên đến 630A, dòng cắt ngắn mạch từ 25 đến 55kA at 415V AC

Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt, dòng bảo vệ quá tải chỉnh định được

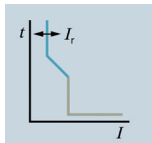
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-6-1

3VM, up to 630A, fixed, TM220 trip unit - MCCB 3VM, đến 630A, gắn cố định, bộ điều khiển từ nhiệt TM220

With adjustable overload protection I_r from $(0.7 \dots 1) \times I_n$ and fixed short-circuit protection I_i

Đặc tuyến quá tải chỉnh định được từ $(0.7 \dots 1) \times I_n$ và đặc tuyến ngắn mạch cố định

Loại	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=25kA		3P		4P	
3VM11	16A	3VM1196-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1196-3GE42-0AA0	6,390,000
	20A	3VM1120-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1120-3GE42-0AA0	6,390,000
	25A	3VM1125-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1125-3GE42-0AA0	6,390,000
	32A	3VM1132-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1132-3GE42-0AA0	6,390,000
	40A	3VM1140-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1140-3GE42-0AA0	6,390,000
	50A	3VM1150-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1150-3GE42-0AA0	6,390,000
	63A	3VM1163-3EE32-0AA0	4,733,000	3VM1163-3GE42-0AA0	6,390,000
	80A	3VM1180-3EE32-0AA0	4,867,000	3VM1180-3GE42-0AA0	6,785,000
	100A	3VM1110-3EE32-0AA0	4,867,000	3VM1110-3GE42-0AA0	6,785,000
	125A	3VM1112-3EE32-0AA0	6,954,000	3VM1112-3GE42-0AA0	9,585,000
	160A	3VM1116-3EE32-0AA0	8,587,000	3VM1116-3GE42-0AA0	10,527,000
Icu=36kA		3P		4P	
3VM11	16A	3VM1196-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1196-4GE42-0AA0	6,800,000
	20A	3VM1120-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1120-4GE42-0AA0	6,800,000
	25A	3VM1125-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1125-4GE42-0AA0	6,800,000
	32A	3VM1132-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1132-4GE42-0AA0	6,800,000
	40A	3VM1140-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1140-4GE42-0AA0	6,800,000
	50A	3VM1150-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1150-4GE42-0AA0	6,800,000
	63A	3VM1163-4EE32-0AA0	4,985,000	3VM1163-4GE42-0AA0	6,800,000
	80A	3VM1180-4EE32-0AA0	5,120,000	3VM1180-4GE42-0AA0	7,218,000
	100A	3VM1110-4EE32-0AA0	5,120,000	3VM1110-4GE42-0AA0	7,218,000
	125A	3VM1112-4EE32-0AA0	7,501,000	3VM1112-4GE42-0AA0	9,798,000
	160A	3VM1116-4EE32-0AA0	9,246,000	3VM1116-4GE42-0AA0	11,439,000
3VM12	200A	3VM1220-4EE32-0AA0	11,305,000	3VM1220-4GE42-0AA0	14,353,000
	250A	3VM1225-4EE32-0AA0	12,676,000	3VM1225-4GE42-0AA0	16,269,000
3VM13	320A	3VM1332-4EE32-0AA0	20,754,000	3VM1332-4GE42-0AA0	23,397,000
	400A	3VM1340-4EE32-0AA0	20,754,000	3VM1340-4GE42-0AA0	23,397,000
3VM14	500A	3VM1450-4EE32-0AA0	29,070,000	3VM1450-4GE42-0AA0	34,320,000
	630A	3VM1463-4EE32-0AA0	29,070,000	3VM1463-4GE42-0AA0	34,320,000
Icu=55kA		3P		4P	
3VM11	16A	3VM1196-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1196-5GE42-0AA0	7,689,000
	20A	3VM1120-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1120-5GE42-0AA0	7,689,000
	25A	3VM1125-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1125-5GE42-0AA0	7,689,000
	32A	3VM1132-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1132-5GE42-0AA0	7,689,000
	40A	3VM1140-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1140-5GE42-0AA0	7,689,000
	50A	3VM1150-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1150-5GE42-0AA0	7,689,000
	63A	3VM1163-5EE32-0AA0	5,695,000	3VM1163-5GE42-0AA0	7,689,000
	80A	3VM1180-5EE32-0AA0	5,851,000	3VM1180-5GE42-0AA0	8,160,000
	100A	3VM1110-5EE32-0AA0	5,851,000	3VM1110-5GE42-0AA0	8,160,000
	125A	3VM1112-5EE32-0AA0	8,261,000	3VM1112-5GE42-0AA0	10,738,000
	160A	3VM1116-5EE32-0AA0	10,174,000	3VM1116-5GE42-0AA0	12,595,000
3VM12	200A	3VM1220-5EE32-0AA0	12,102,000	3VM1220-5GE42-0AA0	15,700,000
	250A	3VM1225-5EE32-0AA0	13,582,000	3VM1225-5GE42-0AA0	17,625,000
3VM13	320A	3VM1332-5EE32-0AA0	24,107,000	3VM1332-5GE42-0AA0	26,909,000
	400A	3VM1340-5EE32-0AA0	24,107,000	3VM1340-5GE42-0AA0	26,909,000
3VM14	500A	3VM1450-5EE32-0AA0	31,688,000	3VM1450-5GE42-0AA0	37,407,000
	630A	3VM1463-5EE32-0AA0	31,688,000	3VM1463-5GE42-0AA0	37,407,000



3VM 11 3P



3VM 11 4P

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

Accessories for MCCB 3VM including 3VM10/11, 3VM12, 3VM13/14
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VM molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VM

Phụ kiện cho MCCB 3VM bao gồm 3VM10/11, 3VM12, 3VM13/14
Dùng cho MCCB 2P, 3P, 4P



3VM9988-0AA12
3VM9988-0AB12

Auxiliary switches and alarm switches - Tiếp điểm phụ báo trạng thái và báo sự cố - Dùng cho 3VM 2P, 3P, 4P

Type Loại	Contact Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switch AUX Tiếp điểm phụ báo trạng thái	1CO	3VM9988-0AA12	929,000
Trip alarm switch TAS Tiếp điểm phụ báo sự cố	1CO	3VM9988-0AB12	929,000



3VM9908-0BB11



3VM9908-0BL30

Undervoltage releases and Shunt trip left - Cuộn thấp áp và cuộn cắt - Dùng cho 3VM 2P, 3P, 4P

Type Loại	V AC 50/60Hz Điện áp AC	V DC Điện áp DC	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Undervoltage release UVR	-	24	3VM9908-0BB11	3,459,000
	-	48	3VM9908-0BB12	3,459,000
	110	-	3VM9908-0BB23	3,880,000
	120...127	-	3VM9908-0BB24	3,880,000
	208...230	-	3VM9908-0BB25	3,459,000
	380...400	-	3VM9908-0BB26	3,459,000
Shunt trip left STL Cuộn cắt	440...480	-	3VM9908-0BB27	3,880,000
	24	24...30	3VM9908-0BL30	2,659,000
	48...60	48...60	3VM9908-0BL31	2,659,000
	110...127	110...127	3VM9908-0BL32	3,201,000
	208...227	220...250	3VM9908-0BL33	2,659,000
	380...600	-	3VM9908-0BL20	2,659,000



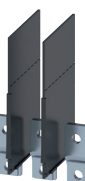
3VM9117-0EK11



3VM9117-0FK21



3VM9152-0WA00



3VM9153-0QB00

Rotary handle and connection accessories for 3VM 3P or 4P - Tay xoay và phụ kiện đấu nối cho 3VM 3P, 4P

Type Loại	Color Màu	For 3VM - Cho 3VM			Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
		3VM10/11	3VM12	3VM13/14		
Front mounted- rotary operator Tay xoay gắn trực tiếp	Gray Xám	✓	-	-	3VM9117-0EK11	1,566,000
		-	✓	-	3VM9217-0EK11	1,759,000
		-	-	✓	3VM9417-0EK11	3,254,000
	Yellow-Red Vàng-đỏ	✓	-	-	3VM9117-0EK15	2,011,000
		-	✓	-	3VM9217-0EK15	2,261,000
		-	-	✓	3VM9417-0EK15	3,750,000
Door mounted - rotary operator Tay xoay nối dài- gắn mặt tủ	Gray Xám	✓	-	-	3VM9117-0FK21	3,198,000
		-	✓	-	3VM9217-0FK21	3,198,000
		-	-	✓	3VM9417-0FK21	6,213,000
	Yellow-Red Vàng-đỏ	✓	-	-	3VM9117-0FK25	3,515,000
		-	✓	-	3VM9217-0FK25	3,980,000
		-	-	✓	3VM9417-0FK25	7,218,000
Phase barriers (2pcs) Tấm chắn pha (2 tấm)		✓	-	-	3VM9152-0WA00	396,000
		-	✓	-	3VM9252-0WA00	410,000
		-	-	✓	3VM9482-0WA00	553,000
Connection bar extended for 3P Đầu cực nối dài cho MCCB 3P (3 đầu cực và 2 tấm chắn pha)		✓	-	-	3VM9153-0QB00	1,372,000
		-	✓	-	3VM9253-0QB00	1,521,000
		-	-	✓	3VM9483-0QB00	2,954,000
Connection bar extended for 4P Đầu cực nối dài cho MCCB 4P (4 đầu cực và 3 tấm chắn pha)		✓	-	-	3VM9154-0QB00	1,835,000
		-	✓	-	3VM9254-0QB00	2,026,000
		-	-	✓	3VM9484-0QB00	3,938,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VA1 has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VA1 3/4P up to 1000A, Icu from 25 to 70kA at 415V AC

Ics = 100% Icu

Thermal magnetic protection, adjustable overload protection

Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-4-1

3VA1 molded case circuit breakers 3/4P Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA1 3/4 cực

MCCB 3VA1 có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VA1 3/4P lên đến 1000A, dòng cắt ngắn mạch từ 25 đến 70kA tại 415V AC (*)

Ics = 100% Icu

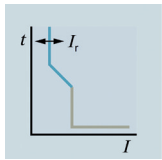
Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt, dòng định mức chỉnh định được

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-4-1

3VA11, up to 160A, TM220 trip unit **ATFM** - MCCB 3VA1, đến 160A, bộ điều khiển từ nhiệt TM220 ATFM

With adjustable overload protection Ir from (0.7...1)In and fixed short-circuit protection li

Đặc tuyến quá tải chỉnh định được từ Ir = (0.7...1)In và đặc tuyến ngắn mạch li cố định, có bảo vệ cực N



MCCB 3VA11 3P



MCCB 3VA11 4P

Loại	Rating Dòng điện	Ir range (A) Dòng chỉnh bảo vệ quá tải	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=25kA			3P		4P	
3VA11	16A	11...16	3VA1196-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1196-3GE42-0AA0	7,518,000
	20A	14...20	3VA1120-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1120-3GE42-0AA0	7,518,000
	25A	18...25	3VA1125-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1125-3GE42-0AA0	7,518,000
	32A	22...32	3VA1132-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1132-3GE42-0AA0	7,518,000
	40A	28...40	3VA1140-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1140-3GE42-0AA0	7,518,000
	50A	35...50	3VA1150-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1150-3GE42-0AA0	7,518,000
	63A	44...63	3VA1163-3EE32-0AA0	5,565,000	3VA1163-3GE42-0AA0	7,518,000
	80A	56...80	3VA1180-3EE32-0AA0	5,723,000	3VA1180-3GE42-0AA0	7,983,000
	100A	70...100	3VA1110-3EE32-0AA0	5,723,000	3VA1110-3GE42-0AA0	7,983,000
	125A	88...125	3VA1112-3EE32-0AA0	8,536,000	3VA1112-3GE42-0AA0	11,273,000
	160A	112...160	3VA1116-3EE32-0AA0	10,102,000	3VA1116-3GE42-0AA0	12,914,000
Icu=36kA			3P		4P	
3VA11	16A	11...16	3VA1196-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1196-4GE42-0AA0	7,995,000
	20A	14...20	3VA1120-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1120-4GE42-0AA0	7,995,000
	25A	18...25	3VA1125-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1125-4GE42-0AA0	7,995,000
	32A	22...32	3VA1132-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1132-4GE42-0AA0	7,995,000
	40A	28...40	3VA1140-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1140-4GE42-0AA0	7,995,000
	50A	35...50	3VA1150-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1150-4GE42-0AA0	7,995,000
	63A	44...63	3VA1163-4EE32-0AA0	5,860,000	3VA1163-4GE42-0AA0	7,995,000
	80A	56...80	3VA1180-4EE32-0AA0	6,025,000	3VA1180-4GE42-0AA0	8,488,000
	100A	70...100	3VA1110-4EE32-0AA0	6,025,000	3VA1110-4GE42-0AA0	8,488,000
	125A	88...125	3VA1112-4EE32-0AA0	9,277,000	3VA1112-4GE42-0AA0	12,048,000
	160A	112...160	3VA1116-4EE32-0AA0	10,873,000	3VA1116-4GE42-0AA0	14,132,000
Icu=55kA			3P		4P	
3VA11	16A	11...16	3VA1196-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1196-5GE42-0AA0	9,044,000
	20A	14...20	3VA1120-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1120-5GE42-0AA0	9,044,000
	25A	18...25	3VA1125-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1125-5GE42-0AA0	9,044,000
	32A	22...32	3VA1132-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1132-5GE42-0AA0	9,044,000
	40A	28...40	3VA1140-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1140-5GE42-0AA0	9,044,000
	50A	35...50	3VA1150-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1150-5GE42-0AA0	9,044,000
	63A	44...63	3VA1163-5EE32-0AA0	6,696,000	3VA1163-5GE42-0AA0	9,044,000
	80A	56...80	3VA1180-5EE32-0AA0	6,881,000	3VA1180-5GE42-0AA0	9,599,000
	100A	70...100	3VA1110-5EE32-0AA0	6,881,000	3VA1110-5GE42-0AA0	9,599,000
	125A	88...125	3VA1112-5EE32-0AA0	10,216,000	3VA1112-5GE42-0AA0	13,293,000
	160A	112...160	3VA1116-5EE32-0AA0	11,966,000	3VA1116-5GE42-0AA0	15,531,000
Icu=70kA			3P		4P	
3VA11	16A	11...16	3VA1196-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1196-6GE42-0AA0	10,486,000
	20A	14...20	3VA1120-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1120-6GE42-0AA0	10,486,000
	25A	18...25	3VA1125-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1125-6GE42-0AA0	10,486,000
	32A	22...32	3VA1132-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1132-6GE42-0AA0	10,486,000
	40A	28...40	3VA1140-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1140-6GE42-0AA0	10,486,000
	50A	35...50	3VA1150-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1150-6GE42-0AA0	10,486,000
	63A	44...63	3VA1163-6EE32-0AA0	7,451,000	3VA1163-6GE42-0AA0	10,486,000
	80A	56...80	3VA1180-6EE32-0AA0	7,759,000	3VA1180-6GE42-0AA0	11,159,000
	100A	70...100	3VA1110-6EE32-0AA0	7,759,000	3VA1110-6GE42-0AA0	11,159,000
	125A	88...125	3VA1112-6EE32-0AA0	11,571,000	3VA1112-6GE42-0AA0	14,764,000
	160A	112...160	3VA1116-6EE32-0AA0	13,381,000	3VA1116-6GE42-0AA0	16,932,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VA1 has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.

MCCB 3VA1 3P up to 1000A, Icu from 25 to 70kA at 415V AC

Ics = 100% Icu

Thermal magnetic protection, adjustable overload protection

Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-4-1

3VA1 molded case circuit breakers 3P Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA1 3 cực

MCCB 3VA1 có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải.

MCCB 3VA1 3P lên đến 1000A, dòng cắt ngắn mạch từ 25 đến 70kA tại 415V AC (*)

Ics = 100% Icu

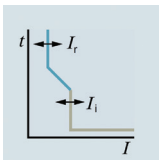
Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt, dòng định mức chỉnh định được

Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-4-1

3VA12-3VA15, 200A...1000A, TM240 trip unit, ATAM - bộ điều khiển từ nhiệt TM240 ATAM

With adjustable overload protection Ir and adjustable short-circuit protection li

Đặc tuyến quá tải (Ir) chỉnh định được và đặc tuyến ngắn mạch (li) chỉnh định được, có bảo vệ cực N



Loại	Rating Dòng điện	Ir range (A) Dòng quá tải	li range (A) Dòng ngắn mạch	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=36kA				3P		4P	
3VA12	200A	140...200	1000...2000	3VA1220-4EF32-0AA0	16,684,000	3VA1220-4GF42-0AA0	21,378,000
	250A	175...250	1250...2500	3VA1225-4EF32-0AA0	18,463,000	3VA1225-4GF42-0AA0	24,134,000
3VA13	320A	224...320	2240...3200	3VA1332-4EF32-0AA0	24,415,000	3VA1332-4GF42-0AA0	33,363,000
	400A	280...400	2800...4000	3VA1340-4EF32-0AA0	24,415,000	3VA1340-4GF42-0AA0	33,363,000
3VA14	500A	350...500	3500...5000	3VA1450-4EF32-0AA0	34,199,000	3VA1450-4GF42-0AA0	40,373,000
	630A	441...630	4410...6300	3VA1463-4EF32-0AA0	34,199,000	3VA1463-4GF42-0AA0	42,356,000
Icu=55kA				3P		4P	
3VA12	200A	140...200	1000...2000	3VA1220-5EF32-0AA0	18,141,000	3VA1220-5GF42-0AA0	23,807,000
	250A	175...250	1250...2500	3VA1225-5EF32-0AA0	20,569,000	3VA1225-5GF42-0AA0	26,724,000
3VA13	320A	224...320	2240...3200	3VA1332-5EF32-0AA0	28,357,000	3VA1332-5GF42-0AA0	32,783,000
	400A	280...400	2800...4000	3VA1340-5EF32-0AA0	28,357,000	3VA1340-5GF42-0AA0	32,783,000
3VA14	500A	350...500	3500...5000	3VA1450-5EF32-0AA0	37,281,000	3VA1450-5GF42-0AA0	44,004,000
	630A	441...630	4410...6300	3VA1463-5EF32-0AA0	37,281,000	3VA1463-5GF42-0AA0	46,563,000
3VA15	800A	560...800	4000...8000	3VA1580-5EF32-0AA0	63,072,000	3VA1580-5GF42-0AA0	80,076,000
	1000A	700...1000	5000...10000	3VA1510-5EF32-0AA0	80,786,000	3VA1510-5GF42-0AA0	96,499,000
Icu=70kA				3P		4P	
3VA12	200A	140...200	1000...2000	3VA1220-6EF32-0AA0	20,732,000	3VA1220-6GF42-0AA0	25,211,000
	250A	175...250	1250...2500	3VA1225-6EF32-0AA0	23,484,000	3VA1225-6GF42-0AA0	30,124,000
3VA13	320A	224...320	2240...3200	3VA1332-6EF32-0AA0	31,084,000	3VA1332-6GF42-0AA0	37,645,000
	400A	280...400	2800...4000	3VA1340-6EF32-0AA0	31,084,000	3VA1340-6GF42-0AA0	37,645,000
3VA14	500A	350...500	3500...5000	3VA1450-6EF32-0AA0	42,066,000	3VA1450-6GF42-0AA0	56,311,000
	630A	441...630	4410...6300	3VA1463-6EF32-0AA0	42,066,000	3VA1463-6GF42-0AA0	56,311,000
3VA15	800A	560...800	4000...8000	3VA1580-6EF32-0AA0	76,642,000	3VA1580-6GF42-0AA0	123,153,000
	1000A	700...1000	5000...10000	3VA1510-6EF32-0AA0	88,357,000	3VA1510-6GF42-0AA0	127,000,000

(*) 110kA version is available for 3VA13, 3VA14, 3VA15 - Có lựa chọn 110kA cho 3VA13, 3VA14, 3VA15

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

MCCB 3VA2 has the function of circuit switching, short-circuit and overload protection.
MCCB 3VA2 up to 1250A, Icu from 55 to 150kA
Ics = 100% Icu, Electronic protection, adjustable overload protection
Standards IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-4-1

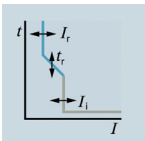
3VA2 molded case circuit breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA2

MCCB 3VA2 có chức năng đóng cắt mạch điện, bảo vệ ngắn mạch và quá tải
MCCB 3VA2 lên đến 1250A, dòng cắt ngắn mạch từ 55 đến 150kA tại 415V
Ics = 100% Icu, Bộ điều khiển bảo vệ điện tử, dòng định mức chỉnh định được
Tiêu chuẩn IEC / EN 60947-1, 60947-2, 60947-3, 60947-4-1

3VA2, up to 1250A, ETU320 LI trip unit - MCCB 3VA2, đến 1250A, bộ bảo vệ điện tử ETU320 LI

With adjustable overload protection Ir and adjustable short-circuit protection li

Đặc tuyến quá tải (Ir) chỉnh định được và đặc tuyến ngắn mạch (li) chỉnh định được



MCCB 3VA2 3P



MCCB 3VA2 4P

Loại	Rating Dòng điện	Ir range (A) Dòng quá tải	li range (A) Dòng ngắn mạch	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=55kA				3P		4P	
3VA20	25A	10 ... 25	38 ... 300	3VA2025-5HL32-0AA0	22,718,000	3VA2025-5HL42-0AA0	28,792,000
	40A	16 ... 40	60 ... 480	3VA2040-5HL32-0AA0	22,718,000	3VA2040-5HL42-0AA0	28,792,000
	63A	25 ... 63	95 ... 756	3VA2063-5HL32-0AA0	22,718,000	3VA2063-5HL42-0AA0	28,792,000
	100A	40 ... 100	150 ... 1200	3VA2010-5HL32-0AA0	24,576,000	3VA2010-5HL42-0AA0	31,231,000
3VA21	160A	63 ... 160	240 ... 1600	3VA2116-5HL32-0AA0	36,919,000	3VA2116-5HL42-0AA0	47,987,000
3VA22	250A	100 ... 250	375 ... 2500	3VA2225-5HL32-0AA0	48,375,000	3VA2225-5HL42-0AA0	63,467,000
3VA23	400A	160 ... 400	600 ... 4000	3VA2340-5HL32-0AA0	63,467,000	3VA2340-5HL42-0AA0	83,203,000
3VA24	630A	250 ... 630	945 ... 5670	3VA2463-5HL32-0AA0	87,072,000	3VA2463-5HL42-0AA0	114,548,000
3VA25	800A	320 ... 800	1200 ... 8000	3VA2580-5HL32-0AA0	120,740,000	3VA2580-5HL42-0AA0	160,596,000
	1000A	400 ... 1000	1500 ... 10000	3VA2510-5HL32-0AA0	166,014,000	3VA2510-5HL42-0AA0	222,126,000
3VA26	1250A	500 ... 1250	1875 ... 12500	3VA2612-5HL32-0AA0	170,454,000	3VA2612-5HL42-0AA0	227,609,000
Icu=85kA				3P		4P	
3VA20	25A	10 ... 25	38 ... 300	3VA2025-6HL32-0AA0	25,310,000	3VA2025-6HL42-0AA0	32,197,000
	40A	16 ... 40	60 ... 480	3VA2040-6HL32-0AA0	25,310,000	3VA2040-6HL42-0AA0	32,197,000
	63A	25 ... 63	95 ... 756	3VA2063-6HL32-0AA0	25,310,000	3VA2063-6HL42-0AA0	32,197,000
	100A	40 ... 100	150 ... 1200	3VA2010-6HL32-0AA0	27,475,000	3VA2010-6HL42-0AA0	35,062,000
3VA21	160A	63 ... 160	240 ... 1600	3VA2116-6HL32-0AA0	41,795,000	3VA2116-6HL42-0AA0	54,178,000
3VA22	250A	100 ... 250	375 ... 2500	3VA2225-6HL32-0AA0	54,567,000	3VA2225-6HL42-0AA0	71,980,000
3VA23	400A	160 ... 400	600 ... 4000	3VA2340-6HL32-0AA0	72,753,000	3VA2340-6HL42-0AA0	95,198,000
3VA24	630A	250 ... 630	945 ... 5670	3VA2463-6HL32-0AA0	98,681,000	3VA2463-6HL42-0AA0	130,026,000
3VA25	800A	320 ... 800	1200 ... 8000	3VA2580-6HL32-0AA0	137,767,000	3VA2580-6HL42-0AA0	183,429,000
	1000A	400 ... 1000	1500 ... 10000	3VA2510-6HL32-0AA0	190,007,000	3VA2510-6HL42-0AA0	253,471,000
3VA26	1250A	500 ... 1250	1875 ... 12500	3VA2612-6HL32-0AA0	194,803,000	3VA2612-6HL42-0AA0	260,750,000
Icu=110kA				3P		4P	
3VA20	25A	10 ... 25	38 ... 300	3VA2025-7HL32-0AA0	27,013,000	3VA2025-7HL42-0AA0	34,443,000
	40A	16 ... 40	60 ... 480	3VA2040-7HL32-0AA0	27,013,000	3VA2040-7HL42-0AA0	34,443,000
	63A	25 ... 63	95 ... 756	3VA2063-7HL32-0AA0	27,013,000	3VA2063-7HL42-0AA0	34,443,000
	100A	40 ... 100	150 ... 1200	3VA2010-7HL32-0AA0	29,336,000	3VA2010-7HL42-0AA0	37,615,000
3VA21	160A	63 ... 160	240 ... 1600	3VA2116-7HL32-0AA0	44,891,000	3VA2116-7HL42-0AA0	57,661,000
3VA22	250A	100 ... 250	375 ... 2500	3VA2225-7HL32-0AA0	59,595,000	3VA2225-7HL42-0AA0	78,171,000
3VA23	400A	160 ... 400	600 ... 4000	3VA2340-7HL32-0AA0	78,171,000	3VA2340-7HL42-0AA0	102,549,000
3VA24	630A	250 ... 630	945 ... 5670	3VA2463-7HL32-0AA0	106,033,000	3VA2463-7HL42-0AA0	141,635,000
3VA25	800A	320 ... 800	1200 ... 8000	3VA2580-7HL32-0AA0	149,376,000	3VA2580-7HL42-0AA0	199,296,000
	1000A	400 ... 1000	1500 ... 10000	3VA2510-7HL32-0AA0	205,873,000	3VA2510-7HL42-0AA0	275,915,000
3VA26	1250A	500 ... 1250	1500 ... 10000	3VA2612-7HL32-0AA0	211,374,000	3VA2612-7HL42-0AA0	283,073,000
Icu=150kA				3P		4P	
3VA20	25A	10 ... 25	38 ... 300	3VA2025-8HL32-0AA0	30,456,000	3VA2025-8HL42-0AA0	39,086,000
	40A	16 ... 40	60 ... 480	3VA2040-8HL32-0AA0	30,456,000	3VA2040-8HL42-0AA0	39,086,000
	63A	25 ... 63	95 ... 756	3VA2063-8HL32-0AA0	30,456,000	3VA2063-8HL42-0AA0	39,086,000
	100A	40 ... 100	150 ... 1200	3VA2010-8HL32-0AA0	33,050,000	3VA2010-8HL42-0AA0	42,957,000
3VA21	160A	63 ... 160	240 ... 1600	3VA2116-8HL32-0AA0	51,084,000	3VA2116-8HL42-0AA0	66,561,000
3VA22	250A	100 ... 250	375 ... 2500	3VA2225-8HL32-0AA0	67,722,000	3VA2225-8HL42-0AA0	89,394,000
3VA23	400A	160 ... 400	600 ... 4000	3VA2340-8HL32-0AA0	89,394,000	3VA2340-8HL42-0AA0	118,030,000
3VA24	630A	250 ... 630	945 ... 5670	3VA2463-8HL32-0AA0	122,285,000	3VA2463-8HL42-0AA0	162,919,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

Accessories for MCCB 3VA including 3VA1 and 3VA2 (excluding 3VA27)
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VA molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA

Phụ kiện cho MCCB 3VA bao gồm 3VA1 và 3VA2 (ngoại trừ 3VA27)
Dùng cho MCCB 2P, 3P, 4P



3VA9988-0AA12



3VA9988-0AB12



3VA9908-0BB11



3VA9988-0BL30



3VA9908-0BD11



3VA9988-0BF21



3VA9157-0HA10

Auxiliary switches and alarm switches - Tiếp điểm phụ báo trạng thái và báo sự cố - Dùng cho 3VA 2P,3P,4P

Type Loại	Contact Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switch AUX Tiếp điểm phụ báo trạng thái	1CO	3VA9988-0AA12	974,000
Trip alarm switch TAS Tiếp điểm phụ báo sự cố	1CO	3VA9988-0AB12	974,000
Leading changeover switch LCS	1CO	3VA9988-0AA22	1,070,000
Short circuit alarm switch SAS Tiếp điểm báo ngắn mạch	1CO for 3VA10/11 for 3VA12/13/14	3VA9988-0AB32 3VA9988-0AB34	1,481,000 1,481,000

Undervoltage releases and Shunt trip left - Cuộn thấp áp và cuộn cắt - Dùng cho 3VA 2P, 3P, 4P

Type Loại	V AC 50/60Hz Điện áp AC	V DC Điện áp DC	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Undervoltage release UVR Cuộn thấp áp	-	24	3VA9908-0BB11	3,459,000
	-	48	3VA9908-0BB12	3,459,000
	110	-	3VA9908-0BB23	3,630,000
	120...127	-	3VA9908-0BB24	3,630,000
	208...230	-	3VA9908-0BB25	3,863,000
	380...400	-	3VA9908-0BB26	3,459,000
	440...480	-	3VA9908-0BB27	3,630,000
Shunt trip left STL Cuộn cắt gần bên trái	24	24...30	3VA9988-0BL30	3,027,000
	48...60	48...60	3VA9988-0BL31	3,027,000
	110...127	110...127	3VA9988-0BL32	3,027,000
	208...227	220...250	3VA9988-0BL33	2,659,000
	380...600	-	3VA9988-0BL20	3,027,000
Shunt trip flexible STF (3VA2 only) Cuộn cắt linh hoạt (chỉ dùng cho 3VA2)	24	-	3VA9988-0BA20	3,139,000
	48...60	-	3VA9988-0BA21	3,139,000
	110...127	-	3VA9988-0BA22	3,139,000
	208...227	-	3VA9988-0BA23	3,139,000
	380...500	-	3VA9988-0BA24	3,139,000
Universal release UNI Cuộn cắt Universal	-	12	3VA9908-0BD11	7,226,000
	-	24	3VA9908-0BD12	7,226,000
	-	48	3VA9908-0BD13	7,226,000
Time-delay device for undervoltage releases Bộ định giờ cho cuộn thấp áp	110	110	3VA9988-0BF21	6,446,000
	230	230	3VA9988-0BF22	6,446,000
	-	24	3VA9988-0BF23	6,446,000

Motor operators (MO320) for MCCB 3VA 3P, 4P only - Motor nạp cho MCCB 3VA 3P,4P (không dùng được cho 2P)

Control Voltage Điện áp điều khiển	3VA11	3VA12	3VA20/21 3VA22	3VA13/14 3VA23/24	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
24...60VDC	✓				3VA9157-0HA10	43,771,000
		✓			3VA9257-0HA10	43,771,000
			✓		3VA9267-0HA10	43,771,000
				✓	3VA9467-0HA10	43,771,000
110 ... 230 V AC 110 ... 250 V DC	✓				3VA9157-0HA20	15,097,000
		✓			3VA9257-0HA20	18,752,000
			✓		3VA9267-0HA20	18,752,000
				✓	3VA9467-0HA20	34,104,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

Accessories for MCCB 3VA1 and 3VA2 (excluding 3VA27)
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VA molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động MCCB 3VA

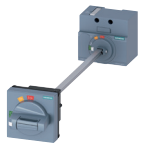
Phụ kiện cho MCCB 3VA1 và 3VA2 (ngoại trừ 3VA27)
Dùng cho MCCB 3P, 4P



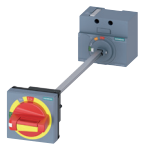
3VA9157-0EK11



3VA9157-0EK15



3VA9157-0FK21



3VA9157-0FK25



3VA9088-0LB10



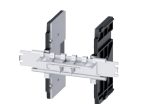
8UD1900-0MB01



3VA9157-0LF10



3VA9980-0VL10



3VA9158-0VF30



3VA9088-0VM10

Rotary handle for 3VA 3P or 4P - Tay xoay cho MCCB 3VA 3P, 4P

Type Loại	Color Màu	3VA10/11	3VA12	3VA20/21 3VA22	3VA13/14 3VA23/24	3VA15 3VA25	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Front mounted - rotary operator Tay xoay gắn trực tiếp	Gray Xám	✓					3VA9157-0EK11	1,852,000
			✓				3VA9257-0EK11	2,079,000
				✓			3VA9267-0EK11	2,079,000
					✓		3VA9467-0EK11	2,769,000
						✓	3VA9687-0EK11	5,933,000
		✓					3VA9157-0EK15	2,123,000
	Yellow- Red Vàng- đỏ		✓				3VA9257-0EK15	2,391,000
				✓			3VA9267-0EK15	2,391,000
					✓		3VA9467-0EK15	3,187,000
						✓	3VA9687-0EK15	6,716,000
		✓					3VA9157-0FK21	3,024,000
			✓				3VA9257-0FK21	3,083,000
Door mounted - rotary operator Tay xoay nổi dài gắn mặt tủ	Gray Xám			✓			3VA9267-0FK21	3,083,000
					✓		3VA9467-0FK21	4,789,000
						✓	3VA9687-0FK21	8,039,000
		✓					3VA9157-0FK25	3,717,000
			✓				3VA9257-0FK25	4,191,000
				✓			3VA9267-0FK25	4,191,000
	Yellow- Red Vàng- đỏ				✓		3VA9467-0FK25	6,137,000
						✓	3VA9687-0FK25	9,950,000

Locking and interlocking for 3VA 3P or 4P - Khóa và liên động cho MCCB 3VA 3P, 4P

Type Loại	Version	3VA11	3VA12	3VA20/21 3VA22	3VA13/14 3VA23/24	3VA15 3VA25	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Locking device for toggle operating mechanism Khóa cần gạt MCCB		✓	✓		✓		3VA9088-0LB10	1,394,000
				✓			3VA9388-0LB10	1,841,000
						✓	3VA9588-0LB10	3,582,000
Cylinder locks (type Kaba) for door mounted rotary operator (Key 1) Khóa tay xoay MCCB		✓	✓		✓		8UD1900-0MB01	2,702,000
Key interlock Cylinder Khóa liên động 2 MCCB bằng chìa khóa	Adapter for key lock	✓					3VA9157-0LF10	2,469,000
			✓				3VA9257-0LF10	2,541,000
				✓			3VA9167-0LF10	2,541,000
					✓		3VA9367-0LF10	2,541,000
Cylinder lock	Key 1					✓	3VA9587-0LF10	4,741,000
		✓	✓	✓	✓	✓	3VA9980-0VL10	923,000
		✓	✓	✓	✓	✓	3VA9980-0VL30	923,000
		✓	✓	✓	✓	✓	3VA9980-0VL40	923,000
Sliding bar interlock Liên động cơ khí gắn trước		✓					3VA9158-0VF30	5,181,000
			✓				3VA9258-0VF30	5,524,000
				✓			3VA9168-0VF30	5,524,000
					✓		3VA9368-0VF30	6,275,000
Rear interlock with rod Liên động cơ khí gắn phía sau		✓	✓	✓	✓		3VA9088-0VM10	9,678,000
						✓	3VA9588-0VM10	15,812,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

Accessories for MCCB 3VA including 3VA1 and 3VA2 (excluding 3VA27)
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VA molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA

Phụ kiện cho MCCB 3VA bao gồm 3VA1 và 3VA2 (ngoại trừ 3VA27)
Dùng cho MCCB 2P, 3P, 4P



3VA9113-ORL20



3VA9114-ORL10



3VA9152-OWA00



3VA9153-QB00



3VA9154-QB00



3VA9153-QC00



3VA9154-QC00



3VA9113-QQE00



3VA9114-QQE00

Residual current devices RCD 127...480V - Phụ kiện bảo vệ dòng rò RCD 127...480V - Dùng cho 3VA 3P, 4P

Poles Cực	Type Loại	Sensitivity Kiểu dòng	Current I _{Δn} Độ nhạy	Delay time Độ trễ	Use for Dùng cho	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3	RCD520	Type A	0.03...5A	0...3s	3VA11	3VA9113-ORL20	35,438,000
					3VA12	3VA9213-ORL20	38,507,000
	RCD820	Type A	0.03...30A	0...10s	3VA20/21	3VA9123-ORL30	40,551,000
					3VA22	3VA9223-ORL30	40,551,000
					3VA23	3VA9323-ORL30	48,727,000
					3VA24	3VA9423-ORL30	48,727,000
4	RCD320	Type A	0.03...5A	0s	3VA11	3VA9114-ORL10	23,038,000
	RCD520	Type A	0.03...5A	0...3s	3VA11	3VA9114-ORL20	38,507,000
					3VA12	3VA9214-ORL20	41,574,000
	RCD820	Type A	0.03...30A	0...10s	3VA20/21	3VA9124-ORL30	43,958,000
					3VA22	3VA9224-ORL30	43,958,000
					3VA23	3VA9324-ORL30	52,816,000
					3VA24	3VA9424-ORL30	52,816,000

Connection accessories for MCCB 3VA - Phụ kiện đấu nối cho MCCB 3VA

Type Loại	3VA10/11	3VA12	3VA20/21 3VA22	3VA13/14 3VA23/24	3VA15 3VA25	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Phase barriers (2pcs) Tấm chắn pha (2 tấm)	✓					3VA9152-OWA00	303,000
		✓				3VA9252-OWA00	310,000
			✓			3VA9262-OWA00	310,000
				✓		3VA9482-OWA00	418,000
					✓	3VA9602-OWA00	699,000
Connectors extended for 3P Đầu cực nối dài cho MCCB 3P (3 đầu cực và 2 tấm chắn pha)	✓					3VA9153-QB00	1,168,000
		✓				3VA9253-QB00	1,294,000
			✓			3VA9263-QB00	1,294,000
				✓		3VA9483-QB00	2,514,000
					✓	3VA9603-QB00	4,741,000
Connectors extended for 4P Đầu cực nối dài cho MCCB 4P (4 đầu cực và 3 tấm chắn pha)	✓					3VA9154-QB00	1,560,000
		✓				3VA9254-QB00	1,725,000
			✓			3VA9264-QB00	1,725,000
				✓		3VA9484-QB00	3,350,000
					✓	3VA9604-QB00	6,343,000
Connectors extended spreader 3P Đầu cực nối dài mở rộng cho 3P (3 đầu cực và 2 tấm chắn pha)	✓					3VA9153-QQC00	2,067,000
		✓				3VA9253-QQC00	2,261,000
			✓			3VA9263-QQC00	2,261,000
				✓		3VA9483-QQC00	3,546,000
					✓	3VA9604-QQC00	6,343,000
Connectors extended spreader 4P Đầu cực nối dài mở rộng cho 4P (4 đầu cực và 3 tấm chắn pha)	✓					3VA9154-QQC00	2,749,000
		✓				3VA9254-QQC00	3,013,000
			✓			3VA9264-QQC00	3,013,000
				✓		3VA9484-QQC00	4,702,000
					✓	3VA9604-QQC00	6,343,000
Rear connection for 3P Đầu cực nối phía sau MCCB 3P	✓					3VA9113-QQE00	1,754,000
		✓				3VA9213-QQE00	2,219,000
			✓			3VA9203-QQE00	2,219,000
				✓		3VA9403-QQE00	3,821,000
Rear connection for 4P Đầu cực nối phía sau MCCB 4P	✓					3VA9114-QQE00	2,337,000
		✓				3VA9214-QQE00	2,957,000
			✓			3VA9204-QQE00	2,957,000
				✓		3VA9404-QQE00	5,114,000

Molded Case Circuit Breakers Cầu dao tự động dạng khối MCCB

Accessories for MCCB 3VA including 3VA1 and 3VA2 (excluding 3VA27)
Used for MCCB 2P, 3P, 4P

3VA molded case circuit breakers accessories Phụ kiện cho cầu dao tự động dạng khối MCCB 3VA

Phụ kiện cho MCCB 3VA bao gồm 3VA1 và 3VA2 (ngoại trừ 3VA27)
Dùng cho MCCB 2P, 3P, 4P



3VA9111-0WF20



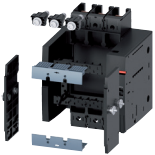
3VA9111-0WF30



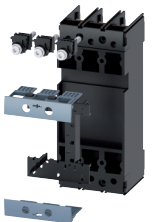
3VA9111-0WF40

Connection accessories for MCCB 3VA - Phụ kiện đấu nối cho MCCB 3VA

Type Loại	Poles Số cực	3VA10	3VA11	3VA12	3VA20/21 3VA22	3VA13/14 3VA23/24	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Terminal covers Tấm che đầu cực	2P	✓					3VA9111-0WF20	449,000
			✓				3VA9111-0WF20	449,000
	3P	✓	✓				3VA9111-0WF30	724,000
				✓			3VA9211-0WF30	882,000
					✓		3VA9221-0WF30	882,000
						✓	3VA9481-0WF30	1,260,000
	4P	✓	✓				3VA9111-0WF40	945,000
				✓			3VA9211-0WF40	1,159,000
					✓		3VA9221-0WF40	1,159,000
						✓	3VA9481-0WF40	1,667,000



3VA9213-0KD00



3VA9113-0KP00

Plug-in and draw-out technology - Phụ kiện đấu nối kiểu plug-in và kiểu rút kéo cho MCCB

Type Loại	Poles Số cực	3VA11	3VA12	3VA20/21 3VA22	3VA13/14 3VA23/24	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Draw-out units, complete kits - Draw-out socket - Conversion kit - Mounting screw kit Bộ phụ kiện đấu nối dạng rút kéo	3P		✓			3VA9213-0KD00	4,432,000
				✓		3VA9123-0KD00	4,432,000
					✓	3VA9323-0KD00	12,034,000
	4P		✓			3VA9214-0KD00	5,933,000
				✓		3VA9124-0KD00	5,933,000
					✓	3VA9324-0KD00	15,947,000
			✓	✓	✓	3VA9987-0KD81	2,219,000
		✓				3VA9113-0KP00	7,945,000
Plug-in units, complete kits - Plug-in base - Conversion kit - Mounting screw kit Bộ phụ kiện đối nối dạng plug-in	3P		✓			3VA9213-0KP00	8,626,000
				✓		3VA9123-0KP00	8,626,000
					✓	3VA9323-0KP00	23,378,000
	4P	✓				3VA9114-0KP00	10,670,000
			✓			3VA9214-0KP00	11,450,000
				✓		3VA9124-0KP00	11,450,000
					✓	3VA9324-0KP00	31,148,000



3WA air circuit breakers

Reliable, versatile,
and perfectly integrated

Every power supply depends upon a reliable infeed of electricity. 3WA air circuit breakers reliably protect electrical installations against damage or fire as a result of short circuits, ground faults, or overload faults.

Air Circuit Breakers Máy cắt không khí

ACB 3WJ from 800A to 4000A
Rated operating voltage U_e up to 440V 50/60Hz
Breaking capacity $I_{cs} = I_{cu}$ at 440V AC
Standard 3WJ include:
- ACB with ETU35WJ trip unit - LSI protection with display
- Auxiliary switch 2NO+2NC
Standard IEC 60947-2

3WJ Air Circuit Breaker Máy cắt không khí ACB 3WJ

ACB 3WJ từ 800A đến 4000A
Điện áp định mức lên đến $U_e=440V$ 50/60Hz
Dòng cắt $I_{cs} = I_{cu}$ tại 440V AC
ACB 3WJ tiêu chuẩn bao gồm:
- ACB trang bị trip unit ETU35WJ - bảo vệ LSI có màn hình
- Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC
Tiêu chuẩn IEC 60947-2



ACB 3WJ11 fixed-mount
ACB 3WJ11 loại gắn cố định



ACB 3WJ11 withdrawable
ACB 3WJ11 loại rút kéo

ACB 3WJ fixed-mounted, ACB 3WJ, loại cố định, 800 to 4000A

Rear horizontal connection- Đầu cực ngang phía sau

Fixed-mounted type - Loại gắn cố định

Size Kích thước	Rating In (A) Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=50kA		3P		4P	
I	800	3WJ1108-2AE02-1AA0	82,632,000	3WJ1108-2AE12-1AA0	98,447,000
	1000	3WJ1110-2AE02-1AA0	87,010,000	3WJ1110-2AE12-1AA0	102,885,000
	1250	3WJ1112-2AE02-1AA0	87,683,000	3WJ1112-2AE12-1AA0	108,492,000
	1600	3WJ1116-2AE02-1AA0	91,605,000	3WJ1116-2AE12-1AA0	110,063,000
Icu=55kA		3P		4P	
II	2000	3WJ1220-2AE02-1AA0	99,151,000	3WJ1220-2AE12-1AA0	118,829,000
	2500	3WJ1225-2AE02-1AA0	117,493,000	3WJ1225-2AE12-1AA0	125,991,000
	3200	3WJ1232-2AE02-1AA0	137,287,000	3WJ1232-2AE12-1AA0	155,119,000
	4000 (rear vertical - cực dọc)	3WJ1240-2AE01-1AA0	206,426,000	3WJ1240-2AE11-1AA0	251,853,000

ACB 3WJ withdrawable, ACB 3WJ, loại rút kéo, 800 to 4000A

Rear horizontal connection- Đầu cực ngang phía sau

Withdrawable type - Loại rút kéo

Size Kích thước	Rating In (A) Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=50kA		3P		4P	
I	800	3WJ1108-2AE32-1AA0	101,587,000	3WJ1108-2AE42-1AA0	136,548,000
	1000	3WJ1110-2AE32-1AA0	104,654,000	3WJ1110-2AE42-1AA0	140,958,000
	1250	3WJ1112-2AE32-1AA0	104,922,000	3WJ1112-2AE42-1AA0	142,507,000
	1600	3WJ1116-2AE32-1AA0	113,945,000	3WJ1116-2AE42-1AA0	143,456,000
Icu=55kA		3P		4P	
II	2000	3WJ1220-2AE32-1AA0	118,778,000	3WJ1220-2AE42-1AA0	144,038,000
	2500	3WJ1225-2AE32-1AA0	136,325,000	3WJ1225-2AE42-1AA0	159,519,000
	3200	3WJ1232-2AE32-1AA0	150,289,000	3WJ1232-2AE42-1AA0	197,124,000
	4000 (rear vertical - cực dọc)	3WJ1240-2AE31-1AA0	252,997,000	3WJ1240-2AE41-1AA0	327,008,000



ACB 3WJ12 fixed-mount
ACB 3WJ12 loại gắn cố định



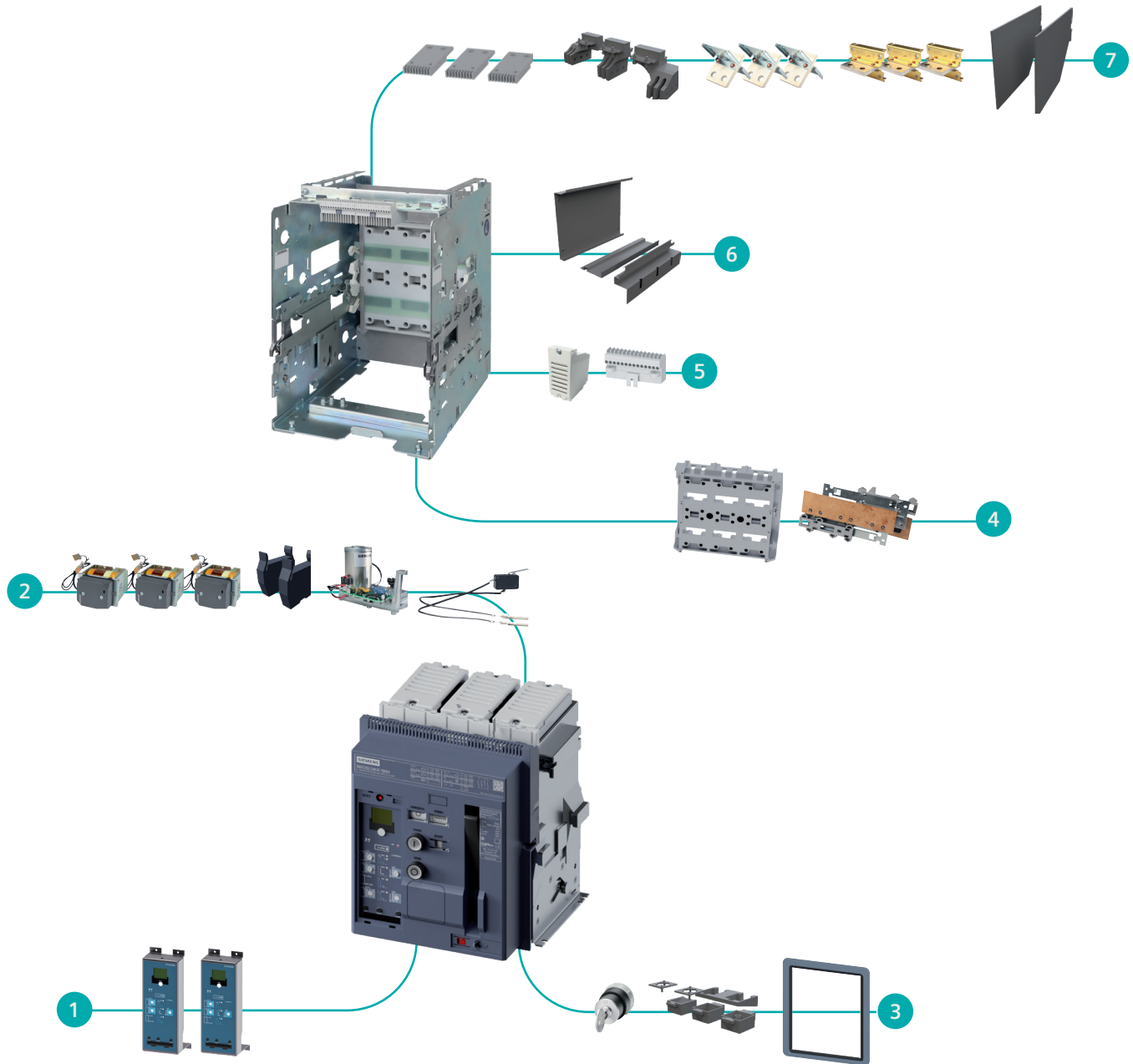
ACB 3WJ12 withdrawable
ACB 3WJ12 loại rút kéo

Noted/Ghi chú:

Loại ACB 3WJ loại rút kéo (withdrawable type) không bao gồm tay xoay, vui lòng đặt riêng tay xoay trong phần phụ kiện

Air Circuit Breakers Máy cắt không khí

3WJ Air Circuit Breaker Accessories Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WJ



1 Electronic Trip Unit (ETU)

2 Spring charging motor, auxiliary switches, closing coil, shunt trip, under voltage releases

3 Various interlocking devices

4 Guide frame, shutter, position indicator switch

5 Arc chute, secondary disconnect terminal

6 Arc chute cover

7 Main connection, phase barrier

Air Circuit Breakers

Máy cắt không khí

Accessories of 3WJ ACB include remote control, locking and interlocking accessories
Pre-install accessories ACB version available
For other accessories, please refer to SINOVA catalog

3WJ Air Circuit Breaker Accessories

Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WJ

Phụ kiện cho ACB 3WJ bao gồm phụ kiện để vận hành ACB từ xa, phụ kiện cho liên động điện và liên động cơ khí
Các lựa chọn ACB lắp sẵn phụ kiện
Các loại phụ kiện khác vui lòng xem thêm tại SINOVA Catalog



Charging motor

Closing coil (CC)
Shunt trip coil (ST)

UVR



Auxiliary switch



Trip signal switch



Connector



Mechanical interlock



3WJ9866-3JA00

Auxiliaries for electrical operation - Phụ kiện để vận hành ACB bằng tín hiệu điện

Type Loại	V AC 50/60Hz Điện áp AC	V DC Điện áp DC	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Motorized operating-mechanism Motor vận hành điện	- 110 ... 127 220 ... 240	24 110 ... 125 220 ... 250	3WJ9111-0AF01 3WJ9111-0AF05 3WJ9111-0AF06	17,525,000 17,525,000 15,020,000
Electrical closing/ Shunt release Cuộn đóng/cắt	- 110 ... 127 220 ... 240	24 110 ... 125 220 ... 250	3WJ9111-0AD01 3WJ9111-0AD05 3WJ9111-0AD06	4,504,000 4,504,000 3,407,000
Undervoltage release (UVR) Cuộn thấp áp	- 110 ... 127 220 ... 240 380 ... 415	24 110 ... 125 220 ... 250 -	3WJ9111-0AE01 3WJ9111-0AE05 3WJ9111-0AE06 3WJ9111-0AE07	3,970,000 3,970,000 3,401,000 3,970,000
Undervoltage release with delay (UVR-t) Cuộn thấp áp với thời gian trễ 0.2 ... 3.2 s	110 ... 127 220 ... 240 380 ... 415	110 ... 125 220 ... 250 -	3WJ9111-0AE15 3WJ9111-0AE16 3WJ9111-0AE17	6,308,000 8,958,000 6,308,000
	Aux contact	Position		
Auxiliary switch AUX Tiếp điểm phụ bảo trạng thái	2NO+2NC 3NO+1NC 4NO 2NO+2NC	S3/S4 S3/S4 S3/S4 S1/S2	3WJ9111-0AG01 3WJ9111-0AG02 3WJ9111-0AG03 3WJ9111-0AG04	4,077,000 2,895,000 2,895,000 4,749,000
Ready to close Tín hiệu sẵn sàng đóng	1NO		3WJ9111-0AH01	3,712,000
Trip Signal Switch Tín hiệu sự cố	1NO		3WJ9111-0AH02	2,295,000
ACB position switch Tiếp điểm báo vị trí ACB (Cho ACB loại rút kéo)	Connected position 3NO+3NC 1NO+1NC	Test position 2NO+2NC 1NO+1NC	Disconnected-position 1NO+1NC 1NO+1NC	
			3WJ9111-0AH11 3WJ9111-0AH12	11,195,000 5,598,000
Connector Đầu nối ⁽¹⁾	Base part/Phần cơ sở (giắc đực) Fixed-mounted/ Giắc cái loại cố định Withdrawout/ Giắc cái loại rút kéo		3WJ9111-0AB03 3WJ9111-0AB01 3WJ9111-0AB02	3,212,000 5,054,000 10,978,000

Lưu ý: (1) Phụ kiện nhóm (motor sạc+cuộn đóng/cắt) và (tiếp điểm phụ+cuộn thấp áp) khi mua rời phải đặt thêm đầu nối.

Accessories for interlocking between 2 or 3 ACBs - Phụ kiện liên động giữa 2 hoặc 3 ACB

Type Loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
An interlock module with a Bowden wire (2 m) Bộ 1 module liên động và 1 cáp liên động 2m dùng cho 1 ACB		
For fixed ACB - Cho ACB loại cố định	3WJ9111-0BB21	13,446,000
For drawout ACB - Cho ACB loại rút kéo	3WJ9111-0BB22	13,446,000
Additional Bowden wire in case interlocking of three circuit breakers Dây liên động bổ sung trong trường hợp liên động 3 ACB (1 dây cho 1 ACB)	Bowden wire (2 m) Bowden wire (3 m) Bowden wire (4.5 m)	3,797,000 4,891,000 6,758,000
Interlocking systems for 3 ACBs with keys Liên động 3 ACB bằng chìa khóa	3WJ9111-0BA43	16,004,000
Safety lock instead of the OFF button Chìa khóa - Key	3WJ9111-0BA31	13,716,000
Khóa an toàn thay thế cho nút OFF Made by CES	3WJ9111-0BA35	1,754,000

Air Circuit Breakers

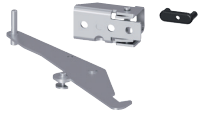
Máy cắt không khí

Accessories of 3WJ ACB include remote control, locking and interlocking accessories
Pre-install accessories ACB version available
For other accessories, please refer to catalog

3WJ Air Circuit Breaker Accessories

Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WJ

Phụ kiện cho ACB 3WJ bao gồm phụ kiện để vận hành ACB từ xa, phụ kiện cho liên động điện và liên động cơ khí
Các lựa chọn ACB lắp sẵn phụ kiện
Các loại phụ kiện khác vui lòng xem thêm tại Catalog



3WJ9111-0BB1..



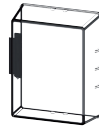
3WJ trip unit



Transparent cover for ETU



Door sealing frame



Protection cover



Crank handle

Door interlock - Cơ chế khóa liên động cánh cửa tủ

Type Loại	-Z Option Phần mở rộng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Mechanical interlock to prevent opening of the circuit breaker compartment door if ACB is closed			
Khóa chống mở cửa tủ khi máy cắt đang ở vị trí đóng			
Fixed - Loại cố định	S30	3WJ9111-0BB12	(*)
Withdrawable - Loại rút kéo	R30	3WJ9111-0BB13	(*)

ETU, Protective functions, Metering, Accessories for ETU - Bộ Trip Unit và phụ kiện cho ETU

Type Loại	Protection Bảo vệ	-Z Option Phần mở rộng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Electronic Trip Unit	ETU350WJ (LSI)		3WJ9111-0EE31	(*)
Bộ Trip điện tử ETU	ETU360WJ (LSING)		3WJ9111-0EE32	(*)
Transparent cover for ETU ⁽¹⁾ Tấm che cho bộ ETU		F40	3WJ9111-0EM21	963,600

Door sealing frames. Hoods. Support brackets. Crank handle

Type Loại	Protection Bảo vệ	-Z Option Phần mở rộng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Door sealing frame	IP41	T40	3WJ9111-0AP01	2,059,200
Protective cover	IP55		3WJ9111-0AP03	11,711,700
Crank handle ⁽²⁾ Tay xoay máy cắt			3WJ9111-0BC01	7,832,000
Sealing cap for OFF push button			3WJ9111-0AP05	257,400

(1) Transparent cover for ETU - Tấm che cho bộ ETU phải đặt rời

(2) Crank handle - Tay xoay phải đặt riêng cho ACB 3WJ loại rút kéo

Với các phụ kiện khác, vui lòng tham khảo catalogue của SINNOVA ACB 3WJ

Reference for order 3WJ with integrated accessories - Hướng dẫn lựa chọn mã hàng 3WJ với phụ kiện lắp sẵn

Thay đổi các ký tự thứ 9, 10 và thứ 13, 14, 15, 16 tương ứng với các lựa chọn như bên dưới

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	W	J	-	-	-	-	-			-	-	-			

Option - Lựa chọn

Trip unit ETU360WJ bảo vệ LSING có màn hình		A	F													Additional price Giá thêm vào
ACB điều khiển bằng điện	24VDC											2	B	B	0	(*)
với motor, cuộn đóng, cuộn cắt	220-240V AC / 220-250V DC											4	D	D	0	(*)
ACB điều khiển bằng điện	24VDC											2	B	E	1	(*)
với motor, cuộn đóng, cuộn cắt, cuộn thấp áp	220-240V AC / 220-250V DC											4	D	G	4	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Noted/Ghi chú:

Phần mở rộng sau chữ -Z (Ví dụ: -Z T40: Door sealing frame)

Air Circuit Breakers

Máy cắt không khí

ACB 3WT from 630A to 4000A
 Rated operating voltage U_e up to 690 VAC 50/60Hz
 Breaking capacity $I_{cs} = I_{cu}$ at 500 VAC
 Standard 3WT include:
 - ACB with ETU35WT trip unit - LSI protection with display
 - Auxiliary switch 2NO+2NC/ Trip signal switch 1NO
 - Ready to close contact/ with door sealing frame IP41
 Communication option Modbus RTU available
 Standard IEC 60947-2, GB 14048.2

3WT Air Circuit Breaker

Máy cắt không khí ACB 3WT

ACB 3WT từ 630A đến 4000A
 Điện áp định mức lên đến $U_e=690$ VAC 50/60Hz
 Dòng cắt $I_{cs} = I_{cu}$ tại 500 VAC
 ACB 3WT tiêu chuẩn bao gồm:
 - ACB trang bị trip unit ETU35WT - bảo vệ LSI có màn hình
 - Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC/ tiếp điểm bảo sự cố 1NO
 - Tiếp điểm sẵn sàng đóng, Khung viên ACB tủ điện IP41
 Có khả năng truyền thông Modbus RTU
 Tiêu chuẩn IEC 60947-2, GB 14048.2



ACB 3WT fixed-mount
 ACB 3WT loại gắn cố định

ACB 3WT fixed-mounted, ACB 3WT, loại cố định, 630 to 4000A

Rear horizontal connection-Đầu cực ngang phía sau

Fixed-mounted type - Loại gắn cố định

Size Kích thước	In (A) Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=55kA		3P		4P	
I	630	3WT8060-5AA00-0AA2	112,626,000	3WT8064-5AA00-0AA2	139,655,000
	800	3WT8080-5AA00-0AA2	116,111,000	3WT8084-5AA00-0AA2	154,281,000
	1000	3WT8100-5AA00-0AA2	121,429,000	3WT8104-5AA00-0AA2	174,269,000
	1250	3WT8120-5AA00-0AA2	124,267,000	3WT8124-5AA00-0AA2	154,090,000
	1600	3WT8160-5AA00-0AA2	135,517,000	3WT8164-5AA00-0AA2	161,662,000
Icu=66kA		3P		4P	
I	630	3WT8061-5AA00-0AA2	132,599,000	3WT8065-5AA00-0AA2	151,418,000
	800	3WT8081-5AA00-0AA2	136,701,000	3WT8085-5AA00-0AA2	156,099,000
	1000	3WT8101-5AA00-0AA2	139,464,000	3WT8105-5AA00-0AA2	183,871,000
	1250	3WT8121-5AA00-0AA2	142,844,000	3WT8125-5AA00-0AA2	173,963,000
	1600	3WT8161-5AA00-0AA2	147,266,000	3WT8165-5AA00-0AA2	176,719,000
II	2000	3WT8202-5AA00-0AA2	164,510,000	3WT8206-5AA00-0AA2	196,293,000
	2500	3WT8252-5AA00-0AA2	187,025,000	3WT8256-5AA00-0AA2	208,127,000
	3200	3WT8322-5AA00-0AA2	216,524,000	3WT8326-5AA00-0AA2	256,241,000
	4000 ⁽¹⁾	3WT8402-5AA01-0AA2	340,831,000	3WT8406-5AA01-0AA2	416,040,000
Icu=85kA NEW		3P		4P	
I	630	3WT8062-5AA00-0AA2-Z A12	166,857,000	3WT8066-5AA00-0AA2-Z A12	228,414,000
	800	3WT8082-5AA00-0AA2-Z A12	186,525,000	3WT8086-5AA00-0AA2-Z A12	255,490,000
	1000	3WT8102-5AA00-0AA2-Z A12	210,790,000	3WT8106-5AA00-0AA2-Z A12	288,439,000
	1250	3WT8122-5AA00-0AA2-Z A12	230,203,000	3WT8126-5AA00-0AA2-Z A12	303,764,000
	1600	3WT8162-5AA00-0AA2-Z A12	240,165,000	3WT8166-5AA00-0AA2-Z A12	326,752,000
II	2000	3WT8202-5AA00-0AA2-Z A12	177,092,000	3WT8206-5AA00-0AA2-Z A12	208,875,000
	2500	3WT8252-5AA00-0AA2-Z A12	199,606,000	3WT8256-5AA00-0AA2-Z A12	220,709,000
	3200	3WT8322-5AA00-0AA2-Z A12	229,106,000	3WT8326-5AA00-0AA2-Z A12	268,823,000
	4000 ⁽¹⁾	3WT8402-5AA01-0AA2-Z A12	353,413,000	3WT8406-5AA01-0AA2-Z A12	428,621,000

Ghi chú:

(1) 3WT 4000A have rear vertical connection option only/3WT 4000A chỉ có lựa chọn kết nối đầu cực dọc phía sau

Air Circuit Breakers

Máy cắt không khí

ACB 3WT from 630A to 4000A
 Rated operating voltage Ue up to 440 VAC 50/60Hz
 Breaking capacity Ics = Icu at 440 VAC
 Standard 3WT include:
 - ACB with ETU35WT trip unit - LSI protection with display
 - Auxiliary switch 2NO+2NC/ Trip signal switch 1NO
 - Ready to close contact/ with door sealing frame IP41
 Communication option Modbus RTU available
 Standard IEC 60947-2, GB 14048.2

3WT Air Circuit Breaker

Máy cắt không khí ACB 3WT

ACB 3WT từ 630A đến 4000A
 Điện áp định mức lên đến Ue=440 VAC 50/60Hz
 Dòng cắt Ics = Icu tại 440 VAC
 ACB 3WT tiêu chuẩn bao gồm:
 - ACB trang bị trip unit ETU35WT - bảo vệ LSI có màn hình
 - Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC/ tiếp điểm bảo sự cố 1NO
 - Tiếp điểm sẵn sàng đóng, Khung viên ACB tủ điện IP41
 Có khả năng truyền thông Modbus RTU
 Tiêu chuẩn IEC 60947-2, GB 14048.2



ACB 3WT withdrawable
 ACB 3WT loại rút kéo

ACB 3WT withdrawable, ACB 3WT, loại rút kéo, 630 to 4000A

Rear horizontal connection- Đầu cực ngang phía sau

Withdrawable type - Loại rút kéo

Size Kích thước	In (A) Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=55kA		3P		4P	
I	630	3WT8060-5AA04-5AA2	147,085,000	3WT8064-5AA04-5AA2	173,877,000
	800	3WT8080-5AA04-5AA2	151,632,000	3WT8084-5AA04-5AA2	189,750,000
	1000	3WT8100-5AA04-5AA2	152,512,000	3WT8104-5AA04-5AA2	203,859,000
	1250	3WT8120-5AA04-5AA2	159,048,000	3WT8124-5AA04-5AA2	195,842,000
	1600	3WT8160-5AA04-5AA2	175,810,000	3WT8164-5AA04-5AA2	212,882,000
Icu=66kA		3P		4P	
I	630	3WT8061-5AA04-5AA2	167,143,000	3WT8065-5AA04-5AA2	183,769,000
	800	3WT8081-5AA04-5AA2	172,312,000	3WT8085-5AA04-5AA2	209,542,000
	1000	3WT8101-5AA04-5AA2	173,311,000	3WT8105-5AA04-5AA2	225,219,000
	1250	3WT8121-5AA04-5AA2	179,665,000	3WT8125-5AA04-5AA2	216,290,000
	1600	3WT8161-5AA04-5AA2	191,097,000	3WT8165-5AA04-5AA2	221,403,000
II	2000	3WT8202-5AA04-5AA2	211,236,000	3WT8206-5AA04-5AA2	238,049,000
	2500	3WT8252-5AA04-5AA2	223,893,000	3WT8256-5AA04-5AA2	249,865,000
	3200	3WT8322-5AA04-5AA2	251,058,000	3WT8326-5AA04-5AA2	295,746,000
	4000 ⁽¹⁾	3WT8402-5AA05-5AA2	494,764,000	3WT8406-5AA05-5AA2	613,501,000
Icu=85kA		3P		4P	
I	630	3WT8062-5AA04-5AA2-Z A12	210,790,000	3WT8066-5AA04-5AA2-Z A12	303,764,000
	800	3WT8082-5AA04-5AA2-Z A12	232,246,000	3WT8086-5AA04-5AA2-Z A12	331,862,000
	1000	3WT8102-5AA04-5AA2-Z A12	251,658,000	3WT8106-5AA04-5AA2-Z A12	354,849,000
	1250	3WT8122-5AA04-5AA2-Z A12	278,222,000	3WT8126-5AA04-5AA2-Z A12	393,162,000
	1600	3WT8162-5AA04-5AA2-Z A12	285,885,000	3WT8166-5AA04-5AA2-Z A12	398,271,000
II	2000	3WT8202-5AA04-5AA2-Z A12	223,817,000	3WT8206-5AA04-5AA2-Z A12	250,630,000
	2500	3WT8252-5AA04-5AA2-Z A12	236,474,000	3WT8256-5AA04-5AA2-Z A12	262,447,000
	3200	3WT8322-5AA04-5AA2-Z A12	263,640,000	3WT8326-5AA04-5AA2-Z A12	308,327,000
	4000 ⁽¹⁾	3WT8402-5AA05-5AA2-Z A12	507,346,000	3WT8406-5AA05-5AA2-Z A12	626,083,000

Ghi chú:

(1) 3WT 4000A have rear vertical connection option only/3WT 4000A chỉ có lựa chọn kết nối đầu cực dọc phía sau

Air Circuit Breakers

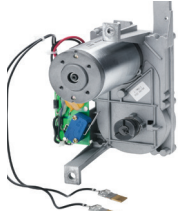
Máy cắt không khí

Accessories of 3WT ACB include remote control, locking and interlocking accessories
Pre-install accessories ACB version available
For other accessories, please refer to catalog LV35

3WT Air Circuit Breaker Accessories

Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WT

Phụ kiện cho ACB 3WT bao gồm phụ kiện để vận hành ACB từ xa, phụ kiện cho liên động điện và liên động cơ khí
Các lựa chọn ACB lắp sẵn phụ kiện
Các loại phụ kiện khác vui lòng xem thêm tại Catalog LV35



3WT9832-1...00



3WT9851-1...00



3WT9854-1...00

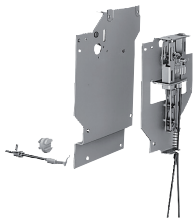


3WT9825-1JC00

Auxiliaries for electrical operation - Phụ kiện để vận hành ACB bằng tín hiệu điện

Type Loại	V AC 50/60Hz Điện áp AC	V DC Điện áp DC	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Motorized operating-mechanism Motor vận hành điện	-	24	3WT9832-1JB00	37,233,000
	110 ... 127	110 ... 125	3WT9832-1JH00	37,233,000
	220 ... 240	220 ... 250	3WT9832-1JK00	37,233,000
Closing & Shunt release Cuộn đóng/cắt	-	24	3WT9851-1JB00	13,664,000
	110 ... 127	110 ... 125	3WT9851-1JH00	13,664,000
	220 ... 240	220 ... 250	3WT9851-1JK00	13,664,000
Undervoltage release Cuộn thấp áp	-	24	3WT9853-1JB00	13,664,000
	110 ... 127	110 ... 125	3WT9853-1JH00	13,664,000
	220 ... 240	220 ... 250	3WT9853-1JK00	13,664,000
	380 ... 415	-	3WT9853-1JM00	13,664,000
Undervoltage release with delay 0.2 ... 3.2 s Cuộn thấp áp với thời gian trễ 0.2 ... 3.2 s	110 ... 127	110 ... 125	3WT9854-1JH00	12,388,000
	220 ... 240	220 ... 250	3WT9854-1JK00	12,388,000
	380 ... 415	-	3WT9854-1JM00	12,388,000
Auxiliary switch AUX Tiếp điểm phụ báo trạng thái	2NO+2NC		3WT9816-1CD00	7,989,000
	4NO		3WT9816-1CG00	4,859,000
ACB position switch Tiếp điểm báo vị trí ACB (Cho ACB loại rút kéo)	Connected position 3NO+3NC	Test position 2NO+2NC	3WT9884-1JC10	18,860,000
	Disconnected position 1NO+1NC			
Connector (*) Đấu nối	Fixed-mounted/Loại cố định		3WT9825-1JC00	2,104,000
	Withdrawout/Loại rút kéo		3WT9827-1JA00	2,104,000

Lưu ý: (*) Phụ kiện nhóm (motor sạc+cuộn đóng/cắt) và (tiếp điểm phụ+cuộn thấp áp) khi mua rồi phải đặt thêm đầu nối.



3WT9866-3JA00

Accessories for interlocking between 2 or 3 ACBs - Phụ kiện liên động giữa 2 hoặc 3 ACB

Type Loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
An interlock module with a Bowden wire (2 m) Bộ 1 module liên động và 1 cáp liên động 2m dùng cho 1 ACB		
	For fixed ACB - Cho ACB loại cố định	3WT9866-3JA00
	For drawout ACB - Cho ACB loại rút kéo	3WT9866-4JA00
Additional Bowden wire in case interlocking of three circuit breakers Dây liên động bổ sung trong trường hợp liên động 3 ACB (1 dây cho 1 ACB)	Bowden wire (2 m)	3WT9866-8JA00
	Bowden wire (3 m)	3WT9866-8JA01
	Bowden wire (4.5 m)	3WT9866-8JA02
Interlocking systems for 3 ACBs with keys Liên động 3 ACB bằng chìa khóa	Lock - Khóa	3WT9863-7JE00
	Chìa khóa - Key	3WT9863-6JE00
Khóa an toàn (3SB1) thay thế cho nút OFF	Made by CES	3WT9863-1JA00

Air Circuit Breakers

Máy cắt không khí

Accessories of 3WT ACB include remote control, locking and interlocking accessories
Pre-install accessories ACB version available
For other accessories, please refer to catalog LV35

3WT Air Circuit Breaker Accessories

Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WT

Phụ kiện cho ACB 3WT bao gồm phụ kiện để vận hành ACB từ xa, phụ kiện cho liên động điện và liên động cơ khí
Các lựa chọn ACB lắp sẵn phụ kiện
Các loại phụ kiện khác vui lòng xem thêm tại Catalog LV35

Door interlock - Cơ chế khóa liên động cánh cửa tủ

Type Loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Blocking device to prevent opening of the cabinet door, when circuit breaker is in connected position Khóa chống mở cửa tủ khi máy cắt đang ở vị trí kết nối		
Withdrawable - Loại rút kéo	3WT9867-1JC00	12,217,000
Blocking device to prevent opening of the cabinet door with the fixed-mounted circuit breaker closed Khóa chống mở cửa tủ khi máy cắt cố định đang ở vị trí đóng		
Fixed - Loại cố định	3WT9867-2JA00	12,217,000

Reference for order 3WT with integrated accessories - Hướng dẫn lựa chọn mã hàng 3WT với phụ kiện lắp sẵn tại nhà máy

Thay đổi các ký tự thứ 8, 9, 10, 11 tương ứng với các lựa chọn như bên dưới

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
3	W	T	-	-	-	-	-					-	-	0	A	A	0

Option - Lựa chọn

								Additional price - Giá thêm vào								
Trip unit ETU37WT bảo vệ LSING có màn hình								6								(*)
Trip unit ETU45WT bảo vệ LSING có màn hình và truyền thông								7								(*)
Trip unit ETU47WT bảo vệ LSING có màn hình và truyền thông								8								(*)
ACB điều khiển bằng điện								24VDC	G	A	1					(*)
với motor, cuộn đóng, cuộn cắt								220VAC	U	A	3					(*)
ACB điều khiển bằng điện với motor, cuộn đóng, cuộn cắt, cuộn thấp áp								24VDC	G	H	1					(*)
								220VAC	U	N	3					(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Air Circuit Breakers Máy cắt không khí

ACB 3WA from 630A to 6300A
Rated operating voltage $U_e=690V$ 50/60Hz, up to 1150V AC
Breaking capacity $I_{cs}=I_{cu}$ from 55 to 150kA at 415V AC
Standard 3WA include:
- ACB with ETU300 trip unit LSI protection
- Ready-to-close signaling switches (1NO)
- Trip alarm switch (1xCO), Auxiliary switch 2NO+2NC
Communication option Modbus RTU/TCP, PROFINET IO available
Standards IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA Air Circuit Breakers Máy cắt không khí ACB 3WA

ACB 3WA từ 630A đến 6300A
Điện áp định mức $U_e=690V$ 50/60Hz, có thể lựa chọn sử dụng tại 1150V AC
Dòng cắt $I_{cs}=I_{cu}$ từ 55 đến 150kA tại 415V AC
ACB 3WA tiêu chuẩn bao gồm:
- ACB trang bị trip unit ETU300 - bảo vệ LSI
- Tiếp điểm sẵn sàng đóng (1NO)
- Tiếp điểm sự cố (1xCO), Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC
Có khả năng truyền thông Modbus RTU/TCP, PROFINET IO
Tiêu chuẩn IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA11, 630 to 2000A, manually operated, rear horizontal connection, ETU300 LSI protection

3WA11, 630 đến 2000A, vận hành bằng tay, kết nối đầu cực ngang phía sau, bộ điều khiển bảo vệ ETU300 bảo vệ LSI

Fixed-mounted type - Loại gắn cố định

Size (SZ)	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=55kA		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-2AB02-0AA0	150,496,000	3WA1106-2AB12-0AA0	203,860,000
	800A	3WA1108-2AB02-0AA0	155,693,000	3WA1108-2AB12-0AA0	210,648,000
	1000A	3WA1110-2AB02-0AA0	164,696,000	3WA1110-2AB12-0AA0	222,576,000
	1250A	3WA1112-2AB02-0AA0	159,561,000	3WA1112-2AB12-0AA0	215,120,000
	1600A	3WA1116-2AB02-0AA0	235,921,000	3WA1116-2AB12-0AA0	315,911,000
	2000A	3WA1120-2AB02-0AA0	274,062,000	3WA1120-2AB12-0AA0	366,306,000
Icu=66kA		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-3AB02-0AA0	161,146,000	3WA1106-3AB12-0AA0	217,890,000
	800A	3WA1108-3AB02-0AA0	166,627,000	3WA1108-3AB12-0AA0	225,132,000
	1000A	3WA1110-3AB02-0AA0	176,226,000	3WA1110-3AB12-0AA0	237,798,000
	1250A	3WA1112-3AB02-0AA0	170,628,000	3WA1112-3AB12-0AA0	229,768,000
	1600A	3WA1116-3AB02-0AA0	251,878,000	3WA1116-3AB12-0AA0	336,958,000
	2000A	3WA1120-3AB02-0AA0	292,467,000	3WA1120-3AB12-0AA0	390,590,000
Icu=85kA		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-4AB02-0AA0	179,748,000	3WA1106-4AB12-0AA0	242,486,000
	800A	3WA1108-4AB02-0AA0	185,826,000	3WA1108-4AB12-0AA0	250,466,000
	1000A	3WA1110-4AB02-0AA0	196,447,000	3WA1110-4AB12-0AA0	264,495,000
	1250A	3WA1112-4AB02-0AA0	190,071,000	3WA1112-4AB12-0AA0	255,362,000
	1600A	3WA1116-4AB02-0AA0	279,769,000	3WA1116-4AB12-0AA0	373,816,000
	2000A	3WA1120-4AB02-0AA0	324,681,000	3WA1120-4AB12-0AA0	433,055,000
Icu=100kA NEW		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-5AB02-0AA0	203,718,000	3WA1106-5AB12-0AA0	274,067,000
	800A	3WA1108-5AB02-0AA0	210,506,000	3WA1108-5AB12-0AA0	283,041,000
	1000A	3WA1110-5AB02-0AA0	222,434,000	3WA1110-5AB12-0AA0	298,775,000
	1250A	3WA1112-5AB02-0AA0	214,971,000	3WA1112-5AB12-0AA0	288,292,000
	1600A	3WA1116-5AB02-0AA0	315,688,000	3WA1116-5AB12-0AA0	421,222,000
	2000A	3WA1120-5AB02-0AA0	344,591,000	3WA1120-5AB12-0AA0	459,365,000



3WA11 3P fixed



3WA11 4P fixed type

Air Circuit Breakers Máy cắt không khí

ACB 3WA from 630A to 6300A
Rated operating voltage $U_e=690V$ 50/60Hz, up to 1150V AC
Breaking capacity $I_{cs}=I_{cu}$ from 55 to 150kA at 415V AC
Standard 3WA include:
- ACB with ETU300 trip unit LSI protection
- Ready-to-close signaling switches (1NO)
- Trip alarm switch (1xCO), Auxiliary switch 2NO+2NC
Communication option Modbus RTU/TCP, PROFINET IO available
Standards IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA Air Circuit Breakers 3P Máy cắt không khí ACB 3WA 3 cực

ACB 3WA từ 630A đến 6300A
Điện áp định mức $U_e=690V$ 50/60Hz, có thể lựa chọn sử dụng tại 1150V AC
Dòng cắt $I_{cs}=I_{cu}$ từ 55 đến 150kA tại 415V AC
ACB 3WA tiêu chuẩn bao gồm:
- ACB trang bị trip unit ETU300 - bảo vệ LSI
- Tiếp điểm sẵn sàng đóng (1NO)
- Tiếp điểm sự cố (1xCO), Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC
Có khả năng truyền thông Modbus RTU/TCP, PROFINET IO
Tiêu chuẩn IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA12/13, 2000 to 4000A, manually operated, rear horizontal connection (*), ETU300 LSI protection
3WA12/13, 2000 đến 4000A, vận hành bằng tay, kết nối đầu cực ngang phía sau (*), bộ điều khiển bảo vệ ETU300 bảo vệ LSI

Fixed-mounted type - Loại gắn cố định

Size (SZ)	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=66kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-3AB02-0AA0	(*)	3WA1220-3AB12-0AA0	(*)
	2500A	3WA1225-3AB02-0AA0	336,748,000	3WA1225-3AB12-0AA0	448,355,000
	3200A	3WA1232-3AB02-0AA0	393,187,000	3WA1232-3AB12-0AA0	522,858,000
	NEW 4000A	3WA1240-3AB02-0AA0	543,125,000	3WA1240-3AB12-0AA0	720,764,000
Icu=85kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-4AB02-0AA0	(*)	3WA1220-4AB12-0AA0	(*)
	2500A	3WA1225-4AB02-0AA0	373,365,000	3WA1225-4AB12-0AA0	496,725,000
	3200A	3WA1232-4AB02-0AA0	435,732,000	3WA1232-4AB12-0AA0	579,043,000
	NEW 4000A	3WA1240-4AB02-0AA0	601,428,000	3WA1240-4AB12-0AA0	797,724,000
Icu=100kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-5AB02-0AA0	(*)	3WA1220-5AB12-0AA0	(*)
	2500A	3WA1225-5AB02-0AA0	396,046,000	3WA1225-5AB12-0AA0	526,649,000
	3200A	3WA1232-5AB02-0AA0	462,057,000	3WA1232-5AB12-0AA0	613,795,000
	NEW 4000A	3WA1240-5AB02-0AA0	637,493,000	3WA1240-5AB12-0AA0	845,374,000
SZ 3	4000A	3WA1340-5AB02-0AA0	910,315,000	3WA1340-5AB12-0AA0	1,205,864,000
	5000A	3WA1350-5AB02-0AA0	1,109,737,000	3WA1350-5AB12-0AA0	1,469,105,000
	6300A ⁽¹⁾	3WA1363-5AB01-0AA0	1,483,718,000	3WA1363-5AB11-0AA0	1,963,234,000
Icu=130kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-6AB02-0AA0	348,735,000	3WA1220-6AB12-0AA0	464,196,000
	2500A	3WA1225-6AB02-0AA0	444,860,000	3WA1225-6AB12-0AA0	591,093,000
	3200A	3WA1232-6AB02-0AA0	518,834,000	3WA1232-6AB12-0AA0	688,680,000
Icu=150kA/130kA		3P (150kA)		4P (130kA)	
SZ 3	4000A	3WA1340-6AB02-0AA0	1,020,846,000	3WA1340-6AB12-0AA0	1,351,760,000
	5000A	3WA1350-6AB02-0AA0	1,244,100,000	3WA1350-6AB12-0AA0	1,646,467,000
	6300A ⁽¹⁾	3WA1363-6AB01-0AA0	1,657,649,000	3WA1363-6AB11-0AA0	2,192,791,000

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

(1) 3WA13 6300A have rear vertical connection option only/3WA13 6300A chỉ có lựa chọn kết nối đầu cực dọc phía sau



3WA12 fixed



3WA13 fixed type

Air Circuit Breakers Máy cắt không khí

ACB 3WA from 630A to 6300A

Rated operating voltage $U_e=690V$ 50/60Hz, up to 1150V AC

Breaking capacity $I_{cs}=I_{cu}$ from 55 to 150kA at 415V AC

Standard 3WA include:

- ACB with ETU300 trip unit LSI protection
 - Ready-to-close signaling switches (1NO)
 - Trip alarm switch (1xCO), Auxiliary switch 2NO+2NC
 - Communication option Modbus RTU/TCP, PROFINET IO available
- Standards IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA Air Circuit Breakers Máy cắt không khí ACB 3WA

ACB 3WA từ 630A đến 6300A

Điện áp định mức $U_e=690V$ 50/60Hz, có thể lựa chọn sử dụng tại 1150V AC

Dòng cắt $I_{cs}=I_{cu}$ từ 55 đến 150kA tại 415V AC

ACB 3WA tiêu chuẩn bao gồm:

- ACB trang bị trip unit ETU300 - bảo vệ LSI
 - Tiếp điểm sẵn sàng đóng (1NO)
 - Tiếp điểm sự cố (1xCO), Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC
 - Có khả năng truyền thông Modbus RTU/TCP, PROFINET IO
- Tiêu chuẩn IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA11, 630 to 2000A, manually operated, rear horizontal connection, ETU300 LSI protection

3WA11, 630 đến 2000A, vận hành bằng tay, kết nối đầu cực ngang phía sau, bộ điều khiển bảo vệ ETU300 bảo vệ LSI

Withdrawable type - Loại rút kéo

Size (SZ)	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=55kA		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-2AB32-0AA0	208,035,000	3WA1106-2AB42-0AA0	279,776,000
	800A	3WA1108-2AB32-0AA0	211,472,000	3WA1108-2AB42-0AA0	284,320,000
	1000A	3WA1110-2AB32-0AA0	223,457,000	3WA1110-2AB42-0AA0	300,139,000
	1250A	3WA1112-2AB32-0AA0	215,960,000	3WA1112-2AB42-0AA0	289,577,000
	1600A	3WA1116-2AB32-0AA0	317,096,000	3WA1116-2AB42-0AA0	423,100,000
	2000A	3WA1120-2AB32-0AA0	367,690,000	3WA1120-2AB42-0AA0	489,849,000
Icu=66kA		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-3AB32-0AA0	225,672,000	3WA1106-3AB42-0AA0	303,064,000
	800A	3WA1108-3AB32-0AA0	233,141,000	3WA1108-3AB42-0AA0	312,919,000
	1000A	3WA1110-3AB32-0AA0	242,627,000	3WA1110-3AB42-0AA0	325,472,000
	1250A	3WA1112-3AB32-0AA0	234,388,000	3WA1112-3AB42-0AA0	313,884,000
	1600A	3WA1116-3AB32-0AA0	343,603,000	3WA1116-3AB42-0AA0	458,080,000
	2000A	3WA1120-3AB32-0AA0	389,972,000	3WA1120-3AB42-0AA0	519,295,000
Icu=85kA		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-4AB32-0AA0	268,472,000	3WA1106-4AB42-0AA0	359,552,000
	800A	3WA1108-4AB32-0AA0	271,795,000	3WA1108-4AB42-0AA0	363,983,000
	1000A	3WA1110-4AB32-0AA0	286,961,000	3WA1110-4AB42-0AA0	383,977,000
	1250A	3WA1112-4AB32-0AA0	276,929,000	3WA1112-4AB42-0AA0	370,061,000
	1600A	3WA1116-4AB32-0AA0	381,153,000	3WA1116-4AB42-0AA0	507,635,000
	2000A	3WA1120-4AB32-0AA0	400,520,000	3WA1120-4AB42-0AA0	533,154,000
Icu=100kA NEW		3P		4P	
SZ 1	630A	3WA1106-5AB32-0AA0	303,234,000	3WA1106-5AB42-0AA0	405,447,000
	800A	3WA1108-5AB32-0AA0	307,012,000	3WA1108-5AB42-0AA0	410,390,000
	1000A	3WA1110-5AB32-0AA0	324,023,000	3WA1110-5AB42-0AA0	432,883,000
	1250A	3WA1112-5AB32-0AA0	312,502,000	3WA1112-5AB42-0AA0	416,998,000
	1600A	3WA1116-5AB32-0AA0	401,409,000	3WA1116-5AB42-0AA0	534,415,000
	2000A	3WA1120-5AB32-0AA0	421,667,000	3WA1120-5AB42-0AA0	561,143,000



3WA11 3P
withdrawable



3WA11 4P
withdrawable

Air Circuit Breakers Máy cắt không khí

ACB 3WA from 630A to 6300A
Rated operating voltage $U_e=690V$ 50/60Hz, up to 1150V AC
Breaking capacity $I_{cs}=I_{cu}$ from 55 to 150kA at 415V AC
Standard 3WA include:
- ACB with ETU300 trip unit LSI protection
- Ready-to-close signaling switches (1NO)
- Trip alarm switch (1xCO), Auxiliary switch 2NO+2NC
Communication option Modbus RTU/TCP, PROFINET IO available
Standards IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA Air Circuit Breakers 4P Máy cắt không khí ACB 3WA 4 cực

ACB 3WA từ 630A đến 6300A
Điện áp định mức $U_e=690V$ 50/60Hz, có thể lựa chọn sử dụng tại 1150V AC
Dòng cắt $I_{cs}=I_{cu}$ từ 55 đến 150kA tại 415V AC
ACB 3WA tiêu chuẩn bao gồm:
- ACB trang bị trip unit ETU300 - bảo vệ LSI
- Tiếp điểm sẵn sàng đóng (1NO)
- Tiếp điểm sự cố (1xCO), Tiếp điểm trạng thái 2NO+2NC
Có khả năng truyền thông Modbus RTU/TCP, PROFINET IO
Tiêu chuẩn IEC 60947-2, IEC 60947-3

3WA12/13, 2000 to 4000A, manually operated, rear horizontal connection (*), ETU300 LSI protection
3WA12/13, 2000 đến 4000A, vận hành bằng tay, kết nối đầu cực ngang phía sau (*), bộ điều khiển bảo vệ ETU300 bảo vệ LSI

Withdrawable type - Loại rút kéo

Size (SZ)	Rating Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Icu=66kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-3AB32-0AA0	(*)	3WA1220-3AB42-0AA0	(*)
	2500A	3WA1225-3AB32-0AA0	447,719,000	3WA1225-3AB42-0AA0	594,841,000
	3200A	3WA1232-3AB32-0AA0	522,075,000	3WA1232-3AB42-0AA0	693,000,000
	NEW 4000A	3WA1240-3AB32-0AA0	719,705,000	3WA1240-3AB42-0AA0	953,909,000
Icu=85kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-4AB32-0AA0	(*)	3WA1220-4AB42-0AA0	(*)
	2500A	3WA1225-4AB32-0AA0	459,664,000	3WA1225-4AB42-0AA0	610,640,000
	3200A	3WA1232-4AB32-0AA0	536,010,000	3WA1232-4AB42-0AA0	711,383,000
	NEW 4000A	3WA1240-4AB32-0AA0	738,808,000	3WA1240-4AB42-0AA0	979,091,000
Icu=100kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-5AB32-0AA0	(*)	3WA1220-5AB42-0AA0	(*)
	2500A	3WA1225-5AB32-0AA0	487,428,000	3WA1225-5AB42-0AA0	647,277,000
	3200A	3WA1232-5AB32-0AA0	568,242,000	3WA1232-5AB42-0AA0	753,949,000
	NEW 4000A	3WA1240-5AB32-0AA0	782,984,000	3WA1240-5AB42-0AA0	1,037,393,000
SZ 3	4000A	3WA1340-5AB32-0AA0	1,117,159,000	3WA1340-5AB42-0AA0	1,478,910,000
	5000A	3WA1350-5AB32-0AA0	1,361,213,000	3WA1350-5AB42-0AA0	1,801,069,000
	6300A ⁽¹⁾	3WA1363-5AB31-0AA0	1,787,437,000	3WA1363-5AB41-0AA0	2,363,897,000
Icu=130kA		3P		4P	
SZ 2	2000A	3WA1220-6AB32-0AA0	473,196,000	3WA1220-6AB42-0AA0	628,514,000
	2500A	3WA1225-6AB32-0AA0	602,529,000	3WA1225-6AB42-0AA0	799,186,000
	3200A	3WA1232-6AB32-0AA0	701,958,000	3WA1232-6AB42-0AA0	930,466,000
Icu=150kA/130kA		3P (150kA)		4P (130kA)	
SZ 3	4000A	3WA1340-6AB32-0AA0	1,224,632,000	3WA1340-6AB42-0AA0	1,620,743,000
	5000A	3WA1350-6AB32-0AA0	1,491,864,000	3WA1350-6AB42-0AA0	1,973,529,000
	6300A ⁽¹⁾	3WA1363-6AB31-0AA0	1,956,511,000	3WA1363-6AB41-0AA0	2,587,082,000

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

(1) 3WA13 6300A have rear vertical connection option only/3WA13 6300A chỉ có lựa chọn kết nối đầu cực dọc phía sau



3WA12 withdrawable



3WA13 withdrawable

Air Circuit Breakers

Máy cắt không khí

Accessories of 3WA ACB include remote control, locking and interlocking accessories
Pre-install accessories ACB version available
For other accessories, please refer to catalog LV10

3WA Air Circuit Breakers Accessories

Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WA

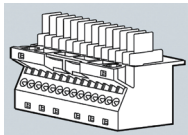
Phụ kiện cho ACB 3WA bao gồm phụ kiện để vận hành ACB từ xa, phụ kiện cho liên động điện và liên động cơ khí
Các lựa chọn ACB lắp sẵn phụ kiện
Các loại phụ kiện khác vui lòng xem thêm tại Catalog LV10



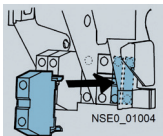
3WA9111-0AF02



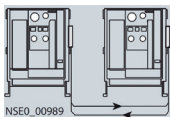
3WA9111-0AD02



Additional connector



3WA9111-0AG01



3WA9111-0BB21

Auxiliaries for electrical operation - Phụ kiện để vận hành ACB bằng tín hiệu điện

Type Loại	V AC 50/60Hz Điện áp AC		V DC Điện áp DC	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Motorized operating mechanism Motor vận hành điện	-		24	3WA9111-0AF02	37,233,000
	110 ... 127		110 ... 125	3WA9111-0AF05	37,233,000
	208 ... 240		220 ... 250	3WA9111-0AF06	37,233,000
Electrical closing Cuộn đóng/ cuộn cắt	-		24	3WA9111-0AD02	13,664,000
	110 ... 127		110 ... 125	3WA9111-0AD05	13,664,000
	208 ... 240		220 ... 250	3WA9111-0AD06	13,664,000
Undervoltage release Cuộn thấp áp	-		24	3WA9111-0AE02	13,664,000
	110 ... 127		110 ... 125	3WA9111-0AE05	13,664,000
	208 ... 240		220 ... 250	3WA9111-0AE06	13,664,000
	380 ... 415		-	3WA9111-0AE07	13,664,000
Undervoltage release with delay Cuộn thấp áp với thời gian trễ	110 ... 127		110 ... 125	3WA9111-0AE15	22,373,000
	220 ... 240		220 ... 250	3WA9111-0AE16	22,373,000
	380 ... 415		-	3WA9111-0AE17	22,373,000
Additional connector for motorize Giắc cắm đầu nối tín hiệu điều khiển ⁽¹⁾	For fixed ACB Cho ACB loại cố định			3WA9111-0AB01	2,954,000
				3WA9111-0AB03	3,171,000
				3WA9111-0AB07	1,944,000
	For withdrawable ACB Cho ACB loại rút kéo			3WA9111-0AB01	2,954,000
				3WA9111-0AB03	3,171,000
				3WA9111-0AB08	2,954,000
	Auxiliary switch AUX Tiếp điểm phụ báo trạng thái	2NO+2NC		3WA9111-0AG01	9,200,000
2NO		3WA9111-0AG02	4,600,000		
1NO+1NC		3WA9111-0AG03	4,600,000		
Tripped signaling switch Tiếp điểm phụ báo sự cố	1CO		3WA9111-0AH02	3,437,000	
Ready-to-close signaling switches Tiếp điểm sẵn sàng đóng	1CO		3WA9111-0AH01	5,065,000	
ACB position switch Tiếp điểm báo vị trí ACB (Cho ACB loại rút kéo)	Connected position 3CO	Test position 2CO	Disconnected position 1CO	3WA9111-0AH11	14,755,000

Lưu ý: (1) Phụ kiện khi mua rồi phải đặt thêm giắc cắm đầu nối tín hiệu

Accessories for interlocking between 2 or 3 ACBs - Phụ kiện liên động giữa 2 hoặc 3 ACB

Type Loại		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
An interlock module with a Bowden wire (2 m) 1 module liên động và 1 cáp liên động 2m dùng cho 1 ACB	For fixed ACB - Cho ACB loại cố định	3WA9111-0BB21	24,238,000
	For drawout ACB - Cho ACB loại rút kéo	3WA9111-0BB22	24,238,000
Additional Bowden wire in case interlocking of three circuit breakers Dây liên động bổ sung trong trường hợp liên động 3 ACB (1 dây cho 1 ACB)	Bowden wire (2 m)	3WA9111-0BB41	5,557,000
	Bowden wire (3 m)	3WA9111-0BB42	7,210,000
	Bowden wire (4.5 m)	3WA9111-0BB43	10,026,000
Interlocking systems for 3 ACBs with keys Liên động 3 ACB bằng chìa khóa	Made by CES	3WA9111-0BA43	21,680,000
Padlockable protective cover ON / OFF Nắp bảo vệ ON/OFF có thể móc khóa	Without safety lock	3WA9111-0BA21	6,357,000
	Made by CES	3WA9111-0BA22	12,144,000
	Made by IKON	3WA9111-0BA23	13,205,000

Air Circuit Breakers

Máy cắt không khí

Accessories of 3WA ACB include remote control, locking and interlocking accessories
Pre-install accessories ACB version available
For other accessories, please refer to catalog LV10

3WA Air Circuit Breakers Accessories

Phụ kiện cho máy cắt không khí ACB 3WA

Phụ kiện cho ACB 3WA bao gồm phụ kiện để vận hành ACB từ xa, phụ kiện cho liên động điện và liên động cơ khí
Các lựa chọn ACB lắp sẵn phụ kiện
Các loại phụ kiện khác vui lòng xem thêm tại Catalog LV10



3WA9111-0AP01



3WA9111-0AP03



3WA9111-0BB15

Accessories for interlocking between 2 or 3 ACBs - Phụ kiện liên động giữa 2 hoặc 3 ACB

Type Loại		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Door sealing frame	Spare part for option T40	3WA9111-0AP01	7,675,000
Protective covers IP55	Cannot be used in conjunction with door sealing frames	3WA9111-0AP03	17,597,000

Door interlock - Cơ chế khóa liên động cánh cửa tủ

Type Loại	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Locking devices to prevent opening of the cabinet door in ON position Khóa cơ khí chống mở cánh cửa tủ khi máy cắt ở vị trí ON			
Fixed-mounted/Loại cố định	Spare part for option S30	3WA9111-0BB12	6,745,000
Guide frames/Giá rút kéo	Spare part for option R30	3WA9111-0BB13	6,745,000
Mechanical interlock to prevent racking of the circuit breaker, if circuit breaker compartment door is open Khóa cơ khí chống rút cầu dao tự động khi cánh cửa mở			
Guide frames/Giá rút kéo	Spare part for option R50	3WA9111-0BB15	6,745,000

Note: Not possible in combination with „Locking mechanism to prevent movement of the withdrawable circuit breakers in disconnected position“ (order codes „R81“, „R85“ or „R86“).

Lưu ý: Không thể kết hợp với „Cơ chế khóa để ngăn chuyển động của máy cắt rút kéo ở vị trí ngắt kết nối“ (mã đặt hàng „R81“, „R85“ hoặc „R86“).

Reference for order 3WA with integrated accessories - Hướng dẫn lựa chọn mã hàng 3WA với phụ kiện lắp sẵn

Thay đổi các ký tự thứ 9, 10 và thứ 13, 14, 15, 16 tương ứng với các lựa chọn như bên dưới

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	3	W	A	—	—	—	—	-	—			—	—	-				Additional price Giá thêm vào
Option - Lựa chọn																		
Trip unit ETU300 bảo vệ LSIG									A	C							(*)	
Trip unit ETU600 bảo vệ LSI (Current metering)									A	E							(*)	
Trip unit ETU600 bảo vệ LSIG (Current metering)									A	F							(*)	
ACB điều khiển bằng điện								24VDC					2	B	A	1	(*)	
với motor, cuộn đóng, cuộn cắt								220VAC					4	E	A	4	(*)	
ACB điều khiển bằng điện								24VDC					2	B	L	1	(*)	
với motor, cuộn đóng, cuộn cắt, cuộn thấp áp								220VAC					4	E	Q	4	(*)	

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

The configurator reduces the time and effort required in the planning and ordering process, and allows for individual adaptations.
Configure your air circuit breaker at
www.siemens.com/lowvoltage/3wa-configurator

On Load Changeover Switches Thiết bị chuyển nguồn

3KJ On Load Changeover Switches
From 63 to 3150A in 4-pole configuration
Manually operated. Extended rotary handle
Standard IEC60947-3

Manual transfer switching equipment (MTSE) Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay (MTSE)

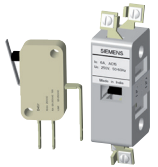
Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay đóng ngắt bằng bộ ngắt tải
Dòng điện định mức từ 63 đến 3150A trong thiết kế 4 cực
Vận hành bằng tay. Tay thao tác nổi dài
Tiêu chuẩn IEC 60947-3



Size 1, 63A-100A



Size 1, 125A-160A

Size 2, 3
200A-800ASize 4, 5
1000A-1600A

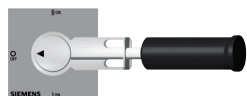
Auxiliary switch



Phase barrier



Front drive (Plastic)



Front drive (Metallic)



Shaft

MTSE 3KJ, 4P, 63 to 3150A, 415V AC

Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay 3KJ, 4P, 63 đến 3150A, 415V AC

Size Cỡ	Rating Dòng định mức (A)	Open execution		Enclosed execution	
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1	63	3KJ1126-4AA20-0AA0	(*)	3KJ1126-4AA20-1AA0	(*)
	100	3KJ1130-4AA20-0AA0	(*)	3KJ1130-4AA20-1AA0	(*)
1	125	3KJ0132-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0132-4AA20-1AA0	(*)
	160	3KJ0134-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0134-4AA20-1AA0	(*)
2	200	3KJ0236-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0236-4AA20-1AA0	(*)
	250	3KJ0238-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0238-4AA20-1AA0	(*)
	315	3KJ0240-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0240-4AA20-1AA0	(*)
	400	3KJ0242-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0242-4AA20-1AA0	(*)
3	630	3KJ0346-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0346-4AA20-1AA0	(*)
	630	3KJ0348-4AA20-0AA0	(*)	3KJ0348-4AA20-1AA0	(*)
	800	3KJ0450-4AA30-0AA0	(*)	3KJ0450-4AA30-1AA0	(*)
4	1000	3KJ0452-4AA30-0AA0	(*)	3KJ0452-4AA30-1AA0	(*)
	1250	3KJ0454-4AA30-0AA0	(*)	3KJ0454-4AA30-1AA0	(*)
	1600	3KJ0556-4AA30-0AA0	(*)	3KJ0556-4AA30-1AA0	(*)
	2000	3KJ0558-4AA30-0AA0	(*)	3KJ0558-4AA30-1AA0	(*)
5	2500	3KJ0560-4AA30-0AA0	(*)	3KJ0560-4AA30-1AA0	(*)
	3150	3KC0354-0RE00-0AA0	(*)	3KC0454-0RE00-0AA0	(*)

Operating mechanism for MTSE - Phụ kiện vận hành cho bộ chuyển đổi nguồn bằng tay MTSE

Type Loại	For MTSE size - Cho MTSE cỡ						Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	3KJ11	3KJ01	3KJ02	3KJ03	3KJ04	3KJ05		
Auxiliary switch - Tiếp điểm phụ								
1CO	✓						3KJ9101-1AB00	(*)
2CO	✓						3KJ9101-1AD00	(*)
1NO+1NC		✓					3KJ9001-1AB00	(*)
			✓	✓	✓	✓	3KJ9001-5AB00	(*)
2NO+2NC		✓					3KJ9001-1AD00	(*)
			✓	✓	✓	✓	3KJ9001-5AD00	(*)
Phase barrier - Tấm chắn pha								
	✓						3KJ9103-1CA00	(*)
		✓					3KJ9003-1CA00	(*)
			✓	✓			3KJ9003-3CA00	(*)
					✓		3KJ9003-4CA00	(*)
Lower						✓	3KJ9003-5CA10	(*)
Front						✓	3KJ9003-5CA20	(*)
Front drive (Handle) - Tay vận hành								
Plastic	✓						3KJ9106-1FT00	(*)
Bằng nhựa		✓	✓				3KJ9006-2FT00	(*)
				✓			3KJ9006-3FT00	(*)
Metallic					✓		3KJ9006-4FM00	(*)
Kim loại						✓	3KJ9006-5FM00	(*)
Shaft - Thanh nối dài								
	✓	✓					8UD1131-2AE21	(*)
			✓				8UD1141-2AE21	(*)
					✓		8UD1151-3AE21	(*)
						✓	8UD1161-4AE21	(*)

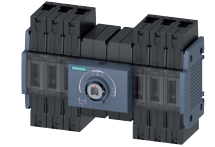
(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Transfer Switching Equipment Thiết bị chuyển nguồn

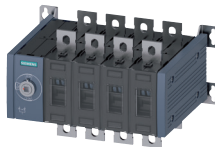
RTSE 3KC switching with switch disconnectors
From 40 to 3200A
Maunally operated. Direct rotary handle or extended rotary handle
Standard IEC 60947-6-1, IEC 60947-3

Manual transfer switching equipment (MTSE) Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay (MTSE)

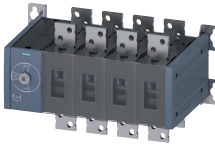
Bộ chuyển đổi nguồn bằng tay đóng ngắt bằng bộ ngắt tải
Dòng điện định mức từ 16 đến 1600A
Vận hành bằng tay. Lựa chọn tay thao tác trực tiếp hoặc nối dài
Tiêu chuẩn IEC 60947-6-1, IEC 60947-3



3KC0316-2ME00-0AA0



3KC0436-0PE00-0AA0



3KC0450-0RE00-0AA0



3KC9201-3



3KC9301-2



8UD1131-2AE21

MTSE 3KC0, 3P and 4P, 16 to 1600A, 415V AC

Bộ chuyển nguồn bằng tay 3KC0, 3P và 4P, 16 đến 1600A, 415V AC

Size Cỡ	Rating Dòng định mức (A)	3P		4P	
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1	16	3KC0316-2ME00-0AA0	6,244,000	3KC0416-2ME00-0AA0	8,001,000
	32	3KC0322-2ME00-0AA0	7,181,000	3KC0422-2ME00-0AA0	8,937,000
	63	3KC0326-2ME00-0AA0	7,571,000	3KC0426-2ME00-0AA0	9,327,000
2	80	3KC0328-2NE00-0AA0	9,327,000	3KC0428-2NE00-0AA0	11,588,000
	100	3KC0330-2NE00-0AA0	12,489,000	3KC0430-2NE00-0AA0	15,569,000
	125	3KC0332-2NE00-0AA0	15,569,000	3KC0432-2NE00-0AA0	19,627,000
3	160	3KC0334-2NE00-0AA0	17,402,000	3KC0434-2NE00-0AA0	21,852,000
	200	3KC0336-0PE00-0AA0	27,703,000	3KC0436-0PE00-0AA0	33,908,000
	250	3KC0338-0PE00-0AA0	35,661,000	3KC0438-0PE00-0AA0	43,700,000
4	315	3KC0340-0PE00-0AA0	41,359,000	3KC0440-0PE00-0AA0	49,550,000
	400	3KC0342-0PE00-0AA0	48,773,000	3KC0442-0PE00-0AA0	60,087,000
	500	3KC0344-0QE00-0AA0	63,986,000	3KC0444-0QE00-0AA0	77,250,000
5	630	3KC0346-0QE00-0AA0	68,279,000	3KC0446-0QE00-0AA0	81,934,000
	800	3KC0348-0QE00-0AA0	87,006,000	3KC0448-0QE00-0AA0	103,784,000
	1000	3KC0350-0RE00-0AA0	160,354,000	3KC0450-0RE00-0AA0	191,959,000
	1260	3KC0352-0RE00-0AA0	236,826,000	3KC0452-0RE00-0AA0	283,643,000
	1600	3KC0354-0RE00-0AA0	285,596,000	3KC0454-0RE00-0AA0	342,949,000

Operating mechanism for MTSE - Phụ kiện vận hành cho bộ chuyển nguồn bằng tay MTSE

Type Loại	Color Màu	For MTSE size - Cho MTSE cỡ					Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
		Size 1	Size 2	Size 3	Size 4	Size 5		
Direct operating mechanism standard version - Tay vận hành trực tiếp								
Gray Màu xám		✓	✓				3KC9201-3	1,311,000
				✓			3KC9301-1	1,745,000
					✓		3KC9401-1	2,177,000
						✓	3KC9501-1	3,044,000
Red/yellow Vàng/đỏ				✓			3KC9301-2	1,745,000
					✓		3KC9401-2	2,177,000
						✓	3KC9501-2	3,044,000
Door-coupling rotary operating mechanism - Tay vận hành nối dài ra cửa tủ								
Gray Màu xám	55mm	✓	✓				8UD1131-2AE21	2,514,000
	110mm			✓			8UD1141-2AE21	3,321,000
	140mm				✓		8UD1151-3AE21	3,810,000
	200mm					✓	8UD1161-4AE21	5,956,000

Transfer Switching Equipment Thiết bị chuyển nguồn

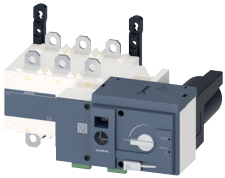
RTSE 3KC switching with switch disconnectors
From 40 to 3200A
With motorized operating mechanism remote controlled, additional handle (controller is not intergrated)
Operating mechanism on right
Standard IEC 60947-6-1

Remote transfer switching equipment (RTSE) Bộ chuyển đổi nguồn từ xa RTSE

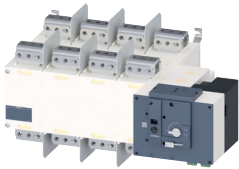
Bộ chuyển đổi nguồn từ xa đóng ngắt bằng bộ ngắt tải
Dòng điện định mức từ 40 đến 3200A
Vận hành bằng cơ cấu motor, điều khiển từ xa. Tích hợp tay tạo tác tại chỗ (Chưa có sẵn bộ điều khiển chuyển nguồn tự động)
Cơ cấu motor nằm bên phải
Tiêu chuẩn IEC 60947-6-1



3KC3434-2AA22-0AA3



3KC4338-0CA21-0AA3



3KC4460-0JA21-0AA3

RTSE 3KC3, 4P, 40 to 160A, box terminal - Wired ready for operation (including power supply)

Bộ chuyển nguồn từ xa 3KC3, 4P, 40 đến 160A, đầu nối dạng box - Dây đầu nối có sẵn

Rating Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
40	3KC3424-2AA22-0AA3	42,137,000
63	3KC3426-2AA22-0AA3	43,700,000
80	3KC3428-2AA22-0AA3	45,259,000
100	3KC3430-2AA22-0AA3	51,112,000
125	3KC3432-2AA22-0AA3	56,965,000
160	3KC3434-2AA22-0AA3	67,109,000

RTSE 3KC4, 3P and 4P, 250 to 3200A, flat terminal

Bộ chuyển nguồn tự động 3KC4, 3P và 4P, 250 đến 3200A, đầu nối dạng cực phẳng

Rating Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng		Unit price Đơn giá
			3P	4P	
250	3KC4338-0CA21-0AA3	86,618,000	3KC4438-0CA21-0AA3		89,736,000
400	3KC4342-0DA21-0AA3	109,634,000	3KC4442-0DA21-0AA3		115,487,000
630	3KC4346-0EA21-0AA3	175,962,000	3KC4446-0EA21-0AA3		187,665,000
800	3KC4348-0FA21-0AA3	234,877,000	3KC4448-0FA21-0AA3		252,432,000
1000	3KC4350-0FA21-0AA3	305,882,000	3KC4450-0FA21-0AA3		331,632,000
1250	3KC4352-0GA21-0AA3	355,043,000	3KC4452-0GA21-0AA3		389,766,000
1600	3KC4354-0HA21-0AA3	448,679,000	3KC4454-0HA21-0AA3		495,499,000
2000	3KC4356-0JA21-0AA3	639,855,000	3KC4456-0JA21-0AA3		690,574,000
2500	3KC4358-0JA21-0AA3	807,623,000	3KC4458-0JA21-0AA3		885,653,000
3200	3KC4360-0JA21-0AA3	940,275,000	3KC4460-0JA21-0AA3		1,026,109,000

Transfer Switching Equipment Thiết bị chuyển nguồn

ATSE 3KC switching with switch disconnectors
From 40 to 3200A
With motorized operating mechanism, integrated controller and additional handle
Operating mechanism on right
Standard IEC 60947-6-1

Automatic transfer switching equipment (ATSE) 3KC Bộ chuyển đổi nguồn tự động ATSE 3KC

Bộ chuyển đổi nguồn tự động 3KC đóng ngắt bằng bộ ngắt tải
Dòng điện định mức từ 40 đến 3200A
Vận hành bằng cơ cấu motor, tích hợp bộ điều khiển chuyển nguồn và cơ cấu vận hành tại chỗ
Cơ cấu motor nằm bên phải
Tiêu chuẩn IEC 60947-6-1



3KC6434-2TA20-0TA3

ATS 3KC6, 4P, 40 to 160A, box terminal - Wired ready for operation (including power supply)

Bộ chuyển nguồn tự động 3KC6, 4P, 40 đến 160A, đầu nối dạng box - Dây đầu nối có sẵn

Rating Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
40	3KC6424-2TA20-0TA3	50,331,000
63	3KC6426-2TA20-0TA3	52,281,000
80	3KC6428-2TA20-0TA3	53,843,000
100	3KC6430-2TA20-0TA3	61,256,000
125	3KC6432-2TA20-0TA3	66,328,000
160	3KC6434-2TA20-0TA3	78,034,000

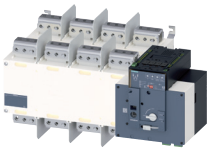


3KC8338-0CA22-0GA3

ATS 3KC8, 3P and 4P, 250 to 3200A, flat terminal - Without power supply and voltage sensing cables

Bộ chuyển nguồn tự động 3KC8, 4P, 250 đến 3200A, đầu nối dạng cực phẳng - Chưa có bộ dây đầu nối

Rating Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng		Unit price Đơn giá
			3P	4P	
250	3KC8338-0CA22-0GA3	169,329,000	3KC8438-0CA22-0GA3		173,232,000
400	3KC8342-0DA22-0GA3	208,735,000	3KC8442-0DA22-0GA3		216,538,000
630	3KC8346-0EA22-0GA3	276,621,000	3KC8446-0EA22-0GA3		288,715,000
800	3KC8348-0FA22-0GA3	341,777,000	3KC8448-0FA22-0GA3		360,115,000
1000	3KC8350-0FA22-0GA3	379,232,000	3KC8450-0FA22-0GA3		405,763,000
1250	3KC8352-0GA22-0GA3	429,171,000	3KC8452-0GA22-0GA3		464,285,000
1600	3KC8354-0HA22-0GA3	515,004,000	3KC8454-0HA22-0GA3		561,824,000
2000	3KC8356-0JA22-0GA3	694,478,000	3KC8456-0JA22-0GA3		753,000,000
2500	3KC8358-0JA22-0GA3	881,751,000	3KC8458-0JA22-0GA3		932,470,000
3200	3KC8360-0JA22-0GA3	1,010,500,000	3KC8460-0JA22-0GA3		1,076,829,000

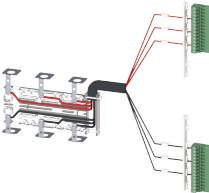


3KC8460-0JA22-0GA3

Power supply and voltage sensing cables for ATSE

Bộ dây cấp nguồn và kết nối tín hiệu áp cho bộ chuyển nguồn tự động

Rating Cho ATS loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng		Unit price Đơn giá
			3P	4P	
250	3KC9822-1	9,206,000	3KC9830-1		8,864,000
400	3KC9822-2	10,421,000	3KC9830-2		10,006,000
630	3KC9822-3	11,411,000	3KC9830-3		10,993,000
800...1000	3KC9822-4	14,452,000	3KC9830-4		13,998,000
1250	3KC9822-5	14,718,000	3KC9830-5		14,188,000
1600	3KC9822-6	14,945,000	3KC9830-6		14,494,000
2000...3200	3KC9822-7	15,936,000	3KC9830-7		15,899,000



3KC9822-1

Transfer Switching Equipment Thiết bị chuyển nguồn

Transfer control devices ATC support transfer between network/network, network/generator and generator/generator with 2 or 3 devices including 3VA, 3WA, 3WT Communication Modbus RTU or Modbus TCP

Transfer control devices ATC Bộ điều khiển chuyển nguồn tự động ATC

Bộ điều khiển chuyển nguồn tự động ATC hỗ trợ chuyển nguồn giữa lưới/lưới, lưới/máy phát, máy phát/máy phát với 2 hoặc 3 thiết bị bao gồm 3VA, 3WA, 3WT Lựa chọn truyền thông Modbus RTU hoặc Modbus TCP



ATC 3100



ATC 6300



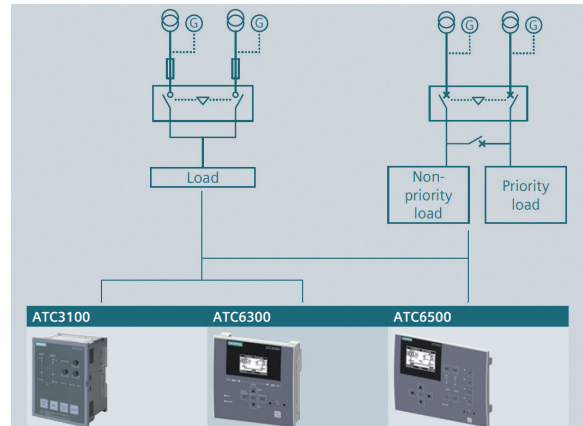
ATC 6500



3KC9000-8TL60



3KC9000-8TL74



Transfer control devices - Bộ điều khiển chuyển nguồn ATS

For automatic transfer between 3VA, 3WA, 3WT, 3WJ - Dùng để chuyển nguồn giữa 3VA, 3WA, 3WT, 3WJ

Version Phiên bản	Controllable devices Số thiết bị	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
ATC3100	2 sources	-	3KC9000-8EL10	30,441,000
ATC6300	2 sources	optional	3KC9000-8TL40	71,097,000
ATC6500	2 sources + 1 coupling	RS485	3KC9000-8TL50	126,390,000

Transfer control devices Accessories - Phụ kiện cho bộ điều khiển chuyển nguồn ATS

For 3KC ATC3100 - Cho 3KC ATC3100

Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Connecting cable for 3KC ATC3100 (mandatory order) Cáp kết nối cho 3KC ATC3100 (Bắt buộc đặt hàng cùng ATC3100)	Measurement and control cable Cáp kết nối tín hiệu đo lường và điều khiển	3KC9000-8EL62
		6,559,000

For 3KC ATC6300 and 3KC ATC6500 - Cho ATC6300 và ATC6500

Expansion modules with digital inputs and outputs - Mô-đun mở rộng tín hiệu vào/ra

4DI		3KC9000-8TL60	13,001,000
4DO	solid-state-compatible digital outputs	3KC9000-8TL61	13,001,000
2DI/2DO	solid-state-compatible digital outputs	3KC9000-8TL62	15,473,000
2DO	relay outputs	3KC9000-8TL63	15,473,000
2DI/2DO	relay outputs	3KC9000-8TL64	19,507,000

Expansion modules with communication interfaces - Mô-đun mở rộng truyền thông

RS485		3KC9000-8TL74	13,958,000
Ethernet		3KC9000-8TL75	55,428,000

Front interface for parameterization on the front using software - Cáp USB kết nối máy tính để lập trình bằng phần mềm

Mini-USB cable, 1.8 m		3KC9000-8TL73	22,589,000
-----------------------	--	---------------	------------

Protective seal - For front IP65 protection - Mặt che bảo vệ IP65

3KC ATC6300		3KC9000-8TL67	1,249,000
3KC ATC6500		3KC9000-8TL68	1,807,000

Fuse system and Switch disconnectors

Cầu chì và thiết bị ngắt tải

Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current: up to 100A
Standards IEC/EN 60947-4-2

Fuse 3NW

Cầu chì 3NW

Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định: tới 100A
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-4-2

Cylindrical fuse links, Operational class gG - Cầu chì ống

Size Kích thước	Un (V AC) Điện áp	Rate current Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
8 × 32 mm	400 VAC	2 A	3NW6302-1	141,000
		4 A	3NW6304-1	141,000
		6 A	3NW6301-1	141,000
		10 A	3NW6303-1	141,000
		16 A	3NW6305-1	141,000
		20 A	3NW6307-1	141,000
10 × 38 mm	500 VAC	0.5 A	3NW6000-1	124,000
		1 A	3NW6011-1	124,000
		2 A	3NW6002-1	124,000
		4 A	3NW6004-1	124,000
		6 A	3NW6001-1	124,000
		8 A	3NW6008-1	124,000
		10 A	3NW6003-1	124,000
		12 A	3NW6006-1	124,000
		16 A	3NW6005-1	124,000
		20 A	3NW6007-1	124,000
		25 A	3NW6010-1	124,000
		32 A	3NW6012-1	124,000
		4 A	3NW6104-1	141,000
		6 A	3NW6101-1	141,000
14 × 51 mm	500 VAC	8 A	3NW6108-1	141,000
		10 A	3NW6103-1	141,000
		12 A	3NW6106-1	141,000
		16 A	3NW6105-1	141,000
		20 A	3NW6107-1	141,000
		25 A	3NW6110-1	141,000
		32 A	3NW6112-1	165,000
		40 A	3NW6117-1	149,000
		50 A	3NW6120-1	149,000
	690 VAC	16 A	3NW6205-1	239,000
		20 A	3NW6207-1	239,000
	690 VAC	25 A	3NW6210-1	239,000
		32 A	3NW6212-1	239,000
		40 A	3NW6217-1	245,000
		50 A	3NW6220-1	245,000
		63 A	3NW6222-1	245,000
		80 A	3NW6224-1	245,000
		100 A	3NW6230-1	270,000



3NW6302-1



3NW6004-1



3NW6106-1



3NW6230-1

Fuse system and Switch disconnectors Cầu chì và thiết bị ngắt tải

Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current: up to 100A
Standards IEC/EN 60947-4-2

Fuse 3NW Cầu chì 3NW

Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định: tới 100A
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-4-2



3NW7313



3NW7323



3NW7364



3NW7901

Cylindrical fuse holders, standard - Giá đỡ cầu chì ống, dạng tiêu chuẩn

Size Kích thước	Rate current Dòng định mức	Poles Cực	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
			Without LED signal detector Không có chỉ thị tín hiệu		With LED signal detector Hiển thị tín hiệu bằng đèn LED	
8 × 32 mm	20 A	1P	3NW7313	250,000	3NW7314	410,000
		1P+N	3NW7353	460,000	3NW7354	629,000
		2P	3NW7323	494,000	3NW7324	833,000
		3P	3NW7333	746,000	3NW7334	1,240,000
		3P+N	3NW7363	954,000	3NW7364	1,456,000
10 × 38 mm	32 A	1P	3NW7013	200,000	3NW7014	368,000
		1P+N	3NW7053	404,000	3NW7054	576,000
		2P	3NW7023	396,000	3NW7024	726,000
		3P	3NW7033	592,000	3NW7034	1,097,000
		3P+N	3NW7063	802,000	3NW7064	1,311,000
14 × 51 mm	50 A	1P	3NW7111	629,000	3NW7112	795,000
		1P+N	3NW7151	1,294,000	3NW7152	1,465,000
		2P	3NW7121	1,251,000	3NW7122	1,586,000
		3P	3NW7131	1,872,000	3NW7132	2,373,000
		3P+N	3NW7161	2,539,000	3NW7162	3,044,000
22 × 58 mm	100 A	1P	3NW7211	882,000	3NW7212	1,047,000
		1P+N	3NW7251	1,804,000	3NW7252	1,973,000
		2P	3NW7221	1,756,000	3NW7222	2,096,000
		3P	3NW7231	2,632,000	3NW7232	3,156,000
		3P+N	3NW7261	4,036,000	3NW7262	4,550,000

Accessories - Phụ kiện

Display Hiển thị	Fuse link size Cỡ cầu chì	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switches for cylindrical fuse holders, standard - Tiếp điểm phụ			
Disconnection of fuse link, for striker fuse links	14 mm × 51 mm	3NW7901	576,000
	22 mm × 58 mm	3NW7902	576,000
Switching state of fuse holder	8 mm × 32 mm and 10 mm × 38 mm	3NW7903	912,000

Fuse system and Switch disconnectors Cầu chì và thiết bị ngắt tải

Rated voltage (Un) up to: 500V AC/440V DC
Rated current: up to 1250A
LV HRC fuse links are available in the sizes 000, 00, 0, 1, 2, 3, 4 and 4a.
Standards IEC 60269-1, -2; EN 60269-1

Fuse links LV HRC 3NA Ruột cầu chì loại LV HRC 3NA

Điện áp định mức đến 500V AC/440V DC
Dòng định mức đến 1250A
Ruột chì 3NA có các cỡ 000, 00, 0, 1, 2, 3, 4 và 4a.
Tiêu chuẩn IEC 60269-1, -2; EN 60269-1



3NA3802



3NA3830-7



3NA3022



3NA3250



3NA3672

Fuse links LV HRC - Ruột cầu chì loại LV HRC

Size Kích thước	Mounting width mm	Un V AC/V DC	Rate current Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
000	21	500/250	2	3NA3802	542,000
			4	3NA3804	542,000
			6	3NA3801	542,000
			10	3NA3803	433,000
			16	3NA3805	433,000
			20	3NA3807	433,000
			25	3NA3810	433,000
			32	3NA3812	433,000
			40	3NA3817	348,000
			50	3NA3820	348,000
00	30	500/250	63	3NA3822	348,000
			80	3NA3824	348,000
			100	3NA3830	348,000
		400/250	125	3NA3832-8	1,743,000
			160	3NA3836-8	1,832,000
		500/250	100	3NA3830-7	438,000
			125	3NA3832	438,000
			160	3NA3836	466,000
	30	500/440	63	3NA3022	1,122,000
			80	3NA3024	1,122,000
			100	3NA3030	1,122,000
			125	3NA3032	1,122,000
			160	3NA3036	1,122,000
1	30	500/440	125	3NA3132	873,000
			160	3NA3136	873,000
			200	3NA3140	1,025,000
			224	3NA3142	1,025,000
			250	3NA3144	1,025,000
2	57.8	500/440	300	3NA3250	1,257,000
			315	3NA3252	1,257,000
			355	3NA3254	1,257,000
			400	3NA3260	1,257,000
			425	3NA3362	2,180,000
3	71.2	500/440	500	3NA3365	2,441,000
			630	3NA3372	2,441,000
			630	3NA3472	21,753,000
			800	3NA3475	21,753,000
			1000	3NA3480	25,066,000
4*	101.8	500/440	1250	3NA3482	25,066,000
			630	3NA3672	21,753,000
			800	3NA3675	21,753,000
			1000	3NA3680	25,066,000
			1250	3NA3682	25,066,000
4a**	101.8	500/440	630	3NA3672	21,753,000
			800	3NA3675	21,753,000
			1000	3NA3680	25,066,000
			1250	3NA3682	25,066,000

(*) Can only be used for 3NH3530 LV HRC fuse base - Chỉ có thể sử dụng với đế chì 3NH3530

(**) Only for 3NH7520 LV HRC fuse base or usable for 3NJ5643-0BB00 fuse switch disconnectors with in-line design

Chỉ sử dụng được với đế chì 3NH7520 hoặc 3NJ5643-0BB00

Please contact us for other type of fuse links

Xin vui lòng liên hệ chúng tôi để được tư vấn về các loại ruột chì khác

Fuse system and Switch disconnectors Cầu chì và thiết bị ngắt tải

Five sizes available for LV HRC fuses sizes NH000 to NH3 (up to 630A)
1, 3 and 4-pole devices
The 3NP1 fuse switch disconnecter is suitable for all fuses with LV HRC design in sizes 000 to 3 which comply with IEC 60269-2
Floor mounting

3NP Fuse switch disconnecter Đế cầu chì loại 3NP

5 kích thước tương ứng với chì LV HRC cỡ NH000 đến NH3 (đến 630A)
Có loại 1, 3 và 4 cực
Đế cầu chì loại 3NP1 phù hợp với tất cả các loại chì LV HRC theo tiêu chuẩn IEC 60269-2



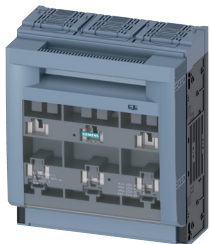
3NP1121-1CA20



3NP1123-1CA20



3NP1124-1CA20



3NP1163-1DA20



3NP1164-1DA20

3NP Fuse switch disconnectors, 1P, 3P and 4P up to 630A - Đế cầu chì 3NP, 1P, 3P hoặc 4P đến 630A

Size Cỡ	Rated current I _n Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Box terminal - Đầu nối dạng hộp			Flat terminal - Đầu nối dạng cực phẳng		
1P			1P		
000	100	3NP1121-1CA20	2,172,000		
00	160	3NP1131-1CA20	2,713,000	3NP1131-1CA10	2,266,000
1	250	3NP1141-1DA20	7,666,000	3NP1141-1DA10	6,640,000
2	400	3NP1151-1DA20	11,224,000	3NP1151-1DA10	9,136,000
3	630	3NP1161-1DA20	14,322,000	3NP1161-1DA10	12,098,000
3P			3P		
000	100	3NP1123-1CA20	3,942,000		
00	160	3NP1133-1CA20	4,937,000	3NP1133-1CA10	4,116,000
1	250	3NP1143-1DA20	13,935,000	3NP1143-1DA10	12,003,000
2	400	3NP1153-1DA20	20,129,000	3NP1153-1DA10	16,449,000
3	630	3NP1163-1DA20	26,031,000	3NP1163-1DA10	22,157,000
4P			4P		
000	100	3NP1124-1CA20	6,870,000		
00	160	3NP1134-1CA20	8,419,000	3NP1134-1CA10	7,161,000
1	250	3NP1144-1DA20	22,645,000	3NP1144-1DA10	19,739,000
2	400	3NP1154-1DA20	32,415,000	3NP1154-1DA10	26,707,000
3	630	3NP1164-1DA20	41,315,000	3NP1164-1DA10	35,416,000

Fuse system and Switch disconnectors

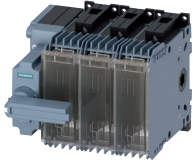
Cầu chì và thiết bị ngắt tải

3KF LV HRC for standard applications and 3KF SITOR for protection of semiconductors
5 sizes in 3 and 4-pole versions
(4-pole versions for 3KF LV HRC series only)
Suitable for AC applications up to 690 V + 10% (wind power)
Suitable for DC applications up to 440 V
Suitable LV HRC fuse links up to 800 A

3KF Switch disconnecter with Fuses

Thiết bị ngắt mạch có chì 3KF

Thiết bị ngắt mạch có chì 3KF LV HRC được sử dụng cho các ứng dụng tiêu chuẩn, 3KF SITOR được dùng để bảo vệ thiết bị bán dẫn
Có 5 kích cỡ, 3 cực và 4 cực
(chỉ có loại 3KF LV HRC có 4 cực)
Phù hợp với các ứng dụng điện áp xoay chiều đến 690V+10% (điện gió)
Phù hợp với các ứng dụng điện áp một chiều đến 440V
Phù hợp với ruột chì loại LV HRC đến 800A



3KF1303-2LB11



3KF2312-2LF11

3KF LV HRC, 3P and 4P, up to 800A - Bộ ngắt mạch có chì 3KF LV HRC, 3P hoặc 4P, đến 800A (*)

Size Kích thước	Rate current Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Box terminal - Đầu nối dạng hộp			3P	4P	
00/000	32	3KF1303-2LB11	7,271,000	3KF1403-2LB11	8,761,000
	63	3KF1306-2LB11	8,794,000	3KF1406-2LB11	10,632,000
	80	3KF1308-2LB11	9,731,000	3KF1408-2LB11	11,810,000
Flat terminals - Đầu nối dạng cực phẳng			3P	4P	
00/000	125	3KF2312-2LF11	10,388,000	3KF2412-2LF11	12,502,000
	160	3KF2316-2LF11	11,255,000	3KF2416-2LF11	13,577,000
	250	3KF3325-2LF11	17,212,000	3KF3425-2LF11	21,018,000
2/1	400	3KF4340-2LF11	26,729,000	3KF4440-2LF11	32,894,000
3/2	630	3KF5363-2LF11	49,859,000	3KF5463-2LF11	61,285,000
	800	3KF5380-2LF11	58,516,000	3KF5480-2LF11	73,059,000

(*) The complete assemblies are not suitable for conversion to door-coupling rotary operating mechanisms; the basic units are to be used for this purpose
Thiết bị ngắt mạch có chì 3KF loại trọn bộ với tay xoay gắn trực tiếp không thể gắn thêm phụ kiện để chuyển đổi sang loại vận hành từ cửa tủ
Please contact us for door-coupling rotary handle version - Liên hệ với chúng tôi để được tư vấn về phiên bản tay thao tác nối dài ra mặt tủ

3KF SITOR, basic units without handle, front operating mechanism, 3P up to 800A

Bộ ngắt mạch có chì 3KF SITOR chưa bao gồm tay xoay, vận hành ở phía trước, 3P, đến 800A



3KF1303-0LB51



3KF2312-0MF51

Size Kích thước	Rate current Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Box terminal - Đầu nối dạng hộp			
00/000	32	3KF1303-0LB51	7,170,000
00/000	63	3KF1306-0LB51	8,415,000
00/000	80	3KF1308-0LB51	9,456,000
Flat terminals - Đầu nối dạng cực phẳng			
00/000	125	3KF2312-0MF51	9,664,000
00/000	160	3KF2316-0MF51	11,255,000
1/0	250	3KF3325-0MF51	18,872,000
2/1	400	3KF4340-0MF51	30,123,000
3/2	630	3KF5363-0MF51	53,323,000
3/2	800	3KF5380-0MF51	69,942,000

Operating mechanism for 3KF - Phụ kiện vận hành thiết bị ngắt mạch có chì 3KF

Size	Type Loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Direct operating mechanisms - Tay vận hành trực tiếp					
Gray - Màu xám			Red/Yellow - Đỏ/vàng		
Size 1	3KF1	3KF9101-1AA00	1,476,000	3KF9101-2AA00	1,476,000
Size 2	3KF2	3KF9201-1AA00	1,905,000	3KF9201-2AA00	1,905,000
Size 3	3KF3	3KF9301-1AA00	2,067,000	3KF9301-2AA00	2,067,000
Size 4	3KF4	3KF9401-1AA00	2,236,000	3KF9401-2AA00	2,236,000
Size 5	3KF5	3KF9501-1AA00	2,853,000	3KF9501-2AA00	2,853,000
Door-coupling rotary operating mechanisms, complete - Tay vận hành nối dài ra cửa tủ					
Gray - Màu xám			Red/Yellow - Đỏ/vàng		
Size 1	3KF1	8UD1171-2AF21	1,644,000	8UD1171-2AF25	1,644,000
Size 2	3KF2	8UD1141-2AF21	2,603,000	8UD1141-2AF25	2,603,000
Size 3	3KF3	8UD1141-3AF21	3,159,000	8UD1141-3AF25	3,159,000
Size 4	3KF4	8UD1151-3AF21	3,347,000	8UD1151-3AF25	3,347,000
Size 5	3KF5	8UD1161-4AF21	5,024,000	8UD1161-4AF25	5,024,000



3KF9101-1AA00



3KF9101-2AA00



8UD1171-2AF21

Fuse system and Switch disconnectors Cầu chì và thiết bị ngắt tải

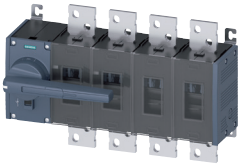
Rated current from 16 to 1600A
Box terminal or flat terminal
Degree of protection IP65
Standard IEC 60947-3

3KD switch disconnectors Thiết bị ngắt mạch 3KD

Dòng định mức từ 16 đến 1600A
Đầu nối dạng hộp hoặc dạng cực phẳng
Mức bảo vệ IP65
Tiêu chuẩn IEC 60947-3



3KD3432-2NE10-0



3KD5442-0RE10-0

3KD switch disconnectors, 3P and 4P, 16 to 1600A - Bộ ngắt mạch 3KD, 3P hoặc 4P, 16 đến 1600A (*)

Rating Dòng định mức (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Box terminal - Đầu nối dạng hộp		3P	4P	
16	3KD1632-2ME10-0	3,173,000	3KD1642-2ME10-0	3,804,000
32	3KD2232-2ME10-0	3,555,000	3KD2242-2ME10-0	4,228,000
63	3KD2632-2ME10-0	3,768,000	3KD2642-2ME10-0	4,477,000
80	3KD2832-2NE10-0	5,117,000	3KD2842-2NE10-0	6,006,000
100	3KD3032-2NE10-0	6,466,000	3KD3042-2NE10-0	7,672,000
125	3KD3232-2NE10-0	7,605,000	3KD3242-2NE10-0	9,094,000
160	3KD3432-2NE10-0	7,889,000	3KD3442-2NE10-0	9,380,000
Flat terminals - Đầu nối dạng cực phẳng		3P	4P	
80	3KD2832-0NE10-0	4,760,000	3KD2842-0NE10-0	5,471,000
100	3KD3032-0NE10-0	5,969,000	3KD3042-0NE10-0	7,105,000
125	3KD3232-0NE10-0	6,962,000	3KD3242-0NE10-0	8,419,000
160	3KD3432-0NE10-0	7,142,000	3KD3442-0NE10-0	8,562,000
200	3KD3632-0NE10-0	8,457,000	3KD3642-0NE10-0	10,267,000
250	3KD3832-0PE10-0	13,142,000	3KD3842-0PE10-0	15,947,000
315	3KD4032-0PE10-0	14,850,000	3KD4042-0PE10-0	18,115,000
400	3KD4232-0PE10-0	17,442,000	3KD4242-0PE10-0	21,383,000
500	3KD4432-0QE10-0	24,797,000	3KD4442-0QE10-0	30,550,000
630	3KD4632-0QE10-0	30,689,000	3KD4642-0QE10-0	38,007,000
800	3KD4832-0QE10-0	39,074,000	3KD4842-0QE10-0	48,307,000
1000	3KD5032-0RE10-0	67,843,000	3KD5042-0RE10-0	84,182,000
1250	3KD5232-0RE10-0	96,258,000	3KD5242-0RE10-0	119,346,000
1600	3KD5432-0RE10-0	117,571,000	3KD5442-0RE10-0	146,695,000

(*) The complete assemblies are not suitable for conversion to door-coupling rotary operating mechanisms; the basic units are to be used for this purpose
Thiết bị ngắt mạch 3KD loại trọn bộ với tay xoay gắn trực tiếp không thể gắn thêm phụ kiện để chuyển đổi sang loại vận hành từ cửa tủ
Please contact us for door-coupling rotary handle version
Liên hệ với Siemens để được tư vấn về phiên bản tay thao tác nối dài ra mặt tủ

Capacitors

Tụ bù



4RB5 capacitors, 10.4 to 50kVAr, 440V - Tụ bù 4RB5, 10.4 đến 50kVAr, 440V

Rating (kVAr) Công suất kVAr	Voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
10.4	440V	4RB8104-3EE10	(*)
15	440V	4RB8150-3EE10	(*)
20	440V	4RB8200-3EE10	(*)
25	440V	4RB8250-3EE10	(*)
30	440V	4RB8300-3EE10	(*)
40	440V	4RB8400-3EE20	(*)
50	440V	4RB8500-3EE20	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Measuring Devices Thiết bị đo lường điện năng

There are many advantages to be had from keeping a watchful eye on your energy consumption: in addition to cost savings through optimized consumption, you ensure increased resilience with the monitoring of power supply systems and network quality in infrastructure and industrial plants.

Front mounting Multimeter Đồng hồ điện đa năng loại gắn mặt tủ

Có rất nhiều lợi ích từ việc quan tâm hơn tới vấn đề tiêu thụ năng lượng, không chỉ giảm chi phí từ việc tối ưu hóa sử dụng năng lượng, việc này còn nâng cao khả năng giám sát hệ thống và chất lượng điện năng trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng cũng như công nghiệp.



Parameters	SMART 7KT Discrete Panel Meter			SMART 7KT Multi Function Meter			
	7KT0110	7KT0120	7KT0210	7KT0307	7KT0308	7KT0310	7KT0311
Accuracy	Class 1	Class 1	Class 1 (active energy)	Class 1 (active energy)	Class 1 (active energy)	Class 1 (active energy)	Class 0.5 (active energy)
Measured parameters	Voltage, Current	Voltage, Current, Frequency	Energy (dual source), Power, powerfactor	All parameters	All parameters	All parameters	All parameters
DI / DO	-	-	1 DI for dual source	-	1 DI	1 DI	1 DI (dual source) + 1 DO
Power quality measured parameters	-	-	-	-	THD, Individual harmonics	THD, Individual harmonics	THD, Individual harmonics
Communication protocol	-	-	Modbus RTU	Modbus RTU	Modbus RTU	Modbus RTU	Modbus RTU
Display	Multi line LED (with different colours)	Multi line LED	Single line LCD	Single line LED	Multi line LED	LCD with graphical display	LCD with graphical display
Import / Export	Not applicable	Not applicable	Not applicable	Yes	Yes	Yes	Yes

SMART 7KT Power Monitoring Devices

Class Cấp chính xác	Display Hiển thị	Communication Truyền thông	Supply voltage Nguồn cấp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
SMART 7KT Discrete Panel Meter					
Class 1	Multi line LED	-	95...240V AC	7KT0110	1,815,000
	Multi line LED	-	95...240V AC	7KT0120	1,925,000
	Single line LCD	Modbus RTU	95...240V AC	7KT0210	(*)
SMART 7KT Discrete DIN Meter, 1 Phase Energy Meter					
Class 1	LCD	Modbus RTU	176...276V AC	7KT0010	(*)
SMART 7KT Multi Function Meter					
Class 1	Single line LED	Modbus RTU	95...240V AC	7KT0307	3,128,400
	Multi line LED	Modbus RTU	95...240V AC	7KT0308	7,543,800
	LCD with graphical display	Modbus RTU	95...240V AC	7KT0310	9,919,800
Class 0.5	LCD with graphical display	Modbus RTU	95...240V AC	7KT0311	11,464,200

Direct Current Energy Meter - Đồng hồ đo năng lượng một chiều (DC)

Class Cấp chính xác	Display Hiển thị	Communication Truyền thông	Voltage/current range Dải đo	Supply voltage Nguồn cấp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
SMART 7KT DC Energy Meter, Measure 4 Channels						
Class 1	LED, 4 Channels	Modbus RTU	10...60V DC	60...300V AC/DC	7KT0810	(*)
				12...70V DC	7KT0811	(*)
			61...200V DC	60...300V AC/DC	7KT0820	(*)
				12...70V DC	7KT0821	(*)
			201...1000V DC	60...300V AC/DC	7KT0830	(*)
				12...70V DC	7KT0831	(*)
External Shunt for DC Meter						
			50A/75MV		7KT0911	(*)
			100A/60MV		7KT0922	(*)
			100A/75MV		7KT0923	(*)
			150A/75MV		7KT0924	(*)
			200A/60MV		7KT0925	(*)

Measuring Devices and Power Monitoring Solutions Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát điện năng

There are many advantages to be had from keeping a watchful eye on your energy consumption: in addition to cost savings through optimized consumption, you ensure increased resilience with the monitoring of power supply systems and network quality in infrastructure and industrial plants.

Front mounting Multimeter Đồng hồ điện đa năng loại gắn mặt tủ

Có rất nhiều lợi ích từ việc quan tâm hơn tới vấn đề tiêu thụ năng lượng, không chỉ giảm chi phí từ việc tối ưu hóa sử dụng năng lượng, việc này còn nâng cao khả năng giám sát hệ thống và chất lượng điện năng trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng cũng như công nghiệp.

Software

Local monitoring systems

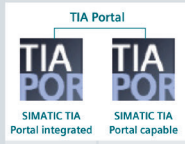


Cloud



SENTRON powermind (MindSphere)

World of SIMATIC



Industry



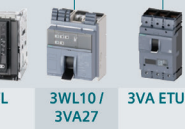
Industry



Buildings and infrastructure



Circuit breakers



7KT1020 Multimeter

LCD Screen / Active, Reactive Energy and Power parameters / 1DI-1DO / Modbus RTU

	Class Cấp chính xác	Communication Truyền thông	Supply voltage Nguồn cấp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
PAC1020	1%	Modbus RTU	85...276V AC	7KM1020-0BA01-1DA0	7,013,000

7KM1020-0BA01-1DA0



7KM PAC3120 and 7KM PAC3220 Multimeter

LCD Screen/ Active, Reactive and Apparent Energy and Power parameters/ %THD/ 1DI-1DO / Modbus TCP or Modbus RTU

	Class Cấp chính xác	Communication Truyền thông	Supply voltage Nguồn cấp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
PAC3120	0.5%	Modbus RTU	100 ... 250 V AC/DC 24 ... 60 V DC	7KM3120-0BA01-1DA0 7KM3120-1BA01-1EA0	11,372,000 11,372,000
PAC3220	0.5%	Modbus TCP	100 ... 250 V AC/DC 24 ... 60 V DC	7KM3220-0BA01-1DA0 7KM3220-1BA01-1EA0	23,910,000 23,910,000

7KM3120-0BA01-1DA0



7KM PAC4220 Multimeter

Harmonics (voltage, current) from 2nd to 64th / Modbus TCP / 2DI - 2DO / event log / Gateway function

NEW

	Class Cấp chính xác	Communication Truyền thông	Supply voltage Nguồn cấp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
PAC4220	0.2%	Modbus TCP	100 ... 270 V AC/DC 24 ... 48 V DC	7KM4220-0BA01-1EA0 7KM4220-1BA01-1EA0	43,826,000 43,826,000

7KM4220



7KM 5200 Multimeter

Harmonics (voltage, current) from 2nd to 40th / Modbus TCP / Webserver

7KM 5200: Extended power quality data (flicker, voltage dips, ...) / Integrated power quality report (EN 50160)

	Class Cấp chính xác	Communication Truyền thông	Supply voltage Nguồn cấp	Display Hiển thị	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
PAC5200	0.5%	Modbus TCP	90 ... 270 V AC 20 ... 300 DC	with without	7KM5412-6BA00-1EA2 7KM5412-6CA00-1EA8	168,949,000 156,302,000

7KM5212-6BA00-1EA2



7KM5412-6CA00-1EA8

Expansion and communication modules for PAC3220, PAC4220

Module mở rộng truyền thông cho PAC3220, PAC4220

Version Loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
7KM Switched Ethernet PROFINET communication module	7KM9300-0AE02-0AA0	15,158,000
7KM PROFIBUS DP communication module	7KM9300-0AB01-0AA0	10,020,000
7KM RS485 communication module	7KM9300-0AM00-0AA0	5,888,000
7KM PAC 4DI / 2DO expansion module	7KM9200-0AB00-0AA0	7,865,000
7KM PAC I(N), I(Diff), analog expansion module	7KM9200-0AD00-0AA0	10,974,000

7KM9300-0AE02-0AA0

Measuring Devices and Power Monitoring Solutions Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát điện năng

7KT PAC1600 measuring devices Space saving mounting by very slim construction (4MW – 3-phase; 2MW – 1-phase)
80 A direct connection measuring (3-phase)
7KT PAC2200 and 3200T integrated webserver, integrated communication Modbus RTU or Modbus TCP/IP
Analyze, monitor measured values with power monitoring software Powermanager

Standard mounting rail Multimeter Đồng hồ điện đa năng loại gắn trên DIN rail

Đồng hồ đo lường 7KT PAC1600 giúp tiết kiệm không gian với thiết kế nhỏ gọn (4 đơn vị 9mm đối với dòng 3 pha ; 2 đơn vị đối với dòng 1 pha)
Đo trực tiếp lên tới 80A (3 pha)
7KT PAC2200 và 3200T tích hợp webserver, tích hợp truyền thông Modbus RTU hoặc Modbus TCP/IP
Giám sát, phân tích dữ liệu đo được trên phần mềm Powermanager



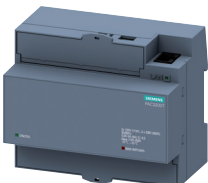
7KT1651



7KT1661



7KM2200-2EA40-1CA1



7KM3200-0CA01-1AA0

7KT PAC1600 Multimeter

1-phase/3-phase devices / LCD display (incl. background lighting) / Direct measurement or transformer measurement
M-Bus / S0 / Modbus RTU - Digital Input (3-phase measuring device) - Configuration via powerconfig

Direct measurement - Đo trực tiếp

Version Loại	Supply voltage Nguồn cấp	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1 phase	Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)	Modbus RTU	7KT1651	9,526,000
		M-bus	7KT1653	9,526,000
		S0-interface	7KT1655	9,526,000
3 phase	Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)	Modbus RTU	7KT1665	17,775,000
		M-bus	7KT1667	16,909,000
		S0-interface	7KT1670	13,332,000

Transformer measurement - Đo qua biến dòng

Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)		Modbus RTU	7KT1661	15,652,000
		M-bus	7KT1663	15,557,000
		S0-interface	7KT1672	14,494,000
Auxiliary power - Nguồn cấp ngoài	100 ... 240 V AC, 100 ... 240 V DC 50/60Hz	Modbus RTU	7KT1661	15,652,000
		No	7KT1681	15,361,000
		Modbus RTU	7KT1682	19,804,000

PAC2200 Multimeter

Modbus TCP (with web server) / RTU or Mbus communication / 1DI - 1DO

Direct measurement - Đo trực tiếp

Version Loại	Supply voltage Nguồn cấp	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)	M-bus	7KM2200-2EA40-1CA1	9,210,000
		Modbus RTU	7KM2200-2EA40-1DA1	9,462,000
		Modbus TCP	7KM2200-2EA40-1EA1	10,415,000

Transformer measurement - Đo qua biến dòng

3 phase	Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)	M-bus	7KM2200-2EA30-1CA1	9,111,000
		Modbus RTU	7KM2200-2EA30-1DA1	9,411,000
		Modbus TCP	7KM2200-2EA30-1EA1	10,365,000

PAC3200T Multimeter

THD measurement, Modbus TCP (with web server) / 1DI - 1DO

Supply voltage Nguồn cấp	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
100 ... 250 V AC/DC	Modbus TCP	7KM3200-0CA01-1AA0	16,427,000

Measuring Devices and Power Monitoring Solutions Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát điện năng

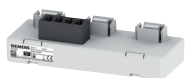
PAC1200 Measurement of up to 96 individual feeders
SM3 Measurement of up to 45 individual feeders in one device
Identification of current peaks
Presentation in web server and app

Multi-channel Multimeter Thiết bị giám sát điện năng loại đa kênh

PAC1200 đo đồng thời lên tới 96 nhánh tải
SEM3 đo đồng thời lên đến 45 nhánh tải
Phát hiện dòng đỉnh
Thể hiện dữ liệu trên web server và app



7KT1260



7KT1233



7KT1254



US2:SEM3CONTROLLER



US2:SEM3PHAMETER



Meter racks



US2:SEM3CAB12INCH



US2:SEM3SCCT50

PAC1200 multichannel current measuring system

Basic unit - Direct measurement

Version Loại	Supply voltage Nguồn cấp	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3 phase	Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)	Modbus TCP	7KT1261 NEW	(*)

Sensor bars

Number of connections Số lượng đầu nối biến dòng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3	7KT1233	(*)
6	7KT1236	(*)
9	7KT1238	(*)
12	7KT1242	(*)

Sensor - Biến dòng

Current Ie Định mức của biến dòng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
40A	7KT1254	(*)
60A	7KT1255	(*)

SEM3 multichannel current measuring system

Data manager - Bộ nhận dữ liệu

Version Loại	Supply voltage Nguồn cấp	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3 phase	Self-powered Tự cấp nguồn (từ áp ngõ vào)	Modbus TCP	US2:SEM3CONTROLLER	(*)

Metering modules - For recording measured values/ Module đo lường - Ghi nhận giá trị đo lường từ biến dòng

Measuring accuracy Độ chính xác	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0.2%	US2:SEM3PHAMETER	(*)
1%	US2:SEM3PLAMETER	(*)

Meter racks - For mounting metering module - Thanh gắn module đo lường

For 3 metering modules	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
For 9 metering modules	US2:SEM3RACK9	(*)
For 15 metering modules	US2:SEM3RACK15	(*)
For 21 metering modules	US2:SEM3RACK21	(*)

Connecting cables - For connecting from meter racks to data manager - Cáp kết nối từ thanh gắn module tới bộ nhận dữ liệu

0.3m	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0.6m	US2:SEM3CAB24INCH	(*)
0.9m	US2:SEM3CAB36INCH	(*)

Standard current transformers for SEM3 - Biến dòng, có sẵn cấp 1.82m

Transformer transmission ratio Tỉ số biến dòng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
50:0.1	US2:SEM3SCCT50	(*)
125:0.1	US2:SEM3SCCT125	(*)
250:0.1	US2:SEM3SCCT250	(*)
400:0.1	US2:SEM3SCCT400	(*)
600:0.1	US2:SEM3SCCT600	(*)
800:0.1	US2:SEM3SCCT800	(*)
1200:0.1	US2:SEM3SCCT1200	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

SEM3T multichannel temperature measuring system

Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát nhiệt độ

Connects up to 45 SEM3T Thermal Sensor Modules
SIEMENS Cloud platform-MindSphere Ready
Web page enabled for real-time and configuration

Multi-channel temperature meter

Thiết bị giám sát nhiệt độ loại đa kênh

SEM3T đo đồng thời lên đến 45 điểm cảm biến nhiệt độ
Sẵn sàng cho nền tảng điện toán đám mây MindSphere của Siemens
Thể hiện dữ liệu và cấu hình thiết bị trên web server



7KT1281-0AA00



7KT1281-1AA00



Meter racks



US2:SEM3CAB12INCH



Screw Ring Terminal



Cylindrical Ring Terminal

SEM3T multichannel temperature measuring system

NEW

Data manager - Bộ nhận dữ liệu

Version Loại	Supply voltage Nguồn cấp	Communication Truyền thông	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Temperature measurement	24 V DC	Modbus TCP	7KT1281-0AA00	(*)
		Modbus TCP/Wi-Fi	7KT1281-0AA10	(*)

SEM3T Thermal Module - collects the thermal data and sends to SEM3T controller

Module đo lường - Ghi nhận giá trị nhiệt độ từ cảm biến

7KT1281-1AA00	(*)
---------------	-----

Meter racks - For mounting metering module - Thanh gắn module đo lường

For 3 metering modules	US2:SEM3RACK3	(*)
For 9 metering modules	US2:SEM3RACK9	(*)
For 15 metering modules	US2:SEM3RACK15	(*)
For 21 metering modules	US2:SEM3RACK21	(*)

Connecting cables - For connecting from meter racks to data manager - Cáp kết nối từ thanh gắn module tới bộ nhận dữ liệu

0.3m	US2:SEM3CAB12INCH	(*)
0.6m	US2:SEM3CAB24INCH	(*)
0.9m	US2:SEM3CAB36INCH	(*)

SEM3T Thermal Sensors

Transformer transmission ratio Tỉ số biến dòng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
SEM3T Sensor Screw Ring Terminal 1/4"	7KT1281-2SA00	(*)
SEM3T Sensor Screw Ring Terminal 5/6"	7KT1281-2SA01	(*)
SEM3T Sensor Screw Ring Terminal 3/8"	7KT1281-2SA02	(*)
SEM3T Sensor Screw Ring Terminal 1/2"	7KT1281-2SA03	(*)
SEM3T Sensor Cylindrical Ring Terminal	7KT1281-2CA00	(*)

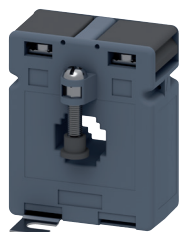
(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Measuring Devices and Power Monitoring Solutions

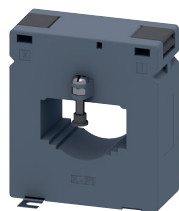
Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát điện năng

4NC Current transformers for measuring purposes

Biến dòng đo lường 4NC



4NC5121-2FA21



4NC5441-2DN21

4NC current transformers, 720V					
Size Cỡ	Primary current Dòng sơ cấp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Accuracy class 0.2 - Cấp chính xác 0.2			Isr = 5 A	Isr = 1 A	
1	150	4NC5121-2FA21	4,867,000	-	
	200	4NC5122-2FC21	4,867,000	-	
	250	4NC5123-2FC21	4,590,000	-	
	300	4NC5124-2FE21	4,590,000	-	
	400	4NC5125-2FE21	4,590,000	-	
	500	4NC5126-2FE21	4,590,000	-	
5	600	4NC5227-2FE21	4,867,000	-	
	700	4NC5228-2FE21	4,867,000	-	
	800	4NC5231-2FE21	4,867,000	-	
	1000	4NC5232-2FE21	4,867,000	-	
Accuracy class 0.5 - Cấp chính xác 0.5			Isr = 5 A	Isr = 1 A	
1	100	4NC5117-2DA21	4,800,000	4NC5117-0DA21	4,867,000
	150	4NC5121-2DC21	4,800,000	4NC5121-0DC21	4,867,000
	200	4NC5122-2DE21	4,800,000	4NC5122-0DE21	4,867,000
	250	4NC5123-2DE21	4,800,000	4NC5123-0DE21	4,867,000
2	300	4NC5224-2DE21	4,800,000	4NC5224-0DE21	4,941,000
	400	4NC5225-2DE21	4,800,000	4NC5225-0DE21	4,941,000
3	500	4NC5326-2DE21	4,867,000	4NC5326-0DE21	6,063,000
	600	4NC5327-2DE21	4,867,000	4NC5327-0DE21	6,063,000
	750	4NC5330-2DE21	4,867,000	4NC5330-0DE21	6,063,000
	800	4NC5331-2DE21	4,867,000	-	
4	1000	4NC5432-2DH21	7,201,000	4NC5432-0DH21	8,699,000
	1200	4NC5433-2DH21	7,201,000	4NC5433-0DH21	9,478,000
	1500	4NC5435-2DH21	7,201,000	4NC5435-0DH21	9,720,000
5	1600	4NC5436-2DK21	7,201,000		
	2000	4NC5438-2DL21	9,537,000		
	2500	4NC5440-2DM21	9,899,000		
	3000	4NC5441-2DN21	9,899,000		
Accuracy class 1.0 - Cấp chính xác 1.0			Isr = 5 A	Isr = 1 A	
1	50	4NC5112-2CB21	4,152,000	4NC5112-0CB21	4,584,000
	60	4NC5113-2CB21	4,152,000	4NC5113-0CB21	4,584,000
	75	4NC5115-2CC21	4,152,000	4NC5115-0CC21	4,584,000
	100	4NC5117-2CC21	4,152,000	4NC5117-0CC21	4,584,000
	150	4NC5121-2CC21	4,152,000	4NC5121-0CC21	4,584,000
	200	4NC5122-2CE21	4,152,000	4NC5122-0CE21	4,584,000
	250	4NC5123-2CE21	4,152,000	4NC5123-0CE21	4,584,000
	300	4NC5224-2CE21	4,152,000	4NC5224-0CE21	4,584,000
2	400	4NC5225-2CE21	4,152,000	4NC5225-0CE21	4,584,000
	500	4NC5326-2CE21	4,861,000	4NC5326-0CE21	5,274,000
3	600	4NC5327-2CE21	4,861,000	4NC5327-0CE21	5,274,000
	750	4NC5330-2CE21	4,861,000	4NC5330-0CE21	5,274,000
4	800	4NC5431-2CH21	7,083,000	4NC5431-0CH21	7,619,000
	1000	4NC5432-2CH21	7,083,000	4NC5432-0CH21	8,157,000
	1250	4NC5434-2CH21	7,319,000	4NC5434-0CH21	8,519,000
	1500	4NC5435-2CH21	7,560,000	4NC5435-0CH21	8,879,000
	2000	4NC5438-2CJ21	7,560,000	4NC5438-0CJ21	9,420,000
	2500	4NC5440-2CJ21	9,240,000	4NC5440-0CJ21	10,320,000
	3000	4NC5441-2CN21	9,840,000	-	

Measuring Devices and Power Monitoring Solutions Thiết bị đo lường và giải pháp giám sát điện năng

Powerconfig is commissioning and service tool for communication-capable devices and circuit breakers
Parameterization, documentation, operation and monitoring in one software
Powermanager V7.0 is based on a new platform with advanced graphical capabilities and a standard SQL database.
The workflows for setting up the system, creating devices, graphically displaying the device data and processing it in reports have been fundamentally revised.

Software and digitalization solutions Phần mềm và giải pháp số hóa

Powerconfig là phần mềm hỗ trợ cấu hình nghiệm thu và bảo trì cho các thiết bị có khả năng truyền thông và đồng hồ PAC
Cấu hình, tài liệu, vận hành và giám sát trong một phần mềm.
Powermanager V7.0 là phần mềm giám sát tiêu thụ năng lượng với việc thể hiện dữ liệu qua biểu đồ và cơ sở dữ liệu SQL.
Hỗ trợ cấu hình hệ thống, tạo thiết bị, thể diện dữ liệu dạng biểu đồ và xử lý dữ liệu để lập các báo cáo năng lượng.



Power config

Powerconfig - PC-based software for commissioning and maintenance

Powerconfig - Phần mềm hỗ trợ cấu hình cho đồng hồ đo PAC và các thiết bị SENTRON có khả năng truyền thông

PC-based software tool for the efficient commissioning and diagnostics of communication-capable SENTRON components
Supports all PAC measuring devices incl. expansion modules, 3WA/3VA circuit breakers and further communication-capable components, e.g. ATC6300

Free download: www.siemens.com/powerconfig

Phần mềm máy tính hỗ trợ hiệu quả việc cấu hình và chẩn đoán các thành phần SENTRON có hỗ trợ truyền thông. Hỗ trợ tất cả các thiết bị đo PAC, bao gồm các module mở rộng, cầu dao tự động 3WA/3VA và các thành phần có khả năng truyền thông khác, ví dụ: ATC6300

Free download: www.siemens.com/powerconfig



Powermanager

SENTRON Powermanager

Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Extended Package	Full license for 10 devices, client/server, web access Bản quyền đầy đủ cho 10 thiết bị	7KN2710-2CE40-0YC0 (*)
Trial license	Full product license limited to 60 days Free download https://support.industry.siemens.com Phiên bản dùng thử cho 10 thiết bị, giới hạn 60 ngày Tải miễn phí tại https://support.industry.siemens.com	
Device expansions - Gói mở rộng số lượng thiết bị		
Device Pack (20)	Cho 20 thiết bị	7KN2711-1CE40-0YC0 (*)
Device Pack (50)	Cho 50 thiết bị	7KN2711-2CE40-0YC0 (*)
Device Pack (100)	Cho 100 thiết bị	7KN2711-3CE40-0YC0 (*)
Device Pack (200)	Cho 200 thiết bị	7KN2711-4CE40-0YC0 (*)
Device Pack (500)	Cho 500 thiết bị	7KN2711-5CE40-0YC0 (*)
Device Pack (1000)	Cho 1000 thiết bị	7KN2711-6CE40-0YC0 (*)
Option packs - Các gói tùy chọn		
Graphics Editor 60 Days option pack	Gói thiết kế giao diện 60 ngày	7KN2712-0CE40-0YC0 (*)
Graphics Editor Unlimited option pack	Gói thiết kế giao diện không giới hạn	7KN2712-0CE40-0YC1 (*)
Client (2) option pack	Gói thêm 2 Client	7KN2712-1CE40-0YC0 (*)
Client (5) option pack	Gói thêm 5 Client	7KN2712-2CE40-0YC0 (*)
"SENTRON powermanager OPC UA/DA Client (100)" option pack	100 data points for OPC client configuration	7KN2712-3CE40-0YC0 (*)
"SENTRON powermanager OPC UA Server" option pack	Gói OPC UA/DA Server	7KN2712-3CE40-0YC2 (*)
powermanager Server option pack	Gói server cho hệ thống phân tán	7KN2712-4CE40-0YC0 (*)
"SENTRON logics" option pack	Extended logic function	7KN2712-6CE40-0YC0 (*)
Powermanager SUR-Unit	Update – Extend subscription period by 12 months	7KN2712-2CE40-0YC0 (*)
Powermanager SUS-Unit	Update – Start new 12-month subscription period	7KN2713-8CE40-0YC0 (*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá



Industry Control

Phần 3: Thiết bị điều khiển



Smart Control Panel Design

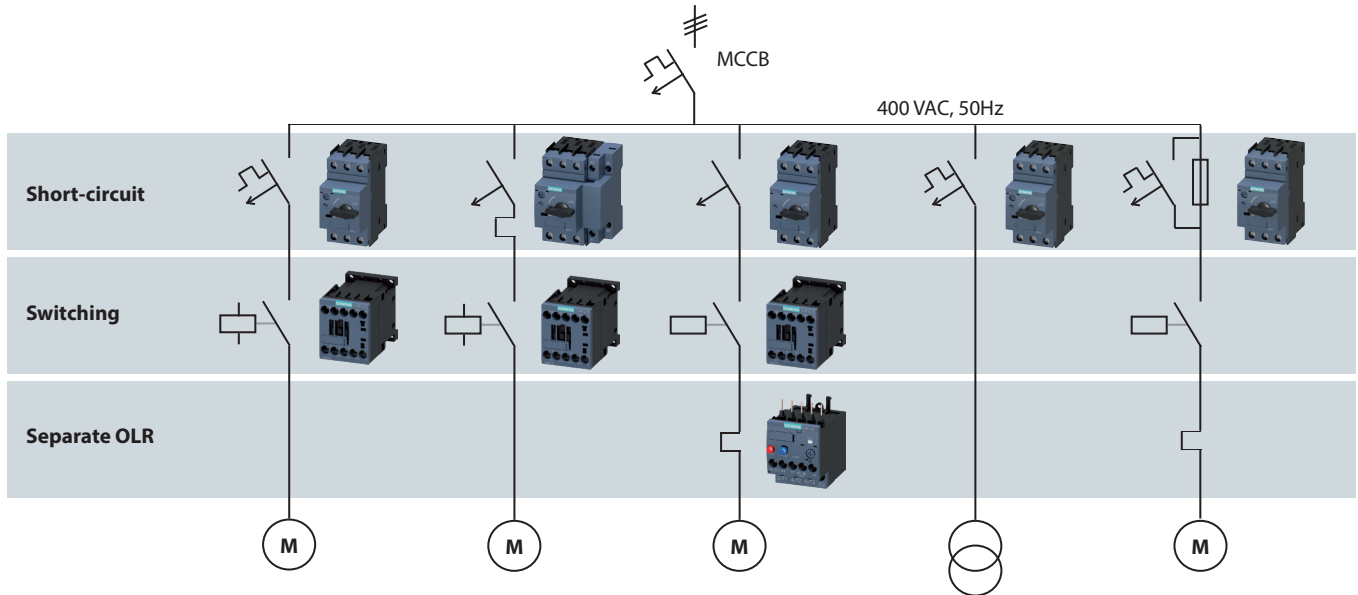
The new standard in electrical engineering

Control Panel Design is a new functionality in the TIA Selection Tool that allows you to design and dimension a machine's main circuit in compliance with the standards. This facilitates your electrical engineering.

<https://www.siemens.com/cpd>

SIRIUS MPCB Portfolio

Wide Offer to meet application need



Standard Release	Relay Function	Mag Only Release	Transformer Protection	Fuse monitoring
3RV20	3RV21	3RV23	3RV24	3RV1611-0BD10
Overload and Short-circuit protection are integrated Lower-cost solution	MPCB doesn't trip on overload. Overload is signaled by lateral Aux (1NO+1NC)	Only Short-circuit protection Used where separate OLR / Auto Reset required	Overload & Shortcircuit (20xIn) to avoid nuisance tripping during switching	Low rating MPCB is in parallel to the fuses 0.2A Inst. (N) Release – 1.2A

Selection tables for direct start DOL - Fuse + contactor + OLR configuration Bảng lựa chọn khởi động trực tiếp - Cấu hình Cầu chì + Công tắc tơ + Rơ le nhiệt

Fuse protected selection type 2
I_q = 50kA
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947-4-1

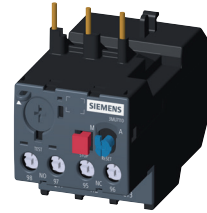
Phối hợp bảo vệ loại 2 bằng cầu chì
I_q = 50kA
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947-4-1



SCP3 3NA Fuse



3MT7 Contactor



Bi-relay 3MU7

- The selection is valid only for complete Siemens combinations i.e. DIN Fuse + Contactor + Birelay (+ timer).
- In case this combination is changed to accommodate another brand/rating of DIN Fuse/Contactor/BMR, it shall be the responsibility of the person making such a change to assure type 2 performance.
- Selection is for normal starting conditions (class 10 feeder). (For heavy starting applications e.g. ID/FD fans, reciprocating compressor, ball mills etc., please consult Siemens.)
- All fuses are DIN HRC type.
- Tested Type 2 combinations

DOL - CLASS 10, type of coordination 2, 3 devices configuration

Khởi động trực tiếp - Class 10, phối hợp bảo vệ loại 2, cấu hình 3 thiết bị

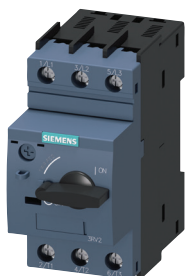
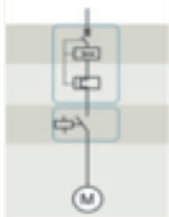
Power (kW) Công suất (kW)	Rating In (A) Dòng điện (A)	Fuse Cầu chì		Contactor/ Khởi động từ (Us=220VAC)		Overload Relay Rơ-le nhiệt	
		Type Loại	Rating (A) Dòng (A)	Type Loại	Rating (A) Dòng (A)	Type Loại	Setting range (A) Dải cài đặt (A)
0.37	1.1	3NA7804	4	3MT7006-0AA10-0AN2	6	3MU7110-0FA0	1-1.6
0.55	1.5	3NA7801	6	3MT7006-0AA10-0AN2	6	3MU7110-0GA0	1.25-2
0.75	1.9	3NA7801	6	3MT7006-0AA10-0AN2	6	3MU7110-0HA0	1.6-2.5
1.1	2.7	3NA7801	6	3MT7006-0AA10-0AN2	6	3MU7110-0HA0 3MU7110-0JA0	1.6 - 2.5 (IE2) 2.5-4 (IE3)
1.5	3.6	3NA7803	10	3MT7006-0AA10-0AN2	6	3MU7110-0JA0	2.5-4
2.2	5	3NA7805	16	3MT7010-0AA10-0AN2	9	3MU7110-0KA0	4-6
3.7	7.8	3NA7807	20	3MT7012-0AA10-0AN2	12	3MU7110-0MA0	7-10
5.5	11.5	3NA7810	25	3MT7018-1AA10-0AN2	18	3MU7110-0NA0	9-13
7.5	15.5	3NA7817	40	3MT7025-2AA10-0AN2	25	3MU7110-0PA0	12-18
11	22	3NA7820	50	3MT7038-2AA10-0AN2	38	3MU7110-0QA0	17-25
15	29	3NA7822	63	3MT7038-2AA10-0AN2	38	3MU7210-1AA0	23-32
18.5	35	3NA7824	80	3MT7050-3AA11-0AN2	50	3MU7310-2BA0	30-40
22	41	3NA7824	80	3MT7065-3AA11-0AN2	65	3MU7310-2CA0	37-50
30	55	3NA7830	100	3MT7070-4AA11-0AN2	70	3MU7310-2DA0	48-65
37	66	3NA7832	125	3MT7095-4AA11-0AN2	95	3MU7310-2EA0	55-70
45	80	3NA7836	160	3MT7095-4AA11-0AN2	95	3MU7310-2FA0 3MU7310-2GA0	63-80 (IE2) 80-93 (IE3)

Selection tables for direct start DOL - MSP + contactor configuration Bảng lựa chọn khởi động trực tiếp - Cấu hình Motor CB + Contactor

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947

Motor starter
protector for motor
protection and
contactor



DOL - CLASS 10, type of coordination 1, 2 devices configuration

Khởi động trực tiếp - Class 10, phối hợp bảo vệ loại 1, cấu hình 2 thiết bị

Rating In (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	MSP / circuit breaker Cầu dao tự động bảo vệ động cơ	Contactor Khởi động từ (Us=220VAC)	Short-circuit breaking capacity Dòng cắt ngắn mạch (Iq)
-----------------------------------	---------------------------------	---	--	--	---

Size S00, Class 10 - Kích thước S00, Class 10

0.16	0.04	0.11...0.16	3RV2011-0AA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.2	0.06	0.14...0.2	3RV2011-0BA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.2	0.06	0.18...0.25	3RV2011-0CA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.3	0.09	0.22...0.32	3RV2011-0DA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.3	0.09	0.28...0.4	3RV2011-0EA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.4	0.12	0.35...0.5	3RV2011-0FA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.6	0.18	0.45...0.63	3RV2011-0GA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.6	0.18	0.55...0.8	3RV2011-0HA10	3RT2015-1AP01	150kA
0.85	0.25	0.7...1	3RV2011-0JA10	3RT2015-1AP01	150kA
1.1	0.37	0.9...1.25	3RV2011-0KA10	3RT2015-1AP01	150kA
1.5	0.55	1.1...1.6	3RV2011-1AA10	3RT2015-1AP01	150kA
1.9	0.75	1.4...2	3RV2011-1BA10	3RT2015-1AP01	150kA
1.9	0.75	1.8...2.5	3RV2011-1CA10	3RT2015-1AP01	150kA
2.7	1.1	2.2...3.2	3RV2011-1DA10	3RT2015-1AP01	150kA
3.6	1.5	2.8...4	3RV2011-1EA10	3RT2015-1AP01	150kA
3.6	1.5	3.5...5	3RV2011-1FA10	3RT2015-1AP01	150kA
5	2.2	4.5...6.3	3RV2011-1GA10	3RT2015-1AP01	150kA
6.5	3	5.5...8	3RV2011-1HA10	3RT2015-1AP01	150kA
8.5	4	7...10	3RV2011-1JA10	3RT2016-1AP01	150kA
11.5	5.5	9...12.5	3RV2011-1KA10	3RT2017-1AP01	150kA
15.5	7.5	10...16	3RV2011-4AA10	3RT2018-1AP01	150kA

Size S0, Class 10 - Kích thước S0, Class 10

15.5	7.5	13...20	3RV2021-4BA10	3RT2025-1AP00	150kA
22	11	16...22	3RV2021-4CA10	3RT2026-1AP00	150kA
22	11	18...25	3RV2021-4DA10	3RT2026-1AP00	150kA
29	15	23...28	3RV2021-4NA10	3RT2027-1AP00	150kA
29	15	27...32	3RV2021-4EA10	3RT2027-1AP00	150kA
35	18.5	30...36	3RV2021-4PA10	3RT2028-1AP00	150kA
35	18.5	34...40	3RV2021-4FA10	3RT2028-1AP00	150kA

Size S2, Class 10 - Kích thước S2, Class 10

35	18.5	28...36	3RV2032-4PA10	3RT2035-1AP00	150kA
35	18.5	32...40	3RV2032-4UA10	3RT2035-1AP00	150kA
41	22	35...45	3RV2032-4VA10	3RT2036-1AP00	150kA
41	22	42...50	3RV2032-4WA10	3RT2036-1AP00	150kA
55	30	49...59	3RV2032-4XA10	3RT2037-1AP00	150kA
55	30	54...65	3RV2032-4JA10	3RT2037-1AP00	150kA
66	37	62...73	3RV2032-4KA10	3RT2038-1AP00	150kA

Size S3, Class 10 - Kích thước S3, Class 10

80	45	70...80	3RV2041-4RA10	3RT2045-1AP00	150kA
97	55	80...100	3RV2042-4MA10	3RT2047-1AP00	120kA

Size S6, Class 10 - Kích thước S6, Class 10

132	75	64...160	MCCB 3VA2	3RT1055-6AP36	120kA
160	90	80...200	MCCB 3VA2	3RT1056-6AP36	120kA

Size S10, Class 10 - Kích thước S10, Class 10

195	110	80...200	MCCB 3VA2	3RT1064-6AP36	120kA
230	132	160...400	MCCB 3VA2	3RT1065-6AP36	120kA
280	160	160...400	MCCB 3VA2	3RT1066-6AP36	120kA

Size S12, Class 10 - Kích thước S12, Class 10

350	200	160...400	MCCB 3VA2	3RT1075-6AP36	120kA
430	250	252...630	MCCB 3VA2	3RT1076-6AP36	120kA

Selection tables for direct start DOL/MCCB - MSP + Contactor + Overload relay

Bảng lựa chọn thiết bị cho khởi động trực tiếp - Cấu hình MSP/MCCB + Contactor + Relay nhiệt

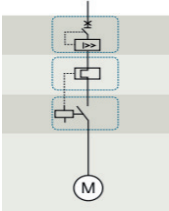
Operating temperature: 60°C
 Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
 Rated current at 400VAC
 Standards IEC 60947

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
 Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
 Dòng điện định mức ở 400VAC
 Tiêu chuẩn IEC 60947

DOL - CLASS 10, type of coordination 1, 3 devices configuration

Khởi động trực tiếp - Class 10, phối hợp bảo vệ loại 1, cấu hình 3 thiết bị

Motor starter
 protector for starter
 protection, contactor
 and overload relay



Rating In (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	MSP / circuit breaker Cầu dao tự động bảo vệ động cơ	Contactor Khởi động từ (Us=230VAC)	Overload Relay Rơ-le nhiệt	Short-circuit breaking capacity Dòng cắt ngắn mạch (Iq)
Size S00, Class 10 - Kích thước S00, Class 10						
0.2	0.06	0.14...0.2	3RV2311-0BC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0BB0	150kA
0.2	0.06	0.18...0.25	3RV2311-0CC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0CB0	150kA
0.3	0.09	0.22...0.32	3RV2311-0DC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0DB0	150kA
0.3	0.09	0.28...0.4	3RV2311-0EC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0EB0	150kA
0.4	0.12	0.35...0.5	3RV2311-0FC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0FB0	150kA
0.6	0.18	0.45...0.63	3RV2311-0GC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0GB0	150kA
0.6	0.18	0.55...0.8	3RV2311-0HC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0HB0	150kA
0.85	0.25	0.7...1	3RV2311-0JC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0JB0	150kA
1.1	0.37	0.9...1.25	3RV2311-0KC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-0KB0	150kA
1.5	0.55	1.1...1.6	3RV2311-1AC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1AB0	150kA
1.9	0.75	1.4...2	3RV2311-1BC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1BB0	150kA
1.9	0.75	1.8...2.5	3RV2311-1CC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1CB0	150kA
2.7	1.1	2.2...3.2	3RV2311-1DC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1DB0	150kA
3.6	1.5	2.8...4	3RV2311-1EC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1EB0	150kA
3.6	1.5	3.5...5	3RV2311-1FC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1FB0	150kA
5	2.2	4.5...6.3	3RV2311-1GC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1GB0	150kA
6.5	3	5.5...8	3RV2311-1HC10	3RT2015-1AP01	3RU2116-1HB0	150kA
8.5	4	7...10	3RV2311-1JC10	3RT2016-1AP01	3RU2116-1JB0	150kA
11.5	5.5	9...12.5	3RV2311-1KC10	3RT2017-1AP01	3RU2116-1KB0	150kA
15.5	7.5	11...16	3RV2311-4AC10	3RT2018-1AP01	3RU2116-4AB0	150kA
Size S0, Class 10 - Kích thước S0, Class 10						
15.5	7.5	11...16	3RV2321-4AC10	3RT2025-1AP00	3RU2126-4AB0	150kA
15.5	7.5	14...20	3RV2321-4BC10	3RT2025-1AP00	3RU2126-4BB0	150kA
22	11	17...22	3RV2321-4CC10	3RT2026-1AP00	3RU2126-4CB0	150kA
22	11	20...25	3RV2321-4DC10	3RT2026-1AP00	3RU2126-4DB0	150kA
29	15	23...28	3RV2321-4NC10	3RT2027-1AP00	3RU2126-4NB0	150kA
29	15	27...32	3RV2321-4EC10	3RT2027-1AP00	3RU2126-4EB0	150kA
Size S2, Class 10 - Kích thước S2, Class 10						
29	15	22...32	3RV2332-4EC10	3RT2035-1AP00	3RU2136-4EB0	150kA
35	18.5	28...40	3RV2332-4PC10	3RT2035-1AP00	3RU2136-4FB0	150kA
35	18.5	28...40	3RV2332-4UC10	3RT2035-1AP00	3RU2136-4FB0	150kA
41	22	36...45	3RV2332-4VC10	3RT2036-1AP00	3RU2136-4GB0	150kA
41	22	40...50	3RV2332-4WC10	3RT2036-1AP00	3RU2136-4HB0	150kA
55	30	47...57	3RV2332-4XC10	3RT2037-1AP00	3RU2136-4QB0	150kA
55	30	54...65	3RV2332-4JC10	3RT2037-1AP00	3RU2136-4JB0	150kA
66	37	62...73	3RV2332-4KC10	3RT2038-1AP00	3RU2136-4KB0	150kA
80	45	70...80	3RV2332-4RC10	3RT2038-1AP00	3RU2136-4RB0	150kA
Size S3, Class 10 - Kích thước S3, Class 10						
97	55	80...100	3RV2342-4MC10	3RT2047-1AP00	3RU2146-4MB0	120kA
Size S6, Class 10 - Kích thước S6, Class 10						
132	75	50...200	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1055-6AP36	3RB2056-1FC2/	120kA
160	90	50...200	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1056-6AP36	3RB2153-4FC2	120kA
195	110	55 ... 250	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1064-6AP36	3RB2066-1GC2/	120kA
230	132	55 ... 250	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1065-6AP36	3RB2163-4GC2	120kA
Size S10, Class 10 - Kích thước S10, Class 10						
280	160	160 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1066-6AP36	3RB2066-1MC2/	120kA
350	200	162 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1075-6AP36	3RB2163-4MC2	120kA
430	250	164 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1076-6AP36	3RB2163-4MC2	120kA

Selection tables for star-delta start

Bảng lựa chọn thiết bị cho khởi động sao tam giác

Fuse protected selection type 2
I_q = 50kA
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947-4-1

Phối hợp bảo vệ loại 2 bằng cầu chì
I_q = 50kA
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947-4-1



SCP3 3NA Fuse



3MT7 Contactor



Bi-relay 3MU7

- The selection is valid only for complete Siemens combinations i.e. DIN Fuse + Contactor + Birelay (+ timer).
- In case this combination is changed to accommodate another brand/rating of DIN Fuse/Contactor/BMR, it shall be the responsibility of the person making such a change to assure type 2 performance.
- Selection is for normal starting conditions (class 10 feeder). (For heavy starting applications e.g. ID/FD fans, reciprocating compressor, ball mills etc., please consult Siemens.)
- All fuses are DIN HRC type.
- Tested Type 2 combinations

DOL - CLASS 10, type of coordination 2, 3 devices configuration

Khởi động sao tam giác - Class 10, phối hợp bảo vệ loại 2, cấu hình 3 thiết bị

Power (kW) Công suất (kW)	Rating In (A) Dòng điện (A)	Fuse Cầu chì		Line contactor + delta contactor (Us=220VAC)		Star contactor (Us=220VAC)		Overload Relay Rơ-le nhiệt	
		Type Loại	Rating (A) Dòng (A)	Type Loại	Rating (A) Dòng (A)	Type Loại	Rating (A) Dòng (A)	Type Loại	Setting range (A) Dải cài đặt (A)
3.7	8	3NA7803	10	3MT7010-0AA10-0AN2	9	3MT7006-0AA01-0AN2	6	3MU7110-0KA0	4-6
5.5	12	3NA7805	16	3MT7010-0AA10-0AN2	9	3MT7010-0AA01-0AN2	9	3MU7110-0LA0	5.5-8
7.5	16	3NA7807	20	3MT7012-0AA10-0AN2	12	3MT7010-0AA01-0AN2	9	3MU7110-0MA0	7-10
11	22	3NA7810	25	3MT7018-1AA10-0AN2	18	3MT7012-0AA01-0AN2	12	3MU7110-0PA0	12-18
15	29	3NA7812	32	3MT7022-1AA10-0AN2	22	3MT7018-1AA01-0AN2	18	3MU7110-0PA0	12-18
18.5	35	3NA7817	40	3MT7025-2AA10-0AN2	25	3MT7018-1AA01-0AN2	18	3MU7110-0QA0	17-25
22	41	3NA7820	50	3MT7038-2AA10-0AN2	38	3MT7025-2AA01-0AN2	25	3MU7210-1AA0	23-32
30	55	3NA7822	63	3MT7040-2AA10-0AN2	40	3MT7038-2AA01-0AN2	38	3MU7210-1BA0	28-36
37	66	3NA7824	80	3MT7050-3AA10-0AN2	50	3MT7040-3AA11-0AN2	40	3MU7310-2CA0	37-50
45	80	3NA7830	100	3MT7065-3AA10-0AN2	70	3MT7050-3AA11-0AN2	50	3MU7310-2CA0	37-50
55	97	3NA7830	100	3MT7080-4AA10-0AN2	80	3MT7080-4AA11-0AN2	65	3MU7310-2DA0	48-65
75	132	3NA7836	160	3MT7095-4AA10-0AN2	95	3MT7080-4AA11-0AN2	80	3MU7310-2FA0	63-80

Selection tables for star-delta start

Bảng lựa chọn thiết bị cho khởi động sao tam giác

Operating temperature: 60°C
 Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
 Rated current at 400VAC
 Standards IEC 60947

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
 Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
 Dòng điện định mức ở 400VAC
 Tiêu chuẩn IEC 60947

Star-delta start - CLASS 10, type of coordination 1, short-circuit breaking capacity Iq = 150 kA, 120kA

Khởi động sao tam giác - Class 10, phối hợp bảo vệ loại 1, dung lượng cắt ngắn mạch Iq = 150kA, 120kA

Rating In (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	MSP / circuit breaker Cầu dao tự động bảo vệ động cơ	Contactor - Khởi động từ (Us=230VAC)		Overload Relay Rơ-le nhiệt	Accessories Phụ kiện
				Line contactor + delta contactor	Star contactor		
Size S00, Class 10 -Kích thước S00, Class 10							
12	5.5	5.5 ... 8	3RV2321-1KC10	3RT2015-1AP01	3RT2015-1AP01	3RU2116-1HB0	3RA2913-2BB1 +3RA2816-0EW20
16	7.5	7 ... 10	3RV2321-4AC10	3RT2017-1AP01	3RT2015-1AP01	3RU2116-1JB0	
25	11	11 ... 16	3RV2321-4DC10	3RT2018-1AP01	3RT2016-1AP01	3RU2116-4AB0	
Size S0, Class 10 -Kích thước S0, Class 10							
25	11	11 ... 16	3RV2321-4DC10	3RT2024-1AP00	3RT2024-1AP00	3RU2126-4AB0	3RA2923-2BB1 +3RA2816-0EW20
32	15	14 ... 20	3RV2321-4EC10	3RT2026-1AP00	3RT2024-1AP00	3RU2126-4BB0	
40	18.5	20 ... 25	3RV2321-4FC10	3RT2026-1AP00	3RT2024-1AP00	3RU2126-4DB0	
50	22	20 ... 25	3RV2331-4WC10	3RT2027-1AP00	3RT2026-1AP00	3RU2126-4DB0	
Size S2, Class 10 -Kích thước S2, Class 10							
50	22/30	18 ... 25	3RV2331-4WC10	3RT2035-1AP00	3RT2026-1AP00	3RU2136-4DB0	3RA2933-2BB1 +3RA2934-2B +3RA2816-0EW20 +3RA2932-2F
80	37	40 ... 50	3RV2331-4RC10	3RT2035-1AP00	3RT2027-1AP00	3RU2136-4HB0	
86	45	40 ... 50	3RV1341-4LC10	3RT2036-1AP00	3RT2028-1AP00	3RU2136-4HB0	
97	55	54 ... 65	3RV2342-4MC10	3RT2047-1AP00	3RT2035-1AP00	3RU2136-4JB0	
Size S3, Class 10 -Kích thước S3, Class 10							
115	55	45 ... 63	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT2045-1AP00	3RT2035-1AP00	3RU2146-4JB0	3RA2943-2C +3RA2934-2B +3RA2816-0EW20 +3RA2942-2F
150	75	70 ... 90	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT2045-1AP00	3RT2036-1AP00	3RU2146-4LB0	
160	90	50 ... 200	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT2046-1AP00	3RT2037-1AP00	3RB2056-1FC2	
Size S6, Class 10 -Kích thước S6, Class 10							
195	110	50 ... 200	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1054-1AP36	3RT2045-1AP00	3RB2056-1FC2	3RA1953-3G +3RT1946-4BA31 +3RA1954-2G +3RA1954-2A +3RP2576-1NW30 +3ZY1311-0AA00 +3RA1952-2E
230	132	50 ... 200	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1055-6AP36	3RT2046-1AP00	3RB2056-1FC2	
280	160	50 ... 200	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1056-6AP36	3RT2047-1AP00	3RB2056-1FC2	
Size S10, Class 10 -Kích thước S10, Class 10							
350	200	55 ... 250	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1064-6AP36	3RT1054-1AP36	3RB2066-1GC2	3RA1963-3E +3RT1956-4BA31 +3RA1954-2A +3RP2576-1NW30 +3ZY1311-0AA00 +3RA1962-2E
430	250	160 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1065-6AP36	3RT1055-6AP36	3RB2066-1MC2	
Size S12, Class 10 -Kích thước S12, Class 10							
540	315	160 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1075-6AP36	3RT1064-6AP36	3RB2066-1MC2	3RA1973-3E +3RT1966-4BA31 +3RA1954-2A +3RP2576-1NW30 +3ZY1311-0AA00 +3RA1972-2E
610	355	160 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1075-6AP36	3RT1064-6AP36	3RB2066-1MC2	
690	400	160 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1075-6AP36	3RT1065-6AP36	3RB2066-1MC2	
850	500	160 ... 630	MCCB 3VJ/3VM/3VA	3RT1076-6AP36	3RT1066-6AP36	3RB2066-1MC2	

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400V AC
Standards IEC 60947

3MV8 Motor Starter Protectors

Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3MV8

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400V AC
Tiêu chuẩn IEC 60947

SINOVA 3MV8 Motor Starter Protectors up to 52A, intergrated thermal overload release Class 10, Screw terminals

Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3MV8, đến 52A, Tích hợp bảo vệ quá tải Class 10, kiểu bắt vít

Rating In (A) In (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Instantaneous trip (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
				Without auxiliary switches Không có tiếp điểm phụ		With 1NO+1NC auxiliary switches Có tiếp điểm phụ 1NO+1NC	
0.16	0.04	0.11 ~ 0.16	1.9	3MV8100-0MB00	1,054,000	3MV8100-1MB00	1,307,000
0.24	0.06	0.16 ~ 0.24	2.9	3MV8100-0MC00	1,073,000	3MV8100-1MC00	1,331,000
0.4	0.09/0.12	0.24 ~ 0.4	4.8	3MV8100-0MD00	1,103,000	3MV8100-1MD00	1,331,000
0.6	0.12/0.18	0.4 ~ 0.6	7.2	3MV8100-0ME00	1,103,000	3MV8100-1ME00	1,331,000
1	0.25	0.6 ~ 1	12	3MV8100-0MF00	1,169,000	3MV8100-1MF00	1,549,000
1.6	0.37/0.55	1 ~ 1.6	19	3MV8100-0MG00	1,169,000	3MV8100-1MG00	1,403,000
2.4	0.75	1.6 ~ 2.4	29	3MV8100-0MH00	1,164,000	3MV8100-1MH00	1,422,000
3.2	1.1	2 ~ 3.2	38	3MV8100-0NH00	1,164,000	3MV8100-1NH00	1,422,000
4	1.1/1.5	2.4 ~ 4	48	3MV8100-0MJ00	1,164,000	3MV8100-1MJ00	1,422,000
5	1.5/2.2	3.2 ~ 5	60	3MV8100-0NJ00	1,164,000	3MV8100-1NJ00	1,422,000
6	2.2	4 ~ 6	72	3MV8100-0MK00	1,164,000	3MV8100-1MK00	1,422,000
8	3	5 ~ 8	96	3MV8100-0NK00	1,164,000	3MV8100-1NK00	1,422,000
10	3/4	6 ~ 10	120	3MV8100-0ML00	1,274,000	3MV8100-1ML00	1,549,000
13	4/5.5	8 ~ 13	156	3MV8100-0NL00	1,422,000	3MV8100-1NL00	1,549,000
16	7.5	10 ~ 16	190	3MV8100-0MM00	1,422,000	3MV8100-1MM00	1,549,000
20	7.5	14 ~ 20	240	3MV8100-0MN00	1,414,000	3MV8100-1MN00	1,609,000
25	11	18 ~ 25	300	3MV8100-0MP00	1,439,000	3MV8100-1MP00	1,686,000
				Without auxiliary switches Không có tiếp điểm phụ		With 1NO+1NC auxiliary switches Có tiếp điểm phụ 1NO+1NC	
1.6	0.37/0.55	1 ~ 1.6	19	3MV8200-0MG00	2,211,000	3MV8200-1MG00	2,525,000
2.4	0.75	1.6 ~ 2.4	29	3MV8200-0MH00	2,211,000	3MV8200-1MH00	2,525,000
4	1.1/1.5	2.4 ~ 4	48	3MV8200-0MJ00	2,211,000	3MV8200-1MJ00	2,525,000
6	2.2	4 ~ 6	72	3MV8200-0MK00	2,211,000	3MV8200-1MK00	2,525,000
10	3/4	6 ~ 10	120	3MV8200-0ML00	2,211,000	3MV8200-1ML00	2,525,000
16	5.5/7.5	10 ~ 16	190	3MV8200-0MM00	2,211,000	3MV8200-1MM00	2,525,000
25	11	16 ~ 25	300	3MV8200-0MN00	2,464,000	3MV8200-1MN00	2,778,000
32	15	22 ~ 32	380	3MV8200-0MP00	2,673,000	3MV8200-1MP00	2,970,000
40	18.5	28 ~ 40	480	3MV8200-0MQ00	3,135,000	3MV8200-1MQ00	3,419,000
52	22	36 ~ 52	600	3MV8200-0MR00	3,405,000	3MV8200-1MR00	3,718,000



3MV81



3MV82

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400V AC
Standards IEC 60947

3MV8 Motor Starter Protectors Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3MV8

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400V AC
Tiêu chuẩn IEC 60947

Accessories for 3MV8 motor starter protectors, Screw terminals

Phụ kiện cho Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3MV8, kiểu bắt vít

Description Miêu tả	Suitable for Phù hợp cho	Mounting Gắn bên	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary and signaling switches - Tiếp điểm phụ và tiếp điểm báo lỗi					
Lateral auxiliary switch Tiếp điểm phụ gắn bên	3MV81/ 3MV82	Right side/ Bên phải	1NO + 1NC	3MV9131-3AA00	187,000
Short Circuit Fault Indicator Tiếp điểm báo lỗi	3MV81/ 3MV82	Right side/ Bên phải	1NO + 1NC	3MV9131-7AA00	372,000
Auxiliary releases - Cuộn dây tác động					
Shunt release Cuộn cắt	3MV81/ 3MV82	Left side/ Bên trái	230 V AC, 50Hz	3MV9132-0AB55	567,000
			400 V AC, 50Hz	3MV9132-0AB57	567,000
			24-60V DC	3MV9132-0AB66	567,000
			110-240V DC	3MV9132-0AB73	801,000
Undervoltage release Cuộn thấp áp	3MV81/ 3MV82	Left side/ Bên trái	230 V AC, 50Hz	3MV9132-0AB15	801,000
			400 V AC, 50Hz	3MV9132-0AB17	801,000
Undervoltage release with lead action auxiliary contacts Cuộn thấp áp	3MV81/ 3MV82	Left side/ Bên trái	230 V AC, 50Hz	3MV9132-0AB35	801,000
			400 V AC, 50Hz	3MV9132-0AB37	801,000



1 Auxiliary releases (Left side)

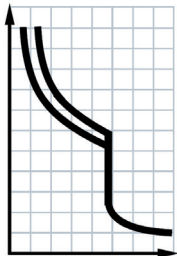
2 Auxiliary and signaling switches (Right side)

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RV2 Motor Starter Protectors Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RV2011-0..10



3RV2021-0..10

SIRIUS 3RV2 Motor Starter Protectors up to 100 A, integrated thermal overload release Class 10, Screw terminals
Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2, đến 100A, Tích hợp bảo vệ quá tải Class 10, kiểu bắt vít

Rating In (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Icu (kA)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00, Class 10, without auxiliary switches - Kích thước S00, Class 10, không có tiếp điểm phụ					
0.16	0.04	0.11...0.16	100	3RV2011-0AA10	2,135,000
0.2	0.06	0.14...0.2	100	3RV2011-0BA10	2,135,000
0.25	0.06	0.18...0.25	100	3RV2011-0CA10	2,135,000
0.32	0.09	0.22...0.32	100	3RV2011-0DA10	2,135,000
0.4	0.09	0.28...0.4	100	3RV2011-0EA10	2,135,000
0.5	0.12	0.35...0.5	100	3RV2011-0FA10	2,135,000
0.63	0.18	0.45...0.63	100	3RV2011-0GA10	2,135,000
0.8	0.18	0.55...0.8	100	3RV2011-0HA10	2,219,000
1	0.25	0.7...1	100	3RV2011-0JA10	2,219,000
1.25	0.37	0.9...1.25	100	3RV2011-0KA10	2,309,000
1.6	0.55	1.1...1.6	100	3RV2011-1AA10	2,309,000
2	0.75	1.4...2	100	3RV2011-1BA10	2,309,000
2.5	0.75	1.8...2.5	100	3RV2011-1CA10	2,309,000
3.2	1.1	2.2...3.2	100	3RV2011-1DA10	2,309,000
4	1.5	2.8...4	100	3RV2011-1EA10	2,309,000
5	1.5	3.5...5	100	3RV2011-1FA10	2,309,000
6.3	2.2	4.5...6.3	100	3RV2011-1GA10	2,309,000
8	3	5.5...8	100	3RV2011-1HA10	2,525,000
10	4	7...10	100	3RV2011-1JA10	2,525,000
12.5	5.5	9...12.5	100	3RV2011-1KA10	2,668,000
16	7.5	10...16	55	3RV2011-4AA10	2,668,000
Size S0, Class 10, without auxiliary switches - Kích thước S0, Class 10, không có tiếp điểm phụ					
0.63	0.18	0.45...0.63	100	3RV2021-0GA10	2,668,000
0.8	0.18	0.55...0.8	100	3RV2021-0HA10	2,668,000
1	0.25	0.7...1	100	3RV2021-0JA10	2,668,000
1.25	0.37	0.9...1.25	100	3RV2021-0KA10	2,668,000
1.6	0.55	1.1...1.6	100	3RV2021-1AA10	2,668,000
2	0.75	1.4...2	100	3RV2021-1BA10	2,668,000
2.5	0.75	1.8...2.5	100	3RV2021-1CA10	2,668,000
3.2	1.1	2.2...3.2	100	3RV2021-1DA10	2,668,000
4	1.5	2.8...4	100	3RV2021-1EA10	2,668,000
5	1.5	3.5...5	100	3RV2021-1FA10	2,668,000
6.3	2.2	4.5...6.3	100	3RV2021-1GA10	2,668,000
8	3	5.5...8	100	3RV2021-1HA10	2,668,000
10	4	7...10	100	3RV2021-1JA10	2,668,000
12.5	5.5	9...12.5	100	3RV2021-1KA10	2,668,000
16	7.5	10...16	55	3RV2021-4AA10	2,668,000
20	7.5	13...20	55	3RV2021-4BA10	2,668,000
22	11	16...22	55	3RV2021-4CA10	2,668,000
25	11	18...25	55	3RV2021-4DA10	2,668,000
28	15	23...28	55	3RV2021-4NA10	5,027,000
32	15	27...32	55	3RV2021-4EA10	2,668,000
36	18.5	30...36	20	3RV2021-4PA10	5,027,000
40	18.5	34...40	20	3RV2021-4FA10	5,027,000

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RV2 Motor Starter Protectors Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947

SIRIUS 3RV2 Motor Starter Protectors up to 100 A, integrated thermal overload release Class 10, Screw terminals
Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2, đến 100A, Tích hợp bảo vệ quá tải Class 10, kiểu bắt vít

Rating In (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Icu (kA) Icu (kA)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S2, Class 10, without auxiliary switches - Kích thước S2, Class 10, không có tiếp điểm phụ					
14	5.5	9.5...14	65	3RV2031-4SA10	5,027,000
17	7.5	12...17	65	3RV2031-4TA10	5,257,000
20	7.5	14...20	65	3RV2031-4BA10	5,257,000
25	11	18...25	65	3RV2031-4DA10	5,414,000
32	15	22...32	65	3RV2031-4EA10	5,588,000
36	18.5	28...36	65	3RV2031-4PA10	5,753,000
40	18.5	32...40	65	3RV2031-4UA10	5,753,000
45	22	35...45	65	3RV2031-4VA10	6,037,000
52	22	42...52	65	3RV2031-4WA10	6,037,000
59	30	49...59	65	3RV2031-4XA10	6,037,000
65	30	54...65	65	3RV2031-4JA10	6,037,000
73	37	62...73	65	3RV2031-4KA10	6,037,000
80	37	70...80	65	3RV2031-4RA10	6,037,000
Size S3, Class 10, without auxiliary switches - Kích thước S3, Class 10, không có tiếp điểm phụ					
40	18.5	28...40	65	3RV2041-4FA10	6,336,000
50	22	36...50	65	3RV2041-4HA10	6,336,000
63	30	45...63	65	3RV2041-4JA10	6,336,000
75	37	57...75	65	3RV2041-4KA10	10,507,000
84	45	65...84	65	3RV2041-4RA10	10,507,000
93	45	75...93	65	3RV2041-4YA10	10,507,000
100	45,55	80...100	65	3RV2041-4MA10	10,507,000



3RV2031-4..10



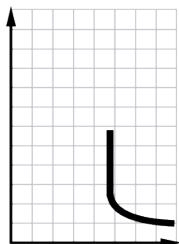
3RV2041-4..10

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RV2 Motor Starter Protectors Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RV2321-0..10



3RV2321-1..10



3RV2331-4..10

SIRIUS 3RV2 Motor Starter Protectors up to 100 A, without overload protection, Screw terminals Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2, đến 100A, không có bảo vệ quá tải, kiểu bắt vít

Rating In (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Icu (kA)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S0, without auxiliary switches - Kích thước S0, không có tiếp điểm phụ					
1.6	0.55	Without	100	3RV2321-1AC10	2,536,000
2	0.75	Without	100	3RV2321-1BC10	2,536,000
2.5	0.75	Without	100	3RV2321-1CC10	2,536,000
3.2	1.1	Without	100	3RV2321-1DC10	2,536,000
4	1.5	Without	100	3RV2321-1EC10	2,536,000
5	1.5	Without	100	3RV2321-1FC10	2,536,000
6.3	2.2	Without	100	3RV2321-1GC10	2,536,000
8	3	Without	100	3RV2321-1HC10	2,536,000
10	4	Without	100	3RV2321-1JC10	2,536,000
12.5	5.5	Without	100	3RV2321-1KC10	2,536,000
16	7.5	Without	55	3RV2321-4AC10	2,536,000
20	7.5	Without	55	3RV2321-4BC10	2,536,000
22	11	Without	55	3RV2321-4CC10	2,536,000
25	11	Without	55	3RV2321-4DC10	2,536,000
28	15	Without	55	3RV2321-4NC10	5,022,000
32	15	Without	55	3RV2321-4EC10	2,536,000
36	18.5	Without	20	3RV2321-4PC10	5,022,000
40	18.5	Without	20	3RV2321-4FC10	5,022,000
Size S2, without auxiliary switches - Kích thước S2, không có tiếp điểm phụ					
14	5.5	Without	65	3RV2331-4SC10	5,022,000
17	7.5	Without	65	3RV2331-4TC10	5,022,000
20	7.5	Without	65	3RV2331-4BC10	5,022,000
25	11	Without	65	3RV2331-4DC10	5,022,000
32	15	Without	65	3RV2331-4EC10	5,554,000
36	18.5	Without	65	3RV2331-4PC10	5,554,000
40	18.5	Without	65	3RV2331-4UC10	5,554,000
45	22	Without	65	3RV2331-4VC10	5,554,000
52	22	Without	65	3RV2331-4WC10	5,554,000
59	30	Without	65	3RV2331-4XC10	5,554,000
65	30	Without	65	3RV2331-4JC10	5,554,000
73	37	Without	65	3RV2331-4KC10	5,554,000
80	37	Without	65	3RV2331-4RC10	5,554,000
Size S3, without auxiliary switches - Kích thước S3, không có tiếp điểm phụ					
40	18.5	Without	65	3RV2341-4FC10	6,788,000
50	22	Without	65	3RV2341-4HC10	6,788,000
63	30	Without	65	3RV2341-4JC10	6,788,000
75	37	Without	65	3RV2341-4KC10	10,076,000
84	45	Without	65	3RV2341-4RC10	10,076,000
93	45	Without	65	3RV2341-4YC10	10,076,000
100	45,55	Without	65	3RV2341-4MC10	10,076,000

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RV2 Motor Starter Protectors Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2

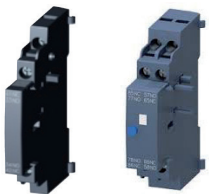
Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947

Accessories for 3RV2 motor starter protectors (S00, S0, S2, S3), Screw terminals

Phụ kiện cho Cầu dao tự động bảo vệ động cơ 3RV2 (S00, S0, S2, S3), kiểu bắt vít



3RV2901-1E



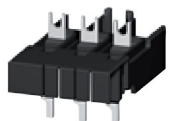
3RV6901-1A 3RV6921-1M



3RV2902-1A.0



3RV2926-0B



3RA2921-1AA00

Description Miêu tả	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary and signaling switches - Tiếp điểm phụ và tiếp điểm báo lỗi			
Transverse auxiliary switch Tiếp điểm phụ gắn trước	1CO	3RV2901-1D	197,000
	1NO + 1NC	3RV2901-1E	239,000
	2NO	3RV2901-1F	239,000
Solid-state-compatible auxiliary switch	1CO	3RV2901-1G	735,000
	1NO + 1NC	3RV2901-1A	239,000
	2NO	3RV2901-1B	239,000
Lateral auxiliary switch Tiếp điểm phụ gắn bên	2NC	3RV2901-1C	239,000
	2NO + 2NC	3RV2901-1J	536,000
Signaling switch - Tiếp điểm báo lỗi	2NO + 2NC	3RV2921-1M	460,000
Auxiliary releases - Cuộn dây tác động			
Shunt release Cuộn cắt	20 - 70 VAC/DC	3RV2902-1DB0	713,000
	210 - 240 V AC	3RV2902-1DP0	713,000
Undervoltage release Cuộn thấp áp	230 V AC	3RV2902-1AP0	713,000
	400 V AC	3RV2902-1AV0	713,000
Undervoltage release Cuộn thấp áp	230 V AC	3RV2922-1CP0	1,001,000
	400 V AC	3RV2922-1CV0	1,001,000
	415 V AC	3RV2922-1CV1	1,001,000
Isolator module and terminal blocks - Thiết bị cách ly và đầu cực			
Isolator module Thiết bị cách ly	S00, S0	3RV2928-1A	979,000
	S2	3RV2938-1A	1,643,000
Terminal block type E	S00, S0	3RV2928-1H	328,000
Phase barriers Tấm chắn pha	S00, S0	3RV2928-1K	143,000
	S2	3RV2938-1K	221,000
Door-coupling rotary operating mechanisms - Tay thao tác từ cửa tủ			
Door-coupling rotary operating mech. (black) with extension shaft ²⁾	130 mm	3RV2926-0B	1,102,000
	330 mm	3RV2926-0K	1,301,000
EMERGENCY-STOP door-cpl. rot. oper. mech. (red/yellow) w. ext. shaft ²⁾	130 mm	3RV2926-0C	1,279,000
	330 mm	3RV2926-0L	1,484,000
Connection module between circuit breaker and contactor - Mô-đun kết nối giữa cầu dao và công tắc tơ			
Actuating voltage of contactor	For 3RV2	For 3RT2	
AC, DC	S00/S0	S00/S0	3RA1921-1DA00 191,000
AC	S00/S0	S0	3RA2921-1AA00 207,000
DC, AC/DC	S00/S0	S0	3RA2921-1BA00 207,000
AC, DC, AC/DC	S2	S2	3RA2931-1AA00 483,000
	S3	S3	3RA1941-1AA00 527,000

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated power AC-3, 400V AC: 2.2 - 200kW
Standards IEC/EN 60947-1

3MT7 contactors Khởi động từ 3MT7

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Công suất định mức tải AC-3, 400V AC: 2.2 - 200kW
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1

Contactor 3MT7, up to 400A, 3-pole, Screw terminals - Khởi động từ 3MT7, đến 400A, 3 cực, bắt vít

Rating (A) Dòng điện (A)	Power (kW) Công suất (kW)	Auxilart switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size 0 - Kích thước 0		Us = 220 VAC		
6A	2.2	1 NO 1 NC	3MT7006-0AA10-0AN2 3MT7006-0AA01-0AN2	372,000 372,000
9A	4	1 NO 1 NC	3MT7010-0AA10-0AN2 3MT7010-0AA01-0AN2	418,000 418,000
12A	5.5	1 NO 1 NC	3MT7012-0AA10-0AN2 3MT7012-0AA01-0AN2	451,000 451,000
Size 1 - Kích thước 1		Us = 220 VAC		
18	7.5	1 NO 1 NC	3MT7018-1AA10-0AN2 3MT7018-1AA01-0AN2	666,000 666,000
Size 2 - Kích thước 2		Us = 220 VAC		
25	11	1 NO 1 NC	3MT7025-2AA10-0AN2 3MT7025-2AA01-0AN2	812,000 812,000
32	15	1 NO 1 NC	3MT7032-2AA10-0AN2 3MT7032-2AA01-0AN2	1,194,000 1,194,000
38	18.5	1 NO 1 NC	3MT7038-2AA10-0AN2 3MT7038-2AA01-0AN2	1,315,000 1,315,000
40	18.5	1 NO 1 NC	3MT7040-2AA10-0AN2 3MT7040-2AA01-0AN2	1,527,000 1,527,000
Size 3 - Kích thước 3		Us = 220 VAC		
40	18.5	1 NO + 1 NC	3MT7040-3AA11-0AN2	1,760,000
50	22	1 NO + 1 NC	3MT7050-3AA11-0AN2	2,682,000
65	30	1 NO + 1 NC	3MT7065-3AA11-0AN2	2,860,000
Size 4 - Kích thước 4		Us = 220 VAC		
70	30	1 NO + 1 NC	3MT7070-4AA11-0AN2	3,831,300
80	37	1 NO + 1 NC	3MT7080-4AA11-0AN2	4,257,000
95	45	1 NO + 1 NC	3MT7095-4AA11-0AN2	4,959,000
Size 5 - Kích thước 5		Us = 220 VAC		
120	55	-	3MT7120-5AA00-0AN2	5,137,000
140	75	-	3MT7140-5AA00-0AN2	10,038,000
Size 6 - Kích thước 6		Us = 220 VAC		
170	90	-	3MT7170-6AA00-0AN2	11,281,000
205	110	-	3MT7205-6AA00-0AN2	11,069,000
Size 7 - Kích thước 7		Us = 220 VAC		
250	132	-	3MT7250-7AA00-0AN2	15,400,000
300	160	-	3MT7300-7AA00-0AN2	21,032,000
Size 8 - Kích thước 8		Us = 220 VAC		
400	200	-	3MT7400-8AA00-0AN2	30,102,000

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us

Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm



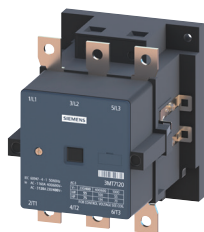
3MT7 size 0, 1



3MT7 size 2



3MT7 size 3, 4



3MT7 size 5, 6, 7, 8

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated power AC-3, 400V AC: 2.2 - 400kW
Standards IEC/EN 60947-1

3MT7 contactors Khởi động từ 3MT7

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Công suất định mức tải AC-3, 400V AC: 2.2 - 400kW
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1



3MT79...-0CT10



3MT79...-0CT10



3MT79...-0CL10



3MT7900-1S..21



Pneumatic Timer



Mechanical interlock



3MT7900-1XE..

Accessories for 3MT7 and 3MH7 contactors, Screw terminals - Phụ kiện cho Khởi động từ 3MT7 and 3MH7, bắt vít

Description Mô tả	Size Kích thước	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switches for snapping onto the front - Tiếp điểm phụ gắn trước				
4 poles - 4 cực	Size 0 - 4	4 NO	3MH7940-0CT10	292,000
		4 NC	3MH7904-0CT10	297,000
		2 NO + 2 NC	3MH7922-0CT10	295,000
		3 NO + 1 NC	3MH7931-0CT10	292,000
		1 NO + 3 NC	3MH7913-0CT10	295,000
2 poles - 2 cực	Size 0 - 4	1 NO + 1 NC	3MH7911-0CT10	157,000
		2 NO	3MH7920-0CT10	157,000
		2 NC	3MH7902-0CT10	157,000
1 poles - 1 cực	Size 0 - 4	1 NO	3MH7910-0CT10	146,000
		1 NC	3MH7901-0CT10	143,000

Laterally mountable auxiliary switch blocks - Tiếp điểm phụ gắn bên

First left or first right	Size 0 - 4	1 NO + 1 NC	3MH7911-0CL10	207,000
		2 NO	3MH7920-0CL10	207,000
First left or first right	Size 5 - 8	1 NO + 1 NC	3MH79110CL21	259,000
Second left or second right	Size 5 - 8	1 NO + 1 NC	3MH79110CL22	267,000

Surge suppressor - Bộ hấp thụ xung

Varistor	Size 0 - 4	24-48V AC 50/60Hz	3MT7900-1SC21	121,000
		110-240V AC 50/60Hz	3MT7900-1SL21	121,000
		380-440V AC 50/60Hz	3MT7900-1SV21	121,000
		Less than 48V	3MT7900-2SC22	212,000
	Size 5 - 8	48 - 127V	3MT7900-2SF22	226,000
		127 - 240V	3MT7900-2SL22	237,000
		240 - 400V	3MT7900-2SV02	286,000
		400 - 600V	3MT7900-2SR02	413,000

Accessories for 3MT7 contactors (Size 0 - 4) - Phụ kiện cho Khởi động từ 3MT7 (Size 0 - 4)

Pneumatic Timer (Mounting on Top) - Bộ định thời gian (gắn trên đỉnh)

On Delay	0.1-3	1 NO + 1 NC	3MT7900-OPN10	350,000
	0.1-30	1 NO + 1 NC	3MT7900-OPN20	402,000
	10-180	1 NO + 1 NC	3MT7900-OPN30	418,000
Off Delay	0.1-3	1 NO + 1 NC	3MT7900-OPF10	402,000
	0.1-30	1 NO + 1 NC	3MT7900-OPF20	413,000
	10-180	1 NO + 1 NC	3MT7900-OPF30	432,000

Mechanical interlock - Liên động cơ khí

Side mounted mechanical interlocking device Liên động cơ khí gắn bên sườn	Size 0, 1, 2		3MT7900-1XM01	127,000
	Size 3		3MT7900-1XM02	201,000
	Size 4		3MT7900-1XM03	226,000
	Size 5		3MT7900-1XM04	1,667,000
	Size 6		3MT7900-1XM05	1,716,000
	Size 7		3MT7900-1XM06	2,093,000
	Size 8		3MT7900-1XM07	2,310,000
	Size 5/Size 6		3MT7900-1XM45	1,835,000
	Size 6/Size 7		3MT7900-1XM56	2,093,000
	Electro- Mechanical Interlock Liên động cơ điện gắn bên sườn	Size 0, 1, 2	3MT7900-1XE01	259,000
		Size 3	3MT7900-1XE02	352,000
		Size 4	3MT7900-1XE03	366,000

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C (3RT) and 40°C (3TF)
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated power AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Standards IEC/EN 60947-1

3RT2/1 and 3TF contactors Khởi động từ SIRIUS 3RT2/1 và 3TF

Nhiệt độ hoạt động: 60°C (3RT) và 40°C (3TF)
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Công suất định mức tải AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1

Contactor 3RT2, up to 110A, 3-pole, Screw terminals - Khởi động từ 3RT2, đến 110A, 3 cực, bắt vít

Rating (A) Dòng điện	Power (kW) Công suất	Auxilart switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00 - Kích thước S00			Us = 230 VAC		Us = 24 VDC	
7	3	1 NO	3RT2015-1AP01	811,000	3RT2015-1BB41	1,368,000
		1 NC	3RT2015-1AP02	811,000	3RT2015-1BB42	1,368,000
		2 NO + 2 NC	3RT2015-1AP04-3MA0	1,335,000	3RT2015-1BB44-3MA0	2,107,000
9	4	1 NO	3RT2016-1AP01	811,000	3RT2016-1BB41	1,368,000
		1 NC	3RT2016-1AP02	811,000	3RT2016-1BB42	1,368,000
		2 NO + 2 NC	3RT2016-1AP04-3MA0	1,294,000	3RT2016-1BB44-3MA0	2,070,000
12	5.5	1 NO	3RT2017-1AP01	974,000	3RT2017-1BB41	1,643,000
		1 NC	3RT2017-1AP02	974,000	3RT2017-1BB42	1,643,000
		2 NO + 2 NC	3RT2017-1AP04-3MA0	1,442,000	3RT2017-1BB44-3MA0	2,340,000
16	7.5	1 NO	3RT2018-1AP01	1,294,000	3RT2018-1BB41	2,193,000
		1 NC	3RT2018-1AP02	1,294,000	3RT2018-1BB42	2,193,000
		2 NO + 2 NC	3RT2018-1AP04-3MA0	1,790,000	3RT2018-1BB44-3MA0	2,724,000
Size S0			Us = 230 VAC		Us = 24 VDC	
9	4	1 NO + 1 NC	3RT2023-1AP00	883,000	3RT2023-1BB40	2,193,000
		2 NO + 2 NC	3RT2023-1AP04	1,240,000	3RT2023-1BB44	2,620,000
12	5.5	1 NO + 1 NC	3RT2024-1AP00	1,046,000	3RT2024-1BB40	2,193,000
		2 NO + 2 NC	3RT2024-1AP04	1,397,000	3RT2024-1BB44	2,570,000
17	7.5	1 NO + 1 NC	3RT2025-1AP00	1,388,000	3RT2025-1BB40	2,193,000
		2 NO + 2 NC	3RT2025-1AP04	1,739,000	3RT2025-1BB44	2,488,000
25	11	1 NO + 1 NC	3RT2026-1AP00	1,812,000	3RT2026-1BB40	2,193,000
		2 NO + 2 NC	3RT2026-1AP04	2,166,000	3RT2026-1BB44	2,460,000
32	15	1 NO + 1 NC	3RT2027-1AP00	2,255,000	3RT2027-1BB40	3,829,000
		2 NO + 2 NC	3RT2027-1AP04	2,536,000	3RT2027-1BB44	4,126,000
38	18.5	1 NO + 1 NC	3RT2028-1AP00	2,653,000	3RT2028-1BB40	4,510,000
		2 NO + 2 NC	3RT2028-1AP04	2,968,000	3RT2028-1BB44	4,917,000
Size S2			Us = 230 VAC		Us = 22...33 V AC/DC	
40	18.5	1 NO + 1 NC	3RT2035-1AP00	3,015,000	3RT2035-1NB30	7,215,000
		2 NO + 2 NC	3RT2035-1AP04	3,296,000	3RT2035-1NB34	7,717,000
50	22	1 NO + 1 NC	3RT2036-1AP00	4,946,000	3RT2036-1NB30	8,491,000
		2 NO + 2 NC	3RT2036-1AP04	5,333,000	3RT2036-1NB34	8,892,000
65	30	1 NO + 1 NC	3RT2037-1AP00	5,733,000	3RT2037-1NB30	8,670,000
		2 NO + 2 NC	3RT2037-1AP04	6,090,000	3RT2037-1NB34	9,007,000
80	37	1 NO + 1 NC	3RT2038-1AP00	6,384,000	3RT2038-1NB30	9,114,000
		2 NO + 2 NC	3RT2038-1AP04	6,723,000	3RT2038-1NB34	9,450,000
Size S3			Us = 230 VAC		Us = 22...33 V AC/DC	
80	37	1 NO + 1 NC	3RT2045-1AP00	7,638,000	3RT2045-1NB30	9,204,000
		2 NO + 2 NC	3RT2045-1AP04	8,131,000	3RT2045-1NB34	9,671,000
95	45	1 NO + 1 NC	3RT2046-1AP00	9,503,000	3RT2046-1NB30	10,201,000
		2 NO + 2 NC	3RT2046-1AP04	9,997,000	3RT2046-1NB34	10,608,000
110	55	1 NO + 1 NC	3RT2047-1AP00	10,996,000	3RT2047-1NB30	12,813,000
		2 NO + 2 NC	3RT2047-1AP04	11,506,000	3RT2047-1NB34-3MA0	13,372,000

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us
Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm



3RT2015-1AP02



3RT2023-1AP00



3RT2036-1AP00



3RT2046-1AP00

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C (3RT) and 40°C (3TF)
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated power AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Standards IEC/EN 60947-1

3RT2/1 and 3TF contactors Khởi động từ SIRIUS 3RT2/1 và 3TF

Nhiệt độ hoạt động: 60°C (3RT) và 40°C (3TF)
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Công suất định mức tải AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1



3RT1 size S6, S10, S12



3TF6 size S14

Contactor 3RT1 and 3TF, up to 820A, 3-pole, Screw terminals - Khởi động từ 3RT1 và 3TF, đến 820A, 3 cực, bắt vít

Rating (A) Dòng điện	Power (kW) Công suất	Auxilart switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S6 - Kích thước S6			Us = 220 ... 240 V AC/DC		Us = 23 ... 26 V AC/DC	
115	55	2 NO + 2 NC	3RT1054-1AP36	10,753,000	3RT1054-1AB36	10,753,000
150	75	2 NO + 2 NC	3RT1055-6AP36	13,143,000	3RT1055-6AB36	13,143,000
185	90	2 NO + 2 NC	3RT1056-6AP36	16,504,000	3RT1056-6AB36	16,504,000
Size S10 - Kích thước S10			Us = 220 ... 240 V AC/DC		Us = 23 ... 26 V AC/DC	
225	110	2 NO + 2 NC	3RT1064-6AP36	18,630,000	3RT1064-6AB36	18,630,000
265	132	2 NO + 2 NC	3RT1065-6AP36	26,324,000	3RT1065-6AB36	26,324,000
300	160	2 NO + 2 NC	3RT1066-6AP36	31,701,000	3RT1066-6AB36	31,701,000
Size S12 - Kích thước S12			Us = 220 ... 240 V AC/DC		Us = 23 ... 26 V AC/DC	
400	200	2 NO + 2 NC	3RT1075-6AP36	39,576,000	3RT1075-6AB36	39,576,000
500	250	2 NO + 2 NC	3RT1076-6AP36	57,143,000	3RT1076-6AB36	57,143,000
Size S14 - Kích thước S14			Us = 220 ... 240 V AC/DC		Us = 24 VDC	
630	335	4 NO + 4 NC	3TF6844-0CM7	94,499,000	3TF6833-1DB4	103,584,000
820	450	4 NO + 4 NC	3TF6944-0CM7	120,779,000	3TF6933-1DB4	128,050,000

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us

Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm



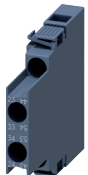
3RH2911-1HA22



3RH2911-1AA..



3RH1921-1CA..



3RH2911-1DA11

Accessories for 3RT contactors, Screw terminals - Phụ kiện cho Khởi động từ 3RT, bắt vít

Description Miêu tả	Size Kích thước	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switches for snapping onto the front - Tiếp điểm phụ gắn trước				
4 poles - 4 cực	S00, S0, S2, S3	4 NO	3RH2911-1FA40	429,000
		2 NO + 2 NC	3RH2911-1HA22	429,000
		3 NO + 1 NC	3RH2911-1HA31	429,000
		1 NO + 3 NC	3RH2911-1HA13	429,000
	S6, S10, S12	2 NO + 2 NC	3RH1921-1XA22-0MA0	475,000
2 poles - 2 cực	S00, S0, S2, S3	1 NO + 1 NC	3RH2911-1HA11	256,000
		2 NO	3RH2911-1HA20	256,000
		2 NC	3RH2911-1HA02	256,000
1 pole - 1 cực	S00, S0, S2, S3	1 NO	3RH2911-1AA10	200,000
		1 NC	3RH2911-1AA01	200,000
	S6 - S12	1 NO	3RH1921-1CA10	139,000
		1 NC	3RH1921-1CA01	139,000
Fitting of auxiliary switches for 3RT contactor (S00...S12) - Dùng cho khởi động từ kích thước S00...S12				
Laterally mountable auxiliary switch blocks - Tiếp điểm phụ gắn bên				
2 poles - 2 cực	S00	1 NO + 1 NC	3RH2911-1DA11	386,000
		2 NO	3RH2911-1DA20	386,000
		2 NC	3RH2911-1DA02	386,000
	S0, S2, S3	1 NO + 1 NC	3RH2921-1DA02	386,000
		2 NO	3RH2921-1DA11	386,000
		2 NC	3RH2921-1DA20	386,000
	S6, S10, S12	1 NO + 1 NC	3RH1921-1EA11	363,000
		2 NO	3RH1921-1EA20	363,000
		2 NC	3RH1921-1EA02	363,000

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C (3RT) and 40°C (3TF)
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated power AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Standards IEC/EN 60947-1

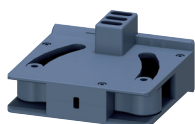
3RT2/1 and 3TF contactors

Khởi động từ 3RT2/1 và 3TF

Nhiệt độ hoạt động: 60°C (3RT) và 40°C (3TF)
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Công suất định mức tải AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1



3RA2922-2H



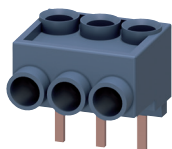
3RA1954-2A



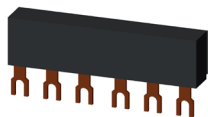
3RA2932-2D



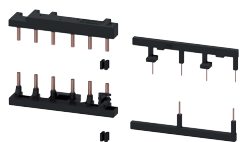
3RT2936-1BD00



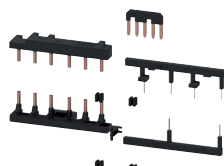
3RT2936-1BD00



3RV1915-1AB



3RA2923-2AA1



3RA2923-2BB1

Accessories for 3RT contactors, Screw terminals - Phụ kiện cho Khởi động từ 3RT, bắt vít

Description Miêu tả	Size Kích thước	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Mechanical interlock - Liên động cơ khí				
	S00		3RA2912-2H	90,000
	S0		3RA2922-2H	90,000
	S2, S3		3RA2934-2B	287,000
	S6, S10, S12		3RA1954-2A	810,000
Mechanical connectors for contactor assemblies ⁽¹⁾				
3-pole version				
	S2, S3	Without contactor clearance	3RA2932-2C	429,000
	S2, S3	With 10 mm contactor clearance	3RA2932-2D	84,000
	S6-S6	clearance	3RA1932-2D	94,000
Surge suppressor, e.g. varistor - Bộ hấp thụ xung ⁽²⁾				
Without LED (127 – 240 V AC) Không có LED	S00		3RT2916-1BD00	199,000
	S0		3RT2926-1BD00	243,000
	S2, S3		3RT2936-1BD00	264,000
	S6, S10, S12		3RT1956-1CD00	738,000
With LED (127 – 240 V AC) Có LED	S00		3RT2916-1JL00	264,000
	S0		3RT2926-1JL00	315,000
	S2, S3		3RT2936-1JL00	326,000
3-phase infeed terminal - Bộ đầu nối nguồn 3 pha				
		Max. conductor cross-section:		
	S00	Up to 10 mm ²	3RA2913-3K	392,000
	S0	Up to 25 mm ²	3RV2925-5AB	246,000
	S2	Up to 70mm ²	3RV2935-5A	446,000
3-phase busbars - Thanh lược 3 pha				
	S0		3RV1915-1AB	295,000

Accessories for DOL, reversing DOL and star-delta starter for 3RT2 (S00, S0, S2, S3)

Phụ kiện cho khởi động trực tiếp, đảo chiều và sao tam giác cho 3RT2 (S00, S0, S2, S3)

Description Miêu tả	Size Kích thước	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Reversing DOL starter - Khởi động đảo chiều			
	S00-S00	3RA2913-2AA1	392,000
	S0-S0	3RA2923-2AA1	246,000
	S2-S2	3RA2933-2AA1	446,000
	S3-S3	3RA2943-2AA1	608,000
Assembly kits^{3,4)} for contactor assemblies for star-delta (wye-delta) - Bộ đầu nối cho khởi động sao tam giác			
	S00	3RA2913-2BB1	810,000
	S0	3RA2923-2BB1	1,404,000
	S2	3RA2933-2BB1	1,700,000
	S3	3RA2943-2BB1	2,086,000

Note/Ghi chú:

1) A contactor clearance of 10 mm must be considered when using the following mechanical interlocks.

2) Với các điện áp khác, vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn

3) When using the function modules for contactor assemblies for star-delta (wye-delta) starting, the wiring modules for the auxiliary current are not required.

4) The 3RA2934-2B mechanical interlock for sizes S2 and S3 must be ordered separately

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C (3RT) and 40°C (3TF)
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated power AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Standards IEC/EN 60947-1

3RT2/1 and 3TF contactors Khởi động từ 3RT2/1 và 3TF

Nhiệt độ hoạt động: 60°C (3RT) và 40°C (3TF)
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Công suất định mức tải AC-3, 400VAC: 3 - 450kW
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1



3RT2927-2PA01



3RA2811-1CW10



3RT1926-2ED11



3RA2816-0EW20

Accessories for DOL, reversing DOL and star-delta starter for 3RT2/1 (S00 to S12)

Phụ kiện cho khởi động trực tiếp, đảo chiều và sao tam giác cho 3RT2/1 (S00 to S12)

Size Kích thước	Contact Tiếp điểm	Supply voltage Us Điện áp điều khiển	Time range t Dải thời gian	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Pneumatic time-delay auxiliary switches - for mounting on 3RT2 contactors (S0)							
S0	1NO + 1NC		1 ... 30	3RT2927-2PA01	2,746,000	3RT2927-2PR01	2,911,000
			10 ... 180	3RT2927-2PA11	2,746,000	3RT2927-2PR11	2,911,000

3RA28 function modules for direct-on-line starting for mounting on 3RT2 contactors

Size Kích thước	Contact Tiếp điểm	Supply voltage Us Điện áp điều khiển	Time range t Dải thời gian	ON-delay		OFF-delay with control signal	
				Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
S00, S0		24 – 240 V AC/DC	0.05 s – 100 s	3RA2811-1CW10	1,716,000	3RA2812-1DW10	2,270,000
S2, S3		24 – 90 V AC/DC	(1, 10, 100; selectable)	3RA2831-1DG10	1,883,000	3RA2832-1DG10	2,437,000
		90 – 240 V AC/DC		3RA2831-1DH10	1,883,000	3RA2832-1DH10	2,437,000

Solid-state time-delay auxiliary switches for mounting on 3RT2 contactors and 3RH2 contactor relays

Size Kích thước	Contact Tiếp điểm	Supply voltage Us Điện áp điều khiển	Time range t Dải thời gian	ON-delay		OFF-delay with control signal	
				Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
S00 to S3	1 CO	24 – 240 V AC/DC	0.05 s – 100 s (1, 10, 100; selectable)	3RA2813-1AW10	2,105,000	3RA2814-1AW10	3,117,000
	1NO + 1NC			3RA2813-1FW10	2,333,000	3RA2814-1FW10	3,447,000
	1 CO	24 – 240 V AC/DC	0.05 s – 100 s (1, 10, 100; selectable)			3RA2815-1AW10	2,333,000
	1NO + 1NC					3RA2815-1FW10	2,560,000

Solid-state time-delay auxiliary switches for mounting on 3RT1 contactors

Size Kích thước	Contact Tiếp điểm	Supply voltage Us Điện áp điều khiển	Time range t Dải thời gian	ON-delay		OFF-delay w/o control signal	
				Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
S6 to S12	1NO + 1NC	24 AC/DC	0.05 ... 1 s	3RT1926-2EJ11	2,251,000	3RT1926-2FJ11	2,477,000
			0.5 ... 10 s	3RT1926-2EJ21	2,251,000	3RT1926-2FJ21	2,477,000
			5 ... 100 s	3RT1926-2EJ31	2,498,000	3RT1926-2FJ31	2,725,000
		200 ... 240 AC	0.05 ... 1 s	3RT1926-2ED11	2,251,000	3RT1926-2FJ11	2,477,000
			0.5 ... 10 s	3RT1926-2ED21	2,251,000	3RT1926-2FJ21	2,477,000
			5 ... 100 s	3RT1926-2ED31	2,498,000	3RT1926-2FJ31	2,725,000

Accessories for star-delta starter for 3RT2/1 (S00 to S12)

Phụ kiện cho sao tam giác cho 3RT2/1 (S00 to S12)

Size Kích thước	Version Phiên bản	Contact Tiếp điểm	Supply voltage Us Điện áp điều khiển	Time range t Dải thời gian	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3RA28 Function Modules for star-delta (wye-delta) starting for 3RT2 contactors						
S00 ... S3	Star-delta (wye-delta) function		24 – 240 V AC/DC	0.5 s – 60 s (10, 30, 60; selectable)	3RA2816-0EW20	4,212,000

Solid-state time-delay auxiliary switches for mounting on 3RT1 contactors

Size Kích thước	Version Phiên bản	Contact Tiếp điểm	Supply voltage Us Điện áp điều khiển	Time range t Dải thời gian	Reference Mã hàng	
					Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
S6 to S12	Star-delta (wye-delta) starting (varistor integrated)	1 NO delayed + 1 NO instantaneous, dead time 50 ms	24 AC/DC	1.5 ... 30 s	3RT1926-2GJ51	2,456,000
			200 ... 240 AC	1.5 ... 30 s	3RT1926-2GD51	2,456,000

Load Feeders and Motor Starters

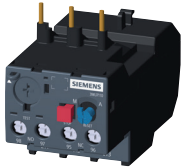
Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400V AC
Standards IEC 60947

3MU7 Thermal Overload Relays

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3MU7

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400V AC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3MU71



3MU72



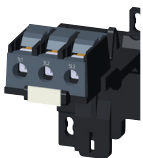
3MU73



3MU74



3MU75



3MU7900-0MA..



3MU7900-0CA00

Thermal Overload Relays 3MU7, Trip Class 10/10A, Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3MU7, cấp bảo vệ quá tải Class 10/10A, kiểu bắt vít

Power (kW) Công suất (kW)	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	For contactor size Cho khởi động từ kích thước	Trip Class	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size 1/Kích thước 1					
Mounting on contactor/Gắn trên khởi động từ					
0.04	0.10-0.16	0, 1, 2	10	3MU7110-0AA0	410,000
0.06	0.16-0.25	0, 1, 2	10	3MU7110-0BA0	410,000
0.09	0.25-0.40	0, 1, 2	10	3MU7110-0CA0	410,000
0.18	0.40-0.63	0, 1, 2	10	3MU7110-0DA0	410,000
0.25	0.63-1	0, 1, 2	10	3MU7110-0EA0	410,000
0.55	1-1.6	0, 1, 2	10	3MU7110-0FA0	410,000
0.75	1.25-2	0, 1, 2	10	3MU7110-0GA0	410,000
0.75	1.6-2.5	0, 1, 2	10	3MU7110-0HA0	410,000
1.5	2.5-4	0, 1, 2	10	3MU7110-0JA0	410,000
2.2	4-6	0, 1, 2	10	3MU7110-0KA0	410,000
3	5.5-8	0, 1, 2	10	3MU7110-0LA0	410,000
4	7-10	0, 1, 2	10	3MU7110-0MA0	413,000
5.5	9-13	0, 1, 2	10	3MU7110-0NA0	413,000
7.5	12-18	0, 1, 2	10	3MU7110-0PA0	413,000
11	17-25	0, 1, 2	10	3MU7110-0QA0	413,000
Size 2/Kích thước 2					
Mounting on contactor/Gắn trên khởi động từ					
15	23-32	2	10	3MU7210-1AA0	413,000
18.5	28-36	2	10	3MU7210-1BA0	454,000
Size 3/Kích thước 3					
Mounting on contactor/Gắn trên khởi động từ					
15	23-32	3, 4	10	3MU7310-2AA0	1,362,000
18.5	30-40	3, 4	10	3MU7310-2BA0	1,285,000
22	37-50	3, 4	10	3MU7310-2CA0	1,263,000
30	48-65	3, 4	10	3MU7310-2DA0	1,287,000
37	55-70	4	10	3MU7310-2EA0	2,242,000
37	63-80	4	10	3MU7310-2FA0	2,220,000
45	80-90	4	10	3MU7310-2GA0	2,261,000
Size 4/Kích thước 4					
Stand-alone/Gắn độc lập					
55/75	85-135		10A	3MU7410-3AA1	3,996,000
75/90	115-180		10A	3MU7410-3BA1	4,675,000
110/132	160-250		10A	3MU7410-3CA1	4,667,000
160	200-320		10A	3MU7410-3DA1	6,925,000
200	250-400		10A	3MU7410-3EA1	6,856,000
Size 5/Kích thước 5					
Stand-alone/Gắn độc lập					
250	312-500		10A	3MU7510-4AA1	8,534,000

Accessories for 3MU7 overload relays, Screw terminals

Phụ kiện cho rơ-le nhiệt 3MU7, kiểu bắt vít

For Size Cho cỡ	Version Phiên bản	For relay Cho rơ-le	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Terminal supports for stand-alone installation - Giá đỡ rơ-le nhiệt cho gắn độc lập				
Size 1	Screw fixing and snap-on mounting onto TH 35 standard mounting rail	3MU7	3MU7900-0MA10	127,000
Size 2	Bắt vít cố định và lắp vào thanh ray gắn tiêu chuẩn TH 35	3MU7	3MU7900-0MA20	152,000
Size 3		3MU7	3MU7900-0MA30	556,000
Relay setting dial sealing cover sealing cover - Nắp niêm phong mặt số cài đặt role				
Size 1, 2, 3		3MU7	3MU7900-0CA00	64,000

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RU2 Thermal Overload Relays Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3RU2

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RU2116-0AB0



3RU2116-0AB1



3RU2126-1CB0



3RU2126-4BB1

Thermal Overload Relays 3RU6, Trip Class 10, Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3RU6, cấp bảo vệ quá tải Class 10, kiểu bắt vít

Power (kW) Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00 <i>Kích thước S00</i>		Mounting on contactor <i>Gắn trên khởi động từ</i>		Stand-alone <i>Gắn độc lập</i>	
0.04	0.11...0.16	3RU2116-0AB0	876,000	3RU2116-0AB1	1,560,000
0.06	0.14...0.2	3RU2116-0BB0	876,000	3RU2116-0BB1	1,560,000
0.06	0.18...0.25	3RU2116-0CB0	876,000	3RU2116-0CB1	1,560,000
0.09	0.22...0.32	3RU2116-0DB0	876,000	3RU2116-0DB1	1,560,000
0.09	0.28...0.4	3RU2116-0EB0	876,000	3RU2116-0EB1	1,560,000
0.12	0.35...0.5	3RU2116-0FB0	876,000	3RU2116-0FB1	1,560,000
0.18	0.45...0.63	3RU2116-0GB0	876,000	3RU2116-0GB1	1,560,000
0.18	0.55...0.8	3RU2116-0HB0	876,000	3RU2116-0HB1	1,560,000
0.25	0.7...1	3RU2116-0JB0	876,000	3RU2116-0JB1	1,560,000
0.37	0.9...1.25	3RU2116-0KB0	876,000	3RU2116-0KB1	1,560,000
0.55	1.1...1.6	3RU2116-1AB0	876,000	3RU2116-1AB1	1,560,000
0.75	1.4...2	3RU2116-1BB0	876,000	3RU2116-1BB1	1,560,000
0.75	1.8...2.5	3RU2116-1CB0	876,000	3RU2116-1CB1	1,560,000
1.1	2.2...3.2	3RU2116-1DB0	876,000	3RU2116-1DB1	1,560,000
1.5	2.8...4	3RU2116-1EB0	876,000	3RU2116-1EB1	1,560,000
1.5	3.5...5	3RU2116-1FB0	876,000	3RU2116-1FB1	1,560,000
2.2	4.5...6.3	3RU2116-1GB0	876,000	3RU2116-1GB1	1,560,000
3	5.5...8	3RU2116-1HB0	876,000	3RU2116-1HB1	1,560,000
4	7...10	3RU2116-1JB0	876,000	3RU2116-1JB1	1,560,000
5.5	9...12.5	3RU2116-1KB0	876,000	3RU2116-1KB1	1,560,000
7.5	11...16	3RU2116-4AB0	876,000	3RU2116-4AB1	1,560,000
Size S0		Mounting on contactor		Stand-alone	
0.75	1.8...2.5	3RU2126-1CB0	1,195,000		
1.1	2.2...3.2	3RU2126-1DB0	1,195,000		
1.5	2.8...4	3RU2126-1EB0	1,195,000		
1.5	3.5...5	3RU2126-1FB0	1,195,000		
2.2	4.5...6.3	3RU2126-1GB0	1,195,000		
3	5.5...8	3RU2126-1HB0	1,195,000		
4	7...10	3RU2126-1JB0	1,195,000		
5.5	9...12.5	3RU2126-1KB0	1,195,000		
7.5	11...16	3RU2126-4AB0	1,195,000		
7.5	14...20	3RU2126-4BB0	876,000	3RU2126-4BB1	1,843,000
11	17...22	3RU2126-4CB0	974,000	3RU2126-4CB1	1,843,000
11	20...25	3RU2126-4DB0	974,000	3RU2126-4DB1	1,843,000
15	23...28	3RU2126-4NB0	1,321,000	3RU2126-4NB1	2,651,000
15	27...32	3RU2126-4EB0	1,310,000	3RU2126-4EB1	2,651,000
18.5	30...36	3RU2126-4PB0	1,321,000	3RU2126-4PB1	2,651,000
18.5	34...40	3RU2126-4FB0	1,321,000	3RU2126-4FB1	2,651,000

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RU2/3RU5 Thermal Overload Relays

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3RU2/3RU5

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947

Thermal Overload Relays 3RU2, Trip Class 10, Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3RU2, cấp bảo vệ quá tải Class 10, kiểu bắt vít



3RU2136-...0



3RU5146-4..0

Power (kW) Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S2 <i>Kích thước S2</i>		Mounting on contactor <i>Gắn trên khởi động từ</i>		Stand-alone <i>Gắn độc lập</i>	
3	5.5...8	3RU2136-1HB0	1,697,000		
4	7...10	3RU2136-1JB0	1,697,000		
5.5	9...12.5	3RU2136-1KB0	1,697,000		
7.5	11...16	3RU2136-4AB0	1,697,000		
7.5	14...20	3RU2136-4BB0	1,697,000		
11	18...25	3RU2136-4DB0	1,697,000		
15	22...32	3RU2136-4EB0	2,393,000	3RU2136-4EB1	3,944,000
18.5	28...40	3RU2136-4FB0	2,393,000	3RU2136-4FB1	3,944,000
22	36...45	3RU2136-4GB0	1,911,000	3RU2136-4GB1	3,189,000
22	40...50	3RU2136-4HB0	2,317,000	3RU2136-4HB1	3,787,000
30	47...57	3RU2136-4QB0	2,628,000	3RU2136-4QB1	3,944,000
30	54...65	3RU2136-4JB0	2,628,000	3RU2136-4JB1	3,944,000
37	62...73	3RU2136-4KB0	2,628,000	3RU2136-4KB1	3,944,000
37	70...80	3RU2136-4RB0	2,917,000	3RU2136-4RB1	4,544,000
Size S3		Mounting on contactor		Stand-alone	
18.5	28...40	3RU2146-4FB0	2,628,000		
22	36...50	3RU2146-4HB0	2,628,000		
30	45...63	3RU2146-4JB0	2,628,000	3RU2146-4JB1	3,944,000
37	57...75	3RU2146-4KB0	2,917,000	3RU2146-4KB1	3,944,000
45	70...90	3RU2146-4LB0	2,917,000	3RU2146-4LB1	4,544,000
45	80...100	3RU2146-4MB0	3,021,000	3RU2146-4MB1	5,728,000

Thermal Overload Relays 3RU5, Trip Class 10, Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3RU5, cấp bảo vệ quá tải Class 10, kiểu bắt vít



3RU5 size S6



3RU5 size S10, S12

Power (kW) Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S6				Stand-alone	
37	55 ... 80			3RU5156-2HB2	4,092,000
45	63 ... 90			3RU5156-2WB2	4,092,000
55	80 ... 110			3RU5156-2XB2	3,619,000
55	90 ... 120			3RU5156-3HB2	3,619,000
75	110 ... 135			3RU5156-3JB2	3,619,000
75	120 ... 150			3RU5156-3KB2	3,619,000
90	135 ... 160			3RU5156-3LB2	5,672,000
90	150 ... 180			3RU5156-3MB2	5,672,000
110	170 ... 205			3RU5156-3NB2	5,672,000
Size S10				Stand-alone	
110	140...200			3RU5166-5EB1	6,064,000
132	180...250			3RU5166-5FB1	6,064,000
160	220...320			3RU5166-5GB1	6,064,000
Size S12				Stand-alone	
200	280...400			3RU5176-5HB1	10,822,000
250	350...500			3RU5176-5JB1	10,822,000

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RB Electronic Overload Relays Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải kiểu điện tử 3RB

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RB3016-1RB0



3RB3026-1RB0



3RB3036-1UB0



3RB2056-1FW2



3RB2056-1FC2



3RB3016-2RB0



3RB3026-2RB0

Electronic Overload Relays 3RB3, Class 10, Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải kiểu điện tử 3RB3, Class 10, kiểu bắt vít

Power (kW) Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00 <i>Kích thước S00</i>		Mounting on contactor <i>Gắn trên khởi động từ</i>		Stand-alone <i>Gắn độc lập</i>	
0.04 - 0.09	0.1...0.4	3RB3016-1RB0	2,957,000		
0.12 - 0.37	0.32...1.25	3RB3016-1NB0	2,957,000		
0.37 - 1.5	1...4	3RB3016-1PB0	2,957,000		
1.5 - 5.5	3...12	3RB3016-1SB0	2,957,000		
2.2 - 7.5	4...16	3RB3016-1TB0	2,957,000		
Size S0		Mounting on Contactor			
0.04 - 0.09	0.1...0.4	3RB3026-1RB0	3,380,000		
0.12 - 0.37	0.32...1.25	3RB3026-1NB0	3,380,000		
0.37 - 1.5	1...4	3RB3026-1PB0	3,380,000		
1.5 - 5.5	3...12	3RB3026-1SB0	3,380,000		
3 - 11	6...25	3RB3026-1QB0	3,380,000		
5.5 - 18.5	10...40	3RB3026-1VB0	4,990,000		
Size S2		Mounting on Contactor		Stand-alone	
7.5 - 22	12.5...50	3RB3036-1UB0	5,526,000	3RB3036-1UW1	5,526,000
11 - 37	20...80	3RB3036-1WB0	7,136,000	3RB3036-1WW1	7,136,000
Size S3		Mounting on Contactor		Straight-through transformer	
7.5 - 22	12.5 ... 50	3RB3046-1UB0	6,126,000	3RB3046-1UW1	7,770,000
18.5 - 55	32 ... 115	3RB3046-1XB0	8,493,000	3RB3046-2XW1	9,566,000
Size S6		Busbar connection		Straight-through transformer	
30 - 90	50 ... 200	3RB2056-1FC2	9,074,000	3RB2056-1FW2	8,746,000
Size S10/S12		Busbar connection			
30 - 132	55...250	3RB2066-1GC2	9,823,000		
90 - 355	160...630	3RB2066-1MC2	17,074,000		

Electronic Overload Relays 3RB3, Class 10, Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải kiểu điện tử 3RB3, Class 10, kiểu bắt vít

Power (kW) Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00		Mounting on Contactor	
0.04 - 0.09	0.1...0.4	3RB3016-2RB0	3,475,000
0.12 - 0.37	0.32...1.25	3RB3016-2NB0	3,475,000
0.37 - 1.5	1...4	3RB3016-2PB0	3,475,000
1.5 - 5.5	3...12	3RB3016-2SB0	3,475,000
2.2 - 7.5	4...16	3RB3016-2TB0	3,475,000
Size S0		Mounting on Contactor	
0.04 - 0.09	0.1...0.4	3RB3026-2RB0	3,980,000
0.12 - 0.37	0.32...1.25	3RB3026-2NB0	3,980,000
0.37 - 1.5	1...4	3RB3026-2PB0	3,980,000
1.5 - 5.5	3...12	3RB3026-2SB0	3,980,000
3 - 11	6...25	3RB3026-2QB0	3,980,000
5.5 - 18.5	10...40	3RB3026-2VB0	5,621,000

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RB Electronic Overload Relays

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải kiểu điện tử 3RB

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RB3036-2UB0



3RB3046-2UW1



3RB2066-2GC2



3RB3113-4RB0



3RB3123-4RB0



3RB3133-4UB0



3RB2153-4FW2



3RB2163-4GC2

Electronic Overload Relays 3RB3, Class 20E, Screw terminals

Rơ-le-nhiệt bảo vệ quá tải kiểu điện tử 3RB3, Class 20E, kiểu bắt vít

Power (kW) Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S2 <i>Kích thước S2</i>		Mounting on contactor <i>Gắn trên khởi động từ</i>		Stand-alone <i>Gắn độc lập</i>	
7.5 - 22	12.5...50	3RB3036-2UB0	6,536,000	3RB3036-2UW1	6,536,000
11 - 37	20...80	3RB3036-2WB0	8,241,000	3RB3036-2WW1	8,241,000
Size S3		Mounting on Contactor		Stand-alone	
7.5 - 22	12.5 ... 50	3RB3046-2UB0	7,355,000	3RB3046-2UW1	8,903,000
18.5 - 55	32 ... 115	3RB3046-2XB0	9,566,000	3RB3046-2XW1	9,566,000
Size S6		Busbar connection		Straight-through transformer	
30 - 90	50 ... 200	3RB2056-2FC2	9,882,000	3RB2056-2FW2	9,526,000
Size S10/S12		Busbar connection		Straight-through transformer	
30 - 132	55...250	3RB2066-2GC2	10,755,000		
90 - 355	160...630	3RB2066-2MC2	18,600,000		

Electronic Overload Relays 3RB3, Class 5E, 10E, 20E or 30E (adjustable), Screw terminals

Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải kiểu điện tử 3RB3, Class 5E, 10E, 20E hoặc 30E (điều chỉnh được), kiểu bắt vít

Power Công suất	Setting range (A) Dải cài đặt (A)	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00 <i>Kích thước S00</i>		Mounting on contactor <i>Gắn trên khởi động từ</i>		Stand-alone <i>Gắn độc lập</i>	
0.04 - 0.09	0.1...0.4	3RB3113-4RB0	5,484,000		
0.12 - 0.37	0.32...1.25	3RB3113-4NB0	5,484,000		
0.37 - 1.5	1...4	3RB3113-4PB0	5,484,000		
1.5 - 5.5	3...12	3RB3113-4SB0	5,484,000		
2.2 - 7.5	4...16	3RB3113-4TB0	5,484,000		
Size S0		Mounting on Contactor			
0.04 - 0.09	0.1...0.4	3RB3123-4RB0	5,930,000		
0.12 - 0.37	0.32...1.25	3RB3123-4NB0	5,930,000		
0.37 - 1.5	1...4	3RB3123-4PB0	5,930,000		
1.5 - 5.5	3...12	3RB3123-4SB0	5,930,000		
3 - 11	6...25	3RB3123-4QB0	5,930,000		
5.5 - 18.5	10...40	3RB3123-4VB0	7,371,000		
Size S2		Mounting on Contactor		Stand-alone	
7.5 - 22	12.5...50	3RB3133-4UB0	8,118,000	3RB3133-4UW1	8,118,000
11 - 37	20...80	3RB3133-4WB0	9,823,000	3RB3133-4WW1	9,823,000
Size S3		Mounting on Contactor		Stand-alone	
7.5 - 22	12.5 ... 50	3RB3143-4UB0	8,867,000	3RB3143-4UW1	10,214,000
18.5 - 55	32 ... 115	3RB3143-4XB0	10,962,000	3RB3143-4XW1	10,934,000
Size S6		Busbar connection		Straight-through transformer	
30 - 90	50 ... 200	3RB2153-4FC2	12,521,000	3RB2153-4FW2	12,101,000
Size S10/S12		Busbar connection		Straight-through transformer	
30 - 132	55...250	3RB2163-4GC2	13,330,000		
90 - 355	160...630	3RB2163-4MC2	21,175,000		

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current at 400VAC
Standards IEC 60947

3RU/3RB Thermal Overload Relays Accesories Phụ kiện cho Rơ-le nhiệt bảo vệ quá tải 3RU/3RB

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức ở 400VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RU2916-3AA01



3RU2900-1A



3RU2900-1B

3RT5966-4EA1

Accessories for 3RU2/ 3RU5/3RB/3RR2 overload relays, Screw terminals

Phụ kiện cho rơ-le nhiệt 3RU2/3RU5/3RB/3RR2, kiểu bắt vít

For Size Cho cỡ	For relay Cho rơ-le	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Terminal supports for stand-alone installation - Giá đỡ rơ-le nhiệt cho gắn độc lập				
S00	3RU2, 3RB3, 3RR2	Screw fixing and snap-on mounting onto TH 35 standard mounting rail	3RU2916-3AA01	239,000
S0			3RU2926-3AA01	289,000
S2		Bắt vít cố định và lắp vào thanh ray gắn tiêu chuẩn TH 35	3RU2936-3AA01	393,000
S3	3RU2, 3RB3		3RU2946-3AA01	508,000
Mechanical RESET comprising - Giải trừ bằng cơ khí bao gồm				
S00...S3	3RU2	Resetting plungers, holders and formers	3RU2900-1A	103,000
S00...S12	3RB3, 3RB2		3RB3980-0A	103,000
S6...S12	3RU5		3RU6900-1A	123,000
S00...S12	3RU2, 3RU5	Push buttons with extended stroke (12 mm), IP65, Ø 22 mm	3SU1200-0FB10-0AA0	(*)
	3RU2, 3RU5 3RB3, 3RB2	Extension plungers for compensation of the distance between a push button and the unlatching button of the relay	3SU1900-0KG10-0AA0	(*)
Cable releases with holders for RESET for drill holes Ø 6.5 mm in the control panel Cáp giải trừ sự cố với lỗ cắt Ø 6.5 mm trong tủ điều khiển				
S00...S3	3RU2, 3RY	Length/Dài 400 mm	3RU2900-1B	979,000
S00...S12	3RB3, 3RB2		3RB3980-0B	979,000
S6...S12	3RU5		3RU6900-1B	1,195,000
S00...S3	3RU2	Length/Dài 600 mm	3RU2900-1C	979,000
S00...S12	3RB3, 3RB2		3RB3980-0C	979,000
S6...S12	3RU5		3RU6900-1C	1,195,000
Sealable cover for 3RB3, 3RU2, 3RR2, transparent - Nắp che cho 3RB3, 3RU2, 3RR2, trong suốt				
S00...S3	3RU2	For covering the setting knobs	3RV2908-0P	979,000
S00...S12	3RB3, 3RB2		3RB3984-0	979,000
S00...S3	3RR		3RR2940	979,000
Modules for electrical remote reset - Mô-đun giải trừ từ xa bằng điện				
S00...S3	3RU2	24 – 30 V AC/DC	3RU1900-2AB71	912,000
		110 – 127 V AC/DC	3RU1900-2AF71	912,000
		220 – 250 V AC/DC	3RU1900-2AM71	912,000

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated operational current Ie AC-15 at 230V AC
Standards IEC 60947

3MH7 contactors relay

Rơ-le khởi động từ 3MH7

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức Ie AC-15 tại 230V AC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3MH70..-1AN20



3MH79..-0CT10



3MH79..-0CT10



3MH79..-0CL10



3MT7900-1S..21

Contactor relay 3RH2, 4/8 pole, Screw terminals - Rơ-le khởi động từ 3RH2, 4/8 cực, kiểu bắt vít

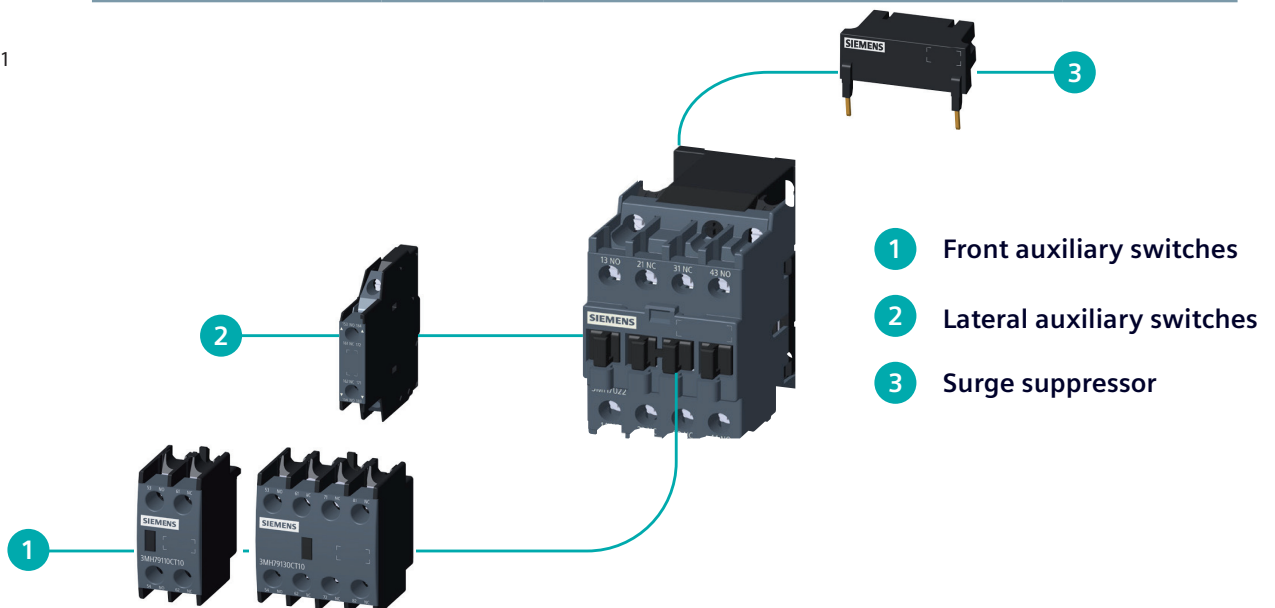
Ie (A)	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size 1 - Kích thước 1		Us = 220 VAC	
6A	4NO	3MH7040-1AN20	352,000
6A	3NO + 1NC	3MH7031-1AN20	352,000
6A	2NO + 2NC	3MH7022-1AN20	352,000

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us

Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm

Accessories for 3MT7 and 3MH7 contactors, Screw terminals - Phụ kiện cho Khởi động từ 3MT7 and 3MH7, bắt vít

Description Miêu tả	Size Kích thước	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auxiliary switches for snapping onto the front - Tiếp điểm phụ gắn trước				
4 poles - 4 cực	Size 0 - 4	4 NO	3MH7940-0CT10	292,000
		4 NC	3MH7904-0CT10	297,000
		2 NO + 2 NC	3MH7922-0CT10	295,000
		3 NO + 1 NC	3MH7931-0CT10	292,000
		1 NO + 3 NC	3MH7913-0CT10	295,000
2 poles - 2 cực	Size 0 - 4	1 NO + 1 NC	3MH7911-0CT10	157,000
		2 NO	3MH7920-0CT10	157,000
		2 NC	3MH7902-0CT10	157,000
1 poles - 1 cực	Size 0 - 4	1 NO	3MH7910-0CT10	146,000
		1 NC	3MH7901-0CT10	143,000
Laterally mountable auxiliary switch blocks - Tiếp điểm phụ gắn bên				
2 poles - 2 cực	Size 0 - 4	1 NO + 1 NC	3MH7911-0CL10	207,000
		2 NO	3MH7920-0CL10	207,000
Surge suppressor - Bộ hấp thụ xung				
Varistor	Size 0 - 4	24-48V AC 50/60Hz	3MT7900-1SC21	121,000
		110-240V AC 50/60Hz	3MT7900-1SL21	121,000
		380-440V AC 50/60Hz	3MT7900-1SV21	121,000



Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C
Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
Rated current Ie (AC-15/AC-140) at 400VAC
Standards IEC 60947

3RH2, 3TH and 3TG contactors relay Rơ-le khởi động từ 3RH2, 3TH và 3TG

Nhiệt độ hoạt động: 60°C
Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
Dòng điện định mức Ie (AC-15/AC-140) ở 400 VAC
Tiêu chuẩn IEC 60947



3RH2140-1AP00



3TH4280-0AP0



3TH4310-0AP0



3TG1001-0AC2



3TG1010-1AC2

Contactor relay 3RH2, 4/8 pole, Screw terminals - Rơ-le khởi động từ 3RH2, 4/8 cực, kiểu bắt vít

Ie (A) Ie (A)	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00 - Kích thước S00		Us = 230 VAC		Us = 24 VDC	
10A	4NO	3RH2140-1AP00	999,000	3RH2140-1BB40	1,156,000
	3NO + 1NC	3RH2131-1AP00	999,000	3RH2131-1BB40	1,156,000
	2NO + 2NC	3RH2122-1AP00	999,000	3RH2122-1BB40	1,156,000
6A	4NO + 4NC	3RH2244-1AP00	1,632,000	3RH2244-1BB40	1,770,000
	6NO + 2NC	3RH2262-1AP00	1,632,000	3RH2262-1BB40	1,770,000

Contactor relay 3RH2, 4 pole, Latched Screw terminals - Rơ-le khởi động từ 3RH2, 4 cực, tự giữ, kiểu bắt vít

Size S00 - Kích thước S0		Us = 230 VAC		Us = 24 VDC	
10A	4NO	3RH2440-1AP00	3,425,000	3RH2440-1BB40	3,599,000
	3NO + 1NC	3RH2431-1AP00	3,425,000	3RH2431-1BB40	3,599,000
	2NO + 2NC	3RH2422-1AP00	3,425,000	3RH2422-1BB40	3,599,000

Contactor relay 3TH, 8/10 pole, Screw terminals - Rơ-le khởi động từ rơ-le 3TH, 8/10 cực, kiểu bắt vít

8 pole/ 8 cực		Us = 230/220 V AC		Us = 24 VDC	
10A	8NO	3TH4280-0AP0	1,938,000	3TH4280-0BB4	3,372,000
	7NO + 1NC	3TH4271-0AP0	1,938,000	3TH4271-0BB4	3,372,000
	6NO + 2NC	3TH4262-0AP0	1,938,000	3TH4262-0BB4	3,372,000
	5NO + 3NC	3TH4253-0AP0	1,938,000	3TH4253-0BB4	3,372,000
	4NO + 4NC	3TH4244-0AP0	1,938,000	3TH4244-0BB4	3,475,000
10 pole/ 10 cực		Us = 230/220 V AC		Us = 24 VDC	
10A	10 NO	3TH4310-0AP0	2,946,000	3TH4310-0BB4	4,429,000
	9NO + 1NC	3TH4391-0AP0	2,946,000	3TH4391-0BB4	4,429,000
	8NO+2NC	3TH4382-0AP0	2,946,000	3TH4382-0BB4	4,429,000
	7NO + 3NC	3TH4373-0AP0	2,946,000	3TH4373-0BB4	4,429,000
	6NO + 4NC	3TH4364-0AP0	2,946,000	3TH4364-0BB4	4,429,000
	5NO + 5NC	3TH4355-0AP0	2,946,000	3TH4355-0BB4	4,429,000

Power relay 3TG, 4 pole, Screw terminals - Rơ-le khởi động từ rơ le 3TG, 4 cực, kiểu bắt vít

AC-1, 400V		Contact Tiếp điểm	Rated control voltage Us Điện áp điều khiển Us	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Ie (A)	Pn (kW)				
20	13	3NO+1NC	24 V AC	3TG1001-0AC2	1,057,000
			110 V AC	3TG1001-0AG2	1,057,000
			230 V AC	3TG1001-0AL2	1,057,000
			24 V DC	3TG1001-0BB4	1,229,000
20	13	4NO	24 V AC	3TG1010-0AC2	1,057,000
			110 V AC	3TG1010-0AG2	1,057,000
			230 V AC	3TG1010-0AL2	1,057,000
			24 V DC	3TG1010-0BB4	1,229,000
16	10	3NO+1NC	24 V AC	3TG1001-1AC2	870,000
			110 V AC	3TG1001-1AG2	870,000
			230 V AC	3TG1001-1AL2	870,000
			24 V DC	3TG1001-1BB4	1,057,000
16	10	4NO	24 V AC	3TG1010-1AC2	870,000
			110 V AC	3TG1010-1AG2	870,000
			230 V AC	3TG1010-1AL2	870,000
			24 V DC	3TG1010-1BB4	1,057,000

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us

Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 40°C
Rated voltage (Ue) up to 440 VAC
Rated power kVAR at 400V AC up to 100kVar
Excellent damping of inrush current
Standards IEC 60947

3MT7 capacitor duty contactors

Khởi động từ đóng cắt tụ bù 3MT7

Nhiệt độ hoạt động: 40°C
Điện áp định mức (Ue) tới 440 VAC
Công suất định mức ở 400V AC lên tới 100kVar
Giảm dòng khởi động của tụ
Tiêu chuẩn IEC 60947



2.5-5kVAR



7.2-12.5kVAR



16-25kVAR



33.3-100kVAR

Capacitor Contactor 3MT7, up to 100kVAR, 3-pole, Screw terminals, Us = 220 VAC

Khởi động từ cho tụ bù 3MT7, đến 100kVAR, 3 cực, kiểu bắt vít, Us = 220 VAC

Capacitor Rating Dung lượng tụ (kVAR)	Auxilart switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2.5	1 NO	3MT7000-2JA10-6AN2	1,705,000
	1 NC	3MT7000-2JA01-6AN2	1,705,000
5	1 NO	3MT7000-5JA10-6AN2	1,705,000
	1 NC	3MT7000-5JA01-6AN2	1,705,000
7.5	1NO+1NC	3MT7000-7JA11-6AN2	2,690,000
	2NC	3MT7000-7JA02-6AN2	2,690,000
10	1NO+1NC	3MT7001-0JA11-6AN2	2,690,000
	2NC	3MT7001-0JA02-6AN2	2,690,000
12.5	1 NO + 1 NC	3MT7001-2JA11-6AN2	2,690,000
	2NC	3MT7001-2JA02-6AN2	2,690,000
16.7	1 NO + 1 NC	3MT7001-6JA11-6AN2	3,042,000
	2NC	3MT7001-6JA02-6AN2	3,042,000
20	1 NO + 1 NC	3MT7002-0JA11-6AN2	3,344,000
	2NC	3MT7002-0JA02-6AN2	3,344,000
25	1 NO + 1 NC	3MT7002-5JA11-6AN2	4,095,000
	2NC	3MT7002-5JA02-6AN2	4,095,000
33.3	1 NO + 2 NC	3MT7003-3JA12-6AN2	5,421,000
40	1 NO + 2 NC	3MT7004-0JA12-6AN2	6,985,000
50	1 NO + 2 NC	3MT7005-0JA12-6AN2	8,671,000
60	1 NO + 2 NC	3MT7006-0JA12-6AN2	9,936,000
75	1 NO + 2 NC	3MT7007-5JA12-6AN2	11,622,000
80	1 NO + 2 NC	3MT7008-0JA12-6AM0	12,736,000
100	1 NO + 2 NC	3MT7010-0JA12-6AM0	17,133,000

Accessories for 3MT7 capacitor duty contactors, Screw terminals

Phụ kiện cho khởi động từ đóng cắt tụ bù 3MT7, kiểu bắt vít

For Capacitor Rating Cho dung lượng tụ (kVAR)	For contactor Cho khởi động từ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Spare coil - Cuộn hút dự phòng			
2.5kvar to 16.7kvar	3MT70002 to 3MT70016	3MT7200-0L__9-M1A	(*)
20kvar to 25kvar	3MT70020 to 3MT70025	3MT7400-0L__9-M1A	(*)
33.3kvar to 75kvar	3MT70033 to 3MT70075	3MT7600-0L__9-M1A	(*)
80kvar to 100kvar	3MT70080 to 3MT70100	3MT7800-0L__9-M1A	(*)
Auxiliary add on block (lateral) - Tiếp điểm phụ gắn hông			
80kvar to 100kvar	1NO+1NC	3MT7011-0CL09-M1A	(*)
	2NO	3MT7020-0CL09-M1A	(*)

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm

Load Feeders and Motor Starters Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 1000 VAC
Rated current at AC-1, 1000VAC: 2650A
Standards IEC/EN 60947-1

3RT14 large contactors 3-pole Khởi động từ loại lớn 3RT14 loại 3 cực

Nhiệt độ hoạt động: 55°C (3RT)
Điện áp định mức (Ue) tới 1000 VAC
Dòng điện định mức tải AC-1, 2650A tại 1000V AC
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1



3RT1481-6AF36



3RT1486-6AP36



3RH1981-1DA11



3RT1983-4AA1

Contactor 3RT14, up to 2650A, 3-pole, Screw terminals - Khởi động từ 3RT14, 3 cực, đến 2650A, bắt vít

Rating (A) Dòng điện	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
		Us = 100...127 VAC or 100...110 VDC		Us = 200...240 VAC or 200...220 VDC	
900	2 NO + 2 NC	3RT1481-6AF36	98,682,000	3RT1481-6AP36	98,682,000
1050	2 NO + 2 NC	3RT1482-6AF36	119,534,000	3RT1482-6AP36	119,534,000
		Us = 100...240 VAC or 100...220 VDC			
1260	2 NO + 2 NC	3RT1483-6AP36	167,636,000		
1700	2 NO + 2 NC	3RT1485-6AP36	220,900,000		
2100	2 NO + 2 NC	3RT1486-6AP36	313,801,000		
2650	2 NO + 2 NC	3RT1487-6AP36	441,799,000		

Accessories - Phụ kiện

Description Miêu tả	Size Kích thước	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Lateral mounting on the right and/or the left - Tiếp điểm phụ gắn bên phải/hoặc trái				
First auxiliary switch Tiếp điểm phụ số 1 gắn bên		1 NO + 1 NC	3RH1981-1DA11	386,000
Second auxiliary switch Tiếp điểm phụ số 2 gắn bên		1 NO + 1 NC	3RH1981-1JA11	386,000
Phase barriers - Tấm chia pha				
Phase barriers	3RT1481...3RT1483		3RT1983-4AA1	409,000
Tấm chia pha	3RT1485...3RT1487		3RT1987-4AA1	556,000

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 60°C (3RT) and 40°C (3TF)
 Rated voltage (Ue) up to 690 VAC
 Rated current at AC-1, 400VAC: 525A
 Standards IEC/EN 60947-1

3RT contactors 4-pole

Khởi động từ 3RT loại 4 cực

Nhiệt độ hoạt động: 60°C (3RT)
 Điện áp định mức (Ue) tới 690 VAC
 Dòng điện định mức tải AC-1 525A tại 400V AC
 Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1



3RT2316-1AP00



3RT2336-1AP00



3RT1373-6AP36

Contactor 3RT, up to 525A, 4-pole, Screw terminals - Khởi động từ 3RT, 4 cực, đến 525A, bắt vít

Rating (A) Dòng điện	Auxilart switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Size S00 - Kích thước S00		Us = 230 VAC		Us = 24 VDC	
18		3RT2316-1AP00	864,000	3RT2316-1BB40	990,000
22		3RT2317-1AP00	1,044,000	3RT2317-1BB40	1,181,000
Size S0		Us = 230 VAC		Us = 24 VDC	
35	1 NO + 1 NC	3RT2325-1AP00	1,560,000	3RT2325-1BB40	2,570,000
40	1 NO + 1 NC	3RT2326-1AP00	2,054,000	3RT2326-1BB40	3,066,000
50	1 NO + 1 NC	3RT2327-1AP00	2,839,000	3RT2327-1BB40	4,143,000
Size S2		Us = 230 VAC			
60	1 NO + 1 NC	3RT2336-1AP00	4,244,000		
110	1 NO + 1 NC	3RT2337-1AP00	6,166,000		
Size S2		Us = 230 VAC			
110	1 NO + 1 NC	3RT2344-1AP00	7,088,000		
140	1 NO + 1 NC	3RT2346-1AP00	9,170,000		
160	1 NO + 1 NC	3RT2348-1AP00	10,777,000		
Size S6		Us = 110...250 VAC/DC		Us = 24...60 VAC/DC	
200	2 NO + 2 NC	3RT1355-6AP36	20,187,000	3RT1355-6AE36	20,187,000
Size S10		Us = 110...250 VAC/DC		Us = 24...60 VAC/DC	
275	2 NO + 2 NC	3RT1363-6AP36	29,762,000	3RT1363-6AE36	29,762,000
350	2 NO + 2 NC	3RT1364-6AP36	44,528,000	3RT1364-6AE36	44,528,000
Size S12		Us = 110...250 VAC/DC		Us = 24...60 VAC/DC	
400	2 NO + 2 NC	3RT1373-6AP36	47,886,000	3RT1373-6AE36	47,886,000
500	2 NO + 2 NC	3RT1374-6AP36	57,509,000	3RT1374-6AE36	57,509,000
525	2 NO + 2 NC	3RT1375-6AP36	63,549,000	3RT1375-6AE36	63,549,000

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us
 Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm

Coupling relays Rơ-le trung gian

SIRIUS 3RF2 solidstate switching devices provide solid-state relays and contactors with a particularly long endurance – for almost unending activity even under the toughest conditions and under high mechanical load, but also in noise-sensitive areas.

Solid-State Switching Devices for Resistive/Inductive Loads Khởi động từ bán dẫn cho tải trở và tải cảm

Khởi động từ bán dẫn 3RF2 sử dụng công nghệ điện tử, mang lại sự bền bỉ nhờ số lần đóng cắt và tần suất đóng cắt cho phép cao. Ngoài ra thiết bị còn phù hợp cho những khu vực nhạy cảm với tiếng ồn



3RF2120-1AA0x

Single-phase solid-state relays, Zero-point switching, rated operational voltage Ue

Khởi động từ bán dẫn 1 pha, đóng cắt tại điểm không, điện áp hoạt động Ue

Type current (A) Dòng định mức	Us (V) Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Ue = 24...230V AC			Ue = 48...460V AC		
20	24V DC	3RF2120-1AA02	1,860,000	3RF2120-1AA04	2,115,000
	110...230V AC	3RF2120-1AA22	2,154,000	3RF2120-1AA24	2,398,000
30	24V DC	3RF2130-1AA02	2,023,000	3RF2130-1AA04	2,314,000
	110...230V AC	3RF2130-1AA22	2,261,000	3RF2130-1AA24	2,539,000
50	24V DC	3RF2150-1AA02	2,174,000	3RF2150-1AA04	2,539,000
	110...230V AC	3RF2150-1AA22	2,418,000	3RF2150-1AA24	2,785,000
70	24V DC	3RF2170-1AA02	2,600,000	3RF2170-1AA04	2,805,000
	110...230V AC	3RF2170-1AA22	2,906,000	3RF2170-1AA24	3,138,000
90	24V DC	3RF2190-1AA02	3,116,000	3RF2190-1AA04	3,201,000
	110...230V AC	3RF2190-1AA22	3,458,000	3RF2190-1AA24	3,540,000



3RF2230-1AB35

Three-phase solid-state relays, Zero-point switching, rated operational voltage Ue 48...600 V AC

Khởi động từ bán dẫn 3 pha, đóng cắt tại điểm không, điện áp hoạt động 48...600V AC

Type current (A) Dòng định mức	Us (V) Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Two-phase controlled - Điều khiển 2 pha			Three-phase controlled - Điều khiển 3 pha		
30	4...30V DC	3RF2230-1AB45	5,702,000	3RF2230-1AC45	7,521,000
	110V DC	3RF2230-1AB35	5,950,000	3RF2230-1AC35	9,380,000
55	4...30V DC	3RF2255-1AB45	6,651,000	3RF2255-1AC45	7,231,000
	110V DC	3RF2255-1AB35	6,942,000	3RF2255-1AC35	9,215,000

Load Feeders and Motor Starters

Thiết bị khởi động động cơ

Operating temperature: 55°C
Rated voltage (Ue) up to 415 VAC
Rated current AC-8a (HVAC), 240/415VAC: up to 40A
Standards IEC 60947

45.J & 42.J DP contactors

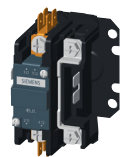
Khởi động từ cho ứng dụng đặc biệt

Nhiệt độ hoạt động: 55°C
Điện áp định mức (Ue) tới 415 VAC
Dòng điện định mức tải AC-8a (HVAC), 240/415VAC: tới 40A
Tiêu chuẩn IEC 60947

1 Pole



Pan screw terminals



Hex screw quad quick connect

2 Poles



Box with lug dual quick connect

3 Poles



Box with lug dual quick connect



Hex screw dual quick connect

Definite Purpose Contactor 45.J & 42.J, 1-3 poles, up to 40A

Khởi động từ cho ứng dụng đặc biệt, 1-3 cực, đến 40A tải AC-8a

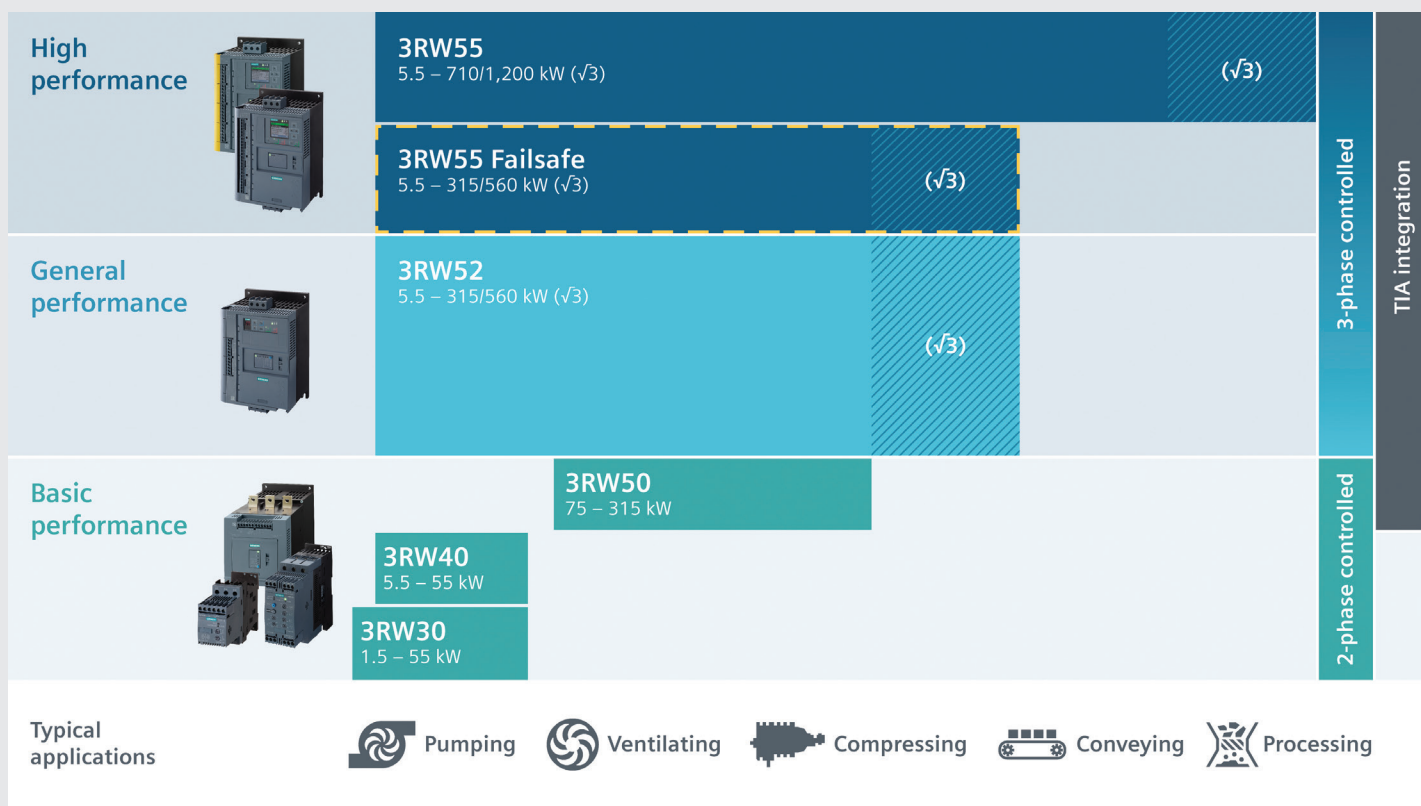
Rated current Dòng điện	Auxiliary switch Tiếp điểm phụ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1 pole with shunt		Pan screw		Hex screw quad quick connect	
25A		45CJ10A_B	(*)	45CJ10A_C	(*)
30A		45DJ10A_B	(*)	45DJ10A_C	(*)
40A		45EJ10A_B	(*)	45EJ10A_C	(*)
1 pole without shunt		Pan screw		Hex screw quad quick connect	
25A		45CJ40A_B	(*)	45CJ40A_C	(*)
30A		45DJ40A_B	(*)	45DJ40A_C	(*)
40A		45EJ40A_B	(*)	45EJ40A_C	(*)
2P		Box with lug dual quick connect			
20A		45BJ20A_D	(*)		
30A		45DJ20A_D	(*)		
40A		45EJ20A_D	(*)		
3P		Box with lug dual quick connect		Hex screw dual quick connect	
20A		42BJ35A_D	(*)	42BJ35A_E	(*)
25A		42CJ35A_D	(*)	42CJ35A_E	(*)
30A		42DJ35A_D	(*)	42DJ35A_E	(*)
40A		42EJ35A_D	(*)	42EJ35A_E	(*)
3P with inbuilt 1NO+1NC aux contact		Box with lug dual quick connect		Hex screw dual quick connect	
20A	1NO+1NC	42BJ36A_D	(*)	42BJ36A_E	(*)
25A	1NO+1NC	42CJ36A_D	(*)	42CJ36A_E	(*)
30A	1NO+1NC	42DJ36A_D	(*)	42DJ36A_E	(*)
40A	1NO+1NC	42EJ36A_D	(*)	42EJ36A_E	(*)

Spare parts - Dự phòng

Spare coil Cuộn hút dự phòng	1 Pole contactor	75J19A_	(*)	
	2 Pole contactor	75J29A_	(*)	
	3 Pole contactor	75J39A_	(*)	

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Coil code	J	F	G	L	H	E
Voltage	24V AC, 50/60 Hz	120V AC, 60 Hz	240V AC, 50/60 Hz	277V AC, 60 Hz	480V AC, 60 Hz	145-180V AC, 50 Hz (available only for 1P & 2P versions)



SIRIUS 3RW soft starters

As versatile as your application

SIRIUS soft starters are the best solution when direct-on-line or star/delta starting are not suitable for three-phase motors, because mechanical impacts in the machine or voltage dips in the power supply system can often cause problems. A full and comprehensive range of soft starters with intelligent functions offers a softer alternative for almost every application.

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

SIRIUS 3RW Soft starter Overview

Tổng quan về khởi động mềm SIRIUS 3RW



		Basic Performance			General Performance	High Performance
		3RW30	3RW40	3RW50	3RW52	3RW55
Operational current at 40 °C	A	3 ... 106	12.5 ... 106	143 ... 570	13 ... 987	13 ... 2 217
Operational voltage	V		200 ... 600	200 ... 600	200 ... 600	200 ... 690
Operating power for three-phase motors At 400 V At 50 °C	kW	1.5 ... 55	5.5 ... 250	75 ... 315	5.5 ... 315	5.5 ... 710
- Inline circuit						
- Inside-delta circuit	kW	--	--	--	11 ... 560	11 ... 1 200
At 460/480 V At 50 °C	hp	1.5 ... 75	7.5 ... 75	100 ... 400	7.5 ... 400	7.5 ... 1 000
- Inline circuit						
- Inside-delta circuit	hp	--	--	--	10 ... 750	10 ... 1 700
Ambient temperature	°C	-25 ... +60	-25 ... +60	-25 ... +60	-25 ... +60	-25 ... +60
Soft starting/ramp-down		☐	☐	☐	☐	☐
Voltage ramp		☐	☐	☐	☐	☐
Starting voltage	%	40 ... 100	40 ... 100	30 ... 100	30 ... 100	20 ... 100
Ramp-up and ramp-down time	s	0 ... 20	0 ... 20	0 ... 20	0 ... 20	0 ... 360
Pump stop (Torque control)		--	--	--	--	☐
-Starting	%	--	--	--	--	10 ... 100
-Torque limit	%	--	--	--	--	20 ... 200
Soft Torque (torque limit)		--	--	☐	☐	--
Integral bypass contact system		☐	☐	☐	☐	☐
Intrinsic device protection		--	☐	☐	☐	☐
Motor overload protection		--	☐	☐	☐	☐
Thermistor motor protection		--	☐	☐	☐	☐
Analog output		--	--	☐	☐	☐
Integrated remote RESET		--	☐	☐	☐	☐
Adjustable current limiting		--	☐	☐	☐	☐
Inside-delta circuit		--	--	--	☐	☐
Breakaway pulse		--	--	--	--	☐
Automatic parameterization		--	--	--	--	☐
Pump cleaning		--	--	--	--	☐
Condition monitoring		--	--	--	--	☐
User account administration		--	--	--	--	☐
Creep speed in both directions of rotation		--	--	--	--	☐
Reversing duty		--	--	--	--	☐
Reversing DC braking		--	--	--	--	☐
DC braking		--	--	--	--	☐
Dynamic DC braking		--	--	--	--	☐
Motor heating		--	--	--	--	☐
Communication function		--	--	☐	☐	☐
HMI module		--	--	☐	☐	☐
Operating measured value display		--	--	☐	☐	☐
Logbook		--	--	☐	☐	☐
Statistical data and slave pointer		--	--	☐	☐	☐
Trace function		--	--	--	--	☐
Programmable control I/Os		--	--	--	--	☐
Number of parameter sets		1	1	1	1	3
Parameterization software		--	--	--	--	☐
Number of controlled phases		2	2	2	3	3
Heavy starting CLASS 30		--	--	--	--	☐

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

SIRIUS 3RW Soft starter Overview

Tổng quan về khởi động mềm SIRIUS 3RW

Application - Ứng dụng		Basic Performance			General Performance	High Performance
		3RW30	3RW40	3RW50	3RW52	3RW55
Normal starting (CLASS 10)						
Pumps	Bơm	☐	☐	☐	☐	☐
Pumps with special pump ramp-down,(to prevent water hammer)	Bơm có dừng bơm chống búa nước			X	X	☐
Heat pumps	Bơm nhiệt	☐	☐	☐	☐	☐
Hydraulic pumps	Bơm ly tâm	X	☐	☐	☐	☐
Presses	Máy ép	X	☐	☐	☐	☐
Conveyor belts	Băng tải	X	☐	☐	☐	☐
Roller conveyors	Băng tải con lăn	X	☐	☐	☐	☐
Screw conveyors	Băng tải trục vít	X	☐	☐	☐	☐
Escalators	Thang cuốn		☐	☐	☐	☐
Piston compressors	Máy nén piston		☐	☐	☐	☐
Screw compressors	Máy nén trục vít		☐	☐	☐	☐
Small fans (1)	Quạt tải nhẹ		☐	☐	☐	☐
Centrifugal blowers	Máy thổi ly tâm		☐	☐	☐	☐
Bow thrusters	Chân vịt tàu		☐	☐	☐	☐
Heavy starting (CLASS 20)						
Stirrers	Máy khuấy		X	X	X	☐
Extruders	Máy đùn		X	X	X	☐
Lathes	Máy tiện		X	X	X	☐
Milling machines	Máy phay		X	X	X	☐
Very heavy starting (CLASS 30)						
Large fans (2)	Quạt tải nặng					☐
Circular saws/bandsaws	Máy cưa đĩa / máy cưa vòng					☐
Centrifuges	Máy li tâm					☐
Mills	Cối xay					☐
Crushers	Máy nghiền					☐

☐ Recommended soft starter - Khởi động mềm được khuyến nghị sử dụng

☒ Possible soft starter - Khởi động mềm có thể sử dụng được

1) The mass inertia of the fan is <10 times the mass inertia of the motor.

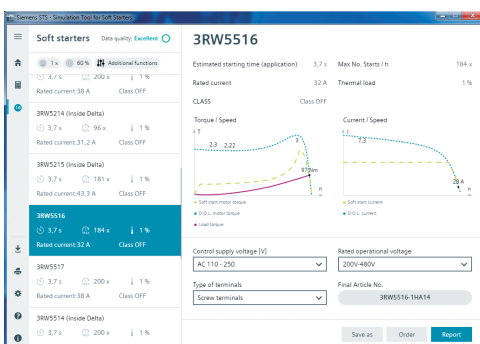
2) The mass inertia of the fan is ≥ 10 times the mass inertia of the motor.

Constraints - Tiêu chuẩn lựa chọn

The selection and ordering data were determined for the following constraints (stand-alone installation without auxiliary fan)

Mã hàng khởi động mềm trong bảng giá này được lựa chọn dựa trên các điều kiện giả định bên dưới

	3RW30	3RW40	3RW50	3RW52	3RW55
Normal starting (CLASS 10)					
Maximum starting time	3	10	10	10	20
Maximum starting current in % of motor current	300				
Maximum number of starts per hour	20	5	5	5	5



Simulation Tool for Soft Starters (STS)

- The Simulation Tool for Soft Starters (STS) provides a convenient means of designing soft starters using a simple, quick and easy-to-use interface. Entering the motor and load data will simulate the application and prompt suggestions for suitable soft starters.

- Simulation Tool for Soft Starters (STS) là phần mềm hỗ trợ lựa chọn khởi động mềm dựa trên các thông số motor, thông số tải và ứng dụng.

Download STS: <https://support.industry.siemens.com/cs/ww/en/view/101494917>

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

- Standard IEC 60947-4
- 2 phases controlled
- Rated voltage (Ue) up to 480V
- Rated power from 1.1 to 55 kW (400 VAC)
- Bypass integration
- Soft starting from 0...20s
- Country of origin: EU

Basic Performance soft starters 3RW30

Khởi động mềm cơ bản 3RW30

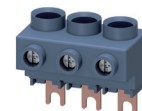
- Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Loại điều khiển 2 pha
- Điện áp định mức (Ue) lên đến 480V
- Công suất định mức từ 1.1 đến 55kW (400VAC)
- Tích hợp sẵn bypass
- Khởi động mềm 0...20s
- Xuất xứ Châu Âu



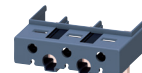
3RW3013-1BB14



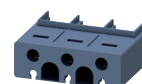
3RW3037-1BB14



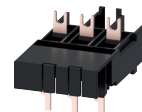
3RV2925-5AB



3RT2946-4F



3RT2936-4EA2



3RA2921-1BA00

3RW30 soft starter, Ue = 200...480V, class 10, starting time 0...20s

Size	Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Điện áp điều khiển			Us = 110 ... 230 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
S00	3.6	1.5	3RW3013-1BB14	5,050,000	3RW3013-1BB04	5,050,000
	6.5	3	3RW3014-1BB14	5,697,000	3RW3014-1BB04	5,697,000
	9	4	3RW3016-1BB14	6,313,000	3RW3016-1BB04	6,313,000
	12.5	5.5	3RW3017-1BB14	7,076,000	3RW3017-1BB04	7,076,000
	17.6	7.5	3RW3018-1BB14	8,133,000	3RW3018-1BB04	8,133,000
S0	25	11	3RW3026-1BB14	9,543,000	3RW3026-1BB04	9,543,000
	32	15	3RW3027-1BB14	10,981,000	3RW3027-1BB04	10,981,000
	38	18.5	3RW3028-1BB14	13,653,000	3RW3028-1BB04	13,653,000
S2	45	22	3RW3036-1BB14	16,796,000	3RW3036-1BB04	16,796,000
	63	30	3RW3037-1BB14	20,495,000	3RW3037-1BB04	20,495,000
	72	37	3RW3038-1BB14	24,166,000	3RW3038-1BB04	24,166,000
S3	80	45	3RW3046-1BB14	27,836,000	3RW3046-1BB04	27,836,000
	106	55	3RW3047-1BB14	31,125,000	3RW3047-1BB04	31,125,000

3RW30 accessories - Phụ kiện cho 3RW30

Type Loại	Used for 3RW30 size Dùng cho 3RW30 size		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Three-phase infeed terminals Đầu nối cáp ngõ vào	S00, S0		3RV2925-5AB	246,000
Auxiliary terminals Đầu cực thay thế	S3		3RT2946-4F	177,000
Terminal covers for box terminals Bộ che đầu cực	S2		3RT2936-4EA2	101,000
	S3		3RT2946-4EA2	112,000
Terminal covers for cable lugs or busbar Bộ che đầu cực cho đầu nối kiểu đầu cáp	S3		3RT1946-4EA1	266,000
Link modules to motor starter protectors ⁽¹⁾	3RW30 size	MSP size		
	S00	S00	3RA2921-1BA00	207,000
	S0	S00/S0	3RA2921-1BA00	207,000
Phụ kiện nối giữa MSP và khởi động mềm	S2	S2	3RA2931-1AA00	483,000
	S3	S3	3RA1941-1AA00	527,000

Note: 1) Can be used in size S0 up to maximum 32 A.

Can be used in size S2 up to maximum 65 A in combination with 3RA2932-1CA00 DIN-rail adapter (specially for soft starters).

Can be used in size S3 up to maximum 64 A and only on a mounting plate.

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

- Standard IEC 60947-4
- 2 phases controlled
- Rated voltage (Ue) up to 480V
- Rated power from 1.1 to 55 kW (400 VAC)
- Bypass integration
- Soft starting, soft stopping and overload protection
- Country of origin: EU

Basic Performance soft starters 3RW40

Khởi động mềm cơ bản 3RW40

- Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Loại điều khiển 2 pha
- Điện áp định mức (Ue) lên đến 480V
- Công suất định mức từ 1.1 đến 55kW (400VAC)
- Tích hợp sẵn bypass
- Khởi động mềm, dừng mềm và bảo vệ quá tải
- Xuất xứ Châu Âu



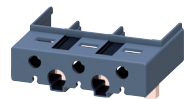
3RW4024-1BB14



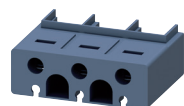
3RW4024-1TB04



3RV2925-5AB



3RT2946-4F



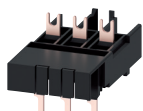
3RT2936-4EA2



3RT1946-4EA1



3RW4928-8VB00



3RA2921-1BA00

3RW40 soft starter, Ue = 200...480V, class 10

Size	Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Điện áp điều khiển			Us = 110 ... 250 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
S0	12.5	5.5	3RW4024-1BB14	10,541,000	3RW4024-1BB04	10,541,000
	25	11	3RW4026-1BB14	12,392,000	3RW4026-1BB04	12,392,000
	32	15	3RW4027-1BB14	14,770,000	3RW4027-1BB04	14,770,000
	38	18.5	3RW4028-1BB14	17,735,000	3RW4028-1BB04	17,735,000
S2	45	22	3RW4036-1BB14	21,083,000	3RW4036-1BB04	21,083,000
	63	30	3RW4037-1BB14	25,017,000	3RW4037-1BB04	25,017,000
	72	37	3RW4038-1BB14	29,040,000	3RW4038-1BB04	29,040,000
S3	80	45	3RW4046-1BB14	32,593,000	3RW4046-1BB04	32,593,000
	106	55	3RW4047-1BB14	35,823,000	3RW4047-1BB04	35,823,000

3RW40 soft starter, Ue = 200...480V, class 10, with thermistor motor protection - 3RW40 có bảo vệ quá nhiệt động cơ

Size	Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Điện áp điều khiển			Us = 24 V AC/DC	
S0	12.5	5.5	3RW4024-1TB04	13,918,000
	25	11	3RW4026-1TB04	15,855,000
	32	15	3RW4027-1TB04	18,293,000
	38	18.5	3RW4028-1TB04	21,200,000
S2	45	22	3RW4036-1TB04	24,166,000
	63	30	3RW4037-1TB04	28,013,000
	72	37	3RW4038-1TB04	32,299,000
S3	80	45	3RW4046-1TB04	35,823,000
	106	55	3RW4047-1TB04	38,759,000

3RW40 accessories - Phụ kiện cho 3RW40

Type Loại	Used for 3RW40 size Dùng cho 3RW40 size	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Three-phase infeed terminals Đầu nối cáp ngõ vào	S0	3RV2925-5AB	246,000
Auxiliary terminals	S3	3RT2946-4F	177,000
Terminal covers for box terminals Bộ che đầu cực cho đầu nối kiểu box	S2	3RT2936-4EA2	101,000
	S3	3RT2946-4EA2	112,000
Terminal covers for cable lugs or busbar Bộ che đầu cực cho đầu nối kiểu đầu cáp	S3	3RT1946-4EA1	266,000
Sealing cover Bộ che đầu cực cho đầu nối kiểu đầu cáp	S0, S2, S3	3RW4900-0PB10	482,000
Fan Quạt tản nhiệt bổ sung	S0	3RW4928-8VB00	1,168,000
	S2, S3	3RW4947-8VB00	2,417,000
Link modules to motor starter protectors	3RW40 size		
	S0	S00/S0	
	S2	S2	
	S3	S3	
Phụ kiện nối giữa MSP và khởi động mềm	MSP size		
	S0	S00/S0	
	S2	S2	
	S3	S3	527,000

Note: 1) Can be used in size S0 up to maximum 32 A.

Can be used in size S2 up to maximum 65 A in combination with 3RA2932-1CA00 DIN-rail adapter (specially for soft starters).

Can be used in size S3 up to maximum 64 A and only on a mounting plate.

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

- Standard IEC 60947-4,
- Rated voltage (Ue) up to 480V - 2 phases controlled
- Rated power from 75 to 315 kW (400 VAC)
- Overload protection integration
- Analog output or Thermistor protection version
- Bypass integration
- HMI and communication module options available
- TIA intergration
- Country of origin: EU

Basic Performance soft starters 3RW50

Khởi động mềm cơ bản 3RW50

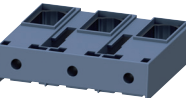
- Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Điện áp định mức (Ue) lên đến 480V - Điều khiển 2 pha
- Công suất định mức từ 75 đến 315 kW (400VAC)
- Tích hợp bảo vệ quá tải
- Phiên bản xuất tín hiệu analog hoặc bảo vệ quá nhiệt động cơ
- Tích hợp sẵn bypass
- Có tùy chọn màn hình điều khiển và module truyền thông
- Có khả năng tích hợp vào nền tảng TIA
- Xuất xứ Châu Âu



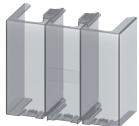
3RW5055-6AB14



3RW5077-6AB14



3RT1955-4G



3RT1956-4EA1



3RW5980-0CS00



3RW5980-0HF00



3RW5980-0HS00

3RW50 soft starter, Analog output, Ue = 200...600V, Class 10E - 3RW50, phiên bản xuất tín hiệu Analog

Size	Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Điện áp điều khiển			Us = 110 ... 230 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
S6	143	75	3RW5055-6AB14	53,557,000	3RW5055-6AB04	53,557,000
	171	90	3RW5056-6AB14	60,108,000	3RW5056-6AB04	60,108,000
S12	210	110	3RW5072-6AB14	66,661,000	3RW5072-6AB04	66,661,000
	250	132	3RW5073-6AB14	73,213,000	3RW5073-6AB04	73,213,000
	315	160	3RW5074-6AB14	80,050,000	3RW5074-6AB04	80,050,000
	370	200	3RW5075-6AB14	86,887,000	3RW5075-6AB04	86,887,000
	470	250	3RW5076-6AB14	93,724,000	3RW5076-6AB04	93,724,000
	570	315	3RW5077-6AB14	100,276,000	3RW5077-6AB04	100,276,000

3RW50 soft starter, Thermistor motor protection, Ue = 200...600V, Class 10E - 3RW50, phiên bản bảo vệ nhiệt động cơ

Điện áp điều khiển			Us = 110 ... 230 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
S6	143	75	3RW5055-6TB14	53,557,000	3RW5055-6TB04	53,557,000
	171	90	3RW5056-6TB14	60,108,000	3RW5056-6TB04	60,108,000
S12	210	110	3RW5072-6TB14	66,661,000	3RW5072-6TB04	66,661,000
	250	132	3RW5073-6TB14	73,213,000	3RW5073-6TB04	73,213,000
	315	160	3RW5074-6TB14	80,050,000	3RW5074-6TB04	80,050,000
	370	200	3RW5075-6TB14	86,887,000	3RW5075-6TB04	86,887,000
	470	250	3RW5076-6TB14	93,724,000	3RW5076-6TB04	93,724,000
	570	315	3RW5077-6TB04	100,276,000	3RW5077-6TB04	100,276,000

3RW50 accessories - Phụ kiện cho 3RW50

Type Loại	Used for 3RW50 Dùng cho 3RW50		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Fan cover - Mặt che quạt	3RW50		3RW5985-0FC00	1,285,000
Box terminal block	3RW505	Up to 70 mm2	3RT1955-4G	848,000
		Up to 120 mm2	3RT1956-4G	1,201,000
Đầu cực kiểu box	3RW507	Up to 240 mm2	3RT1966-4G	3,344,000
Terminal covers for box terminals	3RW505		3RT1956-4EA2	386,000
Bộ che đầu cực cho đầu nối kiểu box	3RW507		3RT1966-4EA2	563,000
Terminal covers for cable lugs or busbar	3RW505		3RT1956-4EA1	471,000
Bộ che đầu cực cho đầu nối kiểu đầu cáp	3RW507		3RT1966-4EA1	692,000
Communication modules Module truyền thông	3RW50	PROFINET	3RW5980-0CS00	9,458,000
		PROFIBUS	3RW5980-0CP00	9,458,000
		EtherNet/IP	3RW5980-0CE00	9,458,000
		Modbus RTU	3RW5980-0CR00	9,458,000
		Modbus TCP	3RW5980-0CT00	9,458,000
COM connection cable - Cáp cho module truyền thông		0.3m	3RW5900-0CC00	926,000
HMI module	3RW50	High Feature	3RW5980-0HF00	9,572,000
Màn hình điều khiển		Standard	3RW5980-0HS00	3,304,000
IP65 door mounting kit for HMI		IP65	3RW5980-0HD00	1,106,000
HMI connection cable		5 m, round	3RW5980-0HC60	1,769,000
		2.5 m, round	3UF7933-0BA00-0	2,990,000
Cáp kết nối màn hình điều khiển		1.0 m, round	3UF7937-0BA00-0	2,706,000
		0.5 m, round	3UF7932-0BA00-0	2,409,000

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

- Standard IEC 60947-4,
- Rated voltage (Ue) up to 480V -3 phases controlled
- Rated power from 75 to 315 kW (400 VAC)
- Overload protection integration
- Analog output or Thermistor protection version
- Bypass integration - Soft torque function
- HMI and communication module options available
- TIA intergration
- Country of origin: EU

General Performance soft starters 3RW52

Khởi động mềm phổ thông 3RW52

- Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Điện áp định mức (Ue) lên đến 480V - Điều khiển 3 pha
- Công suất định mức từ 75 đến 315 kW (400VAC)
- Tích hợp bảo vệ quá tải
- Phiên bản xuất tín hiệu analog hoặc bảo vệ quá nhiệt động cơ
- Tích hợp sẵn bypass - Kiểm soát momen Soft torque
- Có tùy chọn màn hình điều khiển và module truyền thông
- Có khả năng tích hợp vào nền tảng TIA
- Xuất xứ Châu Âu



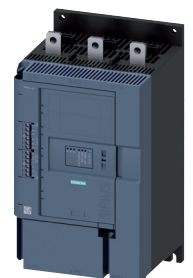
3RW5213-1AC14



3RW5225-1AC14



3RW5235-6AC14



3RW5248-6AC14

3RW52 soft starter, Analog output, Ue = 200...480V, Class 10E - 3RW50 - Phiên bản xuất tín hiệu Analog

Điện áp điều khiển		Us = 110 ... 250 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
13	5.5	3RW5213-1AC14	21,365,000	3RW5213-1AC04	21,365,000
18	7.5	3RW5214-1AC14	23,559,000	3RW5214-1AC04	23,559,000
25	11	3RW5215-1AC14	26,151,000	3RW5215-1AC04	26,151,000
32	15	3RW5216-1AC14	29,058,000	3RW5216-1AC04	29,058,000
38	18.5	3RW5217-1AC14	32,475,000	3RW5217-1AC04	32,475,000
47	22	3RW5224-1AC14	37,034,000	3RW5224-1AC04	37,034,000
63	30	3RW5225-1AC14	41,022,000	3RW5225-1AC04	41,022,000
77	37	3RW5226-1AC14	45,580,000	3RW5226-1AC04	45,580,000
93	45	3RW5227-1AC14	49,568,000	3RW5227-1AC04	49,568,000
113	55	3RW5234-6AC14	56,121,000	3RW5234-6AC04	56,121,000
143	75	3RW5235-6AC14	66,946,000	3RW5235-6AC04	66,946,000
171	90	3RW5236-6AC14	78,056,000	3RW5236-6AC04	78,056,000
210	110	3RW5243-6AC14	90,306,000	3RW5243-6AC04	90,306,000
250	132	3RW5244-6AC14	105,404,000	3RW5244-6AC04	105,404,000
315	160	3RW5245-6AC14	125,630,000	3RW5245-6AC04	125,630,000
370	200	3RW5246-6AC14	146,711,000	3RW5246-6AC04	146,711,000
470	250	3RW5247-6AC14	172,635,000	3RW5247-6AC04	172,635,000
570	315	3RW5248-6AC14	194,000,000	3RW5248-6AC04	194,000,000

3RW52 soft starter, with Thermistor motor protection, Ue = 200...480V, Class 10E - Phiên bản bảo vệ nhiệt động cơ

Điện áp điều khiển		Us = 110 ... 250 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
13	5.5	3RW5213-1TC14	21,365,000	3RW5213-1TC04	21,365,000
18	7.5	3RW5214-1TC14	23,559,000	3RW5214-1TC04	23,559,000
25	11	3RW5215-1TC14	26,151,000	3RW5215-1TC04	26,151,000
32	15	3RW5216-1TC14	29,058,000	3RW5216-1TC04	29,058,000
38	18.5	3RW5217-1TC14	32,475,000	3RW5217-1TC04	32,475,000
47	22	3RW5224-1TC14	37,034,000	3RW5224-1TC04	37,034,000
63	30	3RW5225-1TC14	41,022,000	3RW5225-1TC04	41,022,000
77	37	3RW5226-1TC14	45,580,000	3RW5226-1TC04	45,580,000
93	45	3RW5227-1TC14	49,568,000	3RW5227-1TC04	49,568,000
113	55	3RW5234-6TC14	56,121,000	3RW5234-6TC04	56,121,000
143	75	3RW5235-6TC14	66,946,000	3RW5235-6TC04	66,946,000
171	90	3RW5236-6TC14	78,056,000	3RW5236-6TC04	78,056,000
210	110	3RW5243-6TC14	90,306,000	3RW5243-6TC04	90,306,000
250	132	3RW5244-6TC14	105,404,000	3RW5244-6TC04	105,404,000
315	160	3RW5245-6TC14	125,630,000	3RW5245-6TC04	125,630,000
370	200	3RW5246-6TC14	146,711,000	3RW5246-6TC04	146,711,000
470	250	3RW5247-6TC14	172,635,000	3RW5247-6TC04	172,635,000
570	315	3RW5248-6TC14	194,000,000	3RW5248-6TC04	194,000,000

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

- Standard IEC 60947-4,
- Rated voltage (Ue) up to 480V - 3 phases controlled
- Rated power from 75 to 315 kW (400 VAC)
- Overload protection integration
- Analog output or Thermistor protection version
- Bypass integration - Soft torque function
- HMI and communication module options available
- TIA intergration
- Country of origin: EU

General Performance soft starters 3RW52

Khởi động mềm phổ thông 3RW52

- Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Điện áp định mức (Ue) lên đến 480V - Điều khiển 3 pha
- Công suất định mức từ 75 đến 315 kW (400VAC)
- Tích hợp bảo vệ quá tải
- Phiên bản xuất tín hiệu analog hoặc bảo vệ quá nhiệt động cơ
- Tích hợp sẵn bypass - Kiểm soát momen Soft torque
- Có tùy chọn màn hình điều khiển và module truyền thông
- Có khả năng tích hợp vào nền tảng TIA
- Xuất xứ Châu Âu



3RW5983-0FC00



3RW5983-0TC20



3RW5980-0CS00



3RW5980-0HF00



3RW5980-0HS00

3RW52 accessories - Phụ kiện cho 3RW52

Type Loại	Used for 3RW52 Dùng cho 3RW52		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Fan cover - Mặt che quạt	3RW5216/17 (1x), 3RW5226/27 (2x), 3RW523 (2x)		3RW5983-0FC00	926,000
	3RW524 (1x)		3RW5984-0FC00	1,285,000
Terminal covers Bộ che đầu cực	3RW522 (2x), 3RW523 (2x)		3RW5983-0TC20	552,000
	3RW524 (2x)		3RW5984-0TC20	733,000
Communication modules Module truyền thông	3RW52	PROFINET	3RW5980-0CS00	9,458,000
		PROFIBUS	3RW5980-0CP00	9,458,000
		EtherNet/IP	3RW5980-0CE00	9,458,000
		Modbus RTU	3RW5980-0CR00	9,458,000
		Modbus TCP	3RW5980-0CT00	9,458,000
HMI module Màn hình điều khiển	3RW52	High Feature	3RW5980-0HF00	9,572,000
		Standard	3RW5980-0HS00	3,304,000
IP65 door mounting kit for HMI Bộ phụ kiện gắn cửa tủ cho màn hình điều khiển		IP65	3RW5980-0HD00	1,106,000
HMI connection cable Cáp kết nối màn hình điều khiển		5 m, round	3RW5980-0HC60	1,769,000
		2.5 m, round	3UF7933-0BA00-0	2,990,000
		1.0 m, round	3UF7937-0BA00-0	2,706,000
		0.5 m, round	3UF7932-0BA00-0	2,409,000

SIRIUS 3RW soft starters

Khởi động mềm SIRIUS 3RW

- Standard IEC 60947-4,
- Rated voltage (Ue) up to 690V -3 phases controlled
- Rated power from 75 to 315 kW (400 VAC)
- Autoparameterization, Pump cleaning
- Analog output or Thermistor protection version
- Bypass integration - Soft torque function
- HMI and communication module options available
- TIA intergration
- Country of origin: EU

High performance soft starters 3RW55

Khởi động mềm cao cấp 3RW55

- Tiêu chuẩn IEC 60947-4
- Điện áp định mức (Ue) lên đến 480V - Điều khiển 3 pha
- Công suất định mức từ 5.5 đến 710 kW (400VAC)
- Tự động cài đặt thông số, làm sạch bơm
- Phiên bản xuất tín hiệu analog hoặc bảo vệ quá nhiệt động cơ
- Tích hợp sẵn bypass - Kiểm soát momen Soft torque
- Có tùy chọn màn hình điều khiển và module truyền thông
- Có khả năng tích hợp vào nền tảng TIA
- Xuất xứ Châu Âu



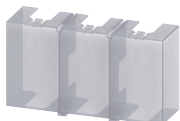
3RW5513-1HA14



3RW5552-6HA14



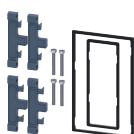
3RW5983-0FC00



3RW5983-0TC20



3RW5980-0CS00



3RW5980-0HD00

3RW55 soft starter, Ue = 200...480V, Class 10E

Điện áp điều khiển		Us = 110 ... 250 V AC/DC		Us = 24 V AC/DC	
Ie(A) Dòng điện	P(kW) Công suất	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
13	5.5	3RW5513-1HA14	32,475,000	3RW5513-1HA04	32,475,000
18	7.5	3RW5514-1HA14	36,464,000	3RW5514-1HA04	36,464,000
25	11	3RW5515-1HA14	39,883,000	3RW5515-1HA04	39,883,000
32	15	3RW5516-1HA14	45,011,000	3RW5516-1HA04	45,011,000
38	18.5	3RW5517-1HA14	49,568,000	3RW5517-1HA04	49,568,000
47	22	3RW5524-1HA14	56,121,000	3RW5524-1HA04	56,121,000
63	30	3RW5525-1HA14	62,957,000	3RW5525-1HA04	62,957,000
77	37	3RW5526-1HA14	69,225,000	3RW5526-1HA04	69,225,000
93	45	3RW5527-1HA14	76,916,000	3RW5527-1HA04	76,916,000
113	55	3RW5534-6HA14	85,747,000	3RW5534-6HA04	85,747,000
143	75	3RW5535-6HA14	102,840,000	3RW5535-6HA04	102,840,000
171	90	3RW5536-6HA14	119,078,000	3RW5536-6HA04	119,078,000
210	110	3RW5543-6HA14	138,734,000	3RW5543-6HA04	138,734,000
250	132	3RW5544-6HA14	162,379,000	3RW5544-6HA04	162,379,000
315	160	3RW5545-6HA14	192,291,000	3RW5545-6HA04	192,291,000
370	200	3RW5546-6HA14	225,622,000	3RW5546-6HA04	225,622,000
470	250	3RW5547-6HA14	264,935,000	3RW5547-6HA04	264,935,000
570	315	3RW5548-6HA14	299,120,000	3RW5548-6HA04	299,120,000
630	355	3RW5552-6HA14	330,455,000	3RW5552-6HA04	330,455,000
720	400	3RW5553-6HA14	367,490,000	3RW5553-6HA04	367,490,000
840	450	3RW5554-6HA14	395,977,000	3RW5554-6HA04	395,977,000
1100	560	3RW5556-6HA14	464,347,000	3RW5556-6HA04	464,347,000
1280	710	3RW5558-6HA14	532,718,000	3RW5558-6HA04	532,718,000

3RW55 accessories - Phụ kiện cho 3RW55

Type Loại	Used for 3RW52 Dùng cho 3RW52	Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Fan cover - Mặt che quạt	3RW551 (1x), 3RW552 (2x), 3RW553 (2x)		3RW5983-0FC00	926,000
	3RW554 (1x)		3RW5984-0FC00	1,285,000
	3RW555 (3x)		3RW5985-0FC00	1,285,000
Terminal covers Bộ che đầu cực	3RW552 (2x), 3RW553 (2x)		3RW5983-0TC20	552,000
	3RW554 (2x)		3RW5984-0TC20	733,000
Communication modules Module truyền thông	3RW55	PROFINET HF with integrated switch	3RW5950-0CH00	10,997,000
		PROFINET Standard	3RW5980-0CS00	9,458,000
		PROFIBUS	3RW5980-0CP00	9,458,000
		EtherNet/IP	3RW5980-0CE00	9,458,000
		Modbus RTU	3RW5980-0CR00	9,458,000
		Modbus TCP	3RW5980-0CT00	9,458,000
IP65 door mounting kit for HMI		IP65	3RW5980-0HD00	1,106,000
HMI connection cable		5 m, round	3RW5980-0HC60	1,769,000
Cáp kết nối màn hình điều khiển		2.5 m, round	3UF7933-0BA00-0	2,990,000
		1.0 m, round	3UF7937-0BA00-0	2,706,000
		0.5 m, round	3UF7932-0BA00-0	2,409,000

Commanding and Signaling Devices

Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo

The 3SB6 series of pushbuttons and indicator lights distinguishes itself with a high degree of functionality as well as a modern industrial design. The modular series provides a high degree of flexibility: Multiple contact blocks can be combined with both plastic and metal actuators.

3SB6 lights, push buttons and switches

Công tắc, nút nhấn, đèn báo dòng 3SB6

Dòng đèn báo nút nhấn 3SB6 được thiết kế với tính năng phong phú và kiểu dáng công nghiệp hiện đại. Thiết kế dạng module linh hoạt: nhiều tiếp điểm có thể kết hợp với các loại công tắc nút nhấn khác nhau. Có tùy chọn thiết kế nhựa hoặc kim loại

3SB6 Indicator lights, LED, compact, Ø 22 mm - Đèn báo 3SB6, LED, dạng compact, Ø 22 mm

Color Màu sắc		24V AC/DC		110V AC/DC		
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	
Đỏ	●	3SB6213-6AA20-1AA0	(*)	3SB6215-6AA20-1AA0	(*)	 3SB6213-6AA20-1AA0
Vàng	●	3SB6213-6AA30-1AA0	(*)	3SB6215-6AA30-1AA0	(*)	
Xanh lục	●	3SB6213-6AA40-1AA0	(*)	3SB6215-6AA40-1AA0	(*)	
Xanh lam	●	3SB6213-6AA50-1AA0	(*)	3SB6215-6AA50-1AA0	(*)	
Trắng	○	3SB6213-6AA60-1AA0	(*)	3SB6215-6AA60-1AA0	(*)	
		220V AC		220V DC		380V AC
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	
Đỏ	●	3SB6216-6AA20-1AA0	(*)	3SB6217-6AA20-1AA0	(*)	3SB6218-6AA20-1AA0 (*)
Vàng	●	3SB6216-6AA30-1AA0	(*)	3SB6217-6AA30-1AA0	(*)	3SB6218-6AA30-1AA0 (*)
Xanh lục	●	3SB6216-6AA40-1AA0	(*)	3SB6217-6AA40-1AA0	(*)	3SB6218-6AA40-1AA0 (*)
Xanh lam	●	3SB6216-6AA50-1AA0	(*)	3SB6217-6AA50-1AA0	(*)	3SB6218-6AA50-1AA0 (*)
Trắng	○	3SB6216-6AA60-1AA0	(*)	3SB6217-6AA60-1AA0	(*)	3SB6218-6AA60-1AA0 (*)

3SB6 Pushbuttons with flat button, momentary, Ø 22 mm - Nút nhấn 3SB6 dạng phẳng, nhấn nhả, Ø 22 mm

Color Màu sắc		Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đen	●	NO	3SB6110-0AB10-1BA0	(*)
Đỏ	●	NC	3SB6110-0AB20-1CA0	(*)
Vàng	●	NO	3SB6110-0AB30-1BA0	(*)
Xanh lục	●	NO	3SB6110-0AB40-1BA0	(*)
Xanh lam	●	NO	3SB6110-0AB50-1BA0	(*)
Trắng	○	NO	3SB6110-0AB60-1BA0	(*)



3SB6110-0AB30-1BA0

Illuminated LED pushbuttons with flat button, momentary, Ø 22 mm - Nút nhấn 3SB6 có đèn LED, dạng phẳng, nhấn nhả, Ø 22 mm

Color Màu sắc	Contacts Tiếp điểm	24V AC/DC		110V AC/DC		220 V AC	
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đỏ	NC	3SB6113-0DB20-1CA0	(*)	3SB6115-0DB20-1CA0	(*)	3SB6116-0DB20-1CA0	(*)
Vàng	NO	3SB6113-0DB30-1BA0	(*)	3SB6115-0DB30-1BA0	(*)	3SB6116-0DB30-1BA0	(*)
Xanh lục	NO	3SB6113-0DB40-1BA0	(*)	3SB6115-0DB40-1BA0	(*)	3SB6116-0DB40-1BA0	(*)
Xanh lam	NO	3SB6113-0DB50-1BA0	(*)	3SB6115-0DB50-1BA0	(*)	3SB6116-0DB50-1BA0	(*)
Trắng	NO	3SB6113-0DB60-1BA0	(*)	3SB6115-0DB60-1BA0	(*)	3SB6116-0DB60-1BA0	(*)

Mushroom pushbuttons Ø 40 mm, momentary - Nút nhấn đầu nấm, đường kính đầu nấm Ø 40 mm, nhấn nhả

Color Màu sắc		Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đen	●	NO	3SB6110-1BC10-1BA0	(*)
Đỏ	●	NC	3SB6110-1BC20-1CA0	(*)
Vàng	●	NO	3SB6110-1BC30-1BA0	(*)
Xanh lục	●	NO	3SB6110-1BC40-1BA0	(*)
Xanh lam	●	NO	3SB6110-1BC50-1BA0	(*)
Trắng	○	NO	3SB6110-1BC60-1BA0	(*)



3SB6110-1BC20-1CA0

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Commanding and Signaling Devices Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo

The 3SB6 series of pushbuttons and indicator lights distinguishes itself with a high degree of functionality as well as a modern industrial design. The modular series provides a high degree of flexibility: Multiple contact blocks can be combined with both plastic and metal actuators.

3SB6 lights, push buttons and switches Công tắc, nút nhấn, đèn báo dòng 3SB6

Dòng đèn báo nút nhấn 3SB6 được thiết kế với tính năng phong phú và kiểu dáng công nghiệp hiện đại. Thiết kế dạng module linh hoạt: nhiều tiếp điểm có thể kết hợp với các loại công tắc nút nhấn khác nhau. Có tùy chọn thiết kế nhựa hoặc kim loại

Pushbuttons with flat button, latching, Ø 22 mm - Nút nhấn giữ (chưa bao gồm tiếp điểm phụ), Ø 22 mm



3SB6010-0AA30-0YA0

Color Màu sắc	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đen	3SB6010-0AA10-0YA0	(*)
Đỏ	3SB6010-0AA20-0YA0	(*)
Vàng	3SB6010-0AA30-0YA0	(*)
Xanh lục	3SB6010-0AA40-0YA0	(*)
Xanh lam	3SB6010-0AA50-0YA0	(*)
Trắng	3SB6010-0AA60-0YA0	(*)

EMERGENCY-STOP pushbuttons, Ø 40 mm - Nút dừng khẩn Ø 40 mm



Action Cách tác động	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Twist to release	Xoay để mở	3SB6110-1HB20-1CA0	(*)
Pull to release	Kéo để mở	3SB6110-1HA20-1CA0	(*)
Key to release	Mở bằng chìa	3SB6110-1HD20-1CA0	(*)

Selector switches Ø 22 mm - Công tắc xoay Ø 22 mm

		Short handle - Tay thao tác ngắn		Long handle - Tay thao tác dài	
Position Số vị trí	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2	NO	3SB6110-2AA10-1BA0	(*)	3SB6110-2BA10-1BA0	(*)
3	2NO	3SB6110-2AL10-1NA0	(*)	3SB6110-2BL10-1NA0	(*)
3	2NO	3SB6110-2AM10-1NA0	(*)	3SB6110-2BM10-1NA0	(*)
3	2NO	3SB6110-2AN10-1NA0	(*)	3SB6110-2BN10-1NA0	(*)
3	2NO	3SB6110-2AP10-1NA0	(*)	3SB6110-2BP10-1NA0	(*)

Key-operated switches Ø 22 mm - Công tắc xoay có khóa Ø 22 mm



3SB6110-4AA01-1BA0

Position Số vị trí	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2	NO	3SB6110-4AA01-1BA0	(*)
2	NO	3SB6110-4AA11-1BA0	(*)
2	NO	3SB6110-4AA21-1BA0	(*)
3	2NO	3SB6110-4AL01-1NA0	(*)
3	2NO	3SB6110-4AL11-1NA0	(*)
3	2NO	3SB6110-4AM01-1NA0	(*)

Auxiliary contacts for 3SB6 - Tiếp điểm phụ cho công tắc, nút nhấn 3SB6



Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
NO	3SB6400-1AA10-1BA0	(*)
NC	3SB6400-1AA10-1CA0	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Commanding and Signaling Devices

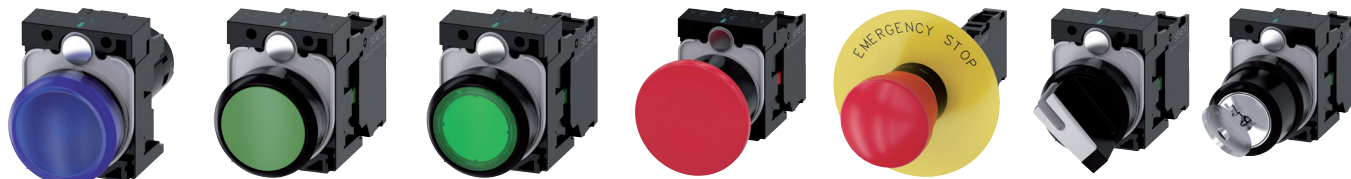
Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo

Degree of protection IP66, IP67, IP69 (IP69K)
Service life of 100 000 hours thanks to use of LEDs
Mechanical endurance of 10 x 10⁶ operating cycles
Standards IEC/EN 60947-1, IEC/EN 60947-5-1, IEC/EN 60947-5-5

3SU1 lights, push buttons and switches

Công tắc, nút nhấn, đèn báo dòng 3SU1

Cấp độ bảo vệ IP66, IP67, IP69 (IP69K)
Độ bền 100 000 giờ nhờ vào sử dụng đèn LED
Độ bền cơ học 10 triệu lần đóng cắt
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1, IEC/EN 60947-5-1, IEC/EN 60947-5-5



3SU1201-6AB50-1AA0

3SU1100-0AB40-1BA0

3SU1102-0AB40-1BA0

3SU1100-1BA20-1CA0

3SU1100-1HA20-1FG0

3SU1100-2BF60-1BA0

3SU1100-4BF11-1BA0

3SU1 Indicator lights, LED, compact, Ø 22 mm - Đèn báo 3SU1, LED, dạng compact, Ø 22 mm

Color Màu sắc	24V AC/DC		110V AC		230V AC	
	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Cam			3SU1103-6AA00-1AA0	(*)	3SU1106-6AA00-1AA0	(*)
Đỏ	3SU1102-6AA20-1AA0	(*)	3SU1103-6AA20-1AA0	(*)	3SU1106-6AA20-1AA0	(*)
Vàng	3SU1102-6AA30-1AA0	(*)	3SU1103-6AA30-1AA0	(*)	3SU1106-6AA30-1AA0	(*)
Xanh lục	3SU1102-6AA40-1AA0	(*)	3SU1103-6AA40-1AA0	(*)	3SU1106-6AA40-1AA0	(*)
Xanh lam	3SU1102-6AA50-1AA0	(*)	3SU1103-6AA50-1AA0	(*)	3SU1106-6AA50-1AA0	(*)
Trắng	3SU1102-6AA60-1AA0	(*)	3SU1103-6AA60-1AA0	(*)	3SU1106-6AA60-1AA0	(*)
Trong suốt	3SU1102-6AA70-1AA0	(*)	3SU1103-6AA70-1AA0	(*)	3SU1106-6AA70-1AA0	(*)

3SU1 Pushbuttons with flat button, momentary, Ø 22 mm - Nút nhấn 3SU1, dạng phẳng, nhấn nhả, Ø 22 mm



3SU1100-0AB40-1BA0

Color Màu sắc	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đen	NO	3SU1100-0AB10-1BA0	(*)
Đỏ	NC	3SU1100-0AB20-1CA0	(*)
Vàng	NO	3SU1100-0AB30-1BA0	(*)
Xanh lục	NO	3SU1100-0AB40-1BA0	(*)
Xanh lam	NO	3SU1100-0AB50-1BA0	(*)
Trắng	NO	3SU1100-0AB60-1BA0	(*)

Illuminated LED pushbuttons with flat button, momentary, Ø 22 mm - Nút nhấn 3SU1 có đèn LED, dạng phẳng, nhấn nhả, Ø 22 mm

Color Màu sắc	Contacts Tiếp điểm	24V AC/DC		110V AC		230 V AC	
		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đỏ	NC	3SU1102-0AB20-1CA0	(*)	3SU1103-0AB20-1CA0	(*)	3SU1106-0AB20-1CA0	(*)
Vàng	NO	3SU1102-0AB30-1BA0	(*)	3SU1103-0AB30-1BA0	(*)	3SU1106-0AB30-1BA0	(*)
Xanh lục	NO	3SU1102-0AB40-1BA0	(*)	3SU1103-0AB40-1BA0	(*)	3SU1106-0AB40-1BA0	(*)
Xanh lam	NO	3SU1102-0AB50-1BA0	(*)	3SU1103-0AB50-1BA0	(*)	3SU1106-0AB50-1BA0	(*)
Trắng	NO	3SU1102-0AB60-1BA0	(*)	3SU1103-0AB60-1BA0	(*)	3SU1106-0AB60-1BA0	(*)

Mushroom pushbuttons Ø 40 mm, pull to unlatch - Nút nhấn đầu nấm, đường kính đầu nấm Ø 40 mm, kéo để nhả



Color Màu sắc	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Đỏ	NC	3SU1100-1BA20-1CA0	(*)
	NO + NC	3SU1100-1BA20-1FA0	(*)

EMERGENCY STOP mushroom pushbuttons, Ø 40 mm - Nút dừng khẩn cấp Ø 40 mm



3SU1100-1HA20-1FG0

Action Cách tác động	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Pull to unlatch	1NO+1NC	3SU1100-1HA20-1FG0	(*)
Rotate to unlatch	1NC	3SU1100-1HB20-1CG0	(*)
	2NC	3SU1100-1HB20-1PG0	(*)
	1NO+1NC	3SU1100-1HB20-1FG0	(*)

Commanding and Signaling Devices Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo

Degree of protection IP66, IP67, IP69 (IP69K)
Service life of 100 000 hours thanks to use of LEDs
Mechanical endurance of 10×10^6 operating cycles
Standards IEC/EN 60947-1, IEC/EN 60947-5-1, IEC/EN 60947-5-5

3SU1 lights, push buttons and switches Công tắc, nút nhấn, đèn báo dòng 3SU1

Cấp độ bảo vệ IP66, IP67, IP69 (IP69K)
Độ bền 100 000 giờ nhờ vào sử dụng đèn LED
Độ bền cơ học 10 triệu lần đóng cắt
Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-1, IEC/EN 60947-5-1, IEC/EN 60947-5-5

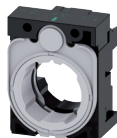
Selector switches Ø 22 mm - Công tắc xoay Ø 22 mm

 3SU1100-2BF60-1BA0	Position Số vị trí		Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	2		Latching, 90°	NO	3SU1100-2BF60-1BA0 (*)
				1NO+1NC	3SU1100-2BF60-1MA0 (*)
	3		Momentary contact reset from left + right	2NO	3SU1100-2BM60-1NA0 (*)
				2NO+2NC	3SU1100-2BM60-1LA0 (*)
			Latching, 2x45°	2NO	3SU1100-2BL60-1NA0 (*)
				2NO+2NC	3SU1100-2BL60-1LA0 (*)

Key-operated switches Ø 22 mm - Công tắc xoay có khóa Ø 22 mm

 3SU1100-4BF11-1BA0	Position Số vị trí		Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	2		With RONIS lock,	NO	3SU1100-4BF11-1BA0 (*)
				1NO+1NC	3SU1100-4BF11-1FA0 (*)
	3		With RONIS lock,	2NO	3SU1100-4BL11-1NA0 (*)

Accessories for 3SU1 - Tiếp điểm phụ cho công tắc, nút nhấn 3SU1

Contact - Tiếp điểm				
	Position Số vị trí		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
	NO		3SU1400-1AA10-1BA0	(*)
	NC		3SU1400-1AA10-1CA0	(*)
	2NO		3SU1400-1AA10-1DA0	(*)
	2NC		3SU1400-1AA10-1EA0	(*)
Holder - Đế				
 3SU1500-0AA10-0AA0	3x without module Đế 3 vị trí		3SU1500-0AA10-0AA0	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Commanding and Signaling Devices

Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo

Enclosed SIRIUS ACT pushbuttons and indicator lights are used as hand-operated control devices for separately allocated control units and cabinets. The devices are suitable for use in any climate and all have IP66, IP67, IP69 (IP69K) degree of protection, including those with cable glands. Standards IEC/EN 60947-5-1

Pushbuttons and indicator lights in the enclosure

Nút nhấn, đèn báo dòng 3SU1 gắn hộp

Nút nhấn, đèn báo gắn hộp 3SU1 được sử dụng như bộ điều khiển bằng tay được đặt ở ngoài tủ điều khiển. Thiết bị phù hợp để sử dụng ở mọi điều kiện khí hậu và có IP66, IP67, IP69 và IP69K, bao gồm trường hợp có sử dụng ốc siết cáp. Tiêu chuẩn IEC/EN 60947-5-1



3SU1801-0NA00-2AA2



3SU1801-0NN00-2AA2



3SU1801-0NA00-2AC2



3SU1801-0AB00-2AB1



3SU1801-0AC00-2AB1



3SU1802-0AB00-2AB1



3SU1803-0AB00-2AB1

Enclosures with EMERGENCY STOP - Hộp nút dừng khẩn cấp

Version Loại	Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Rotate to unlatch - Xoay để mở	1NC	3SU1801-0NA00-2AA2	(*)
	2NC	3SU1801-0NB00-2AA2	(*)
	1NO+1NC	3SU1801-0NP00-2AA2	(*)
Key-operated release - mở với chìa khóa	1NO+1NC	3SU1801-0NN00-2AA2	(*)
Rotate to unlatch - Xoay để mở Hộp có tấm chắn bảo vệ	1NC	3SU1801-0NA00-2AC2	(*)
	2NC	3SU1801-0NB00-2AC2	(*)

Enclosures with one STAR/STOP function - Hộp điều khiển 1 nút nhấn chạy hoặc dừng

Version Loại	Contacts Tiếp điểm	Marking Dấu nhấn	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Green button - I Nút nhấn RUN - I	1NO	I	3SU1801-0AB00-2AB1	(*)
Red button - O Nút nhấn STOP - O	1NC	O	3SU1801-0AC00-2AB1	(*)

Enclosures with STAR and STOP function - Hộp điều khiển 2 nút nhấn chạy và dừng

Version Loại	Contacts Tiếp điểm	Marking Dấu nhấn	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Red / green button	1NO + 1NC	O - I	3SU1802-0AB00-2AB1	(*)

Enclosures with STAR/ STOP function and indicator light - Hộp điều khiển 2 nút nhấn chạy/dừng và một đèn báo

Version Loại	Contacts Tiếp điểm	Marking Dấu nhấn	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Red / green button White indicator light	1NO + 1NC	O - I	3SU1803-0AB00-2AB1	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Commanding and Signaling Devices

Thiết bị công tắc, nút nhấn, đèn báo

8WD42 signaling columns

Đèn tầng báo hiệu 8WD42

8WD42 signaling columns

- Thermoplast enclosure, diameter 50 mm
- Degree of protection IP54
- Up to four elements can be mounted between the connection element and the cover

Đèn tầng báo hiệu 8WD42

- Thiết kế nhựa chịu nhiệt, đường kính 50mm
- Cấp độ bảo vệ IP54
- Có thể lắp tối đa 4 tầng đèn



8WD4250-5AB



8WD4250-5AB



8WD4250-5AC



8WD4250-5AC



8WD4250-5AE



8WD4208-0AA



8WD4308-0DB



8WD4408-0DF



8WD4208-0EF



8WD4308-0DD

Acoustic elements - Còi báo hiệu

Type Loại	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Buzzer elements, 85 dB, tone frequency approx 2 300 Hz,	24 AC/DC 115 AC/DC 230 AC	8WD4220-0FA 8WD4240-0FA 8WD4250-0FA	(*) (*) (*)

Light elements with integrated LED - Đèn tầng với LED

Color Màu sắc	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Continuous light elements - Đèn sáng liên tục		230V AC	24V AC/DC	
Red Đỏ	8WD4250-5AB	(*)	8WD4220-5AB	(*)
Green Xanh lục	8WD4250-5AC	(*)	8WD4220-5AC	(*)
Yellow Vàng	8WD4250-5AD	(*)	8WD4220-5AD	(*)
Clear Trong suốt	8WD4250-5AE	(*)	8WD4220-5AE	(*)
Blue Xanh lam	8WD4250-5AF	(*)	8WD4220-5AF	(*)
Blinklight elements - Đèn nhấp nháy		230V AC	24V AC/DC	
Red Đỏ	8WD4250-5BB	(*)	8WD4220-5BB	(*)
Green Xanh lục	8WD4250-5BC	(*)	8WD4220-5BC	(*)
Yellow Vàng	8WD4250-5BD	(*)	8WD4220-5BD	(*)
Clear Trong suốt	8WD4250-5BE	(*)	8WD4220-5BE	(*)
Blue Xanh lam	8WD4250-5BF	(*)	8WD4220-5BF	(*)

Connection elements - Để kết nối và nắp đèn

For mounting on pipes, floors and brackets
Essential part for assembling the signaling columns
Nắp và đế đèn để gắn lên chân đèn. Phụ kiện bắt buộc để lắp bộ đèn tín hiệu.

Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
8WD4208-0AA	(*)

Mounting - Phụ kiện để gắn đèn

Component Thành phần	Version Loại	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Feet, single Chân đèn	Plastic, for mounting on pipes Chân gắn lên ống	8WD4308-0DB	(*)
	Chân gắn lên ống > 400mm	8WD4308-0DC	(*)
	Metal, for pipe lengths > 400 mm Chân gắn trực tiếp	8WD4208-0DE	(*)
	Plastic, for floor mounting		
Adjustable-angle feet Chân đèn điều chỉnh góc xoay	Plastic, for mounting on pipes Chân gắn lên ống	8WD4408-0DF	(*)
Pipes, single Ống nối dài	Length 100 mm Chân gắn lên ống	8WD4308-0EE	(*)
	Length 150 mm	8WD4308-0EA	(*)
	Length 250 mm	8WD4308-0EB	(*)
	Length 400 mm	8WD4308-0ED	(*)
	Length 1 000 mm	8WD4308-0DD	(*)
Sockets for feet Đế cắm cho chân đèn	Side cable outlet Side cable outlet, with magnetic fixing	8WD4308-0DE	(*)
		8WD4408-0CC	(*)
Brackets for mounting with foot		8WD4208-0CD	(*)
Brackets for wall mounting		8WD4208-0EH	(*)
Adapters for single-hole mounting		8WD4208-0EH	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Coupling relays Rơ-le trung gian

7PQ0 coupling relays from 2 to 4 CO
Ith from 6 to 10A
LED and Mechanical indicators
Standard IEC 61810-1 and IEC 60947-5-1

7PQ0 coupling relays Rơ-le trung gian 7PQ0

Rơ-le trung gian 7PQ0 từ 2 đến 4 CO
Dòng Ith từ 6A đến 10A
Có đèn và cờ chỉ thị
Tiêu chuẩn IEC 61810-1 và IEC 60947-5-1



2CO, 6A



2CO, 10A



3CO, 10A



4CO, 6A



7RQ0201-1BX00



7RQ0211-1BX00



7RQ0201-1CX00



7RQ0201-1DX00

7PQ0 coupling relays Rơ-le trung gian 7PQ0

NEW

Contacts Tiếp điểm	Ith (A) Dòng định mức	Coil voltage Điện áp cuộn dây	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2CO	6 A	24V DC	7RQ0100-0BC00	(*)
		48V DC	7RQ0100-0BD00	(*)
		110V DC	7RQ0100-0BE00	(*)
		230V AC	7RQ0100-0BR10	(*)
2CO	10 A	24V DC	7RQ0110-0BC00	(*)
		48V DC	7RQ0110-0BD00	(*)
		110V DC	7RQ0110-0BE00	(*)
		230V AC	7RQ0110-0BR00	(*)
3CO	10 A	24V DC	7RQ0100-0CC00	(*)
		48V DC	7RQ0100-0CD00	(*)
		110V DC	7RQ0100-0CE00	(*)
		230V AC	7RQ0100-0CR00	(*)
4CO	6 A	24V DC	7RQ0100-0DC00	(*)
		24V AC	7RQ0100-0DD00	(*)
		115V DC	7RQ0100-0DE00	(*)
		230V AC	7RQ0100-0DR00	(*)

Socket for 7PQ0 coupling relays - Để cho rơ-le 7PQ0

NEW

Contacts Tiếp điểm	Ith (A) Dòng định mức	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Din rail mounting - Loại gắn lên thanh ray			
2CO	6 A	7RQ0201-1BX00	(*)
2CO	10 A	7RQ0211-1BX00	(*)
3CO	10 A	7RQ0201-1CX00	(*)
4CO	7 A	7RQ0201-1DX00	(*)

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Note: For other control voltage of contactor coils (Us), please contact us

Ghi chú: Với những cấp điện áp điều khiển khác (Us), vui lòng liên hệ Siemens để được tư vấn thêm

Coupling relays Rơ-le trung gian

LZS coupling relays from 2 to 4 CO
Ith from 6 to 12A
Test button function and indication flag
easy for debugging and maintenance.

LZS coupling relays Rơ-le trung gian dòng LZS

Rơ-le trung gian LZS từ 2 đến 4 CO
Dòng Ith từ 6A đến 12A
Có nút kiểm tra và cờ chỉ thị để dễ dàng chẩn đoán lỗi



LZX:PT270024



LZS:PT78720



LZS:PTML0024



LZS:PTMG0024



LZS:PTMU0524



LZS:PT17021



LZS:PT17040

LZS coupling relays With test bracket and mechanical switch position indicator, without LED

Rơ-le LZS, có nút Test và chỉ thị trạng thái đóng mở, không có đèn LED

Contacts Tiếp điểm	Ith (A) Dòng định mức	Coil voltage Điện áp cuộn dây	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2CO	12 A	24V DC	LZX:PT270024	277,000
		24V AC	LZX:PT270524	277,000
		115V DC	LZX:PT270615	322,000
		230V AC	LZX:PT270730	322,000
3CO	10 A	24V DC	LZX:PT370024	277,000
		24V AC	LZX:PT370524	277,000
		115V DC	LZX:PT370615	322,000
		230V AC	LZX:PT370730	322,000
4CO	6 A	24V DC	LZX:PT570024	277,000
		24V AC	LZX:PT570524	277,000
		115V DC	LZX:PT570615	322,000
		230V AC	LZX:PT570730	322,000

Socket for LZS coupling relays - Để cho rơ-le LZS

Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Socket for LZS coupling relays - Để cho rơ-le LZS		
2CO	LZS:PT78720	199,000
3CO	LZS:PT78730	199,000
4CO	LZS:PT78740	199,000

Plug-in bases with logical separation - Screw terminals - Để tách vị trí chân, loại vặn vít

Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2CO	LZS:PT78722	199,000
4CO	LZS:PT78742	199,000

Plug-in bases with logical separation - Plug-in terminals - Để tách vị trí chân, loại cắm dây

Contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2CO	LZS:PT7872P	219,000
4CO	LZS:PT7874P	239,000

LED modules for LZS - Module đèn LED cho rơ-le LZS

Color Màu sắc	Type Loại	Voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Red - Đỏ	With freewheel diode	24V DC	LZS:PTML0024	134,000
		24 AC/DC	LZS:PTML0524	134,000
	Without freewheel diode	110 ... 230 AC/DC	LZS:PTML0730	134,000
Green - Xanh	With freewheel diode	24V DC	LZS:PTMG0024	141,000
		24 AC/DC	LZS:PTMG0524	141,000
	Without freewheel diode	110 ... 230 AC/DC	LZS:PTMG0730	141,000

Other accessories for LZS - Các phụ kiện khác cho rơ-le LZS

Color Màu sắc	Voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
RC elements	6 ... 60 AC	LZS:PTMU0524	213,000
	110 ... 230 AC	LZS:PTMU0730	213,000
Freewheel diodes with connection to A1	6 ... 230 DC	LZS:PTMT00A0	90,000
Fixing/ejection brackets for PT base with logical separation (100pcs)		LZS:PT17021	17,000
Fixing/ejection brackets for standard plug-in base without logical separation (100pcs)		LZS:PT17024	17,000
Labels (100pcs)		LZS:PT17040	14,000

Coupling relays

Rơ-le trung gian

LZS RT coupling relays from 1 to 2 CO, compact design
lth from 6 to 16A

LZS RT coupling relays

Rơ-le trung gian dòng LZS RT

Rơ-le trung gian LZS RT 1 hoặc 2 CO, kích thước nhỏ gọn
Dòng lth từ 6A đến 16A



LZS:RT3A4L24



LZS:RT314024



LZS:RT78725



LZS:PTML0024



LZS:PTMU0524



LZS:RT17016

Complete units with standard plug-in base

Trọn bộ rơ-le trung gian với đế tiêu chuẩn

Contacts Tiếp điểm	Coil voltage Điện áp cuộn dây	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1CO	24V DC	LZS:RT3A4L24	713,000
	24V AC	LZS:RT3A4R24	713,000
	115V AC	LZS:RT3A4S15	827,000
	230V AC	LZS:RT3A4T30	827,000
2CO	24V DC	LZS:RT4A4L24	749,000
	24V AC	LZS:RT4A4R24	749,000
	115V DC	LZS:RT4A4S15	856,000
	230V AC	LZS:RT4A4T30	856,000

Individual modules for customer assembly, RT series

Rơ-le dạng mô-đun rời cho khách hàng tự lắp ráp, dòng RT

Print relays - rơ-le

Contacts Tiếp điểm	Coil voltage Điện áp cuộn dây	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1CO	24V DC	LZX:RT314024	190,000
	24V AC	LZX:RT314524	190,000
	115V AC	LZX:RT314615	315,000
	230V AC	LZX:RT314730	315,000
2CO	12V DC	LZX:RT424012	224,000
	24V DC	LZX:RT424024	224,000
	24V AC	LZX:RT424524	224,000
	115V AC	LZX:RT424615	353,000
	230V AC	LZX:RT424730	353,000

Standard plug-in bases - Screw terminals - Đế tiêu chuẩn, loại vặn vít

LZS:RT78725	239,000
-------------	---------

LED modules for LZS - Mô-đun đèn LED cho rơ-le LZS

Red - Đỏ	With freewheel diode	24V DC	LZS:PTML0024	134,000
	Without freewheel diode	24 AC/DC	LZS:PTML0524	134,000
		110 ... 230 AC/DC	LZS:PTML0730	134,000
Green - Xanh	With freewheel diode	24V DC	LZS:PTMG0024	141,000
	Without freewheel diode	24 AC/DC	LZS:PTMG0524	141,000
		110 ... 230 AC/DC	LZS:PTMG0730	141,000

Other accessories for LZS - Các phụ kiện khác

RC elements	6 ... 60 AC	LZS:PTMU0524	213,000
	110 ... 230 AC	LZS:PTMU0730	213,000
Freewheel diodes with connection to A1	6 ... 230 DC	LZS:PTMT00A0	90,000
Fixing/ejection brackets (100pcs)		LZS:RT17016	25,000
Labels (100pcs)		LZS:RT17040	9,000

Coupling relays Rơ-le trung gian

3RQ2 coupling relays 22.5 industrial enclosure from 1 to 4CO
SIRIUS 3RQ3 coupling relays in narrow design from 1 to 2 CO
Standard IEC 60947-1

3RQ coupling relays Rơ-le trung gian dòng 3RQ

Rơ-le thiết kế dạng công nghiệp 3RQ2 22mm từ 1 đến 4 CO
Rơ-le thiết kế dạng hẹp 3RQ3 từ 1 hoặc 2 CO
Tiêu chuẩn IEC 60947-1



3RQ2000-1AW00

3RQ2 coupling relays with industrial enclosure, 22mm, Screw terminals

Rơ-le kiểu 3RQ2 cho tủ điện công nghiệp, 22mm, loại bắt vít

Contacts Tiếp điểm	Coil voltage Điện áp cuộn dây	Material of switch Vật liệu tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1CO	24 ... 240 VAC/DC	AgSnO2	3RQ2000-1AW00	1,599,000
2CO			3RQ2000-1BW00	2,025,000
3CO			3RQ2000-1CW00	2,286,000
4CO		AgNi + Au	3RQ2000-1CW01	2,626,000



3RQ3018-1AB00

3RQ3 coupling relays, narrow design, Screw terminals

Rơ-le kiểu 3RQ3, thiết kế kiểu hàng hẹp, loại bắt vít

Coupling relays with relay output (not plug-in)

Output coupling links

Contacts Tiếp điểm	Coil voltage Điện áp cuộn dây	Material of switch Vật liệu tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1CO	24V AC/DC	AgSnO2	3RQ3018-1AB00	1,095,000
		AgSnO2 hard gold-plated	3RQ3018-1AB01	1,156,000
	115V AC/DC	AgSnO2	3RQ3018-1AE00	963,000
	230V AC/DC		3RQ3018-1AF00	1,169,000
1CO	24V DC	AgSnO2	3RQ3018-2AM08-0AA0	796,000
	110V DC		3RQ3018-2AN08-0AA0	912,000

Input coupling links

1CO	24V AC/DC	AgSnO2	3RQ3038-1AB00	1,279,000
		AgSnO2 hard gold-plated	3RQ3038-1AB01	1,372,000
	115V AC/DC	AgSnO2	3RQ3038-1AE00	1,419,000
	230V AC/DC		3RQ3038-1AF00	1,495,000

Coupling relays with plug-in relays

Output coupling links

1CO	24V AC/DC	AgSnO2	3RQ3118-1AB00	816,000
		AgSnO2 hard gold-plated	3RQ3118-1AB01	965,000
	115V AC/DC	AgSnO2	3RQ3118-1AE00	1,133,000
	230V AC/DC		3RQ3118-1AF00	1,102,000
1CO	24V DC	AgSnO2	3RQ3118-1AM00	713,000
	110V DC		3RQ3118-1AM01	838,000



3RQ3118-1AB00

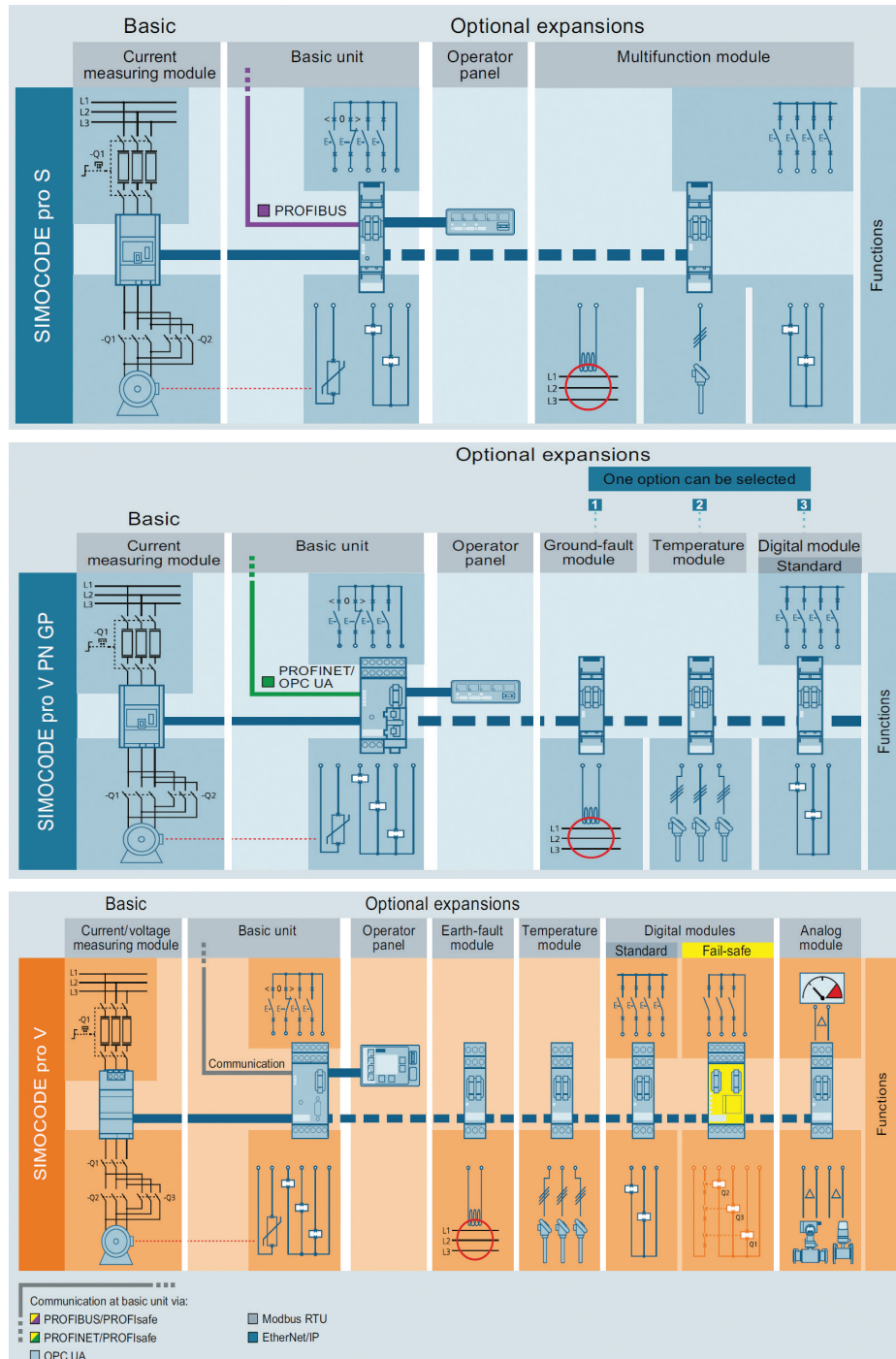
Monitoring and Control Devices Thiết bị giám sát và điều khiển

- For controlling Direct-OnLine starter, Star-delta, Soft starter
- Rated ampere up to 820A
- Thermistor protection
- Temperature monitoring and DI/DO expansion by multifunction module
- Communication: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Country of Origin: EU

Motor management and control devices SIMOCODE pro Thiết bị quản lý và điều khiển động cơ SIMOCODE pro

- Điều khiển bộ khởi động trực tiếp, sao-tam giác, khởi động mềm
- Dòng điện định mức lên đến 820A
- Bảo vệ quá nhiệt thermistor
- Thêm chức năng giám sát nhiệt độ và mở rộng DI/DO bằng khối mở rộng đa chức năng
- Truyền thông: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Xuất xứ: Châu Âu

SIMOCODE pro is a flexible, modular motor management system for motors with constant speeds in the low-voltage performance range. It optimizes the connection between I&C and motor feeder, increases plant availability and allows significant savings to be made for installation, commissioning, operation and maintenance of a system.



Monitoring and Control Devices Thiết bị giám sát và điều khiển

- For controlling Direct-OnLine starter, Star-delta, Soft starter
- Rated ampere up to 820A
- Thermistor protection
- Temperature monitoring and DI/DO expansion by multifunction module
- Communication: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Country of Origin: EU

Motor management and control devices SIMOCODE pro Thiết bị quản lý và điều khiển động cơ SIMOCODE pro

- Điều khiển bộ khởi động trực tiếp, sao-tam giác, khởi động mềm
- Dòng điện định mức lên đến 820A
- Bảo vệ quá nhiệt thermistor
- Thêm chức năng giám sát nhiệt độ và mở rộng DI/DO bằng khối mở rộng đa chức năng
- Truyền thông: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Xuất xứ: Châu Âu

Expansion possibilities	Basic Performance	General Performance		High Performance	
	SIMOCODE pro C	SIMOCODE pro S	SIMOCODE pro V	SIMOCODE pro V	
	PROFIBUS	PROFIBUS	PROFINET GP	PROFIBUS/ Modbus RTU	PROFINET/ EtherNet/IP
Operator panels	✓	✓	✓	✓	✓
Operator panels with display	--	--	--	✓	✓
Current measuring modules	✓	✓	✓	✓	✓
Current/voltage measuring modules	--	--	--	✓	✓
Expansion modules:					
• Digital modules	--	--	1 ²⁾	2	2
• Fail-safe digital modules ¹⁾	--	--	--	1	1
• Analog modules	--	--	--	1	2
• Ground-fault modules	--	--	1	1	1
• Temperature modules	--	--	1	1	2
• Multifunction modules	--	1	--	--	--

✓ Available
-- Not available

1) The fail-safe digital module can be used instead of one of the two digital modules
2) Only monostable version can be used.



3UF7000-1Ax00-0



3UF7020-1Ax01-0



3UF7010-1Ax00-0



3UF7011-1Ax00-0

Basic units- Bộ điều khiển SIMOCODE pro PROFIBUS

Communication Truyền thông	DI/DO	Input voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
SIMOCODE pro C				
- PROFIBUS DP interface, 12 Mbit/s, RS 485	4DI/3DO	24V DC	3UF7000-1AB00-0	(*)
- 1 input for thermistor		110...240V AC	3UF7000-1AU00-0	(*)
SIMOCODE pro S				
- PROFIBUS DP interface, 1.5 Mbit/s, RS 485	4DI/2DO	24V DC	3UF7020-1AB01-0	(*)
- 1 input for thermistor		110...240V AC	3UF7020-1AU01-0	(*)
SIMOCODE pro V				
- PROFIBUS DP interface, 12 Mbit/s, RS 485	4DI/3DO	24V DC	3UF7010-1AB00-0	(*)
- 1 input for thermistor		110...240V AC	3UF7010-1AU00-0	(*)

Basic units- Bộ điều khiển SIMOCODE pro PROFINET

SIMOCODE pro V PROFINET GP				
- ETHERNET/PROFINET IO	4DI/3DO	24V DC	3UF7011-1AB00-1	(*)
- 2 port RJ45		110...240V AC	3UF7011-1AU00-1	(*)
- ETHERNET/PROFINET IO	4DI/3DO	24V DC	3UF7011-1AB00-2	(*)
- 1 port RJ45		110...240V AC	3UF7011-1AU00-2	(*)
SIMOCODE pro V PROFINET				
- ETHERNET/PROFINET IO	4DI/3DO	24V DC	3UF7011-1AB00-0	(*)
- 2 port RJ45		110...240V AC	3UF7011-1AU00-0	(*)

Basic units- Bộ điều khiển SIMOCODE pro V Modbus RTU

- Modbus RTU	4DI/3DO	24V DC	3UF7012-1AB00-0	(*)
		110...240V AC	3UF7012-1AU00-0	(*)

Basic units- Bộ điều khiển SIMOCODE pro V EtherNet/IP

- EtherNet/IP interface, web server	4DI/3DO	24V DC	3UF7012-1AB00-0	(*)
- 2 port RJ45 for Media Redundancy		110...240V AC	3UF7012-1AU00-0	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Monitoring and Control Devices Thiết bị giám sát và điều khiển

- For controlling Direct-OnLine starter, Star-delta, Soft starter
- Rated ampere up to 820A
- Thermistor protection
- Temperature monitoring and DI/DO expansion by multifunction module
- Communication: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Country of Origin: EU

Motor management and control devices SIMOCODE pro Thiết bị quản lý và điều khiển động cơ SIMOCODE pro

- Điều khiển bộ khởi động trực tiếp, sao-tam giác, khởi động mềm
- Dòng điện định mức lên đến 820A
- Bảo vệ quá nhiệt thermistor
- Thêm chức năng giám sát nhiệt độ và mở rộng DI/DO bằng khối mở rộng đa chức năng
- Truyền thông: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Xuất xứ: Châu Âu



3UF7100-1AA00-0



3UF7103-1BA00-0



3UF7110-1AA01-0



3UF7113-1BA01-0



3UF7200-1AA01-0



3UF7210-1AA01-0

Current measuring modules - Module đo lường dòng điện

Type Loại	Current Dòng điện	With mm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Straight-through transformer Loại biến dòng xuyên dây	0.3...3	45	3UF7100-1AA00-0	(*)
	2.4...25	45	3UF7101-1AA00-0	(*)
	10...100	55	3UF7102-1AA00-0	(*)
	20...200	120	3UF7103-1AA00-0	(*)
Busbar connection Loại đấu nối tiếp	20...200	120	3UF7103-1BA00-0	(*)
	63...630	145	3UF7104-1BA00-0	(*)

Current and voltage measuring modules - Module đo lường dòng điện và điện áp

Type Loại	Current Dòng điện	With mm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Straight-through transformer Loại biến dòng xuyên dây	0.3...3	45	3UF7110-1AA01-0	(*)
	2.4...25	45	3UF7111-1AA01-0	(*)
	10...100	55	3UF7112-1AA01-0	(*)
	20...200	120	3UF7113-1AA01-0	(*)
Busbar connection Loại đấu nối tiếp	20...200	120	3UF7113-1BA01-0	(*)
	63...630	145	3UF7114-1BA01-0	(*)

Operator panels - Màn hình điều khiển

- Installation in control cabinet door or front plate, for plugging into all SIMOCODE pro basic units
- 10 LEDs for status indication and user-assignable buttons for controlling the motor

Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3UF7200-1AA01-0	(*)

Operator panel with display for SIMOCODE pro V - Bảng điều khiển có màn hình cho SIMOCODE pro V

- Installation in control cabinet door or front plate, for plugging into SIMOCODE pro V,
- Seven LEDs for status indication and user-assignable buttons for controlling the motor
- Multilingual display

Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3UF7210-1AA01-0	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Monitoring and Control Devices Thiết bị giám sát và điều khiển

- For controlling Direct-OnLine starter, Star-delta, Soft starter
- Rated ampere up to 820A
- Thermistor protection
- Temperature monitoring and DI/DO expansion by multifunction module
- Communication: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Country of Origin: EU

Motor management and control devices SIMOCODE pro Thiết bị quản lý và điều khiển động cơ SIMOCODE pro

- Điều khiển bộ khởi động trực tiếp, sao-tam giác, khởi động mềm
- Dòng điện định mức lên đến 820A
- Bảo vệ quá nhiệt thermistor
- Thêm chức năng giám sát nhiệt độ và mở rộng DI/DO bằng khối mở rộng đa chức năng
- Truyền thông: PROFIBUS, Modbus RTU, ProfiNet, EtherNet/IP
- Xuất xứ: Châu Âu



3UF7600-1AB01-0



3UF7400-1AA00-0



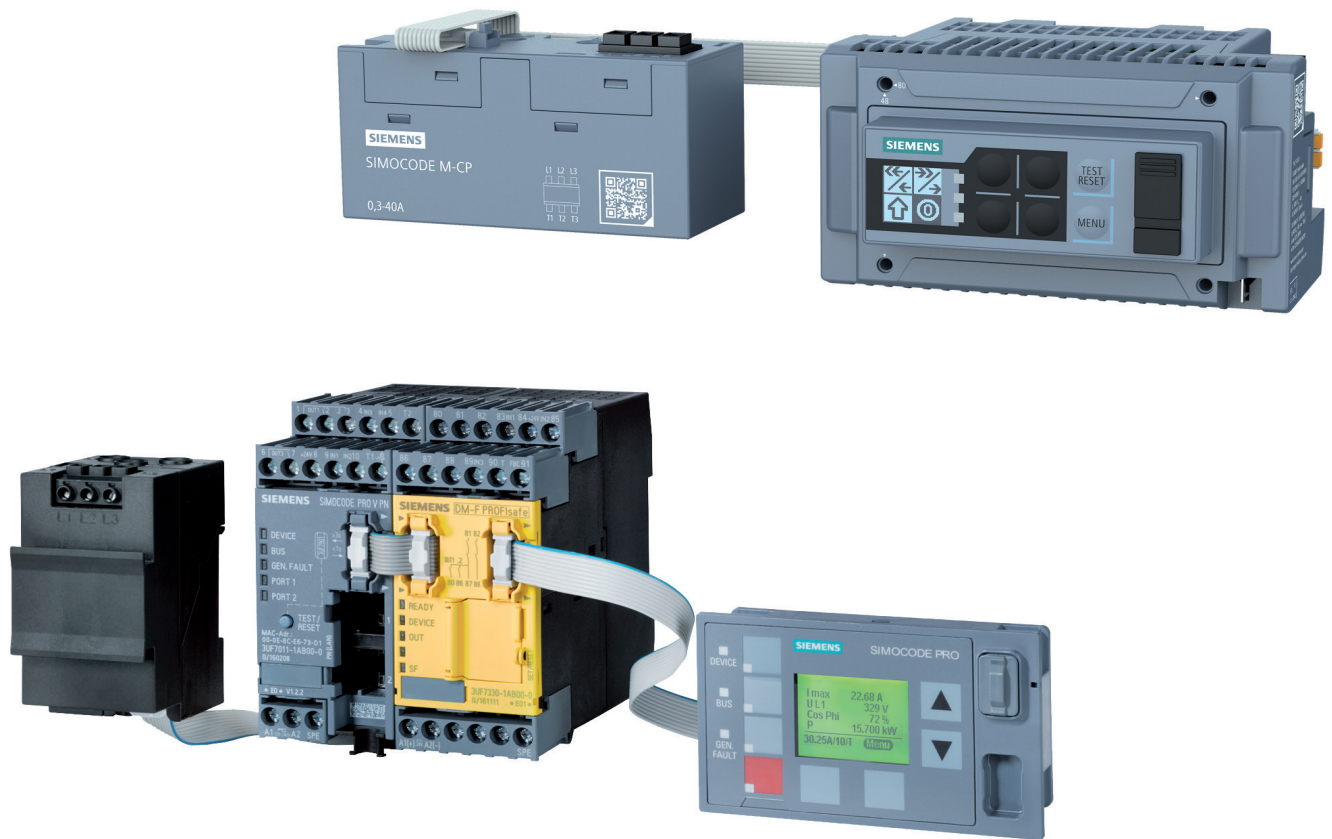
3UF7320-1AB00-0

Expansion modules for SIMOCODE pro S - Module mở rộng cho SIMOCODE pro S

Type Loại	Input voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Multifunction modules			
- 4 digital inputs, 2 relay outputs	24V DC	3UF7600-1AB01-0	(*)
- 1 input for connecting a 3UL23 residual current transformer	110...240V AC	3UF7600-1AU01-0	(*)
- 1 input for connecting an analog temperature sensor (sensor types: PT100/PT1000, KTY83/KTY84 or NTC)			

Expansion modules for SIMOCODE Pro V - Module mở rộng đa năng cho SIMOCODE pro V

Type Loại	Input voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Analog module			
- 2 inputs (passive) and 1 output, for analog signals 0/4...20 mA		3UF7400-1AA00-0	(*)
Ground-fault module			
- Using 3UL23 residual-current transformers - Fault current from 30 mA ... 40 A		3UF7510-1AA00-0	(*)
Temperature modules			
- Sensor types: PT100/PT1000, KTY83/KTY84 or NTC - 3 inputs for connecting up to 3 analog temperature sensors		3UF7700-1AA00-0	(*)
Fail-safe digital module DM-F Local			
Two relay enabling circuits	24V DC	3UF7320-1AB00-0	(*)
	110...240V AC	3UF7320-1AU00-0	(*)
Fail-safe digital module DM-F PROFIsafe			
- PROFIBUS/PROFIsafe, PROFINET/PROFIsafe	24V DC	3UF7330-1AB00-0	(*)
- Two relay enabling circuits	110...240V AC	3UF7330-1AU00-0	(*)



SIMOCODE M-CP

The space miracle for switchboards

In the design of Motor Control Centers, where efficient use of space and cost reduction go hand in hand, the SIMOCODE M-CP motor management system redefines the standard. This compact system adds value by saving space, increasing efficiency and reducing costs. Find out here what advantages this brings for you and what it looks like in concrete terms in the withdrawable unit.

Monitoring and Control Devices Thiết bị giám sát và điều khiển

- For controlling Direct-OnLine starter, Star-delta, Soft starter
- Rated ampere up to 630A
- Thermistor protection
- Communication: PROFINET, EtherNet/IP, Modbus TCP
- Country of Origin: EU

Motor management and control devices SIMOCODE M-CP Thiết bị quản lý và điều khiển động cơ SIMOCODE M-CP

- Điều khiển bộ khởi động trực tiếp, sao-tam giác, khởi động mềm
- Dòng điện định mức lên đến 630A
- Bảo vệ quá nhiệt thermistor
- Truyền thông: PROFINET, EtherNet/IP, Modbus TCP
- Xuất xứ: Châu Âu



3UF8011-2A00-0



3UF7020-1Ax01-0



3UF8200-1AA00-0



3UF8950-0AA00-0



3UF8922-0AA00-0



3UF8923-0AA00-0

Basic units SIMOCODE M-CP - Bộ điều khiển

NEW

Type Loại	DI/DO	Input voltage Us Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
SIMOCODE M-CP				
- 1 input for thermistor	5DI/4DO	24V DC	3UF8011-2AB00-0	(*)
- ground-fault transformer input		110...240V AC	3UF8011-2AU00-0	(*)
- 1-wire sensor input (master)				

Current and voltage measuring modules - Module đo lường dòng điện và điện áp

NEW

Type Loại	Diameter (mm) Đường kính	Voltage/Current meas Dải điện áp/Dòng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Straight-through transformer	45	690 V/0.3...40 A	3UF8110-1AA00-0	(*)
Loại biến dòng xuyên dây	55	690 V/10...115 A	3UF8111-1AA00-0	(*)
	120	690 V/63...630 A	3UF8112-1AA00-0	(*)

Operator panels - Màn hình điều khiển

NEW

Operator panel mounted on basic unit or separately in front panel	3UF8200-1AA00-0	(*)
---	-----------------	-----

Accessories - Phụ kiện

NEW

Initialization module		3UF8902-0AA00-0	(*)
Mounting and connection kits	For bar connection of the current/voltage measuring module 3UF8112-1AA00-0	3UF8950-0AA00-0	(*)
	Terminal parts kits for one complete contactor		
	Size S6	3UF8951-0AA00-0	(*)
	Sizes S10, S12	3RT1966-4PA00	(*)
USB PC cable	for connecting a PC to SIMOCODE M-CP, 2 m	8WD4618-0FB	(*)
Mounting adapters	For operator panel when mounted separately		
	• Width 95 mm, height 58 mm	3UF8922-0AA00-0	(*)
	• Width 105 mm, height 42 mm	3UF8922-0BA00-0	(*)
	For mounting on the base unit for attachment to DIN rail	3UF8910-0AA00-0	(*)
	connecting	3UF8902-0AA00-0	(*)
Front panel mounting IP54		3UF8923-0AA00-0	(*)

(*) Price to be advised - Liên hệ với Siemens để được báo giá

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

- Line and single-phase voltage monitoring
- Single-phase and three phase current monitoring
- Earth leakage and Earth fault current monitoring
- Temperature monitoring
- Level monitoring
- Speed monitoring

7UG0 Monitoring Relays

Rơ-le giám sát 7UG0

- Giám sát điện áp nguồn và điện áp một pha
- Giám sát dòng một pha và ba pha
- Giám sát dòng rò và dòng chạm đất
- Giám sát nhiệt độ
- Giám sát mức
- Giám sát tốc độ



Protection Bảo vệ	Line monitoring relay			Voltage Monitoring relay	Current Monitoring relay	
	7UG0 712	7UG0 818	7UG0 814	7UG0 753	7UG0 82	7UG0 83
	3Ø 3W	3Ø 3W / 3Ø 4W	1Ø 2W / 3Ø 3W / 3Ø 4W	3Ø 3W	1Ø 2W	1Ø 2W / 3Ø 3W / 3Ø 4W
Phase failure protection Bảo vệ mất pha	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Imbalance protection Bảo vệ mất cân bằng	✓	✓	✓		✓	✓
Phase reversal protection Bảo vệ đảo pha	✓	✓	✓	✓		
Under/Over voltage protection Bảo vệ thấp/quá áp		✓	✓	✓		
Under/Over freq protection Bảo vệ thấp/quá tần số		✓	✓			
Neutral Loss Protection Bảo vệ mất trung tính			✓			
Under/Over current protection Bảo vệ thấp/quá dòng điện					✓	✓

Line monitoring - Giám sát đường dây

NEW

Measuring range Dải đo	Hysteresis Độ trễ	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	AC network Mạng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
54 - 480 V AC	6V	1	Tự cấp nguồn	3Ø-3W	7UG0712-1AA20	(*)
173-500V AC (L-L)	1 - 99 for V	2	Tự cấp nguồn	3Ø-3W, 3Ø-4W	7UG0818-1CA20	(*)
100-300V AC (L-N)	0.2 - 2 for Hz 2 - 20% for Asymmetry			1Ø-2W, 3Ø-3W, 3Ø-4W	7UG0814-1CA20	(*)

Voltage monitoring - Giám sát điện áp

NEW

Measuring range Dải đo	Hysteresis Độ trễ	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	AC network Mạng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
310 - 480 V AC	2V	1	Tự cấp nguồn	3Ø-3W	7UG0753-1AA20	(*)

Current monitoring with External CT - Giám sát dòng điện với biến dòng ngoài

NEW

Measuring range Dải đo	Setting range Dải cài đặt	Hysteresis Độ trễ	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	AC network Mạng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0 - 1.19 kA	Pri: 1A - 999A Sec: 1A / 5A	0.1 - 99.9A	1	110VAC	1Ø-2W	7UG0821-1AB20	(*)
				230VAC	1Ø-2W	7UG0822-1AD20	(*)
				110VAC	1Ø-2W, 3Ø3W, 3Ø-4W	7UG0831-1AB20	(*)
				230VAC	1Ø-2W, 3Ø3W, 3Ø-3W	7UG0832-1AD20	(*)

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

3UG0 Monitoring Relays

Rơ-le giám sát 3UG0

- Line and single-phase voltage monitoring
- Single-phase and three phase current monitoring
- Earth leakage and Earth fault current monitoring
- Temperature monitoring
- Level monitoring
- Speed monitoring

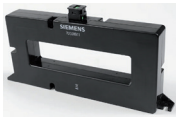
- Giám sát điện áp nguồn và điện áp một pha
- Giám sát dòng một pha và ba pha
- Giám sát dòng rò và dòng chạm đất
- Giám sát nhiệt độ
- Giám sát mức
- Giám sát tốc độ



Earth Leakage Relay

CBCT for
Earth Leakage relay

Earth Fault Relay

CBCT for
Earth Fault relay

7UG0480-1IU20



7UG0881-1BU20



7UG0583-1CU20



7UG0885-1JU20

Earth Leakage Relay - Giám sát dòng rò

NEW

Measue range Dải đo	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	AC network Mạng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
4mA - 30A	2	110VAC	1Ø-2W, 3Ø-3W, 3Ø-4W	7UG0841-1CB20	(*)
		230VAC	1Ø-2W, 3Ø-3W, 3Ø-4W	7UG0842-1CD20	(*)

CBCT for Earth leakage relay - Biến dòng cho rơ le bảo vệ dòng rò

NEW

Diameter of the bushing opening Đường kính trong	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
35 mm	7UG0996	(*)
70 mm	7UG0997	(*)
120 mm	7UG0999	(*)
210 mm	7UG0994	(*)
310 mm	7UG0995	(*)

Digital earth fault monitoring relay - Giám sát dòng chạm đất

NEW

Measue range Dải đo	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	AC network Mạng điện	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
1A - 630A	2	85 - 270 V AC/DC	1Ø-2W, 3Ø-3W, 3Ø-4W	7UG0861-1BU20	(*)

CBCT for Earth fault relay - Biến dòng cho rơ le bảo vệ dòng rò

NEW

	3P		4P	
Core Balance CT	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
160A	7UG09910	(*)	7UG09911	(*)
250A	7UG09912	(*)	7UG09913	(*)
630A	7UG09914	(*)	7UG09915	(*)

Temperature controller relay - Rơ le điều khiển nhiệt độ

NEW

Sensor type Cảm biến	Control Method Phương pháp điều khiển	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Thermocouple (J,K,T,R,S) / RTD (PT100)	1) PID control with auto tuning 2) ON-OFF control 3) Heat - Cool (with auto tuning)	2 NO + SSR output	85 - 270 V AC/DC	7UG0480-1IU20	(*)

Thermistor motor protection relay - Rơ-le bảo vệ nhiệt độ động cơ

NEW

Sensor type Cảm biến	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
PTC	2	110 - 240 V AC/DC	7UG0881-1BU20	(*)

Speed monitoring relay - Giám sát tốc độ

NEW

Measue range Dải đo (rpm)	Hysteresis Độ trễ	CO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0 - 166 RPS / 0 - 9960 RPM	NA	2	110 - 240 V AC/DC	7UG0583-1CU20	(*)

Water Level Controller Relay - Giám sát mức nước

NEW

Sensitivity (k Ohm) Độ nhạy	Tripping delay time (s) Thời gian trễ	NO Tiếp điểm	Supply Voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
tới 500kΩ	2 (Fixed)	2	110 - 240 V AC/DC	7UG0885-1JU20	(*)

Sensor for water level

Conductive sensor probe set of 3 probes	7UG0985-0YY00	(*)
---	---------------	-----

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

3UG55, 3UG46 Monitoring Relays

Rơ-le giám sát 3UG55, 3UG46

- Line and single-phase voltage monitoring
- Single-phase current monitoring or power factor and active current monitoring
- Residual current monitoring
- Level monitoring
- Speed monitoring
- Country of origin: EU

- Giám sát điện áp nguồn và điện áp một pha
- Giám sát dòng một pha, hệ số công suất và giám sát dòng điện hiệu dụng
- Giám sát dòng rò
- Giám sát mức
- Giám sát tốc độ
- Xuất xứ Châu Âu

Monitoring relays <i>Rơ-le giám sát</i>	3UG546	3UG551., 3UG561.	3UG463.	3RR21, 3RR22, 3UG4621, 3UG4622	3UG4641	3UG4625 with 3UL23	3UG458.	3UG4501	3UG4651
Line monitoring	--	✓	--	--	--	--	--	--	--
DC load monitoring	✓	--	--	--	--	--	--	--	--
Voltage monitoring	--	--	✓	--	--	--	--	--	--
Current monitoring	--	--	--	✓	--	--	--	--	--
Active current monitoring	--	--	--	3RR22 ✓	✓	--	--	--	--
Power factor monitoring	--	--	--	--	✓	--	--	--	--
Residual current monitoring	--	--	--	--	--	✓	--	--	--
Insulation monitoring	--	--	--	--	--	--	✓	--	--
Level monitoring	--	--	--	--	--	--	--	✓	--
Speed monitoring	--	--	--	--	--	--	--	--	✓

Line monitoring relay <i>Rơ-le giám sát đường dây</i>	3UG5511	3UG5512	3UG5514	3UG5616	3UG5618	3UG5816
Phase sequence - Thứ tự pha	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phase failure - Mất pha	--	✓	✓	✓	✓	✓
Phase asymmetry Mất cân bằng pha	--	✓ (fixed)	✓	✓	✓	✓
Under voltage - Thấp áp	--	--	✓	✓	✓	✓
Over voltage - Quá áp	--	--	--	✓	✓	✓
Under/Over Frequency Quá/thấp tần số	--	--	--	✓	✓	✓
N conductor failure Mất pha N	--	--	--	✓	✓	✓
Correction of the direction of rotation	--	--	--	--	✓	--
SIL 1/PL c	--	✓	--	--	✓	--
IO-Link	--	--	--	--	--	✓

✓ Available -- Not available



3UG5511-1xR20
3UG5512-1xR20



3UG5514-1BR20
3UG5516-1CR20
3UG5518-1CR20

Line monitoring - Giám sát đường dây

NEW

Measure range Dải đo (VAC)	CO contacts Tiếp điểm	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
160 ... 690 AC	1	3UG5511-1AR20	3,754,000
	2	3UG5511-1BR20	4,311,000
160 ... 690 AC	1	3UG5512-1AR20	4,171,000
	2	3UG5512-1BR20	4,811,000
160 ... 690 AC Analog adjustment	2	3UG5514-1BR20	6,007,000
90... 690 AC N-conductor monitoring can be parameterized	2	3UG5616-1CR20	8,120,000
		3UG5618-1CR20	9,149,000

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

3UG55, 3UG46 Monitoring Relays

Rơ-le giám sát 3UG55, 3UG46

- Line and single-phase voltage monitoring
- Single-phase current monitoring or power factor and active current monitoring
- Residual current monitoring
- Level monitoring
- Speed monitoring
- Country of origin: EU

- Giám sát điện áp nguồn và điện áp một pha
- Giám sát dòng một pha, hệ số công suất và giám sát dòng điện hiệu dụng
- Giám sát dòng rò
- Giám sát mức
- Giám sát tốc độ
- Xuất xứ Châu Âu



3UG463x-1Ax30
3UG462x-1Ax30

Voltage monitoring - Giám sát điện áp (Quá áp, thấp áp)

Measure range Dải đo	Hysteresis Độ trễ	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
17 ... 275 V AC/DC	0.1 ... 150 V	Tự cấp nguồn	3UG4633-1AL30	4,799,000
0.1 ... 60 V AC/DC	0.1 ... 30 V	24 AC/DC	3UG4631-1AA30	4,629,000
		24 ... 240 AC/DC	3UG4631-1AW30	5,024,000
10 ... 600 V AC/DC	0.1 ... 300 V	24 AC/DC	3UG4632-1AA30	4,629,000
		24 ... 240 AC/DC	3UG4632-1AW30	5,024,000

Current monitoring (undercurrent and overcurrent) - Giám sát dòng điện (Dòng cao hoặc dòng thấp)

Measure range Dải đo	Hysteresis Độ trễ	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
3 ... 500 mA AC/DC	0.1 ... 250 mA	Tự cấp nguồn	3UG4621-1AA30	4,629,000
		24 AC/DC	3UG4621-1AW30	5,024,000
0.05 ... 10 A AC/DC	0.01 ... 5 A	24 AC/DC	3UG4622-1AA30	4,629,000
		24 ... 240 AC/DC	3UG4622-1AW30	5,024,000



3UG5461-1AA4x
3UG5462-1AA4x

DC load monitoring relay - Giám sát tải một chiều DC

NEW

Measurable voltage Dải đo điện áp	Measurable current Dải đo dòng điện	Width Chiều rộng	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0 ... 800 V DC	2 x 8/1 x 16 A	22.5	3UG5461-1AA40	23,415,000
	1 x 63 A	45	3UG5462-1AA40	34,205,000
0 ... 60 V DC	2 x 8/1 x 16 A	22.5	3UG5461-1AA41	23,415,000
	1 x 63 A	45	3UG5462-1AA41	34,205,000

Power factor and active current monitoring - Giám sát hệ số công suất và dòng điện

Measure range Dải đo	Hysteresis Độ trễ	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
P.f. A	P.f. A	3UG4641-1CS20	4,851,000
0.10 ... 0.99	0.2 ... 10		
	0.1		
	0.1 ... 2.0		



3UG4641-1CS20

Residual-current monitoring relays - use with 3UL23 residual-current transformers - Giám sát dòng rò - sử dụng 3UL23

Measure range Dải đo	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0.03 ... 40	24 ... 240 AC/DC	3UG4625-1CW30	7,139,000

3UL23 residual-current transformers (essential accessory for 3UG4625, 3UG4825 or SIMOCODE 3UF) - Biến dòng 3UL23

Diameter of the bushing opening Đường kính trong	Connecting terminal Cáp tín hiệu	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
35	2.5	3UL2302-1A	5,657,000
55		3UL2303-1A	6,084,000
80		3UL2304-1A	6,504,000
110		3UL2305-1A	8,665,000
140		3UL2306-1A	11,966,000
210	4	3UL2307-1A	17,360,000
Adapters For mounting onto standard rail for 3UL23 to diameter 55 mm		3UL2900	160,000



3UL2302-1A

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

- Line and single-phase voltage monitoring
- Single-phase current monitoring or power factor and active current monitoring
- Residual current monitoring
- Level monitoring
- Speed monitoring
- Country of origin: EU

3UG55, 3UG46 Monitoring Relays

Rơ-le giám sát 3UG55, 3UG46

- Giám sát điện áp nguồn và điện áp một pha
- Giám sát dòng một pha, hệ số công suất và giám sát dòng điện hiệu dụng
- Giám sát dòng rò
- Giám sát mức
- Giám sát tốc độ
- Xuất xứ Châu Âu



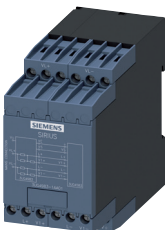
3UG4501-1AA30



3UG4651-1AA30


3UG4581-1AW31
3UG4582-1AW31


3UG4583-1CW31



3UG4983-1AA01

Level monitoring relays - Giám sát mức

Sensitivity (k Ohm) Độ nhạy	Tripping delay time (s) Thời gian trễ	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
2 ... 200	0.5 ... 10	24 V AC/DC	3UG4501-1AA30	3,075,000
		24 ... 240 V AC/DC	3UG4501-1AW30	3,413,000

Level monitoring sensors are available from various providers. We recommend sensors made by Jacob GmbH
Cảm biến giám sát mức vui lòng liên hệ các nhà cung cấp khác.

Speed monitoring - Giám sát tốc độ

Measue range Dải đo (rpm)	Hysteresis Độ trễ	Pulses per revolution Xung/vòng	Control voltage Điện áp	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
0.1 ... 2200	OFF	1 ... 10	24 VAC/DC ⁽¹⁾	3UG4651-1AA30	6,859,000
	0.1 ... 99.9		24 ... 240VAC/DC	3UG4651-1AW30	7,366,000

1) The rated control supply voltage and the measuring circuit are not electrically separated.

Insulation monitoring - Giám sát cách điện

Measure vol- tage Điện áp đo	Control voltage Điện áp điều khiển	System leakage capacitance	Tiếp điểm	Adjustable response value impedance		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
VAC/VDC	V AC/DC	μF	CO	1 (kΩ)	2 (kΩ)		
Insulation monitors							
0 ... 460V AC						3UG4581-1AW31	10,373,000
0 ... 287.5V AC 0 ... 345V DC	24 ... 240	10	1	1 ... 100	--	3UG4582-1AW31	13,349,000
0 ... 460V AC 0 ... 690V DC	24 ... 240	10	2	1 ... 100	2 ... 200	3UG4583-1CW31	29,477,000
Voltage reducer modules							
For the 3UG4583 insulation monitoring relay for extending the network voltage range to 690 V AC and 1000 V DC							
0 ... 460V AC 0 ... 690V DC		20	2	--	--	3UG4983-1AA01	15,712,000

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

- IEC standard: IEC 60947-8, IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4
- ATEX approval
- Fulfill SIL1 in compliance with EN 50495
- Country of origin: EU

3RN2 Thermistor Motor Protection Relays

Rơ-le bảo vệ nhiệt động cơ 3RN2

- Tiêu chuẩn IEC 60947-8, IEC 61000-6-2, IEC 61000-6-4
- Chứng chỉ ATEX
- Đáp ứng SIL1 theo tiêu chuẩn EN 50495
- Xuất xứ Châu Âu



3RN2000-1AA30

Compact signal evaluation units, width 22.5 mm, 1 LED - Loại tích hợp nhỏ gọn

Terminals A1 is jumped with the root of the changeover contact - Chân A1 nối với chân tiếp điểm

RESET mode	Contacts Tiếp điểm	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auto	1CO	24 AC/DC	3RN2000-1AA30	1,907,000
		24 ... 240 AC/DC	3RN2000-1AW30	2,090,000
	1NO+1NC	24 AC/DC	3RN2010-1CA30	2,423,000
		24 ... 240 AC/DC	3RN2010-1CW30	2,738,000



3RN2012-1BW31

Standard evaluation unit, suitable for bimetallic switch - Loại tiêu chuẩn

RESET mode	Contacts Tiếp điểm	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Auto RESET Manual RESET External RESET Error memory	2CO	24 ... 240 AC/DC	3RN2012-1BW31	7,871,000



3RN2011-1BA30

Standard evaluation unit with ATEX approval, open-circuit and short-circuit detection in the sensor circuit

Loại tiêu chuẩn chứng nhận bởi ATEX, phát hiện hở mạch và ngắn mạch

RESET mode	Contacts Tiếp điểm	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Manual RESET External RESET	2CO	24 AC/DC	3RN2011-1BA30	3,248,000
		24 ... 240 AC/DC	3RN2011-1BW30	3,413,000
Non-volatile Auto RESET Manual RESET External RESET Error memory	2CO	24 AC/DC	3RN2012-1BA30	4,461,000
		24 ... 240 AC/DC	3RN2012-1BW30	4,799,000
Protective separation, non-volatile Auto RESET Manual RESET External RESET Error memory	2CO	24 AC/DC	3RN2013-1BA30	5,613,000
		24 ... 240 AC/DC	3RN2013-1BW30	6,068,000
	2CO - Hard gold-plated	24 AC/DC	3RN2013-1GW30	6,376,000



3RN2023-1DW30

Evaluation unit with ATEX approval and 2 sensor circuits for warning and disconnection, open and short-circuit detection

Loại tiêu chuẩn chứng nhận bởi ATEX, 2 mạch cảm biến riêng để cảnh báo và ngắt mạch, phát hiện hở mạch và ngắn mạch

RESET mode	Contacts Tiếp điểm	Control voltage Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Protective separation, non-volatile Auto RESET Manual RESET External RESET Error memory	1NO+1NC	24V AC/DC	3RN2023-1DW30	8,661,000

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

Variants in width 17.5 mm and 22 mm
Wide voltage range from 12 to 240 V AC/DC
Up to 27 functions according to IEC 61812
Standard IEC 61812-1

3RP2 Timer Relays

Rơ-le thời gian 3RP2

Kích thước nhỏ gọn với chiều ngang 17.5mm hoặc 22mm
Dải điện áp điều khiển rộng từ 12 đến 240V AC/DC
Lên đến 27 chức năng định giờ theo IEC 61812
Tiêu chuẩn IEC 61812-1

SIRIUS 3RP25 timing relays, 17.5 mm and 22.5 mm

Rơ-le thời gian 3RP25, chiều rộng 17.5 mm và 22.5 mm

NO Contact		CO Contacts		Semiconductor output	Adjustable time	Control voltage Us	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Instantaneous	Delayed	Instantaneous	Delayed			Điện áp điều khiển		
13 functions - 13 chức năng								
0	0	0	1	No	0.05 s ... 100 h	24 VAC/DC	3RP2505-1AB30	3,554,000
0	1	0	0	Yes		12 - 240 VAC/DC	3RP2505-1AW30	3,980,000
13 functions, suitable for railway applications - 13 chức năng, phù hợp cho tiêu chuẩn đường sắt								
0	0	0	2	No	0.05 s ... 100 h	24 - 240 VAC/DC	3RP2505-1RW30	5,869,000
27 functions - 27 chức năng								
0	0	0	2	No	0.05 s ... 100 h	24 VAC/DC	3RP2505-1BB30	4,005,000
						12 - 240 VAC/DC	3RP2505-1BW30	4,940,000
						400 - 440 VAC	3RP2505-1BT20	4,376,000
ON-delay								
0	0	0	1	No	0.5 s ... 10 s	12 - 240 VAC/DC	3RP2511-1AW30	1,907,000
					1 ... 30 s	12 - 240 VAC/DC	3RP2512-1AW30	1,907,000
					5 ... 100 s	12 - 240 VAC/DC	3RP2513-1AW30	1,907,000
					0.05 s ... 100 h	12 - 240 VAC/DC	3RP2525-1AW30	2,465,000
0	0	0	2	No	0.05 s ... 100 h	24 VAC/DC	3RP2525-1BB30	2,707,000
						12 - 240 VAC/DC	3RP2525-1BW30	3,585,000
0	1	0	0	Yes	0.05 s ... 240 s	12 - 240 VAC/DC	3RP2527-1EW30	1,907,000
OFF-delay with control signal								
0	0	0	1	No	0.05 s ... 100 h	12 - 240 VAC/DC	3RP2535-1AW30	3,304,000
OFF-delay without control signal, non-volatile, passing make contact								
0	0	0	1	No	0.05 s ... 600 s	24 VAC/DC	3RP2540-1AB30	4,092,000
						12 - 240 VAC/DC	3RP2540-1AW30	4,573,000
0	0	0	1	No	0.05 s ... 600 s	24 VAC/DC	3RP2540-1BB30	4,769,000
						12 - 240 VAC/DC	3RP2540-1BW30	5,335,000
Clock-pulse relay, flashing, asymmetrical								
0	0	0	1	No	0.05 s ... 100 h	12 - 240 VAC/DC	3RP2555-1AW30	4,600,000
Wye-delta function with coasting function (idling)								
0	2	0	0	No	1 ... 20 s	12 - 240 VAC/DC	3RP2560-1SW30	4,432,000
Wye-delta function								
1	1	0	0	No	1 ... 20 s	380 - 440 VAC/DC	3RP2574-1NM20	2,822,000
						12 - 240 VAC/DC	3RP2574-1NW30	2,465,000
1	1	0	0	No	1 ... 20 s	380 - 440 VAC/DC	3RP2576-1NM20	2,822,000
						12 - 240 VAC/DC	3RP2576-1NW30	2,465,000

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

SIRIUS 3RP20 electronic timing relays for use in control systems
 1 or 2 CO contacts
 Multifunction or monofunction
 Single or selectable time setting ranges
 Switch position indication and voltage indication by LED
 Wide voltage range or combination voltage
 Standard IEC 61812-1

3RP2 Timer Relays

Rơ-le thời gian 3RP2

Rơ-le thời gian 3RP20 được sử dụng trong hệ thống điều khiển với
 1 hoặc 2 tiếp điểm CO
 Đa chức năng hoặc đơn chức năng
 1 thang hoặc nhiều thang chỉnh thời gian
 Báo trạng thái hoạt động và trạng thái điện áp bằng đèn LED
 Dải điện áp rộng
 Tiêu chuẩn IEC 61812-1



3RP2005-1AQ30



3RP2025-1AQ30

SIRIUS 3RP20 timing relays, 45 mm

Rơ-le thời gian 3RP20, chiều rộng 45 mm

Version Phiên bản	Time setting range t Dải cài đặt thời gian	Control voltage Us Điện áp điều khiển		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
		50/60 Hz AC	DC		
3RP2005 timing relays, multifunction, 15 time setting ranges					
With LED and 1 CO contact), 8 functions	0.05 ... 1 s	24/100 ... 127	24	3RP2005-1BW30	3,837,000
	0.15 ... 3 s				
	0.5 ... 10 s				
	1.5 ... 30 s				
	0.05 ... 1 min				
	5 ... 100 s	24/200 ... 240	24	3RP2005-1AP30	3,837,000
	0.15 ... 3 min				
	0.5 ... 10 min				
	1.5 ... 30 min				
0.05 ... 1 h					
With LED and 2 CO contacts, 16 functions	5 ... 100 min	24 ... 240	24 ... 240	3RP2005-1BW30	4,912,000
	0.15 ... 3 h				
	0.5 ... 10 h				
	1.5 ... 30 h				
	5 ... 100 h				
3RP2025 timing relays, ON-delay, 15 time setting ranges					
With LED and 1 CO contact	0.05 ... 1 s	24/100 ... 127	24	3RP2025-1AQ30	2,443,000
	0.15 ... 3 s				
	0.5 ... 10 s				
	1.5 ... 30 s				
	0.05 ... 1 min				
	5 ... 100 s	24/200 ... 240	24	3RP2025-1AP30	2,536,000
	0.15 ... 3 min				
	0.5 ... 10 min				
	1.5 ... 30 min				
0.05 ... 1 h					
	5 ... 100 min	24/200 ... 240	24	3RP2025-1AP30	2,536,000
	0.15 ... 3 h				
	0.5 ... 10 h				
	1.5 ... 30 h				
	5 ... 100 h				

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

1 CO contacts
Multifunction or monofunction
Standard IEC 61812-1

7PV0 Timer Relays

Rơ-le thời gian 7PV0

1 tiếp điểm CO
Đa chức năng hoặc đơn chức năng
Tiêu chuẩn IEC 61812-1

7PV0 Timing relay - Rơ-le thời gian 7PV0

NEW

Version Phiên bản	Time setting range t Dải cài đặt thời gian	Function Chức năng	Control voltage Us Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
7PV0712 timing relays, ON Delay, 6 time setting ranges					
With LED and 1 CO contacts	0.1 sec to 3 hrs (06 time ranges)	On delay	240V AC (-15% to +10%)	7PV0712-1AD20	(*)
7PV0723 timing relays, Multifunction timer (Analog) – 10 Functions					
With LED and 1 CO contact	0.1---1s 1---10s 6---60s 1---10min 6---60 min 1---10hr 2---20hr	On delay (A) Delay with totalise (At) Single Shot (B) Delay on Break (C) Cyclic equal off first (with external contact) (D) Cyclic equal on first (Di) Interval (H) Interval with Totalise (Ht) Pulse output (Pe) Interval after break (W)	24 - 240 VAC 12 - 240 VDC	7PV0723-1AZ20	(*)
7PV0732 timing relays, multifunction timer (Digital) – 15 functions					
LCD display and 1 NO contact	0.1sec - 999 hrs	On delay (A) Interval (B) Asymmetrical cyclic OFF first (C) Asymmetrical cyclic ON first (D) Cyclic equal OFF first (E) Cyclic equal ON first (F) Pulse output (H) Delay on break (J) Delay on make / break (K) Interval after break (L) Single Shot (P) Retriggerable Single Shot (Q) Latching Relay (R) Delay on break with Totalise (T) Interval with Totalise (U)	20 to 240V AC/ DC	7PV0732-1AV20	(*)

(*) Liên hệ với Siemens để được báo giá



7PV0712-1AD20



7PV0723-1AZ20



7PV0732-1AV20

Monitoring and Control Devices

Thiết bị giám sát và điều khiển

1 or 2 CO contacts
Multifunction or monofunction
Standard IEC 61812-1

7PV15 Timer Relays

Rơ-le thời gian 7PV15

1 hoặc 2 tiếp điểm CO
Đa chức năng hoặc đơn chức năng
Tiêu chuẩn IEC 61812-1



7PV1508-1AW30



7PV1538-1AW30

7PV Timing relay, 17,5mm - Rơ-le thời gian 7PV, chiều rộng 17,5mm

Version Phiên bản	Time setting range t Dải cài đặt thời gian	Control voltage Us Điện áp điều khiển		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
		50/60 Hz AC	DC		
7PV1508 timing relays, multifunction, 7 time setting ranges					
With LED and 1 CO contact, 7 functions	0.05 ... 1 s	12 ... 240	12 ... 240	7PV1508-1AW30	2,067,000
	0.5 ... 10 s				
	5 ... 100 s				
	30 ... 10 min				
With LED and 2 CO contacts, 7 functions	3 min ... 1 h	12 ... 240	12 ... 240	7PV1508-1BW30	2,280,000
	30 min ... 10 h				
	5 ... 100 h				
7PV151. timing relays, ON-delay, 1 time setting range					
With LED and 1 CO contact	0.05 ... 1 s	24/200 ... 240	24	7PV1511-1AP30	1,091,000
	0.5 ... 10 s	24/100 ... 127	24	7PV1512-1AQ30	1,091,000
		24/200 ... 240	24	7PV1512-1AP30	1,091,000
		24/100 ... 127	24	7PV1513-1AQ30	1,091,000
	5 ... 100 s	24/200 ... 240	24	7PV1513-1AP30	1,091,000
7PV1518 timing relays, ON-delay, 7 time setting ranges					
With LED and 1 CO contact	0.05 ... 1 s	12 ... 240	12 ... 240	7PV1518-1AW30	1,406,000
	0.5 ... 10 s	90 ... 127	90 ... 127	7PV1518-1AJ30	1,643,000
	5 ... 100 s	180 ... 240	180 ... 240	7PV1518-1AN30	1,643,000
	30 ... 10 min				
	3 min ... 1 h				
	30 min ... 10 h				
	5 ... 100 h				
	7PV1538 timing relays, OFF-delay, with control signal, 7 time setting ranges				
With LED and 1 CO contact	0.05 ... 1 s	12 ... 240	12 ... 240	7PV1538-1AW30	1,877,000
	0.5 ... 10 s				
	5 ... 100 s				
	30 ... 10 min				
	3 min ... 1 h				
	30 min ... 10 h				
	5 ... 100 h				
7PV1538 timing relays, OFF-delay, without control signal, 7 time setting ranges					
With LED and 1 CO contact	0.05 ... 1 s	12 ... 240	12 ... 240	7PV1540-1AW30	2,367,000
	0.5 ... 10 s				
	5 ... 100 s				
	30 ... 10 min				
	3 min ... 1 h				
	30 min ... 10 h				
	5 ... 100 h				
7PV1558 timing relays, clock-pulse relay, 7 time setting ranges					
With LED and 1 CO contact	0.05 ... 1 s	12 ... 240	12 ... 240	7PV1558-1AW30	2,398,000
	0.5 ... 10 s				
	5 ... 100 s				
	30 ... 10 min				
	3 min ... 1 h				
	30 min ... 10 h				
	5 ... 100 h				
7PV1578 timing relays, wye-delta function, 7 time setting ranges					
With LED and 2 NO contacts, dead interval 0.05 ... 1 s adjustable		12 ... 240	12 ... 240	7PV1578-1BW30	1,610,000

Position and Safety Switches

Công tắc vị trí và an toàn

The innovative SIRIUS 3SE5 position switches are modern in design, compact, modular and simple to connect.

3SE5 Mechanical Position Switches

Công tắc vị trí 3SE5

Công tắc vị trí SIRIUS 3SE5 được thiết kế với kiểu dáng hiện đại kích thước nhỏ gọn, module hóa và dễ dàng kết nối



3SE5232-0HC05-1AB1



3SX5100-1A



3SE5232-0BC05



3SE5232-0BC05-1CA0



3SE5232-0BC05

Complete units for installation in control cabinets - IP40

Trọn bộ dùng lắp đặt trong tủ điện điều khiển - IP 40

Version Phiên bản	Contacts Tiếp điểm	LEDs	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Complete units - Enclosure width 31 mm				
Control cabinet type, IP40, rounded plungers, type B, acc. to EN 50047				
Flat cover				
Snap-action contacts,	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HC05-1AB1	713,000
With mounting plate and screws for attachment profile Snap-action contacts, integrated			3SE5232-0HC05-1AB2	807,000
Standard cover				
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HC05-1AB3	713,000
With mounting plate and screws for attachment profile Snap-action contacts, integrated			3SE5232-0HC05-1AB4	807,000
Accessories - Phụ kiện				
Mounting plate				
Suitable for 3SE523. and 3SE521	-	-	3SX5100-1A	104,000

Complete units, IP65 - Trọn bộ, IP65

Version Phiên bản	Contacts Tiếp điểm	LEDs	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Complete units - Enclosure width 31 mm				
Rounded plungers, type B, acc. to EN 50047				
With Teflon plunger				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BC05	807,000
Snap-action contacts			3SE5232-0CC05	761,000
Snap-action contacts, integrated			3SE5232-0HC05	752,000
Snap-action contacts, Short stroke, integrated			3SE5232-0FC05	824,000
Snap-action contacts, 2 x 2 mm contact gap			3SE5232-0GC05	962,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KC05	872,000
Snap-action contacts			3SE5232-0LC05	872,000
Slow-action contacts with make-before-break			3SE5232-0MC05	824,000
Slow-action contacts	2NO + 1 NC	-	3SE5232-0PC05	830,000
With increased corrosion protection				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BC05-1CA0	944,000
Snap-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0CC05-1CA0	900,000
	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KC05-1CA0	1,008,000
	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LC05-1CA0	962,000
Slow-action contacts with make-before-break	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0MC05-1CA0	962,000
Slow-action contacts	2NO + 1 NC	-	3SE5232-0PC05-1CA0	962,000
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0BC05-1AC4	1,507,000
Snap-action contacts, integrated			3SE5234-0HC05-1AC4	1,456,000
Slow-action contacts	2 NC	-	3SE5234-0KC05-1AE0	1,578,000
Snap-action contacts			3SE5234-0LC05-1AE0	1,528,000
With 2 LEDs, yellow/green				
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	24 VDC	3SE5232-1KC05	1,564,000
Snap-action contacts			3SE5232-1LC05	1,520,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	230 VAC	3SE5232-3KC05	1,645,000
Snap-action contacts			3SE5232-3LC05	1,604,000
With M12 device plug, 5-pole (125 V, 4 A), and 2 LEDs				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	24 VDC	3SE5234-1BC05-1AF3	2,294,000
Snap-action contacts	1 NO + 1 NC	24 VDC	3SE5234-1CC05-1AF3	2,244,000
With M12 device plug, 5-pole (125 V, 4 A), with pin assignment as for SIMATIC ET 200				
Snap-action contacts	1 NO + 1 NC	24 VDC	3SE5234-0LC05-1AE2	1,704,000

Position and Safety Switches

Công tắc vị trí và an toàn

The innovative SIRIUS 3SE5 position switches are modern in design, compact, modular and simple to connect.

3SE5 Mechanical Position Switches

Công tắc vị trí 3SE5

Công tắc vị trí SIRIUS 3SE5 được thiết kế với kiểu dáng hiện đại kích thước nhỏ gọn, module hóa và dễ dàng kết nối



3SE5232-0BD03



3SE5232-0LD03-1AH0



3SE5232-0HD10



3SE5232-0BF10



3SE5232-0HR01

Complete units, IP65 - Trọn bộ, IP65

Version Phiên bản	Contacts Tiếp điểm	LEDs	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Complete units - Enclosure width 31 mm				
Roller plungers, type C, acc. to EN 50047				
With plastic roller 10 mm				
Snap-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BD03	1,017,000
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HD03	967,000
Snap-action contacts, Short stroke, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0FD03	1,038,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KD03	1,084,000
Snap-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LD03	1,043,000
Actuator head rotated by 90°	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LD03-1AH0	1,038,000
Snap-action contacts				
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0HD03-1AC4	1,683,000
Snap-action contacts, integrated				
With M12 device plug, 5-pole (125 V, 4 A), with pin assignment as for SIMATIC ET 200	1 NO + 2 NC	-	3SE5234-0LD03-1AE2	1,844,000
Snap-action contacts				
With yellow cover	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LD03-1AG0	1,084,000
Snap-action contacts				
Roller plungers with central fixing				
With plastic roller 10 mm				
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HD10	1,210,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KD10	1,324,000
Roller plungers, type E, acc. to EN 50047				
With metal lever and plastic roller 13 mm				
Snap-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BE10	1,151,000
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HE10	1,105,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KE10	1,225,000
Snap-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LE10	1,175,000
With increased corrosion protection, with high-grade steel lever and plastic roller 13 mm	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0CE12-1CA0	1,424,000
Snap-action contacts, integrated				
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0HE10-1AC4	1,835,000
Snap-action contacts, integrated				
With M12 device plug, 5-pole (125 V, 4 A), with pin assignment as for SIMATIC ET 200	1 NO + 2 NC	-	3SE5234-0LE11-1AE2	2,338,000
Snap-action contacts				
With high-grade steel lever and plastic roller 13 mm	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LE12	1,353,000
Snap-action contacts				
Angular roller levers With metal lever and plastic roller 13 mm With plastic roller 10 mm	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BF10	1,151,000
Slow-action contacts				
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HF10	1,105,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KF10	1,225,000
Snap-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LF10	1,175,000
Spring rods			3SE5232-0HR01	1,421,000
Length 142.5 mm, with plastic plunger 50 mm	1 NO + 1 NC	-		
Snap-action contacts, integrated				
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0HR01-1AC4	2,165,000
Snap-action contacts, integrated				

Position and Safety Switches

Công tắc vị trí và an toàn

The innovative SIRIUS 3SE5 position switches are modern in design, compact, modular and simple to connect.

3SE5 Mechanical Position Switches

Công tắc vị trí 3SE5

Công tắc vị trí SIRIUS 3SE5 được thiết kế với kiểu dạng hiện đại kích thước nhỏ gọn, module hóa và dễ dàng kết nối



3SE5232-0BK21



3SE5232-0HK60



3SE5232-0BK50

Complete units, IP65 - Trọn bộ, IP65

Version Phiên bản	Contacts Tiếp điểm	LEDs	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Complete units - Enclosure width 31 mm				
Twist levers, type A, acc. to EN 50047				
With metal lever 21 mm and plastic roller 19 mm				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BK21	1,181,000
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HK21	1,140,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0KK21	1,251,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LK21	1,213,000
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0HK21-1AC4	1,870,000
Snap-action contacts, integrated				
Twist levers, adjustable length				
With metal lever with grid hole and plastic roller 19 mm				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HK60	1,400,000
Snap-action contacts, integrated				
With metal lever and plastic roller 19 mm				
Slow-action contacts	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0BK50	1,345,000
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HK50	1,306,000
Slow-action contacts	1 NO + 2 NC	-	3SE5232-0LK50	1,385,000
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0HK50-1AC4	1,978,000
Snap-action contacts, integrated				
Rod actuators				
With aluminum rod, length 200 mm				
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HK80	1,380,000
With plastic rod, length 200 mm				
Snap-action contacts, integrated	1 NO + 1 NC	-	3SE5232-0HK82	1,433,000
With M12 device plug, 4-pole (250 V, 4 A)	1 NO + 1 NC	-	3SE5234-0HK82-1AC4	2,177,000
Snap-action contacts, integrated				

Safety Technology Công nghệ an toàn

Key modules of a consistent and cost-effective safety chain
Can be used for all safety applications thanks to compliance with the highest safety requirements (PL e according to EN ISO 13849-1 or SIL 3 according to IEC 61508)
Suitable for use all over the world through compliance with all globally established certifications

3SK Safety Relays Rơ-le an toàn 3SK

Rơ-le an toàn 3SK đóng vai trò cốt lõi trong một hệ thống an toàn
Có thể được sử dụng trong mọi ứng dụng dựa vào tiêu chuẩn an toàn cao (PL e theo tiêu chuẩn EN ISO 13849-1 hoặc SIL 3 theo IEC 61508)
Phù hợp để sử dụng trên toàn thế giới bởi các chứng nhận được cấp ở phạm vi toàn cầu



3SK1111-1AB30



3SK2112-1AA10



3SK2511-1FA10



3SK1211-1BB00



3SK1220-1AB40

SIRIUS 3SK1 Standard basic units - Rơ-le an toàn 3SK1, loại tiêu chuẩn

Number of outputs			Adjustable OFF-delay time	Control voltage Us Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
NO, instantaneous	NO, Delayed	signaling func., instantaneous				
Standard basic units						
3	0	1	-	24 VAC/DC	3SK1111-1AB30	8,210,000
3	0	1	-	110 ... 240 VAC/DC	3SK1111-1AW20	8,210,000
2	0	1	-	24 VDC	3SK1112-1BB40	6,511,000
Advanced basic units						
3		1	-	24 VDC	3SK1121-1AB40	10,431,000
2	2		0.05 ... 3 s		3SK1121-1CB41	13,015,000
			0.5 ... 30 s		3SK1121-1CB42	13,015,000
			5 ... 300 s		3SK1121-1CB44	13,015,000
1		1	-	24 VDC	3SK1120-1AB40	6,236,000
3		1	-	24 VDC	3SK1122-1AB40	7,814,000
2	2		0.05 ... 3 s	24 VDC	3SK1122-1CB41	7,814,000
			0.5 ... 30 s	24 VDC	3SK1122-1CB42	7,814,000
			5 ... 300 s	24 VDC	3SK1122-1CB44	7,814,000

SIRIUS 3SK2, basic units - Rơ-le an toàn 3SK2

Number of outputs		Number of outputs to the device connector, safety-related	Width Bề rộng	Control voltage Us Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Safety-related, two-channel	Non-safety- related					
3SK2 basic units						
2	1	2	22.5	24 V DC	3SK2112-1AA10	16,056,000
4	2	2	40	24 V DC	3SK2122-1AA10	23,596,000
Interface modules - Mô đun giao tiếp						
Product type designation Loại sản phẩm			Width Bề rộng		Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
For connecting 3SK2 and 3RK3 safety relays via PROFINET			22.5		3SK2511-1FA10	14,353,000
Output expansions - Mở rộng đầu ra						
Number of outputs			Suitable for 3ZY12 device connector	Control voltage Us Điện áp điều khiển	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Safety-related, two-channel	Non-safety- related	NC, instantaneous switching for feed- back circuit				
4	0	1	No	24 VAC	3SK1211-1BB00	7,574,000
			Yes	24 VDC	3SK1211-1BB40	7,574,000
			No	110 - 240 VAC/DC	3SK1211-1BW20	7,574,000
3	0	1	Yes	24 VDC	3SK1213-1AB40	11,037,000
			No	115 VAC	3SK1213-1AJ20	11,037,000
			No	230 VAC	3SK1213-1AL20	11,037,000
Input expansions - Mở rộng đầu vào						
For safety-related expansion of the 3SK1 Advanced basic units by adding a further two-channel sensor or two single-channel sensors					3SK1220-1AB40	6,236,000
Power supply - Nguồn cung cấp						
For supplying 3SK1 Advanced basic units via 3ZY12 device connectors at voltages of 110 ... 240 V AC/DC					3SK1230-1AW20	5,172,000

Safety Technology Công nghệ an toàn

Key modules of a consistent and cost-effective safety chain
Can be used for all safety applications thanks to compliance with the highest safety requirements (PL e according to EN ISO 13849-1 or SIL 3 according to IEC 61508)
Suitable for use all over the world through compliance with all globally established certifications

3SK Safety Relays Rơ-le an toàn 3SK

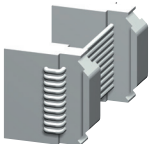
Rơ-le an toàn 3SK đóng vai trò cốt lõi trong một hệ thống an toàn
Có thể được sử dụng trong mọi ứng dụng dựa vào tiêu chuẩn an toàn cao (PL e theo tiêu chuẩn EN ISO 13849-1 hoặc SIL 3 theo IEC 61508)
Phù hợp để sử dụng trên toàn thế giới bởi các chứng nhận được cấp ở phạm vi toàn cầu



3ZY1212-1BA00



3UF7941-0AA00-0



3UF7932-0AA00-0



3RK3931-0AA00

Accessories for safety relay 3SK2 - Phụ kiện cho rơ-le an toàn 3SK2

Version Phiên bản	Reference Mã hàng	Unit price Đơn giá
Device connectors for the electrical connection of SIRIUS devices in the industrial standard mounting rail enclosure		
Device connectors for 3SK1		
• Width 17.5 mm	3ZY1212-1BA00	766,000
• Width 22.5 mm	3ZY1212-2BA00	766,000
Device connectors for 3SK2		
• Width 22.5 mm	3ZY1212-2GA00	766,000
• Width 45 mm	3ZY1212-4GA01	937,000
Device termination connectors		
• For 3SK1, width 22.5 mm	3ZY1212-2DA00	825,000
Device daisy chain connectors		
	3ZY1212-2AB00	704,000
Device connectors		
	3ZY1210-2AA00	197,000
Device termination connector set		
	3ZY1212-0FA01	937,000
PC cables for 3SK2 (essential accessory)		
USB PC cables		
	3UF7941-0AA00-0	3,859,000
Connection cables for 3SK2 (essential accessory for diagnostics/interface modules)		
• 0.025 m (flat)	3UF7930-0AA00-0	812,000
• 0.1 m (flat)	3UF7931-0AA00-0	812,000
• 0.15 m (flat)	3UF7934-0AA00-0	1,071,000
• 0.3 m (flat)	3UF7935-0AA00-0	1,071,000
• 0.5 m (flat)	3UF7932-0AA00-0	1,258,000
• 0.5 m (round)	3UF7932-0BA00-0	2,409,000
• 1.0 m (round)	3UF7937-0BA00-0	2,706,000
• 2.5 m (round)	3UF7933-0BA00-0	2,990,000
Operating and monitoring modules for 3SK2		
Diagnostics modules	3SK2611-3AA00	15,447,000
Door adapters for 3SK2		
For external connection of the system interface, e.g. outside a control cabinet	3UF7920-0AA00-0	707,000
Interface covers for 3SK2		
• Titanium gray	3RA6936-0B	601,000
Memory modules for 3SK2		
For backing up the complete parameterization of the 3SK2 safety system without a PC/PG through the system interface	3RK3931-0AA00	1,428,000

Siemens Limited

Ho Chi Minh City

Deutsches Haus, 7th Floor
33 Le Duan Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel.: + 84 (28) 3825 1900
Fax: + 84 (28) 3825 1580

Hanoi

Ocean Park Building, 9th Floor
1 Dao Duy Anh Street,
Dong Da District, Hanoi, Vietnam
Tel.: + 84 (24) 3577 6688
Fax: + 84 (24) 3577 6699

Call our Toll Free Hotline 24 hours a day

Tel.: 1800-588820

info.vn@siemens.com

www.siemens.com.vn

www.facebook.com/Siemens.Vietnam

Siemens Fanpage



Prices quoted herein are non-binding and may subject to revision/ update/ modification at any time by Siemens without prior notice. For more information, please contact us.

Giá được ghi trong Bảng Giá này có giá trị tham khảo và có thể được thay đổi/ cập nhật/ chỉnh sửa bởi Siemens tại bất kỳ thời điểm nào mà không cần báo trước.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ chúng tôi.

